TÜ VI THỰC HÀNH

DICH LÝ - HUYỀN CƠ

DỊCH – LÝ HUYỀN – CƠ

TỬ – VI THỰC – HÀNH

Hướng dẫn tất cả bí quyết an số và đoán số rành mạch Đầy đủ các Phú đoán từng sao, từng cung, từng vận, hạn

> Mệnh thế do thiên quyền sở tác, Hạnh hành phiêu ảnh dĩ ư thiên Thế sự phù trầm nan tri liệu, Hoàn nhân bất khả đoạn thiên quyền. HI – DI TRẦN – ĐOÀN

NHÀ SÁCH KHAI TRÍ 52, Đại lộ Lê Lợi – SÀI GÒN

Sách này gồm 5 phần:

PHÂN I: Hướng dẫn rõ để có thể lập thành nhanh chóng một lá số ngay

trên bàn tay.

PHÂN II: Phân tách kỷ tính tinh, âm dương từng vị sao.

PHẦN III: Phân đoán từng cung, đoán số mệnh, vận hạn với những bài

Phú riêng biệt rõ ràng.

PHÂN VI: Những số Tử vi mẫu để chiêm nghiệm.

PHÂN V: Sưu tầm đầy đủ những Phú chữ hán của Trần Đoàn, Lã ngọc

Thiềm, Ma Y Lão Tổ, Thái vi phú, Hoàng kim phú.



<u>NHẮN GỔI:</u> Mục đích tôi khi viết ra quyển Tử vi chính biện này, sau khi đã tham bát và học hỏi các sách chinh truyền của nhiều bậc danh tiếng tại Trung Hoa, và cũng tham khảo dinh nghiệm mấy chục năm qua, chỉ nhằm vào việc giúp cho các bạn thích khảo cứu có thể tự mình an số và luận đoán lấy, hầu thoát ra khỏi vòng mê tín hão huyền mà hạng vô lương thường dem ra để lừa bịp người đời.

Bởi đó, tôi coi Tử vi là một khoa học thực sự để giải thích sự tương quan giữa cuộc sống con người trong vũ trụ, chứ không phải là giữa con người với ma quỷ, thần thánh.

Nó là một dịch lý sâu xa, mà không ai tự phụ là thật thông đạt, bởi vậy nếu có chi tiết nào làm bạn thắc mắc, xin cứ liên lạc với tôi, chúng ta sẽ cùng nhau thảo luận và suy cứu thêm.

DỊCH LÝ – HUYỀN CƠ SL I, CƯ XÁ, PHÚ LÂM A, CHƠ LỚN.

ΤŲΑ

Tìm hiểu họa phúc, hư thực của cuộc đời là một bài toán đã làm cho cả thế giới quan tâm. Từ thượng cổ đến nay, nước nào cũng có những khoa bói toán. Ngày nay có những nước văn minh như Pháp, Nhật, Mỹ v.v ... đã phát minh ra cách đoán lý số bằng máy. Gần đây, (vào đầu tháng 8 – 1969) đài phát thanh Mỹ lại loan báo một phát minh mới lạ lùng về một máy cực kỳ tối tân để đoán số Tử vi . máy này chỉ trong 2 phút đủ lập thành một lá số với 2.000 chữ đoán rõ vận mệnh con người.

Ai cung biệt Tử vi là một khoa số học của Trung Hoa được phát hiện từ đời nhà Tống do một bậc lý học uyên thâm là Trần Đoàn, và sau đó có nhiều bậc học thức khai triển và diễn dịch sâu rộng thêm, sắp đặt thành hệ thống.

Khoa học Tử vi ấy được truyền sang ta và tạo nên nhiều bậc tài ba, nhưng dân dần người ta đã biến nó ra thành mê tín dị đoan, bầy chuyện cúng từng vị sao để giải hạn hoặc cầu phúc: vô tình lớp người này đã hạ thấp khoa học ấy xuống ngang hàng với loại bùa chú mê muội, hòng lừa gạt kẻ nông nổi.

Ngược dòng lịch sử, ta nhận thấy khoa Tử vi đã từ thuyết âm dương ngũ hành mà ra, vì người xưa nhận thấy đời sống con người có ảnh hưởng tương quan đến vạn vật trong vũ trụ: ngũ âm, ngũ sắc, ngũ tạng v.v.. đều được phối hợp với ngũ hành. Đến đời Hán, Đổng trọng Thư đã bàn rõ thuyết âm dương ngũ hành, đưa ra nhiều nhận xét tinh vi và thứ lớp làm cho nhiều học giả phải khâm phục.

Ong đã giải thích rằng: "trời đất hợp lại là một, chia ra là âm và dương, phân ra bốn mùa, sắp xếp theo ngũ hành: Mộc, Hỏa, Thổ, Kim, Thuỷ: có tương sinh và tương khắc lẫn nhau trong sự biến hóa.

Ở Hy Lạp, Pythagore cũng nhận định rằng: "Nguyên thuỷ của bạn vật là một thể duy nhất, từ một thể ấy biến ra lưỡng thể là một chất bất định bị lệ thuộc bởi một thể duy nhất làm nghuyên nhân. Từ một thể duy nhất toàn bích và lưỡng thể bất định ấy nảy ra những số, những số biến ra những điểm, những điểm biến ra những vạch, những vạch biến ra những biể diện, những biểu diện biến ra những thể tích, những thể tích biến ra mọi thể rõ rệt tồi phát sinh ra 4 yếu tố: NƯỚC, LỦA,

ĐẤT, và KHÔNG KHÍ. Bốn yếu tố ấy biến đổ nhiều cách khác nhau tạo thành thế giới sinh khí, tâm linh, viên thể ở khắp trái đất vậy.

Mặt trời, mặt trăng và những tinh tú khác là những thiên thần vì ở đó các khí nóng đã chiếm ưu thế, nó là nguyên tắc sự sống. Mặt trăng, trái đất lấy ánh sáng từ mặt trời. Con người là hệ thuộc của các tinh tú, thiên thân; vì trong con người cũng có yếu tố của khí nóng ấy, nên các tinh tú thiên thần kia có liên hệ đến chúng ta.

Tất cả đều chịu lệ thuộc số mệnh, đó là nguyên tắc trật tự của vũ trụ. Những ánh mặt trời đi xuyên qua nước và không khí, ánh sáng đó xâm nhập tận đáy cùng của trái đất và tạo ra cuộc sống. Ở đó, mọi vật sống nhờ ở khí nóng, vì vậy cây cối cũng là sinh thể, nhưng những sinh vậy không có linh hồn.

Linh là một phần của nguyên tố khí nóng và khí lạnh, nó khác với sự sống, vì tự nó là bất tử, bởi lẽ nó là một bộ phận của yếu tố bất diệt. Sinh động vật, sản sinh nhờ ở tinh khí. Tinh khí là một giọt của não chất đã chứa đựng sẵn trong nó cái khí nóng. Chất tinh khí phối hợp với âm chất tạo ra cơ thể. Còn khí nóng ấy sinh ra linh hồn và cảm giác...."

Trong bài chính khí Super Ca của Văn thiên Tường có nhắc đến câu: "Thiên địa hữu chính khí, hạo nhiên phú lưu hình", để nói về sự cấu tạo con người bởi cái khí của trời đất. Mà Nguyễn công Trứ cũng đã lập lại:

" Khí hạo nhiên chí đại chí cương So chính khí đã đầy trong trời đất"

Theo nguyên lý trên, vũ trụ luận của Đông, Tây đều nhận định gần giống nhau về sự phối hợp âm dương và ngũ hành đối với con người. Như thế ảnh hưởng của các tinh tú của vòng thái dương hệ đối với con người hẳn phải có một nguyên nhân.

Vậy nguyên nhân ấy là đâu?

Gần đây, các nhà bác học khám phá ra sức mâu thuẫn của âm dương luôn luôn tác động và phát sinh ở thái dương gây nên sự rạn nứt. Mà trái đất ta sống, hay một tinh tú nào có một nguyên thuỷ như trái đất, đều có thể mang trong nó một sự vận chuyển âm dưông nguyên thuỷ từ thái dương hẹ để tạo một sự sống, vì trong nó đã chứa đựng sẵn muôn ngàn triệu mầm sinh tồn (Disques germinatis). Chính mầm sinh tồn ấy phát triển nhờ ở khí nóng và khí lạnh (hay gọi là âm và dương) để nẩy sinh ra muôn triệu sinh vật và được nuôi dương bởi các yếu tố khác, là nước, lửa, không khí và đất trong sự vận chuyển của ngũ hành luôn luôn sinh khắc lẫn nhau để phát triển mãi.

Bởi truyền thống từ các nguyên lý của mầm sinh tồn có sắn trong trái đất ấy. Mà sinh vật tiếp tục việc truyền thụ mãi. Ta hãy nhận xét trong một quả trứng của bất cứ con vật nào cũng có một khoảng trống. Khoảng trống ấy là nơi chứa đựng mầm sinh tồn và khí âm dương, còn trồng đỏ và trồng trắng chỉ là chất dinh dưỡng để nuôi cho mầm sinh tồn sia lớn lên đủ sức phá vỡ cái vỏ bọc mà thôi. Cũng thế một tinh trùng cũng chỉ là mang trong nó một mầm sinh tồn có khí dương và phối hợp với âm trùng có khí âm để làm nên sự sống mà cái nhau là điều kiện dinh dưởng để nuôi thành cơ thể con người. Ngược lại một con vật bé nhỏ như con ong không thể tạo nên một quả trứng chứa đựng đủ chất dinh dương, nên đã tạo ra một cái trứng nhỏ xíu đủ chứa đựng mầm sinh tồn và khí âm dương; vì vậy sau khi nó đặt trứng ấy vào tổ đất rồi phải tìm một con nhện non cho vào đó, tiêm một chất nước ở nọc để giữ cho khỏi hư thối, đoạn bít kín lỗ lại, đợi khi cái mầm sinh tồn kia xuất hiện thành sự sống, và sinh vật bắt đầu hút chất dinh dương trong thân thể con nhện để tăng trưởng đến một ngày đủ sức đục tổ đất mà bay ra.

Từ đó tục ngữ có câu:

Tò mò mày nuôi con nhện

Đến khi nó lớn, nó quện nhau đi

Như vậy, chính âm dương đã tạo mầm sinh tồn ngay trong quả đất, từ khi nó còn ở thái dương, nên đương nhiên những mầm sinh tồn ấy phải chịu ảnh hưởng trực tiếp các tinh tú bao quanh thái dương trong một hệ thông luân chuyển của thời gian và không gian.

Tìm ảnh hưởng đó cùng với thời gian chịu ảnh hưởng tức là tìm ra cái hưng suy của mỗi giai đoạn mà các tinh tú đã tác động đến một con người.

Do đó khoa Tử vi chỉ nhằm sắp đặt các vị tinh tú để tìm ra cái anh hưởng chuyển vân của nó mà thôi. Vì vậy trong Tử vi mới chia phương hướng, màu sắc, ngũ hành của mỗi vị tinh tú để tìm sự tương phò hoặc tương khắc đối với một con người, tuỳ theo con người xuất hiện vào giờ, ngày, tháng, năm và phương hướng nào, tức la tìm hiểu cái ảnh hưổng trực tiếp và gián tiếp của những vì tinh tú đó vậy.

Trong mấy chục năm liên, cứ mỗi khi có dịp tôi lại nghiên cứu, tìm tòi, học hỏi và thực nghiêm, gom góp từ những bước đường lưu lác trên đất Trung Hoa đến những năm tiếp xúc với các học giả Việt Nam, trong đó có những vị Bác sỹ, Thẩm phán, Nhà văn v.v.... để suy đoán bàn cãi vè Tử vi, tôi có một nhận xét chung là hầu hết mọi người đều xác định Tử vi là một khoa học, đã nói lên được nhiều sự chính xác của Trần Đoàn, Lã ngọc Thiểm, Ma Y Lão Tổ, Thái vi Phú, Hoàng kim Phú; khảo cứu những điểm liên quan giữa cuộc sống và con người hầu thu gôm những kinh nghiệm viết ra tâp TỬ VI CHÍNH BIỆN" này sao cho thật dễ hiểu và sáng tỏ để trao đến tay các bạn thích khảo cứu một tài liệu lý học cổ truyền.

Trong sách này tôi cố rút thật gọn và sắp xếp các phú có hệ thống rõ ràng. Ngoài những phú mà các tiền bối như Lê Quý Đôn đã dịch ra, còn có những phú khác, tôi đã cố gắng dịch thành thơ để cho độc giả dễ nhớ khi đoán.

Tôi cũng nhận biết rằng công việc làm của tôi không sao tránh khỏi sự lầm lẫn, vì một môn học mà ngày nay hầu như đã thất truyền nhiều quá đối với kho tàng lý học của ta. Trong khi ấy ở các nước văn minh, học có đủ mọi tài liệu, phương tiện khảo cứu và phát minh đến tột độ như nược Mỹ hiện nay. Họ đã sắp cho ra một cái máy đoán Tử vi được áp dụng theo một phương pháp khoa học mà tôi đã nói ở trên kia.

Vậy tôi mong tập "TỬ VI CHÍNH BIỆN" này được quí vị đón nhận nó với lòng đại lượng khoan hồng đối với kẻ đã cố gắng viết ra.

DICH LÝ HUYỀN CƠ.

PHẦN I LẬP THÀNH:

I> TÌM GIỜ: Giờ của hành CHI trong Tử vi có 12 giờ là: TÝ, SỬU, DẦN, MÃO, THÌN, TY, NGỌ, MÙI, THÂN, DẬU, TUẤT, HỢI

Giờ tùy theo sự luân lưu của Thái dương mà xê dịch theo mỗi tháng. Nên nhớ rằng 1 giờ của hành Chi bằng hai giờ đồng hồ: Bản kê sau đây là tính theo giờ thay đổi hiện nay (1968).

THÁNG GIÊNG, THANG 9: Giờ Tý khởi từ 0Ig – 3g19 khuya

Giờ Sửu ∥ 3g10 – 5g19

Giờ Dân	Ш	5g20 - 7g19
Giờ Mão	\parallel	7g20 - 9g19
Giờ Thìn	II	9g20 - 11g19
Giờ Tỵ	Ш	11g20 - 13g19
Giờ Ngọ	II	13g20 - 15g19
Giờ Mùi	II	15g20 - 17g19
Giờ Thân	\parallel	17g20 - 19g19
Giờ Dậu	Ш	19g20 - 21g19
Giờ Tuất	Ш	21g20 - 23g19
Giờ Hợi	II	23g20 - 01g19

THÁNG 2, 8, 10 và 12: Bôn tháng nay giờ TÝ khở từ 01g00 2g59

khuva.

THÁNG 3 và THÁNG 7: Hai tháng này giờ TÝ khởi từ:01g30 đến 3g29

khuya

THÁNG 4 và THÁNG 6: Hai tháng này giờ TÝ khởi từ:01g40 đến 3g39

khuya

THÁNG 5: Tháng này giờ TÝ khởi từ:2g20 đên 4g19

khuya

THÁNG11 Tháng này giờ TÝ khởi từ:24g40(tức 12g đêm)

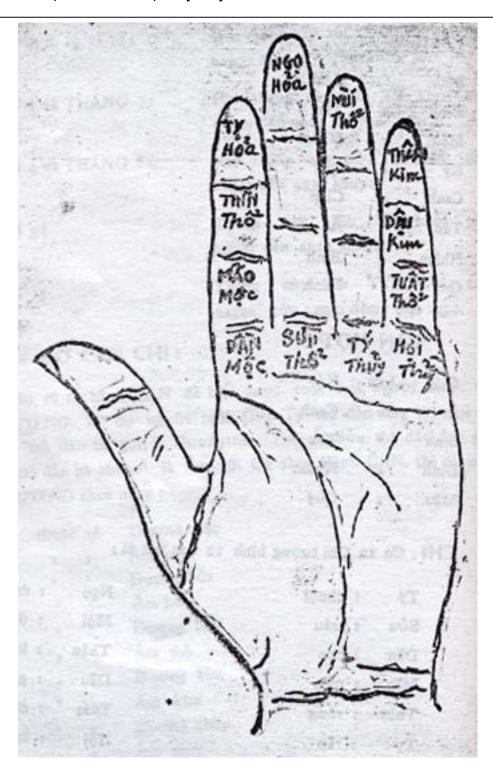
đến 2g59

II> PHÂN RÕ CAN CHI

Cần phân rõ hành CAN để biết được tuổi mỗi người thuộc về ÂM hay DƯƠNG. Ví dụ người tuổi Giáp Tý mà đàn ông thì gọi là Dương Nam mà đàn bà gọi là Dương Nữ. Tuổi Ất Sửu thì đàn ông gọi là Âm nam, mà đàn bà thì gọi là ÂM nữ. Cứ theo Hành CAN, thì có một ÂM, một Dương chen nhau:

Giáp	thuộc về	Dương mộc
A t	II	Âm mộc
Bính	II	Dương hỏa
Đinh	II	Am hỏa
Mậu	II	Dương thổ
Κỷ	II	Am thổ
Canh	II	Dương kim
Tân	II	Am kim
Nhâm	II	Dương thuỷ
Quý	II	Am thủy
CAN PH	łÁ	
Giáp	phá	Mậu
Á t	II	Kỷ
Bính	II	Canh
Đinh	II	Tân
Mậu	II	Nhâm
Κỷ	II	Quý

```
Canh
             Ш
                      giáp
                       ất
Tân
             Ш
Nhâm
                      Bính
             Ш
Quý
             \parallel
                      Đinh
CAN HỢP
Giáp
            hợp
                      Ky
А́t
                      Canh
             \parallel
Bính
             \parallel
                      Tân
Đinh
                      Nhâm
             \parallel
Mậu
             \parallel
                      Quý
CHI: Có 12 Chi tượng hình 12 con vật là:
Tý:
           chuột
Sửu:
            trâu
Dần:
            cop
Mão:
            mèo
Thìn:
            rồng
Ty:
            rắn
Ngọ:
           ngựa
Mùi:
            dê
Thân:
            khỉ
Dậu:
            gà
Tuất:
            chó
Hợi:
            heo
12 Chi nằm ở bàn tay và mỗi chi theo mỗi hành như sau: (khởi đầu là cung Tý)
```



Мộс

TốN	LY		KHÔN
ΤŸ	NGQ	MÙI	THÂN
Нỏа	Нда	Thổ	Kim
			ĐOÀI
THÌN			DÂU
Thổ			Kim
CHẤN			
MÃO			TUẤT
Мộс			Thổ
CẤN		KHÂM	CĂN
DÂN	SỬU	ΤÝ	HQI

Và sau đây là xa chi cùng ngũ hành trình bày trên giấy

Thổ

Chú ý: lá số có 12 cung được chia ô gọi là ĐỊA BÀN để an các sao; còn vòng bên trong gọi là THIÊN BÀN để viết năm, tháng, ngày giờ cách cuộc, và ghi năm tiểu hạn.

Thủy

Thủy

Còn ở trên bàn tay thì khở sự từ cung TÝ thuộc Thủy – SỬU thuộc thổ – DẪN thuộc Mộc – MÃO thuộc Mộc – THÌN thuộc Thổ – TY thuộc Hỏa – NGO thuộc Hỏa - MÙI thuộc Thổ – THÂN thuộc Kim - DẬU thuộc Kim – TUẤT thuộc Thổ – HỌI thuộc Thủy.

Biết rõ mỗi cung thuộc về hành nào thì khi đoán số ta mới biết mệnh, sao có cùng hành ấy sinh khắc hay không thì việc đoná mới tin tưởng được.

Ví dụ: Sao Thiên cơ thuộc Mộc mà đóng ở cung Thân là cung Kim vậy là cung khắc với sao, làm giảm lức của sao rất nhiều. Hoặc giả người Mệnh Mộc mà an trúng cung Hỏa cũng bì khắc. Còn phân rõ bát quái: CÀN, KHẨM, CẤN, CHẤN, TỐN, LY, KHÔN, ĐOÀI trong những cung của lá số cũng có mục đích tìm hiểu ảnh hưởng đối với các sao vậy.

III> NGŨ HÀNH:

MỘC, HỎA, THỔ, KIM, THUỶ

TƯƠNG S	SINH	TƯC	NG KH	ÁC
Mộc sinh	Hỏa	Mộc	khắc T	hổ
Hỏa ∥	Thổ	Thổ	II	Thủy
Thỏ II	Kim	Thủy	II	Hỏa
Kim	Thủy	Hỏa	II	Kim
Thủy	Mộc	Kim	II	Mộc

PHÂN BIỆT:SINH - MỘ - TUYỆT.

Tứ sinh là: Dần Thân Tỵ Hợi Tứ mộ là: Thìn Tuất Sửu Mùi Tứ tuyệt là: Tý Ngọ Mão Dậu

Cách chia nhóm trên đây rất cần thiết khi an sao đoán mệnh để biết sao nào đi vào nhóm nào có liên quan đến sư hay, dở.

TAM HỢP là: Dần Ngọ Tuất

Thân Tý Thìn Tỵ Dậu Sửu Hơi Mão Mùi

Và khi đoán số phải lấy Tam Hợp để phối kiểm các sao.

N	Hİ HQP		NHỊ XUNG
Tý	hợp	Sửu	Tý xung Ngọ
Dần	II	Hợi	Mão Mùi
Mão	II	Tuất	Dần ∥ Thân
Thìn	II	Dậu	Tỵ II Hợi
Тy	II	Thân	Thìn Tuất
Ngọ	II	Mùi	Sửu Mùi

Phân rõ xung hợp trên đây cũng cần cho việc phối hợp các sao khi đoán số.

IV> CÁCH AN SỐ:

Trước khi an số phải biết rõ các sự kiện sau đây:

a> Người có số thuộc về Dương Nam, Am Nam hay Dương Nữ, Am Nữ (xem chổ can chi mục II)

Ví dụ: tuổi Giáp Tý thì thuộc Dương

Ất sửu thì thuộc Am

Cứ một Dương thì một Âm xem nhau mà tính từ giáp trở đi lấy ngay ở cung Dần làm Giáp (xem bàn tay)

b> Bây giờ tìm xem người thuộc hành gì thì theo bản sau đây:

1>Giáp Tý,	Át Sửu	:	Hải trung kim	(vàng đáy biển)
Bính Dần,	Đinh Mão	:	Lô trung Hỏa	(lửa trong lò)
Mậu Thìn,	Kỷ Mão	:	Đại lâm mộc	(cây ở trong rừng)
Canh Ngọ,	Tân Mùi	:	Lộ bàng thổ	(đất bên đường)
Nhâm Thân,	Quý Dậu	:	Kiếm phong ki	m(vàng đầy gươm)

2>Giáp Tuất,	At Hợi	:	Sơn đâu hóa	(lửa đâu núi)
Bính Tý,	Đinh Sửu	:	Giản hạ thủy	(nước khe suối)
Mậu Dần,	Kỷ Mão	:	Thành đầu thổ	(đất đầu thành)
Canh Thìn,	Tân Tỵ	:	Bạch lạp kim	(đèn nến trắng)
Nhâm Ngọ,	Quý Mùi	:	Dương liễu mộc	c (cây dương liều)

3>Giáp Thân,	Ất Dậu	:	Tuyền trung thủ	y(nước giữa suối)
Bính Tuất	Đinh Hợi	:	ốc thượng thổ	(đất mái nhà)
Mậu Tý,	Kỷ Sửu	:	Tích lịch hỏa	(lửa sấm sét)
Canh Dần,	Tân Mão	:	Tòng bách mộc	(cây tòng bách)
Nhâm Thìn,	Quý Tỵ	:	tràng lưu thủy	(nước dòng sông)

4>Giáp Ngọ,Át Mùi:Sa trung kim(vàng trong các)Bính Thân,Đinh Dậu:Sơn hạ hỏa(lửa dưới các)

(cây đồng bằng) Mâu Tuât, Kỷ Hơi : Bình địa mộc Bịch thượng thổ (đất trên vách) Tân Sửu Canh Tý, Nhâm Dần. Quý Mão Kim bach kim (vàng bach kim) 5>Giáp Thìn, **Á**t Ty Phú đăng hỏa (lửa ngon đèn lớn Bính Ngo, Đinh Mùi Thiên thương thủy(nước trên trời) Mậu Thân, Kỷ Dậu Đauh trach thổ (đất làm nhà) Xuyến thoa kim (vàng trong tay) Canh Tuất, Tân Hơi Nhâm Tý, Quý Sửu Tang khô mộc (gỗ cây dâu) 6>Giáp Dân, **Á**t Mão Đai khê thủy (nước suối lớn) Đinh Ty Sa trung thổ (đất giữa cát) Bính Thìn, Kỷ Mùi Thiên thương hỏa(lửa trên trời) Mâu Ngo, Canh Thân, Tân Dậu Thạch lựu mộc (cây thạch lựu) Nhâm Tuất, Đai hải thuỷ (nước biển lớn) Quý Hơi

Muốn giản tiện khỏi phải xem bản trên đây, ta chỉ cần tính ở bàn tay cũng có thể biết ngay tuổi gì, thuộc hành gì.

Muốn thế phải học thuộc các câu Lúc Giáp sâu đây để nạp âm.

TÝ NGỌ:NGÂNĐĂNGDÁBÍCHCÂUBạc
(Kim)đèn
(Hỏa)giá sách tường
(Mộc)móc câu (dao găm)
(Kim)

THÌN TUẤT:

YÊN MÃN TỰ CHUNG LÂU Khói đầy(nước)chùa(đất) chuônglầu (gỗ) (Hỏa) (Thủy) (Thổ) (Kim) (Mộc)

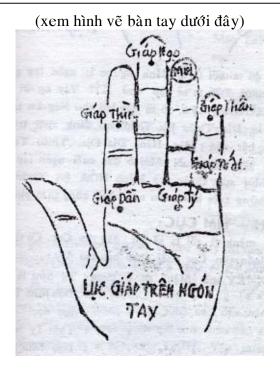
DẦN THÂN:

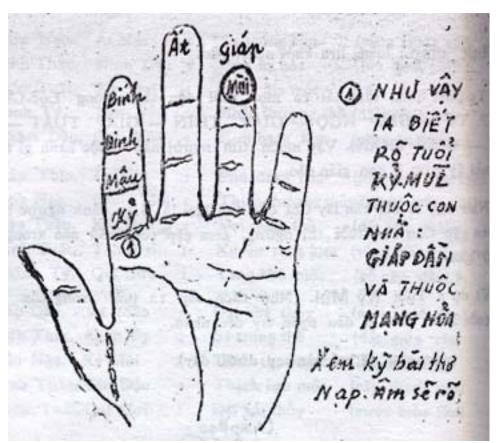
THẤP HÁN THIÊU SÀI ÐΙΑ Con sông đất đốt (cửa cây)ẩm ướt (Thủy) (Thổ) (Hỏa) (môc) (Thuỷ) DÂN THÂN: luân câu lưu khỏi ngoai

Ta phải hiểu rằng tất cả mọi tuổi đều nằm trong Lúc Giáp ấy: (GIÁP TÝ, GIÁP NGỌ, GIÁP THÌN, GIÁP TUẤT, GIÁP DẦN, GIÁP THÂN). Vậy muốn tìm người nào thuộc hành gì thì phải tìm tuổi ấy nằm ở con giáp nào.

Như vậy ta chỉ cần lấy Chi của tuổi gọi là Giáp đánh ngược bàn tay lại đến gặp Can của tuổi thì ngừng, xem gặp con Giáp nào trong 6 con giáp ở bàn tay.

Ví dụ: Tuổi **Kỷ Mùi** (nhớ cách sắp 12 tuổi trong bàn tay, ta thấy tuổi Mùi nằm ở đầu ngón tay dưới nhẫn).





Bắt đầu từ đó ta gọi Giáp đánh ngược lại ngón tay giữa đến ngón chỏ, cho đến cung Dần ta sẽ gặp chữ KÝ. Vậy người sinh Kỷ Mùi thuộc con giáp DÂN vậy. Từ đó ta lấy bài thơ Nạp âm trên đây ở câu DÂN THÂN hán địa thiêu sài thấp, mà đánh xuôi trở lại mỗi tiếng hai lần. Tức là bắt

đầu: Hán Hán, Địa Địa, Thiêu Thiêu (vừa đến Thiêu Thiêu, ta gặp ngay tuổi Mùi ở đầu cuối ngon tay đeo nhẫn, vậy người tuổi Kỷ Mùi này thuộc về Mệnh HỎA (vì Thiêu là đốt thuộc Hỏa). Tất cả những tuổi khác tìm ngũ hành cũng theo phương pháp đó.

V> AN MỆNH – TÌM CỤC:

Khi biết rõ mệnh gì rồi ta sẽ bắt đầu tìm Cúc. Có tìm ra Cục mới an sao được. Muốn tìm Cục phải theo bản sau đây:

```
a> Tuổi GIÁP, KÝ mà Mệnh an ở cung
                                         : Tý Sửu là Thủy nhi cuc
                                         : Dần Mão Tuất Hợi là Hỏa lục cục
              Ш
                   Ш
                                         : Thìn Ty là Môc tam cuc
              Ш
                   Ш
                         Ш
                                         : Ngo Mùi là Thổ ngũ cuc
              Ш
                   Ш
                         Ш
                   Ш
                         Ш
                                         : Thân Dâu là Kim tứ cuc
              Ш
b>Tuổi ẤT, CANH mà Mệnh an ở cung
                                         : Tý Sửu là Hỏa luc cuc
                                         : Dần Mão Tuất Hơi là Thổ ngũ cuc
                   Ш
                   Ш
                         \parallel
                                         : Thìn Ty là Kim tứ cuc
              ||
                                         :Ngo Mùi là Mộc tam cuc
              ||
                   Ш
                         Ш
                   Ш
                         Ш
                                         :Thân Dậu là Thủy nhi cuc
              Ш
                                         :Tý Sửu là Thổ ngũ cục
c> Tuổi BÍNH, TÂN mà Mênh an cung
                                         : Mão Tuất Hợi là Mộc tam cục
                                         : Thìn Ty là Thủy nhi cuc
              Ш
                         Ш
                   Ш
                                         : Ngo Mùi là Kim tứ cuc
              Ш
                   Ш
                         Ш
                   Ш
                         Ш
                                         :Thân Dâu là Hỏa luc cuc
d>Tuổi SINH, NHÂM mà Mệnh an ở cung : Tý Sửu là Mộc tam cục
                                         :Mão Tuất Hơi là Kim tứ cuc
              Ш
                   Ш
                                         : Thìn Ty là Hỏa luc cuc
              ||
                   Ш
                         Ш
                                          Ngo Mùi là Thủy nhi cuc
              Ш
                   Ш
                         Ш
                                         : Thân Dậu là Thổ ngũ cuc
                   Ш
                         Ш
e> Tuổi MÂU, QUÝ mà Mệnh an ơ cung :Tý Sửu là Kim ngũ cuc
                                         : Mão Tuất Hơi là Thủy nhi cuc
              ||
                         Ш
                   \parallel
                                          Thìn Ty là Thổ ngũ cục
              \parallel
                   Ш
                         Ш
                                         : Ngọ Mùi là Hỏa lục cục
             Ш
                   Ш
                         Ш
                                         : Thân Dâu là Môc tam cuc
```

Bây giờ nếu muốn đánh tay mà tìm ra cục ngay thì theo rõ các thứ tự sau đây. Ví dụ: $(người \, \text{de} \, \text{Kỷ Mùi, tháng 5 ngày 12 giờ Dân})$

I>Trước tiên tim CUNG MỆNH: Biết rõ 12 cung trong lòng bàn tay rồi hãy lấy cung Dần gọi tháng giêng. Tính xuôi đếntháng 5 tức là gặp cung Ngọ. Từ cung Ngọ đánh nghịch lại giờ sinh, bắt đầu là giờ Tý, cho đến giờ Dân (là giờ sinh), ta sẽ gặp cung Thìn. Vậy mệnh người này đóng ở cung Thìn

Từ cung MÊNH an tiếp đến đủ 12 cung theo vòng nghich như sau đây:

MỆN H	PHŲ	PHÚC	ÐIỀN
BÀO			QUAN
PHốI			NÔ
ΤỬ	TÀI	GIẢI	THIÊN
 		<u>l</u>	

2> Tiếp đến phải tìm tháng Giêng của năm sinh thuộc tháng gia? Vì tháng Giêng của mỗi năm đều khác nhau. Ví dụ người sinh năm Giáp Kỷ thì tháng Giêng của năm ấy là tháng BÍNH DẦN; người sinh năm Át, Canh thì tháng Giêng ăn ấy là tháng MẬU DẦN v.v...

Vậy phải thuộc bài thi tìm cục sau đây:

GIÁP, KỶ chi niên BÍNH DÂN thủ ẤT, CANH chi tuế MẬU DÂN đầu BÍNH, TÂN định thị CANH DẦN khởi ĐINH, NHÂM: NHÂM DẦN thuận số lưu MẬU, QUÍ: GIÁP DẦN khởi ngoại cầu

Giải nghĩa:

Người sinh năm Giáp, năm Kỷ thì tháng Giêng là Tháng Bính

Người sinh năm Át, năm Canh thì tháng Giêng là tháng Mậu

Người sinh năm Bính, năm Tân thì tháng Giêng là tháng Canh

Người sinh năm Đinh, năm Nhâm thì tháng Giêng là tháng Nhâm

Người sinh năm Mau, năm Quý thì tháng Giêng là tháng Giáp

Như thế ta thấy người Kỷ Mùi trên đây sẽ nằm trong câu: Giáp, Kỷ chi nên Bính Dần thủ. Ta sẽ bắt đầu đánh ở bàn tay chữ Bính ở ngay cung Dân, rồi đánh tiếp đến Đinh, Mậu. Đến Mậu ta đã gặp ngay cung an Mệnh rồi, thì bắt đầu cung an Mệnh đó đánh ngược vòng lại cho đến khi gặp một con Giáp ở cung nào thì ngừng ngay ở cung đó; vì chính cung đó sẽ cho biết là thuộc cục gì theo nguyên tắc của bài thi nạp âm trên.

Ví dụ: ta đánh nghịch vòng từ cung Mệnh là cung Thìn mà chữ Mậu đã gặp ở đó, ta sẽ có: MẬU, ĐINH, BÍNH, ẤT, GIÁP. Đến chứ Giáp này thì gặp ngay cung Tý, vậy cục của người KÝ Mùi này thuộc cung Tý. Ta mới lấy câu thơ nạp âm có nói đến cung Tý ở trên đánh thuận theo vòng tay (Tý Ngọ: ngân đăng giá bích câu)

Khi đánh câu trên phải đánh tiếng đôi từ cung Tý đến cung an Mệnh là cung Thìn xem coi gặp hành gì tức là cục thuộc hành đó. Như vậy ta sẽ thấy:

NGÂN NGÂN, ĐĂNG ĐĂNG, GIÁ
(Tý) (Sửu) (Dần Mão) (Thìn). Vậy người tuổi Kỷ Mùi này thuộc về: *Mộc Tam Cục* (vì Giá là Mộc).

Chú ý: Muốn thực hành được cách tìm nhanh chóng này phải thuộc kỹ bài *thi nạp âm*, và bài *Thi Tìm Cục* trên. Đồng thời 10 can phải thuộc làu khi đọc xuôi cũng như đọc ngược:

Xuôi: Giáp, Át, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

Ngược: Quý, Nhâm, Tân, Canh, Kỷ, Mậu, Đinh, Bính, Ất, Giáp.

VI>AN SAO:

Nếu muốn an sao vào giấy kẻ ôthì 12 ô gọi là ĐỊA BÀN, vòng bên trong của 12 ô gọi là THIÊN BÀN. Ta mới lấy vòng sao Chính Tinh an trước vào Địa Bàn, mỗi nhóm sao theo một hệ thống để an.

1. Vòng Tử vi có 6 sao đi ngược chiều như sau:

TỬ VI, THIÊN CƠ nghịch hành bàng

Cách nhất DƯƠNG, VŨ, THIÊN ĐỒNG an

Hựu cách nhị vị LIÊM TRINH địa

Không tam phục kiến tử vi lang

(Tức là Tử vi, Thiên cơ, Thái dương, Vũ khúc, Thiên đồng, Liêm trinh).

Dịch ra: Tử vi tiếp Thiên Cơ nghịch hướng

Cách 1 cung Dương, Vũ, Thiên Đồng.

Cách 2 cung ấy Liêm Trinh vi

Ba cung gặp lại Tử vi ông

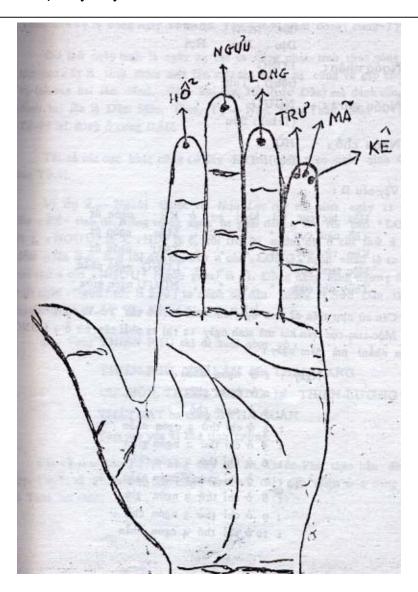
Vậy muốn tìm xem Tử vi nằm ở đâu trong 12 cung thì ta lại dùng ngày sanh để tính với Cục.

Ví dụ Mộc Tam Cục mà sinh ngày 12 thì Tử vi sẽ đóng ở cung Tỵ, Thiên cơ ở cung Thìn và tiếp theo đó như sau đây:

TỬ VI	NGQ	MÙI	THÂN
THÌN THIÊN CƠ MÃO			dậu LIÊM TRINH TUẤT
THÁI DƯƠNG DẦN	VŨ KHÚC sửu	THIÊN ĐỒNG _{TÝ}	нфі

(xem bài thơ trên sẽ rõ vòng đi của Tử vi)

Bây giờ muốn biết tại sao Tử vi là đóng ở cung Tỵ thì phải theo dõi cách tính sau đây:



Ta thấy trong 4 ngón tay có SÁU con thú chỉ 6 cung:

Ngón út: KÊ MÃ TRƯ; tức là:

(gà ngựa heo)

Dậu Ngọ Hợi

Ngón nhẫn: LONG

(rồng): Thìn

Ngón giữa: NGƯU

(Trâu): Sửu

Ngón trỏ: HỔ

(Cọp): Dần

Vây nếu là:

Hỏa lục cục thì khơi sự ở $K\hat{E}$ ngón út Thổ ngũ cục \parallel $M\tilde{A}$ ngón út Kim tứ cục \parallel $TR \vec{U}$ ngón út

Mộc tam cục || LONG ngón nhẫn Thủy nhị cục || NGƯU ngón giữa

Căn cứ như trên để tính ngày sinh mà tìm rõ sao Tử vi đóng đâu: ví dụ: Mộc tam cục trên kia mà sinh ngày 12 thì ta phải căn cứ ở "LONG" (ngón nhẫn) mà đếm ngày:

Ngày : 1 ở ngón nhẫn
:2 ở ngón giữa
:3 ở ngón trỏ
:4 ở chỉ thứ 2 ngón nhẫn
:5 ở chỉ thứ 2 ngón giữa
:6 ở chỉ thứ 2 ngón chỏ
:7 ở chỉ thứ 3 ngón nhẫn
:8 ở chỉ thứ 3 ngón giữa
:9 ở chỉ thứ 3 ngón chỏ
:10 ở chỉ thứ 4 ngón nhẫn
: 11 ở chỉ thứ 4 ngón giữa
: 12 ở chỉ thứ 4 ngón chỏ

Tức là đúng ngày sanh thì ta nhớ là ở đầu ngón tay chỏ do Hổ đóng đó (mà Hổ là Dần) vậy ta lấy đó gọi Dần tính xuống là Mão đến Thìn đến Tỵ là đúng ngày 12 ở đó. Vậy Tử vi phải đóng cung TY

Giá thử ngày sinh là ngày 24 thì ta cũng phải tính theo vòng "Mộc tam cục" ấy là tính thêm một lần nữa thì ngày 24 cũng về gặp chổ ngày 12 (nhưng hai lần đếm). Vậy khi lấy Hổ (tức Dần) mà đánh cũng pahỉ đánh hai lần là Dần, Mão Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, vậy thì Tử vi lại đóng ở cung Dậu

Tất cả các cục khác cũng cứ lấy đó mà tính theo ngày sinh để tìm sao Tử vi.

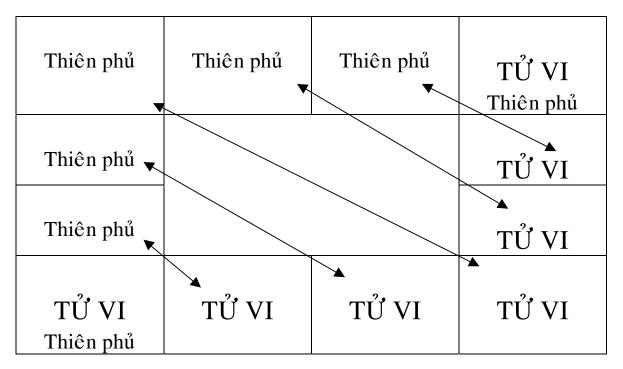
Ví dụ 2: Người thuộc về Hỏa Lục cục mà sinh ngày 11 thì ta lấy "KÊ" tính đi. Riêng trong ngón út phải đếm 3 lần rồi đến "LONG" là 4 "NGƯU" là 5 "Hổ" là 6, rồi trở lại ngón út ở chỉ thứ 2 cũng cũng đếm 3 lần 7, 8, 9 rồi đến chỉ thứ 2 của "LONG" ngón nhẫn là 10; đến chỉ thứ 2 của "NGƯU" (ngón giữa) là 11. Đúng ngày sanh ngừng đó. Ta biết ngón "Ngưu" tức là Sửu; ta đánh từ đầu xuống là Sửu Dần thì gặp ngay ngày sinh 11. Vậy Tử vi đóng ở DẦN.

2> vòng THIÊN PHỦ thì đi xuôi gồm có:

THIÊN PHỦ, THÁI ÂM đến THANH LANG CỰ MÔN, THIÊN TƯỚNG lại THIÊN LƯƠNG THẤT SÁT ba cung là PHÁ QUÂN Tám sao yên vi khá tinh tường

Căn cứ theo sao Tử vi nằm đâu thì an Thiên phủ theo bản đò sau đây. Tử vi và Thiên Phủ đối chiếu nhau và chỉ gặp nhau ở 2 cung Dần và Thân mà thôi:

TỬ VI ▼	TỬ VI ▼	TỬ VI ▼	TỬ VI Thiên phủ
TỬ VI			Thiên phủ
Tử VI			Thiên phủ
TỬ VI Thiên phủ	Thiên phủ	Thiên phủ	Thiên phủ



Sau khi an 14 chính tinh rồi, ta sẽ an trung tinh và bàng tinh. Các trung tinh và bàng tinh nên phân ra 2 loại; Cát tinh và Hung tinh. Cát tinh sắp bên mặt, hung tinh sắp bên trái để khi tìm đoán

cho dễ. Đây là sự sắp xếp lá số cho gọn chứ thực ra những sao Cát hóa Hung, Hung hóa Cát đều tuỳ thuộc theo chỗ ngồi và sự phối hợp của chúng.

3> CÁT TINH: BỘ THIÊN KHÔI, THIÊN VIỆT:

(an theo năm sinh)

Sinh năm GIÁP, MẬU an ở Sửu, Mùi (tức Thiên Khôi ở cung Sửu Thiên Việt ở cung Mùi)

Sinh năm ẤT, KỶ ăn ở Tý, Thân (Khôi ở cung Tý, Việt ở Thân)

Sinh năm NHÂM, QUÍ an ở Mão, Ty (khôi ở Mão, Việt ở Ty)

Sinh năm BÍNH, ĐINH an ở Hơi, Dậu (Khôi ở Hơi, Việt ở Dân)

Muốn dễ nhớ học bài thi sau đây:

GIÁP MẬU nhị Ngưu Dương (Sửu Mùi) ẤT KỶ Thử Hầu hương (Tý Thân) CANH TÂN phùng mã hổ (Ngọ Dần) NHÂM QUÍ Miu Xà tàng (Mão Ty) BÍNH ĐINH Trư Kê vị (Hợi Dậu)

Thử nhị quý nhân phương

4> BỘ VĂN XƯƠNG, VĂN KHÚC (an theo giờ)

XƯƠNG cung Tuất, KHÚC cung Thìn

XƯONG nghịch, KHÚC thuận giờ sinh an bài.

Cước: Văn Xương lấy cung Tuất gọi là giờ Tý tính nghịch lại....... Văn Khúc lấy cung Thìn gọi là Tý tính thuận đến giờ sinh thì an ở đó.

5>BÔ ÂN QUANG và THIÊN QUÝ: (an theo ngày)

ÂN QUANG lấy Xương làm mùng một

Thuận ngày sinh lùi lại một cưng

THIÊN QUÝ Khúc kia hãy dùng

về Nghịch về ngày đẻ, một cung lùi

Cước: An Quang lấy cung an Văn Xương kể là mùng một tính thuận đến ngày sinh rồi lùi trở lại 1 cung thì an ở đó. Thiên Quý thì lấy cung an Văn Khúc kể là mùng một tính nghịch đến ngày đẻ rồi cũng lùi lại 1 cung và an ở đó.

6>BỘ THAI PHỤ, PHONG CÁO:

THAI PHỤ cách trước VĂN KHÚC 1 cung

PHONG CÁO lại cách sau lưng 1 vì

Cước: Thai Phụ đứng cachs phía trước Văn Khúc 1 cung Phong Cáo đứng cách phía sau 1 cung.

7>BÔ TẢ PHU, HỮU BÂT:

Tả Phụ lấy Thìn gọi tháng giêng

Thuận về tháng đẻ toạ tinh viên

Còn như Hữu Bật giêng là Tuất

Nghịch lại tháng sinh ấy chính miền.

Cứơc: Tả Phụ lấy cung Thìn gọi tháng giêng tính thuận đến tháng sinh thì an đó. Hữu Bật lấy cung Tuất gọi thang giêng tính nghịch đến tháng sinh là an ở đó.

8> BỘ TAM THAI, BÁT TỌA: (an theo vòng Tả Phụ, Hữu Bật)

TAM THAI mươn PHU làm mồng một

Thuận lại ngày sanh để tiện an

BÁT TOA, BÂT kia làm cứ điểm

Nghịch về ngày để rõ cho chăng

9> TRIỆT LỘ KHÔNG VONG: (đứng giữa hai cung)

TRIỆT LỘ thì lấy năm sinh

GIAP, KŸ an ở Dậu Thân rành rành

ÂT, CANH: Mùi Ngọ cho mình

BÍNH, TÂN: *Thìn Ty* ĐINH, NHÂM: *Mão Dần* MẬU, QUÍ: *Sửu Tí khá phân*

Một sao ảnh hưởng Dương Am cho tường

10>TUÂN KHÔNG: an theo Lục Giáp. Vậy phải hiểu người sinh thuộc Giáp nào (khi tìm ngũ hành của mênh là biết giáp nào rồi) xem lai phần trên Ngũ Hành của Mênh.

TUẨN KHÔNG lấy Giáp mà phân Người thuộc Giáp Dần: Tí Sửu khá an Giáp Thìn: Dần Mão chuyển sang

Giáp Ngọ: Thìn Tỵ Giáp thân: Ngọ Mùi

GiápTuất: Thân Dậu đấy thôi

Giáp Tí: Tuất Hợi là ngôi rành ranh

11>BỘ LONG TRÌ, PHƯỢNG CÁC và GIẢI THÂN:

LONG TRÌ Thìn cung gọi Tí cung

Thuận đến năm sinh sẽ tỏ tường

PHƯỢNG CÁC lấy Tuất làm Tí vậy

Nghịch về năm đẻ để tìm phương

GIẢI THÂN nọ hợp phương hoan lạc

Cùng một cung Phượng Các chợ sai

12>BỘ TỬ HÓA: LỘC, QUYỀN, KHOA, KY:

An theo với các sao như sau:

Giáp: Liêm, Phá, Vũ, Dương vi bạn Át: Cơ, Lương, Đế, Nguyệt giao xuân Bính: Đồng, Cơ, Xương, Liêm Trinh vi

Đinh: Nguyệt, Đồng, Cơ, Cự môn tầm Mâu: Tham, Nguyet, Bật, Cơ vi chủ

Kỷ : Vũ, Tham, Lương, Khúc (văn) tối bình

Canh: Nhật, Vũ, Đồng, Am, vi thủ

Tân : Vự, Dương, Khúc, (văn), Xương chí lâm

Nhâm: Lương, Tử, Phủ, Vũ tú thị

Quý : Phá, Cự, Am, Tham Lang đình

Cước: Người sinh năm GIÁP: thì Hóa Lộc an với Liêm Trinh, Hóa Quyền an với Phá Quân,

Hóa Khoa an với Vũ khúc, Hóa Kỵ an với Thái Dương.

Người sinh năm ẤT: Lộc an với Thiên Cơ, Quyền an với Thiên Lương, Khoa an với Tử vi, Kỵ an với Thái Âm

Người sinh năm BÍNH: Lộc an vơi Thiên Đồng, Quyền an vơi Thiên Cơ, Khao an vơi Văn Xương, Kỵ an với Liêm Trinh

Người sinh năm ĐINH: Lộc an với Thái Âm, Quyền an với Thiên Đồng, Khoa an với Thiên Cơ, Ky an với Cự môn

Người sinh năm MẬU: Lộc an với Tham lang, Quyền an với Thái Âm, Khoa an với Hữu Bật, Ky an với Thiên Cơ

Người sinh năm KÝ: Lộc an với Vũ khúc, Quyên an với Tham Lang, Khoa an với Thiên Lương, Kỵ an với Văn Khúc

Người sinh năm CANH: Lộc an với Thái Dương, Quyên an vưới Vũ Khúc, Khoa an với Thiên Đồng, Ky an với Thái Âm

Người sinh năm Tân: Lộc an với Cự Môn, Quyền an với Thái Dương, Khoa an với Văn Khúc, Ky an với Văn Xương

Người sinh năm NHÂM: Lộc an với Thiên Lương, Quyền an với Tử vi, Khoa an với Thiên Phủ, Ky an với Vũ Khúc.

Người sinh năm QUÝ: Lộc an với Phá Quân, Quyền an với Vự Môn, Khoa an với Thái Âm, Kỵ an với Tham Lang

13>SAO LÔC TÔN

GIÁP niên Tồn Dần cung

ẤT niên thị mão trung

BÍNH Mậu ư Tỵ giả

ĐINH, KỶ Ngọ trùng phùng

NHÂM: Hợi

QUÍ: Tý cung

Cước: người sinh năm GIÁP: Lộc Tồn an ở Dân

Người sinh năm ẤT: Lộc Tồn an ở cung Mão

Người sinh năm BÍNH: năm MẬU: Lộc Tồn an ở cung Tý

Người sinh năm ĐINH, năm KÝ: Lộc Tồn an ở Ngọ

Người sinh năm CANH: Lộc Tồn an ở cung Thân

Người sinh năm TÂN: Lộc Tồn an ở cung Dậu

Người sinh năm NHÂM: Lộc Tồn an ở cung Hợi

Người sinh năm QUÍ: Lộc Tồn an ở cung Tí

14> SAO THIÊN MÃ:

Dần, Ngọ, Tuất, : Mã tại Thân
Thân, Tí, Thìn : Mã tại Dần
Ty, Dâu, Sửu : Mã tại Hợi
Hợi, Mão, Mùi : Mã tại Ty

Cước: Người sinh năm Dân, Ngọ, Tuất : Thiên Mã an cung Thân Người sinh năm Thân, Tí, Thìn : Thiên Mã an cung Hợi Người sinh năm Tỵ, Dậu, Sửu : Thiên Mã an cung Tỵ.

15>BỘ QUỐC ẤN và ĐƯỜNG PHÙ:

QUỐC ẤN trược Lộc Tồn 9 vị

ĐƯỜNG PHÙ kia nghịch lại 8 cung

Cước:Đếm từ cung có sao Lộc Tồn theo chiều thuận đủ 9 cung thì an Quốc Ấn.

Rồi lại đếm từ cung có sao Lộc Tồn ngược về 8 cung thì an Đường Phù.

16>HỆ THỐNG BÁC SĨ (gồm có 12 sao, có sao Hung và sao Cát. Sao Hung được gạch dưới để khi an số biết mà sắp qua bên trái)

(Bắt đầu sao Bác Sỹ an ngay ơ cung có sao Lộc Tồn)

 $BACS\tilde{Y}$, Lực sỹ, Thanh long

Tiểu Hao rồi tiếp theo giòng Tướng Quân.

Tấu thư, Phí Liêm, Hỉ Thần

Bệnh phù, Đại hao Phục binh Quan phủ

Dương nam Am nữ an xuôi

Am nam, Dương nữ nghịch thôi đó mà

Cước: Khởi an sao Bác sỹ ở cung có sao Lộc Tồn đóng, ta chú ý ngay là người có số ấy thuộc Âm hay Dương. Nếu là đàn ông mà Dương, đàn bà mà Âm thì vòng sao Bác sỹ đi thuận về phía tay mặt cứ mỗi cung thì an một sao. Trái lại nếu là Dương nữ, Âm nam thì vòng sao Bác sỹ đi nghịch lại về phía tay trái.

17> **HỆ THỐNG TRÀNG SINH:** Bộ sao này cung có 12 sao khi an có thể đặt nay vào giữa mỗi cung và nếu là Dương nam, Am nữ thì an xuôi; Dương nữ và Am nam thì an nghịch lại y như hệ thống Bác sỹ. Nhưng hệ thống này an theo cục.

Người thuộc Hỏa cục thì Tràng sinh an ở cung Dần;

Người thuộc Mộc cục thì Tràng sinh an ở cung Hợi;

Người thuộc Kim cục thì Tràng sinh an ở cung Tỵ;

Người thuộc Thủy, Thổ cục thì Tràng sinh an ở cung Thân

Tràng sinh, Hỏa cục ở cung Dần;

Mộc : Hợi : Kim : Tỵ : Thủy ; Thổ : Thân

Dương nam, Am nữ xuôi vòng

Am nam, Dương nữ nghịch trong địa bàn

Tràng sinh, Mộc dục, Quan đới, Lâm quan, Đế vượng, Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt, Thai, Dưỡng (12 sao)

18>HỆ THÔNG THÁI TUẾ: (gồm 12 sao, luôn luôn an theo chiều thuận về tay mặt, người sinh năm nào thì viết Thái tuế ngay vào cung đó, tiếp theo là đến sao khác trong hệ thống của nó. Nhóm này cũng có hung tinh và cát tinh; những hung tinh được gạch dưới để khi an tiện sắp qua bên trái

Thái tuế theo chi năm sinh

Năm nào thì viết nay cung địa bàn

Tiếp theo chiều thuận: **Thiếu dương**

Tăng môn rồi tiếp theo đường: Thiếu âm

Quan phù, Tử phù $ch\acute{\sigma}$ lầm

Tuế phá, Long đức thuận tầm mà gieo:

Bạch hổ, Phúc đức tiếp theo

Điều khách, cuối đến là sao Trực phu

Cước: ví dụ người tuổi Mùi, thì khi an Thái tuế viết ngay ở cung Mùi. Đoạn từ cung đó tiếp theo chiều thuân hết 12 sao.

Nên lưu ý rằng việc chia sao xấu tốt trên đây chỉ nhằm để phân ra hai bên khi an cho dễ đoán, chứ các sao thì Hung hóa Cát và Cát hóa Hung đều tuỳ thuộc sự phối hợp thành nhóm của chúng và cũng tuỳ nơi cung đóng nữa. Khi học cách đoná số sẽ rõ điều ấy.

19>BÔ HỒNG LOAN, THIÊN HỶ (căn cứ theo năm sinh)

Hồng loan lấy Mão làm cung Tý

Tinh nghịch năm sinh để tiện an

Thiên hỷ là nơi cung đối lập

Hai sao Kim, Mộc chủ huy hoàng

Cước: Sao Hồng loan thì lấy cung Mão gọi là Tí, tính theo chiều nghịch đến năm sanh thì an, còn Thiên hỷ thì năm ở cung chính chiều. Ví dụ: người tuổi Mùi, thì từ cung Mão gọi là Tí tính nghịc về đến tuổi Mùi thì gặp ngay cung Tí, liền an Hồng loan ở đó. Còn Thiên hỷ thì an ở cung đối chiều tức cung Ngọ.

20>SAO ĐÀO HOA: căn cứ theo tuổi mà an

Dần, Ngọ, Tuất : Đào hoa ở Mão

Thân, Tí, Thìn: ở Dậu khá hay

Ty, Dậu, Sửu : ở Ngọ rày

Hợi, Mão, Mùi: an bày Tý cung

21> SAO HOA CÁI: căn cứ theo tuổi mà an

Dần, Ngọ, Tuất an ở Tuất cung

Thân, Tí, Thìn an ở Thìn cung

Ty, Dậu, Sửu an ở Sửu cung

Hợi, Mão, Mùi an ở Mùi cung

22>BO THIÊN QUAN QUÍ NHÂN - THIÊN PHÚC QUÍ NHÂN

(An theo Can sinh: Giáp, ất, Bính, Đinh v. v....)

Giáp niên: Dâu: Phúc; Mùi: Quan

Át niên: Thân: Phúc: Quan tàng Thìn cung

Bính niên: Tí; Phù; Ty:Quan;

Đinh niên: Phúc: Hợi: Quan sang cung Dần;

Mậu niên : Quan, Phúc ; Mão cung Kỷ niên : Phúc lại về Dần chẳng sai

Canh, Nhâm: Phúc Ngọ an bài

Thiên quan : Canh lai liệt hài Hợi cung

Tân, Quí: Phúc: Ty tương phùng;

Tân, Kỷ: Quan ở Dậu cung rành rành;

Nhâm thì Quan: Tuất chính danh,

Quí lại Quan : Ngọ riêng mình một cung

Cươc: người sinh năm Giáp thì Thiên phúc đóng cung Dậu Thiên quan đóng cung Mui;

Năm Ất thì phúc đóng cung Thân; Quan đóng cung Thìn

Năm Bính thì Phúc đóng cung Tí; Quan đóng cung Ty

Năm Đinh thì Phúc đóng cung Hợi; Quan đóng cung Dần

Năm Mâu thì cả Phúc, Quan đóng cung Mão

Năm Kỷ thì Phúc đóng Dần; Quan đóng Dậu

Năm Canh thì Phúc đóng Ngọ; Quan đóng Hợi

Năm Tân thì Phúc đóng Tỵ; Quan đóng Dậu

Năm Nhâm thì Phúc đóng Ngọ; Quan đóng Tuất

Năm Quí thì Phúc đóng Tị; Quan đóng Ngọ

23>BÔ THIÊN ĐỨC, NGUYÊT ĐỨC (căn cứ theo Chi, năm sinh)

Thiên đức: lấy Dậu là cung Tí Tính thuận năm sinh khá tỏ tường Nguyệt đức: lấy Ty làm Tí vậy Thuân về năm đẻ để tìm phương

Cước: ví dụ người tuổi Mùi, ta lấy cung Dậu gọi Tý, tính thuận đến Mùi tức gặp cung Thìn thì an Thiên đức ở đó. Nguyệt đức thì khở từ Ty tính đên Mùi sẽ gặp cung Tí.

24>BÔ THIÊN TÀI – THIÊN THO

Thiên tài cung an MỆNH là Tí

Thuận đến năm sinh khá rach ròi

Thiên thọ lấy cung an THÂN là Tí

Thuận về năm đẻ ấy là nơi

Cước: năm sinh ở đay phải lấy Chi. Ví dụ người tuổi Mùi, mà Mệnh an ở Thìn, thì Thiên tài đóng Hợi. Thân an ở cung Tuất thì Thiên thọ đóng ở Tỵ.

25>THIÊN KHỐ – THIÊN GIẢI – ĐỊA GIẢI

Các sao trên an theo tháng sinh: Khố thì nghịch; Thiên giải Địa giải thì thuận, đến tháng sinh

Thiên khổ: lấy Dần, tháng Giêng

Nghịch về tháng đẻ là miền địa lâm

Thiên giải thì lấy cung Thân

Thuận về tháng đẻ để phân chỗ ngồi

Địa gải thì lấy cung Mùi

Thuận về tháng đẻ ấy ngôi rành rành

Cước:ví dụ người sinh tháng 5 thì lấy cung Dần gọi tháng Giêng tính nghịch đến tháng sinh tức Thiên khố đóng ở cung Tuất. Thiên giải tính thuận từ cung Thân đóng ở cung Tý. Địa giả thì lại đóng ở Hợi.

XÉP LOẠI HUNG TINH:

26>KÌNH DƯƠNG – ĐÀ LA

Kình đứng trước cung Lộc Tồn

Đà la lại đứng sau lưng đó mà

Cước:cung an Lộc Tồn ở giữa của Kinh dương đứng phía trước (chiều thuận) và Đà la đứng sau. Ví dụ: Lộc Tồn an ở Ngọ thì Kình ở Mùi, Đà ở cung Tỵ.

27>ĐỊA KIẾP - ĐỊA KHÔNG(căn cứ theo giờ sinh mà an)

Địa kiếp cung với Địa không

Lấy Hợi làm Tí theo vòng m

Kiếp thì thuận đến giờ sinh

Địa không lại nghịch phân minh đôi đường

Cước:ví dụ người sinh vào giờ Dần, thì Địa kiêpa an ở Sửu; (Tính từ hợi thuận giờ sinh đến Sửu) Địa không lại an ở Dậu.

28>SAO THIÊN KHÔNG:

an ngay cung phía trước cung an sao Thái tuế. Ví dụ người tuổi Mùi, Thái tuế đóng cung Mùi thì Thiên không ở Thân

29>**THIÊN HÌNH, THIÊN DIỆU, THIÊN Y** (căn cứ ở tháng sinh mà an)

Thiên hình lấy Dậu tháng Giêng

Thuận theo tính đến tháng sinh an bày

Thiên Diệu cùng với Thiên Y

Tháng Giêng lấy Sửu thuận về tháng sinh

Cước: ví dụ người sinh tháng 6 thì Thiên Hình đóng ở cung Dần, Thiên Diệu và Thiên Y thì đóng ở cung Ngọ.

30>BÔ HỎA TINH, LINH TINH

(căn cứ theo Am Dương và giờ sinh để an)

DƯƠNG NAM, ÂM NỮ : Hỏa tinh tính thuận giờ sinh

: Linh tinh tính nghich giờ sinh

ÂM NAM, DƯƠNG NỮ: Hỏa tinh tính nghịch giờ sinh

: Linh tinh tính thuận giờ sinh

Dần Ngọ Tuất nhân : Sửu Mão phương
Thân Tí Thìn nhân : Dần Tuất đương
Ty Dậu Sửu nhân : Mão Tuất vị
Hợi Mão Mùi nhân : Dậu Tuất phòng

Cước: Người tuổi Dần, Ngọ, Tuất: Hỏa tinh khở từ cung Sửu: Linh tinh khở từ cung Mão để gọi là Tí mà tính đến giờ sinh. Nếu người Dương Nam, Am Nữ thì Hỏa tinh đi thuận mà Linh ting đi nghịch và ngược lại nếu Am Nam Dương Nữ thì Hỏa tinh đi nghịch mà Linh tinh đi thuận.

31>BỘ THIÊN KHỐC – THIÊN HƯ: (căn cứ CHI năm sinh mà an)

Khốc Hư lấy Ngọ làm vì

Khốc nghịch năm đẻ, Hư thì thuận niên

Cước: Người tuổi Tí thì Khốc Hư, đóng ngay Ngọ

Người tuổi Dần thì Khốc đóng ở cung Thìn, mà Hư đóng ở cung Thân.

32> BỘ CÔ THẦN – QUẢ TÚ:

DẦN MÃO THÌN : Cô Thần ở Ty, Quả Tú ở Sửu
TY NGO MÙI : Cô Thần ở Thân, Quả Tú ở Thin
THÂN DÂU TUẤT : Cô Thần ở Hợi, Quả Tú ở Muĩ
HƠI TÍ SỬU : Cô Thần ở Dân, Quả Tú ở Tuất

Cước: ta chú ý cứ ba cung liền trong địa bàn, khởi từ cung Dần, thì cô thần đóng ở cung tiếp đó, còn Quả tú đóng ở sau cung khởi đầu: như Cô ở Tỵ, Thì Quả Tú ở Sửu.

33>SAO ĐẨU QUÂN (cũng gọi là Nguyệt tướng)

Lấy Thái Tuế gọi tháng Giêng

Tháng nghịch, giờ Thuận là miền Đẩu quân

Cước: từ cung san sao Thái Tuế ta kể là tháng Giêng, tính nghịch đến thang sinh. Rồi từ ngay đó gọi là giờ Tí, tính thuận lại giờ sinh là nơi an Đẩu quân.

34>THIÊN THƯƠNG - THIÊN SỬ

Thiên thương an ngay nơi cung Nô bộc

thiên sử an ngay nơi cung Giải ách.

35>KIẾP SÁT (căn cứ theo tuổi mà an)

Dần, Ngọ, Tuất an ngay ở **Hợi**

Thân, Tí, Thìn ở Ty cho mình

Ty, Dậu, Sửu ở **Dần** sinh

Hợi, Mão, Mùi lại chuyển thành **Thân** cung.

36>PHÁ TOÁI (căn cứ theo tuổi mà an)

Tí, Ngọ, Mão, Dậu: ở Ty cung,

Dần, Thân Ty, Hợi: tương phùng Dậu nay.

Thìn, Tuất, Sửu, Mùi khá hay.

Lại về cung Sửu an bày một nơi.

37>LƯU HÀ - THIÊN TRÙ (căn cứ theo Can năm sinh mà an)

Giáp niên : Kê, Xà tàng (Tức Dậu và Tỵ)

Át niên : Cẩu, Mã an (tức Tuất và Ngọ)

Bính niên: Dương, Thử địa (tức là Mùi và Tí)

Đinh niên: Long, Xà phương 9 tức là Thìn và Tỵ)

Mậu niên: Xà, Mã vị (tức là Ty và Ngo)

Kỷ niên: Mã, Hầu hương (tức là Ngọ và Thân)

Canh niên: Hầu, Hổ hội (tức là Thân và Dần)

Tân niên: Thế, Mã đương (tức là Mão và Ngọ)

Nhâm niên: Trư, Kê giả (tức là Hợi và Dậu)

Quí niên: Hổ, Cẩu ban (tức là Dần và Tuất)

Cước: ví dụ người Giáp (Tí chẳng hạn) thì Lưu hà an cung Dậu còn Thiền trù an cung v. v. . . .

38>SAO LƯU TÙ (căn cứ theo tuổi mà an)

Dần, Ngọ, Tuất thì an tại Ngọ

Thân, Tí, Thìn thì an tai Tí

Ty, Dậu, Sửu thì an tại Sửu

Hợi, Mão, Mùi thì an tại Mão

39>SAO VĂN TINH LƯU NIÊN: (căn cứ theo Can năm sinh mà an)

Giáp ở Ty, Ất nay ở Ngọ

Bính, Mậu: Thân, Đinh, Kỷ: Dâu cung

Canh: Hợi Tân: Tí tương phùng

Nhâm: Dần Quí: Mão thuận giòng ma an

Cước: ví dụ Người Giáp (Thân) thì an ở cung Ty v.v. ...

KẾT MỤC AN SAO

Bài thơ sắp thứ tự các bộ SAO để khi an cho khỏi bỏ sót:

Tử vi, Thiên Phủ, Việt, Khôi

Khúc, Xương, Quang, Quí, Cáo, Thai, Triệt, Tuần

Tả, Hữu, Thai, Toạ, Phương, Long

Tứ Hóa, Lộc, Mã, Đào, Hồng, Phúc, Quan

Hoa Cái, Tài, Thọ chuyển sang

Nguyệt Đức, Thiên giải cùng làng Văn tinh

Thái tuế, Bác sỹ trường sinh

Kình, Đà, Không, Kiếp, Diêu, Hình, Khốc, Hư

Thiên Khố, Cô, Quả, Lưu Tù, Sứ, Thương

Lưu Hà, Phá Toái, Hỏa Tinh

Hơn trăm SAO ấy lập thành Tử vi

Vậy cần phải thuộc cách an các Bộ Sao trên, thì áp dụng bài thơ này sẽ an được số rất nhanh mà không hề sót một Sao nào.

VII.> CÁCH AN THÂN:

Khi an xong 12 cung rồi, có thể an THÂN ngay. Muốn an Thân thì tính theo tháng và giờ sinh đều thuận.

Ví dụ: Người sinh tháng 5 giờ Tí thì Mệnh và Thân đồng cung, vì Giờ sinh không tính thuận nghịch gì nữa cả. Trái nếu mà tháng 5 mà giờ Mùi thì ta bắt đầu khở từ cung Dần gọi tháng Giêng tính đến cung Ngọ là tháng 5 từ đó gọi là Tí tính thuận đến giờ Mùi tức là đến cung Sửu, vậy Thân sẽ an cung Sửu (gặp cung Phúc ở đó, gọi là Thấn cư Phúc đức).

VIII> LƯU HẠN:

1>LƯU ĐAI HAN Tuỳ theo cục mà viết số, cứ theo 10 năm một han:

Thủy Nhi cuc thì bắt đầu viết ngay cung Mệnh là 2 tiếp 12, 22 v.v...

Mộc tam cục thì bắt đầu khở là 3, tiếp 13, 23, 33, 43, 53 v.v...

Kim tứ cục thì bắt đầu khởi là 4 tiếp 14, 24, 34, v.v...

Thổ ngũ cuc thì bắt đầu viết là 5 tiếp 15, 25, 35, v. v. . . .

Hỏa luc cuc thì bắt đầu viết là 6 tiếp 16, 26, 36 v.v....

Cước: Người Dương Nam, Am Nữ thì ghi Đại hạn theo chiều thuận

Người Am Nam, Dương Nữ thì ghi Đại hạn phải theo chiều nghịch.

2> TIỂU HẠN: viết ở vòng bên trong, theo mỗi cung (gọi đó là Thiên bàn); Đàn ông thì an theo chiều thuận. Đàn bà thì phải an theo chiều nghịch.

Tuổi Dân, Ngọ, Tuất thì ghi năm sinh đở cung THÌN

Thân, Tí, Thìn thì ghi năm sinh đó ở noi cung TUẤT.

Ty, Dậu, Sửu thì ghi năm sinh đó ở nơi cung MÙI.

Hợi, Mão, Mùi thì ghi năm sinh đó ở nơi cung SỦU.

3>ĐỒNG HẠN: Để xem sự tốt xấu từ 1 tuổi đến 12 tuổi.

1 tuổi ở Mệnh
2 tuổi ở cung Tài
3 tuổi ở cung Giải
4 tuổi ở cung Phối
5 tuổi ở cung Phúc
6 tuổi ở cung Quan
7 tuổi ở cung Nô
8 tuổi ở cung Thiên
9 tuổi ở cung Tử
10 tuổi ở cung Bào
11 tuổi ở cung Phụ
12 tuổi ở cung Điền.

Xem bản mẫu lập thành sau đây sẽ rõ ràng tất cả.

Thực phù THIÊN CƠ Tiểu hao	Thái Tuế Tử vi Thanh long	Thiếu dương Lực sĩ	Tg môn phá quân Lộc Tồn Bác sĩ
42	32	22	12

TÀI	TƯ	PHốI	BÀO
Lâm quan (2)	Quan đới (9)	Mộc dục (4)	Tràng Sanh
_			(10)
Đ Khách THẤT SÁT	TY ▼ THÌN	MÃO DẦN	Q Phù Thiếu âm
Tướng quân			
52			2
GIÅI	NGO Sanh: Ca	ANH NGO → SỬU	MỆNH
Đế vượng (3)		9. NGÀYI0	Dưỡng (1)
	610		
THÁI DƯƠNG	, -	MỆNH . THỬY CỤC TÝ	Q phù LIÊM TRINH
THIÊN LƯƠNG	MÙI	IY	Ph binh THIÊN PHỦ
Phúc đức	NÊM VÊ QYÊM DYÊM		
Tấu thư	MỆNH VÔ CHÍNH DIỆU		
THIÊN	×		РНŲ
Suy (8)		./	Thai (11)
	THÂN DẬU	TUẤT HỢI	
B. hổ VŨ KHÚC	THIÊN ĐỒNG	Tuế phá THAM	Tử phù THÁI ÂM
Phi liêm THIÊN TƯỚNG	CỰ MÔN	LANG	Đại hao
	Long đức	Bênh phù	
	Hỷ thần		
NÔ	QUAN	,	PHÚC (THÂN)
Bệnh (7)	Tử (6)	ÐIÊN	Tuyệt (5)
		Mộ (12)	

Cước: 1 Nhận xét vòng chín tinh TỬ VI an nghịch chiều vòng THIÊN PHỦ

2>vòng TRÀNG SINH an nghịch vì là Dương nữ. Nếu Âm nữ thì sẽ an thuận chiều.

- 3> Vòng THÁI TUẾ lúc nào cũng an thuận chiều
- 4> Vòng BÁC SỸ an nghịch chiều vì là Dương Nữ. Nếu Âm nữ thì an thuận chiều.
- 5>ĐẠI HẠN từ 2 tuổi đến 62 tuổi an nghịch vì là Dương nữ. Nếu Âm nữ thì an thuận chiều.
- 6> TIỂU HẠN vì Đàn bà nên phải an nghịch ở vòng Thiên bàn. Nếu đàn ông thì phải an thuận chiều
- 7>THÂN ở đây cư cung Phúc đức.
- 8>ĐỒNG HẠN đi từ 1 tuổi đến 12 tuổi theo mỗi cung
- 9>CHÍNH TINH và CÁT TINH sắp bên mặt. HUNG TINH sắp bên trái. Phần sau sẽ có những bản Tử vi mẫu an đầy đủ cả.

PHẦN HAI CHƯ TINH THỂ TÍNH CÁCH

Muốn đoán số được chắc chắn và dễ dàng cần phải thuộc các tính cách của sao, nhất là chính tinh, trung tinh, và những bàng tinh quan trọng. Vậy sau đây, tôi trình bày mỗi vì sao với đủ tính chất của nó theo thể thơ:

A> CÁC CHÍNH TINH

SAO TỬ VI

Cũng gọi là Đế tinh: Nam bắc đầu: Thổ Tử vi, Miếu: Tí Ngọ Dần Thân? Vượng thì Thìn Tuất, Địa; phân Sửu Mùi Bình nơi Tỵ, Hợi đôi nơi Cùng là Mão, Dậu ấy ngôi rành rành.

Tử vi mặt đỏ lưng dầy Tính thời trung hậu, mặt đầy phương phí; Khôi Việt, Tả Hữu tương kỳ Thiên Tướng, Xương Khúc quyền uy tương phò Gặp phủ là thần giữ kho Gặp sát, Tử lại ban cho quyền hành. Chế được hung ác Hoả Lính, Sợ gặp Tuần, Triệt, Đà, Kiếp, Không. Mệnh, Thân: Tử, Phá ở cung. Sửu, Mùi, Thìn, Tuất bất trung bất nghì; Trừ tuổi tứ Mộ khá hay Lại thêm Cát diệu hẹn ngày giàu sang Đồng cung Đế với Tham Lang Ngộ không tài đến lại tan dễ dàng Thê, Nô, Bào, Giải cung nhàn. Tử Không Cát diệu mọi đàng khản kha Vi ở Ngọ tránh xa Hình Ky Người Giáp, Đinh hay Kỷ nên danh Quyền Khoa gặp được Đế tinh Mệnh nơi Ty, Ngọ hiển vinh muôn bề Lộc, Mã được ngồi kề Tử, Phủ Ở Dần Thân phú hậu chung thân Quyền, Sát gặp Tử khá mong Hư danh thụ ấm Không Vong lẫn cùng Hoặc Phá gặp nơi cung Tìn Tuất Có bac tiền nhưng cóc danh chi Tử Phòng mưu lược đáng ghi Ky, Quyền, Tử, Phủ họp bầy một phương. Đế toạ Mệnh triều vương da cát Hoặc cung Quan hen bước kim dư Phu, Bật giáp: Tham, Đế ư Chức nên tôn trọng, dâm ô cũng là Không Kiếp ấy, ác tà đáng sợ Tứ Sát kia (Kình Đà Linh Hỏa) ám trợ hung tinh Áy là thoát tuc chi tăng

Nếu là có Vũ dư phần bán buôn

Còn Nữ mệnh xem tường sau trước Tử, Phá, Tham ước đa dâm Hoặc Đào hoà ắt gian truân Duyên may khó sớm dư phần phung loan

Giải thích: Sao Tử vi là chủ tể của các sao, chủ về uy quyền, tài lộc và phúc đức, nên an ở cung nào thường giáng phúc cho cung đó. Tử vi gặp đựoc các trung tinh như Khôi, Việt, Xương Khúc, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc, Long Phượng thì coi như là quần thần khánh hội, tất có uy quyền hiển hách. Hưởng phú quý trọn đời.

Gặp Thất sát làm cho sao này thêm mạnh, nếu đứng đồng cung với Thất sát thì coi như vua đeo kiếm báu. Gặp các hung tinh như Linh, Hỏa, Khốc, Hư, Đà, Kình v.v.. Tử vi có thể chế ngự được; Nhưng ky nhất là gặp Địa không và Địa kiếp, Tử vi không còn khả năng được bao nhiêu, nên trọn đời thường trắc trở, lao tâm. Nếu Tử vi gạp phải Tuần, Triệt mà đóng ở cung Mệnh thì chác là khắc một trong hai bố mệ, bằng không cũng sớm ly gia hương.

Tử vi ở cung Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thì tốt lắm, nhưng nếu ở cung Ty, Hợi. Mão, Dậu gọi là bình hoà, không gặp được trung tinh đắc cách thì khó mà giàu sang.

Tử vi mà gặp Tham Lang, nhất là ở cung Tý, Hợi, mão, Dậu là hạng người bi quan yếm thế, thường ngã vào nghiệp tu hành thì mới được yên thân.

SAO THIÊN CƠ

(Nam tinh chủ phúc thọ – thuộc Mộc)

THIÊN CƠ Miếu; Tí Ngo cung Vương thì Mão Dâu, Đia Dần Thân Bình nơi Ty, Hợi, Ích Thìn Tuất Hãm ở Sửu Mùi khá rõ phân. Thiên Cơ thuộc Mộc mình dài Tâm từ, tính cấp đa tài đa mưu; Xương Khúc, Tả Hữu văn ưu, Mày xanh tóc tốt tàilưu ai tày Cư, Cơ ở Mão khá hay, Cát đa phú quí tốt thay lạ thương Thiên cơ: Mùi Sửu hãm phương Ky, hình, không, kiếp, đà, dương, đán Cơ, lương, tả hữu cùng xương Văn thi lỗi lạc, Vũ thường tinh thông Co, Lương, Sát, Phá, ngộ không (Vong) Dấn thân cửa Phật khởi vòng ưu tư Nữ mệnh cát diệu gặp Cơ, Hội cùng Quyền Lộc ích phu vô cùng. Kình Đà, Hóa Ky phá xung Lại là tàn tật, tư thông âm thầm. Đồng cung Cơ gặp Thái Âm Goá chồng, tì thiếp gian dâm đáng bỏ Ở cung Mão, Dâu, Dần, Thân

Nữ mệnh Cơ, Cư tuy dâm nhưng giầu Cơ, Lương cư Tuất cùng nhau Là tay chính trị lại mưu binh hùng Đàn ông Cơ, Cư mệnh trung Hoặc Tài, Quan ở Ty cung hết nhà Nhị hang Cơ Lộc xem qua Nam nữ đều phát đổi ra tân kỳ. Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương rất hay Mệnh cung phải ở vào ngay Thân Dân Cơ, Lương, Tham, nguyệt đồng thân Ngày đêm buôn bán tảo tần bốn phương Sinh Tân, Ất; mệnh Mão cung Cư, Cơ, Tả Hữu, Văn Xương anh tài Sinh năm Bính, kém một vài Năm Đinh bình dị, ra ngoài các cung Thìn Tuất, Cơ, Lương đứng cùng Kình Đà, Linh Hỏa, ba phương chiếu về Lai gặp Thiên Tướng đáng chê, Là tay võ hiệp hoặc nghề tăng ni Dần, Thân, Cơ, Nguyệt khá hay Diệu, Xương lại gặp văn thi dâm tàng Khốc, Hư gặp Cơ chớ màng Bênh lao phải liệu lo loan lấy mình.

Giải thích: Mệnh gặp được THIÊN CƠ Miếu, Vượng hay Đắc địa thì người hơi cao, hơi gầy, da trắng, thông minh, khôn ngoan, có nhiều mưu trí, có óc kinh bang tế thế, bản chất nhân hậu, từ thiện, được hưởng sang giầu. Nếu mà có những trung tinh đắc cách như Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Quang Quí, Khoa, Quyền Lộc và cả Song Hao nữa càng được nhiều trung tinh ấy càng đẹp, có thể hưởng phú quí song toàn, uy danh lừng lẫy.

Nếu Cơ đắc địa mà gặp Hỏa, Linh, Hình lằngười khéo tay, giỏi về máy móc và thủ công.

Nếu Cơ đóng ở Mão Dâu, mà gặp được cách song Hao (tức là Đại Tiểu Hao) ở đó thì hưởng được phú quí, nhất là năm Át, Kỷ, Bính Tân thì thật là toàn mỹ.

Cơ đác địa mà gặp phải Tuần Triệt là số ly hương, bôn ba vè sinh kế, khó tránh được tật nguyền tai nạn, nếu không thì cũng chết yểu, hoặc đi tu

Cơ hãm địa cũng có óc kinh danh, kém thông minh, những cũng có tài ba và cũng được đủ no ấm sống lâu.

Cơ hãm địa mà gặp được Tuần Triệt đỡ được đôi phần. Nếu nữ mệnh gặp cách hãm này thì thường là gian xảo và bất chính, phi yểu tắc bần, chồng con cũng dang dở hay làm lẽ.

SAO THÁI DƯƠNG

(Biểu tượng mặt trời (Nhật) nam tinh Dương Hỏa Chủ về Quan Lộc)

Thái dương miếu ở Mão cung,

Vương ở Ngọ, Tỵ, Thìn, Dần, một phương

Bình thì ở Dậu khá tường,

Hãm: Tuất, Hợi, Tí, Sửu cung rõ ràng.

Thái dương, mặt hóp thân gày

Thông minh, tươm tất, thảo ngay, hoà hiền

Canh nhân: Ngọ mệnh khá khen,

Nhâm nhân: Ngọ mệnhquí quyền tinh thông

Giáp nhân: Hợi mệnh vô dung;

Từ Mùi đến Sửu bần cùng khốn thay;

Dương Đà, Không Kiếp ăn mày

Đa phiền tâm sự tính ngày lo đêm

Da đen sắc hãm tính hen

Kyk, Đà: tật mục chẳng yên mọi đường

Thái dương miếu vượng mệnh phương

Loài người trung nghĩa tính cương lạ lung;

Tốt nhất lai chiếu Thái Am

Tử vi, Tả Hữu, Lộc Quyền cát tinh

Dương mà cư Hợi u minh

Gặp Khoa Quyền Lộc hóa thành giàu sang

Dương hội Tả Hữu; Tài, Quan

Cũng là Khôi Việt, Khúc Xương lẫy lừng

Tử cung Bát toạ cung Dương

Cát tinh hội họp sanh phường quí nhi

Cự, Phá thụ ám Dương này

Mắt mờ lao khó, thị phí suốt đời

Linh, Hỏa, Hình, Ky cùng nơi

Dễ sinh tai hoạ khó rời tránh xa

Sửu Mùi: Nhật, Nguyệt xem qua

Đối cung có mệnhắt là rạng danh

Cùng cư Mùi, Sửu cho minh

Tam phương vô cát khó thành được công

Bấy giờ gần gặp Tuần Không

An Quang, Thiên Quí, Khúc Xương chiếu miền

Cũng là văn cách thánh hiền

Khác nào Nhật, Nguyệt các tín hợp cùng

Sát tinh Nhật, Nguyệt hãm cung

Nam thì gian đạo, nữ dòng dâm bôn

Kình, Đà, Diệu, Ky, Kiếp, Không

Lại là đôi mặt chẳng mong được dùng

Nhật, Mộc, Mã tại Ty cung

Trường sinh, Phụ Bật hợp cùng; phú vinh

Bằng gặp Tướng Ấn: binh hùng

Phải thờ loạn thế mới thành công to

Nhật, Nguyệt địa chiếm chớ ngờ

Cát tinh gia hội đợ chờ thềm cung

Mệnh Nhật Nguyệt, gặp Triết Không Đóng cung Giải ách, hợp cùng hỏa Linh Có Kình, Đà, Kỵ khá kinh Lưng còng, mắt chịu tật hình chẳng ngoa Nữ Mệnh: Dương chiếm ắt là Phu nhân, nếu chẳng gặp ta ác tinh Dương, Cự, Hao thật không lành Chồng con phối hợp bất thành hôn nghi

Cước giải: Sao Thái dương thường gọi là Nhật, cung như Thái âm thường thường gọi là Nguyệt. Một bên tượng trưng mặt trời, một bên la mặt trăng. Mật trời phải đứng ở dương phương, từ Dần đến Dậu thì sáng sủa, còn mặt trăng đứng ở âm phương, từ Dậu đến Sửu thì mới đẹp, tuy nhiên có nhiều cách hãm mà tốt, cần được chú ý.

Đối với Nam mệnh, Nhật Miếu, Vượng hay Đắc địa thì con người vừa tầm, mặt vuông vắn, da hồng hào, dáng điệu đường bệ, thông minh, cương nghị, nhân hâu. Người sinh ban ngày và là Dương nam, Dương nữ thì tốt tăng lên, nhưng nếu sinh về đêm, mà lại là âm thì tốt bị chết giảm

Nhật Miếu, Vượng, Đắc địa gặp được trung tinh hội như Xương, khúc, tả, Hứu, Tam Hóa, Khôi việt, đựơc cách nào cũng tốt chủ về tài quan vinh hiển. Nhưng nếu gạp phải Tuần, Triệt án ngữ thì trọn đời không toại ý, thường bị bệnh đau đầu, khí huyết kem, cần phải ly hương lập nghiệp mơi hay

Nếu trường hợp trên gặp phải ác tinh, như Kình đà, Không kiếp, Diệu, Hình, Kỵ, thì trở nên trắc trở công danh tiền tài khi có khi hết, lại hay gặp ta ương

Nếu Nhật đắc địa mà gặp riêng sao Hóa Kỵ, không có ác tinh khác tất biến thành tốt đẹp vô cung, giàu sang và sống lâu.

NHẬT HÃM ĐỊA: Thân hình bé nhỏ, mặt choắc, tính ương gàn, kém bền chí, mắt kém, trọn đời vất vả, về già mới khá giả được.

Nếu hãm mà gặp được Tam Hóa hay Xương khúc, Đào hồng, Tả hữu, Khôi việt, hay Hảo linh đắc địa tất biết ra tốt đẹp về tài danh.

Nếu gặp được Tuần, Triệt, thì cũng trở nên khá, tuy thường ly hương lập nghiệp.

Nếu hãm mà gặp ác tinh nữa như Kình, Đà, Không, Kiếp, Diêu, Hình thì tai ương khủng khiếp và yểu.

Đối với nữ mệnh, nếu Nhật đắc địa như các cách trên trì phúc thọ song toàn. Nếu gặp các cách hãm như trên thì thương đau yếu, ly hương, lập gia đình muộn hay làm lẽ mới khỏ cảnh ly tan. Nếu lắm ác tinh nữa thì khắc hại chồng con, chỉ sống lang bạt, không thì yểu tử.

SAO VŨ KHÚC

(Bắc đẩu tinh – Thuộc Kim – Chủ về Tài Bạch)

Vũ Khúc Thìn Tuất mệnh Thân
Hoặc là Mùi Sửu cát tinh hợp phường
Quyền Lộc, Tả Hữu, Khúc Xương
Uy danh hống hách vang lừng chẳng hư
Tứ Mộ: Tham, Vũ đồng cư
Ngoài 30 tuổi mới dư dả dùng;
Nếu gạp Kiếp Sát thủ trung
Lại là tiền phú hậu bần chẳng sai
Vũ, Khúc, Lộc, Mã an bài

Buôn xa hoạch phát ít người dám đương

Vũ, Phá: Ty Hợi bất lương

Nếu có Tham, Sát ắt không ra gì

Hoặc đò tể, hoặc yểu vi

Vũ mệnh cung Mão quí thay phải tường

Vũ nơi Tuất Hợi ba phương

Gặp, Nguyệt, Tham, Ky trẻ thường lao đao

Liêm, Tham, Vũ, Phá chiếu vào

Mệnh viên có Đế dồi dào lắm thay

Vũ Khúc, Văn Khúc rất hay

Ở nơi vắc địa là tay anh hùng

Vũ, Hóa (Lộc Quyền) Thất Sát ở cung

Thai Tọa, Khoi Việt ba cung chiếu về

Ky là phát võ uy nghi

Miếu Vã, Khôi Việt, chức thì tài quan

Tũ Tham: tài bạch khá tường

Không gia ác sát ấy phương hoạch tài

Hợi cung : Vũ, Hỏa trung lai

Người sinh Giáp Kỷ, Nhâm thời pú gia

Dần, Thân, Vũ Khúc thế mà

Gặp Khoa, Quyền, Lộc ắt là Thạch Vương (Thạch sùng, Vương Khải)

Vũ, Tham, Sát, Ky là phường

Làm nghề kỹ nghệ tinh tường sinh nhai

Vũ, Kình, Quả, Tú, chớ sai

Hoặc Vũ, Liêm, Phá trọn đời tai ương (nhất là ở hãm địa)

Vũ khúc, Kiếp Sát, Kình Dương

Là hạng ác độc Không lường hiểm nguy

Gặp Vũ, Tham, Phá phải suy

Nếu không cát diệu đắm mê nhục tình

Vũ Khúc gọi Quả tú tinh

Nữ mệnh gặp phải cướp tranh quyền chồng

Vũ khúc mà ở mệnh cung

Ngoài thì đầu nhỏ, bên trong nốt ruồi.

Giải thích: Vũ Khúc gọi là tài tinh chủ về tiền bạc. Đóng tại mệnh, vóc người vừa tầm, thường ở xa nhà hay là khắc cha mẹ anh em, khắc vợ hay chồng, liêm con.

Vũ Miếu địa ở Sửu Mùi, Thìn, Tuất, là người thông minh có chí lớn, có óc kinh doanh, nếu gặp được cát tinh như Tam Hóa, Tả Hữu, Khôi, Việt, Xương Khúc, tất được phú quí hiền vinh trọn đời, nhưng phải ngoài 30 tuổi mới thành đạt. Tráilại nếu đắc địa mà gặp Kiếp, Sát thì biến ra tiền phú hậu bần, tức khoảng ngoài55 sa sút.

Vũ tai Mão Dậu tuy cũng khá nhưng hay ốm đau và dễ bi tai nan.

Vũ hãm địa ở Tỵ, Hợi là người lẩn thẩn, hay than vặt, suốt đời lao đao về tiền tài và danh vọng. Nhưng nếu hãm mà gặp được Xương Khúc, Khôi, Việt, Tả Hữu, Khoa Quyền Lộc thì làm nghề kỹ nghệ thủ công hay buôn bán có thể khá giả được và hưởng được tuổi tho. Bằng như vừa

hãm địa lại vừa gặp ác tinh như Ky, Hình, Diêu thì mắc tai nạn khủng khiếp, ắt là yểu tử. Trái lại nếu hãm địa mà gặp Hỏa Tinh mà người sinh năm Giáp, Kỷ thì có thể trở nên giàu sang.

Đối với nữ mệnh vũ Miếu, Vượng hay Đắc địa là người đảm đang, giàu có, nếu có cát tinh hội họp nữa thì phú quí tột đọ. Nhưng phải lập gia đình muộn mới tránh được nỗi buồn đau.

Gặp hãm địa thì cũng là người đảm đang đấy nhưng tham lam bạo tàn, suốt đời lao tâm khổ tứ vì bệnh tật tai họa, néu gặp cả ác tinh ám hại nữa thì là hạng lăng loàn, khắc chồng hại con khó tránh được tai ương yểu tử.

SAO THIÊN ĐỒNG

(Thủy đới Thổ – Nam đẩu tinh – chủ: Phúc đức)

Đồng miếu: Tỵ Hợi, Vương: Tí Thân Bính thì: Mão, Dậu, Tuất, Thìn cung Lợi về độc chiếm nơi Dần ấy Hãm ở Ngo Mùi Sưue khá thông.

Thiên Đồng đầu lớn lưng dầy, Hình thời phì mãn, tương rày phương viên On lương vả lại hòa hiền, Khoa Quyền tấu hợp cỏ quyền có uy Đồng đóng mệnh, tính đổi thay, Là sao thọ khảo phúc đầy đáng ghi Hảo, Linh, Không, Kiếp kể chi Gặp Đồng: bần khổ cùng thì u mê. Thiên lương Nguyêt đức chiếu kề, Át là mô phật hướng về tăng ni Đồng nơi Tuất Ngo yên vì, Hãm cung, nhưng tuổi Đinh thì hiển vinh; Nếu có Hóa ky thêm xinh ấy là ứng hợp giúp thành giàu sang. Đồng. Lương cùng hội Dần, Thân, Vừa giàu vừa thọ giữ phần yên vui Đồng, Lương, Linh, Ky, Quyền, Khôi Lai gia song Lôc hoach tài phú thương Đồng, Lương, Cự đóng 3 phương Tam Hóa, Tả Hữu là Phường tài năng Đông, Nguyệt cùng ở Ngọ cung Sát tinh hội hợp: kỷ công ấy nghề: Nếu gặp được Kình dương kia, Mà tuổi Bính, Mậu, biên thuỳ tướng công Đồng, Nguyệt: Tí, gái hoa dung, Gặp Tang, Diêu, Khốc; khóc chồng lắm phen.

Cước giải: Đồng tọa thủ, người mập, hơi thấp, chân tay ngắn, da trắng, mặt vuông.

ĐỒNG: MIẾU, VƯỢNG hay ĐẮC địa là hạn nhân hậu, hay thích thay đổi công việc, nhà cửa, ý kiến, tuy được hưởng giàu và thọ.

Nhưng nếu đóng ở Ty, Hợi thì là khách phiêu lưu, lại khắc những người tuổi Đinh và Canh, trong đời thường gặp nhiều bất mãn.

Nếu gựp nhiều cát tinh hội thì phú quí tột bực. Trái lại nếu gặp phải hung tinh như Hình, Kỵ, Linh Hỏa, Kình Đà, Không Kiếp, thì tuy được no ấm, song trọn đời lao tâm, khổ tứ, dễ mắt bịnh ở bộ tiêu hóa.

ĐÒNG: HÃM ĐỊA ở Ngọ, Mùi, Sửu là kẻ kém thông minh, nông cạn thịch chơi bời ăn uống, tuy thọ, nhưng lao đao về sinh kế, hya nói khoát. Nếu ở cung Ngọ, Tuất mà người tuổi Đinh cũng khá giả. Đồng hãm gặp được cát tinh cứu vớt rất nhiều về công danh và tiền tài.

NỮ MỆNH: ĐÒNG Miếu Vượng, Đắc địa là người đảm đang. Vương phu ích tử. Nhưng ở cung Ty, Hợi lại là hạng dâm đảng, nhưng rất xốc vát, xông pha.

Nếu gặp Hãm địa thì là hạng hoang tàn dâm dật, tuy no cơm ấm áo, thườn hay làm lẽ hay muộn chồng? Chẳng may gặp sát tinh nữa thì chung thân cùng khốn ly tông, lang bạc, thường mang bệnh ở Tử cung, bộ Tiêu hoá hay đau mắt.

SAO LIÊM TRINH

(Am hỏa – Bắc đẩu tinh – Chủ: Quan lộc và Hình ngục)

Liêm trinh miếu: Dần, Thân, Tí, Ngọ Vương thì Thìn, Tuất, Sửu, Mùi cung Hãm nơi Tỵ, Hợi đôi đường Cùng là Dậu Mão cho tường để phân.

Liêm, Hỏa: Không, Kiếp, Phá quân

Liêm trinh hảo điệu thân trường Lộ hầu, lộ nhãn mặt mày vàng xanh Tính thời táo bao tương tranh Khí dữ khí lành du đãng phấn hoa Mùi cung vinh dự đó mà Thân cung cự phú, Hợi ra cơ hàn Liêm đắc địa, Khúc Xương cùng Là người văn vỏ anh hùng lược thao Liêm hãm Ty Hơi xấu sao, Lại gặp hung sát lao đao trọn đời Liêm trinh, Quan phủ cùng nới, Hãm cung tai hại kiếp người ra chi Liêm mà gặp được Tử vi Ở cung Miếu vượng quyền uy đó mà Gặp Lộc Tồn ấy phú gia Liêm Tham, Sát, Phá phát đà vũ công (đắc địa mơi được) Nhưng Liêm vương địa vẫn phòng, Chơi bời tửu sắt có lần công môn. Liêm, Phá, Nhật, Nguyệt tràng phùng Dê đau hai mắt khi xong việc rồi. Liêm Hao: Tài, Mệnh cung ngồi Phá tán tổ nghiệp ra người bần nhân

Hãm cung, thắt cổ nơ trần hết duyên

Hình, Diêu, Tham, Ty ngộ Liêm

Ở cung Ty Hợi là điềm mạng vong

Liêm trinh ở Mão, Dậu cung

Sát tinh cung hội danh công khó màng.

Liêm cùng Văn khúc khá toan

Đồng cung xuôi ngược mọi đàng khảm kha

Trong Do uy mãnh ấy là

Liêm trinh nhập miếu (Dần, Thân, Tí, Ngọ) hợp và Tướng quân

Liêm, Kiếp, Kình dương khá phân

Ở cung Mão, Dâu ắt phần ngực lao

Hoặc là tứ sát (Kình, Đà, Linh, Hỏa) tránh sao xích xiềng

Tham, Liêm đồng độ đảo điên

Trai thì phiêu lãng, Gái duyên dâm tàng.

Cước giải: Liêm đóng mệnh, người to lơn, cao, da thô, mắt lồi mày rậm. LIÊM: MIẾU, VƯỢNG, ĐẮC ĐỊA là hạng thắng thắn, nghiêm nghị, nóng nảy, trọn đời khá gải và thọ. Nếu được trung tinh như Tam hóa, Tả hữu, Xươngkhúc, Khôi việt hội thì thật uy danh lừng lẫy, phú quí vẹn toàn. Trái lại nếu bị hung tinh ám thì không được xứng ý, toại lòng. Công danh trắc trở, tiên của tựu tản, mà hay mắc tai ương.

LIÊM HÃM ĐỊA (Tỵ Hợi, Dậu Mão) là hạng khắc nghiệt, nham hiểm có óc kinh doanh, thường khéo về kỷ nghệ; nhưng trọng đời lo toan vất vả, hay vướng vòng lao lý. Nếu gặp hung tinh nữa như Kỵ, Hình, Tứ sát, Lục bại thì chung thân khốn đốn, ngục tù, yểu tử, mà chết một cách thảm khốc.

Nhưng nếu hãm Ty, Hợi mà gặp riêng Ky thì lại trở nên khá giả mà cũng tránh được nhiều tai ách. Song nếu có Ky mà lại gặp Văn xương hay Văn khúc thì lại rất xấu xa, nhất là tuổi Bính càng đáng lo ngại cho sinh mệnh vô cùng.

Nếu hãm địa ở Mão Dậu mà gặp Linh, Hỏa là hạng gian ác, nguy hiểm, chỉ chực hại người.

VỀ NỮ MỆNH: nếu được Miếu địa thì thật toàn hảo. Trái lại nếu là Vượng hay Đắc địa tuy cung là hạn đảm đang, giàu có, song mặt ngoài nghiêm nghị mà bên trong chứa dâm tàng, thế nào cũng có tật bị thương, nếu gặp phải sát tinh thì cái xấu càng tăng thêm. Số phải xa lìa cha mẹ sơm và phải muộn lập gai đinh mới hay.

LIÊM HÃM ĐỊA đối với nữ mệnh là hạng người ti tiện, độc ác khắc chồng hại con, mang nhiều tật thương, nếu không sớm lìa gia đình thì cung vướng vào tù tội. Nếu gặp cả sát tinh hội thì ắt là yểu tử mà chết một các tai nạn thảm thương.

SAO THIÊN PHỦ

(Nam linh – Thuộc âm Thổ – Chủ: Tài Quyền)

Thiên phủ âm thổ miếu cung

Sửu, Mùi, Thìn, Tuất, Mão phương hợp quần

Vượng nơi Tí, Ngọ khá phân:

Địa: Dậu, Ty, Hợi, Dần, Thân ấy mà

Thiên phủ Miếu Vượng khá thông Mặt tròn da trắng ôn dung thuần hỏa. Thông minh và có tài ba

Lộc, Quyên, Khôi, Việt, càng gia sang giàu

Kiếp, Không, Linh, Hỏa chẳng mầu,

Vương, Đà biến trá, thế âu khó hèn.

Triệt, Tuần đóng ở một bên,

Áy là cô độc chẳng nên kể gì;

Hợi cao hình ấy nhớ ghi,

Trọn đời nghèo khó tính thì phiêu lưu

Phủ rất ghét những sao tứ sát (Kình, đà, Linh, Hỏa)

Biến con người hiểm ác gian manh

Phủ cần gặp được văn tinh

Hay là hội hợp với mình Tử vi

Nữ mệnh có Phủ ai bì,

Vượng phu, ích tử thảo ngay hiền hoà

Nhị hạn (Đại, Tiểu hạn) gặp chủ xem qua

Nếu không Hình sát ắt là cao sang

Phủ: Ngọ Tuất hợp làng cát diệu,

Tránh Kiếp, Không tuyệt diệu sang giầu

Nhất là Giáp, Tỷ càng mầu

Triều viên phủ Tướng cung âu thế này

Quền Thần hội cách hay đã rõ;

Phủ, Tướng, Lương cùng bộ cát tinh

Lộc tồn, Xương, Khúc bên mình,

Hoặc là Tả, Hữu hiển vinh anh tài.

Phủ, Vũ, Khúc an bài cung Tí

Người Giáp, Đinh cách ấy rất hay

Gặp phải Tuần, Triệt rủi thay,

Tiếng bia miệng xấu tháng ngày không yên;

Nhưng gặp tuổi Canh Nhâm, chế ngự

Phúc tài kia vẫn cứ hạnh thông

Phủ kỵ Không Kiếp đồng cung,

Gặp Thanh long biến thanh vòng cát tinh

Tài, Điển hãy đinh ninh xem rõ:

Phủ Vũ Quyền, Lộc ngộ giàu sang

Dần cung Tử Phủ khá tường

Tam Hòa, Kình, Bật là phường văn

Áy văn cách chuyển ngay võ tướng

Nắm quyền uy bốn hướng phục tùng

Nếu gặp Không, Kiếp giao lâm,

Át danh hư ảo có lâm được đâu.

Phúc cung thấy đứng đầu Thiên phủ

Địa kiếp kia vào đó rủi thay,

Đoán rằng yểu tử cung tay lạc loài.

Cước giải: Mệnh có Thiên phủ là người thanh tú, tăng đều, tính ôn hậu, lòng từ tâm. Suy tư thâm trầm, có nhiều trí hóa. Trọn đời nhàn hạ giàu sang. Nếu gặp phải Tuần, Triệt hay Không, Kiếp thì mình hơi cao, tính hơi ương ngạnh, thích hoang phí, phóng đãng, hay tính chuyện viễn vông, thường túng thiếu hay bất mãn. Nếu gặp nhiều sát tinh thì lại là hạn gian trá, lừa người dối mình. Bởi đó Phủ cần tránh được Thiên không, Địa không, Địa kiếp, Tuần Triệt mà càng gặp được cát tinh càng nhiều sự gia tăng phúc lộc.

NỮ MỆNH: Phủ đóng thì mặt tươi như hoa, ở nơi Miếu, Vượng địa ắt là bậc đoan thục, vượng phu ích tử; ở nơi Đắc địa mà gặp được cát tinh hội cũng chẳng kém phần phú quí.

Trong trường hợp gặp Tuần, Triệt, Không, Kiếp thì đau khổ, lo âu vì chồng con, và không hưởng được tuổi thọ cao.

Nhưng cũng tuỳ tuổi người mà chế giảm, và cũng tuỳ cách mà suy cho đúng: ví như Phủ gặp Kiếp, Không mà lại có Thanh Long đóng đồng cung thì hóa ra lành. Hoặc là có hung tinh, nhưng cát tinh nhiều hơn cũng là phương thế để giúp cho Phủ rực rỡ.

SAO THÁI ÂM

(Bắc tinh – Am thủy – Chủ: Điền trạch)

Hợi, Tí, Sửu: Thái âm miếu địa;

Dậu, Tuất nay Vượng thế cho tường

Mùi, Thân lợi ích đôi phương

Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ phườn hãm cung

Thái âm: Thủy, Bắc tính ấy hướng.

Ở Miếu cung tính vốn thanh tân.

Bính, Đinh cư Tí giàu sang

Đã lòng từ thiện, lai làng kinh luân.

Nguệt miếu vượng trùng phùng Xương, Khúc,

Việt, Khôi, Khoa, Quyền, Lộc, Đào, Hông,

Thiên hỉ Tả Hữu song song

Giàu sang hồ dễ ai hồng dám tranh

Hoặc là Nguyệt Mệnh cung độc thủ,

Sanh vào đêm đúng buổi trung tuần (từ mùng 10-20)

Cũng là đẹp để muôn phần,

Giảm đi nếu gặp Triệt, Tuần án ngăn.

Ky là số ly tông lập nghiệp.

Nhưng mắt đau hay liệt tuần hoàn.

Nguyệt gia gặp Ky đồng sàn,

Không sao Sát Bại (Tứ Sát, Lục bại) giàu sang trọn đời.

Nguyệt miếu vương là người to lơn

Gặp hãm cung hơi ốm mà cao,

Tính ưa ngâm vịnh tiêu dao,

Danh tài nếu có, nhờ vào văn tinh

Nguyệt hãm gặp Triệt Không thành quí

Chỉ sợ Hình, Diêu, Ty mục nguyền

Nữ lưu nguyệt vượng như trên
Là người nhan sắc đảm đang lợi chồng
Nếu gặp Triệt Không làm lẽ (hay muộn)
Nếu gặp Lương hãm địa đa dâm
Mão cung đến Ty chó nhầm
Nguệt Lương họi họp chịu phần khảm kho
Hạn gặp Nguyệt, Kình,Đà đáng ngán
Ky nhân ly tàin tán phải phòng
Nguyệt gặp Long Trì ở cùng
Tuy xấu nhưng cũng được phần ấm thân
Cung Thê hội Thái Âm Văn Khúc
Vợ cao sang tột bực nữ lưu
Tham Lang với Nguyệt cùng ngồi
Ở cung hãm địa ấy người dâm bôn.

Cước giải: Mệnh có Thái Âm miếu địa, vượng địa thì người to lớn, da trắng mặt vuông, thông minh hoà nhã, từ tâm, thịch văn chương, mỹ thuật, được hưởng giàu sang và sống lâu. Nguệt hợp với âm nam nhất là sinh ban đêm vào khoảng trung tuần của tháng tức từ 10 đến 20 thì thật là toàn mỹ. Đã Miếu vượng, đắc địa mà gặp cát tinh hội thư Xương khúc, Khôi việt, Tả hữu, Tam hóa, Đào hồng thì phú quí đến tột độ. Nhưng nếu gặp Tuần Triệt thì lao đao hay đau yếu, mắt kém, ly hương, dễ bị bệnh tiêu hóa. Nếu gặp những sát tinh như Linh Hỏa Kỵ Diêu Hình thì càng kém nữa tuổi thọ cũng chiết giảm.

Nhưng nếu ở cung đắc địa thôi (không phải Miếu, Vương địa) mà lại gặp được Tuần Triệt thì cũng khá phú quí, bằng như gặp Hóa Ky đồng cung mà không có sát tinh thì biến ra tốt vô cùng.

THÁI ÂM HÃM ĐỊA ở Dân, Mão, Thìn, Ty, Ngọ thì tính ương ngạnh thích ngâm hao vịnh nguyệt, không tham danh lợi, trọn đời chẳng được vừa ý, dễ bị tật thương. Nhưng nếu hãm địa mà gặp được các sao tốt như Xương Khúc, Khôi Việt, Tả Hữu, Tam Hóa, Đào Hồng hoặc gặp Tuần Triệt thì trở nên tốt và tuổi thọ cũng tăng. Trái lại nếu gặp các sao sát tinh thì đau ốm tật nguyền và yểu tử.

Nguyệt dù Miếu, Vượng, Đắc địa hay hãm địa mà gặp Thiên Hình ở đồng cung tất nhiên mắt phải có tật.

Nữ mệnh: Ở nữ mệnh và Nguyệt Miếu, Vượng, hay Đắc địa là hạng có nhan sắc và đức độ, rất đảm đang, vượng phu ích tử. Nếu có cát tinh hội nữa thì thật quí vô cùng.

Nếu Miếu địa, Vượng địa mà gặp Tuần Triệt đóng thì cũng xấu như ở cung hãm địa, tất phải đang dở hoặc làm lẽ, chịu buồn thương rất nhiều về cuộc đời tình ái. Vẽ đời sống thì lang bạt, dâm đật, bệnh ở bộ tiêu hóa hay ở tử cung, dễ gặp những tai họa khủng khiếp và là hạng yểu tử.

SAO THAM LANG

(Bắc đẩu tinh – Am thủy – Chủ về uy quyền và họa phúc – Thuộc loại hung tinh và dâm tinh)

THAM LANG miếu: Sửu, Mùi, Thìn, Tuất

Địa : Dần : Thân, bính : Tí, ngọ cung.

Hãm về Mão ; Dậu khá phân, Cùng là Tỵ ; hợi dự phần xấu thay.

Tham Lang miếu vượng chí cung

Miếu thời người lớn là giòng lược thao/

Hãm cung Ty Hợi xấu sao

Nhỏ người, mê mệt tiêu hao phong tinh;

Hiểm đọc mà lại đa kinh

Tham tình tham sức quen mình bạc hung.

Dương, Đà, Không, Kiếp bần cùng

Vũ, Trinh, Sát hãm hành hung cướp đường

Sửum Mùi : Tham vũ đồng hương

Thiếu niên bất phát; thế thường bôn ba,

Ngoài 30 tuổi mới là

Giàu sang, quyền thế một nhà vui thay.

Tham: Tứ Mộ gặp nhay Hóa Ty

Tuy ngược xuôi số ấy hoạnh thương.

Đồng cung Tham với Văn Xương

Da thời bạch biến mặt thương lang ben.

Cung tứ Mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) Tham Linh hay Hỏa

Ky giàu sang cao cả chức quyên.

Dần Thân, Tham gặp Tràng sinh

Không sao át sát thọ vinh ấy mà.

Cung Tí, Hợi ; Tham và Quyền, Vượng.

Chuyển thành ra số sướng giàu sang.

Nhất là Giáp, Kỷ đôi đàng.

Hanh thông hưởng phúc rõ ràng cơ duyên.

Cung Dần Thân Tham Liêm lại đống

Gặp Văn Xương, Quản Trọng lao trung

Tham, Vũ, Phá Quân hợp cùng

Mà không cát diệu ấy dòng dâm bôn

Tham Liêm hội đồng cung phiêu lãng,

Nếu nữ nhi là hạng dâm tà.

Hợi cung càng hãm cem qua,

Có át tinh đóng ắt ra bần cùng

Tham Đà, đóng Dần cung truy lac

Hoặc Ngọ, Dần có át tinh vô,

Hội cung lang Hổ âu lo

Hoặc sé đánh, hoặc nạn to đợi chờ

Mệnh Mão, Dậu Tham cư thoát tuc

Gặp Kiếp, Ty ray hẳn lúc hoãn lương

Tí, ngọ Tham đóng hai cung

Nếu không Quần Triệt là phường bất nhã

Tham đào số Nữ bần dâm loạn

Ở hãm cung hãy đoán cho tường

Tí ngọ, Mão Dậu ấy phương

Nhưng có Tuần Triệt lại phường đoan trinh

Cước giải: Mệnh có Tham thủ ở cung Miếu. Vượng, Đắc địa là người cao lơn đẫy đà, râu nhiều lông rậm (ở Miếu địa có nốt ruồi to). Tinh trung hậu nhưng hơi tự đắc và hiếu thắng, thích hoạt động cơ nhân, tham vọng to lớn, có óc kinh doanh kiêm tài tổ chức. Làm việc tất tích cực nhưng chỉ được buổi đầu, sau hay chán. Thích đấu tranh giữa chốn đông người, ưa ăn ngon, mặtd dẹp. Số sống lâu và phú quí, tuy lúc thiều thời hơi vất vả, phải ngoài 30 tuổi thì mới hưởng được mọi sung sướng, về già càng hoạch đạt. Nếu tham gặp Văn Xương thì đa loang, mặt lang ben. Ở Dần, Thân, Tham Liêm gặp Văn xương là số Quản Trọng phải có lúc vào lao. Nếu hợinhng cát tinh thì thật toàn mỹ mọi bề, nhấn là tuổi Giáp và tuổi Kỷ.

THAM HÃM ĐỊA(Tỵ, Hợi Mão, Dậu) là người yếm thế, làm gì cung thất bại, chỉ tu hành mới yên thân; nhưng nếu gặp Địa kiếp, Hóa Kỵ, lại phá giới hoàn tục. Nếu gặp các sát tinh thì vô cùng khốn khó. Nếu ở cung Tí, Ngọ thì cũng khá, thường chuyên về kỹ nghệ, ly hương hay bị tù ngục.

Dù Tham ở MIẾU, VƯỢNG, ĐẮC địa hay HÃM địa mà gặp Hóa Kỵ hay Thiên Diêu đồng cung tất hay bị bắt bở giam cầm hoặc tai ương sông nước.

MỮ MỆNH: Tham Miếu, Vượng, Đắc địa là người tài trí đảm đương can đảm, táo tợn, hay ghen tuông, số giàu sang.

Nếu HÃM ĐỊA thì là hạng làm lẽ hay muộn tình duyên, tính thâm độc, dâm đặt, lang loàn, mang nhiều bệnh, hay gặp tai nạn; nếu gặp cả tung tinh nữa thì thật đáng chê vô cùng.

Tham ở BINH địa Tí Ngọ có đỡ được đôi phần, nếu gặp được cát tinh cung dự phần khá giả.

SAO CỬ MÔN

(Bắc đẩu tinh – Am thủy – chủ ngôn ngữ)

CỰ MÔN miếu Mão Dậu cung Vượng thì Tí, Ngọ, Dần không lẽ bàn Đặc địa: Thân Hợi rõ ràng Hãm nơi Tứ Mộ, Ty cung rành ranh

CỬ MÔN là Thủy Bắc tinh Miếu vượng Tí Ngọ đã đành tốt thay Mình tròn da trắng tóc nay Khoa, Quyền, Đông, Lộc thực đầy vinh xương Cư hãm Tứ Mô đa ngân, Phản phúc nghi hoặc, học càng tối tâm Nhưng ngưồi tuổi Quí tuổi Tân, Lại hưởng phúc lộc dự phần yên vui Kình, Đà Linh, Hỏa cùng ngồi Với sao Cư Tú tron đời tai ương Kình, Cư: Ty khá đề phòng Nước sông, trừ tuổi Bính; Tân an toàn Hợi, Tí: Cư, Lộc, Quyền rất quí Gặp Lộc tồn biến thể ra hư; Mang bao cao vong mit mờ, Như theo mây ám, như chờ bóng xa. Tí Ngọ gặp Khoa, Quyền, Lộc

Áy là người đa học đa năng, Vận thời hen lối thanh vân, Giàu sang đợi bứơc mười phần có dư. Cư gặp Hổ, Tuế, Phù hội viên, *Áy là nghề thầy kiện quan toà.* Cư Môn với lai ĐàLa Nốt ruồi lạ mọc ở và châu thân Cư hoặc Đồng ở cung Thìn, Tuất Có Khoa tinh du thuyết 4 phương Cự, Nhật đồng thủ dần, Thân Ba đời vinh hiển cháu con sang giàu. Gặp Quyền, Phượng thế du rất hiếm Gặp Lộc Tồn lai kém lắm thay Mão, Dâu: Cơ, Cự rất hay Công danh vinh hiển lại tay hoang tàn. Gặp Song Hao là làng quân thế Tuổi Ất Tân Bính Kỷ thêm giàu Nữ lưu cách ấy đẹp sao Vượng phu ích tử càng màu càng xinh

Cước giải: Mệnh có Cự môn thì người thấp, da trăng, mặt vuông mắt hơi lộ. Cự Miếu, Vượng, Đắc địa thì thông minh, có mưu trí, xét đoán giỏi, lời đanh thép, được giàu sang, thọ phúc.

Nếu gặp được sát tinh hội tất phú quí vẹn toàn, uy quyền hiển hách, danh tiếng lẫy lừng.

Cự: Miếu, Vượng, Đắc địa mà gặp Xương khúc, Khôi việt, Khoa, Tuế là hạng văn tài lỗi lạc, ăn nói hùng hồn, hợp cho ngành chính trị, chuyên về pháp luật và ngoại giao.

Nếu lại gặp Hổ, Tuế, Phù là người giỏi về luật pháp, lý luận, thường làm nghề Thầy kiện, Quan Toà. Cự ở cung Tí, Ngọ là ngọc trong đá (Thạch trung ẩn ngọc) nên cần gặp được Tuần, Triệt hay Hóa Lộc thì ngọc mới lộ ra được, thì mới đẹp rực rỡ. Nếu không ặp được cách này hay lại gặp Lộc tồn thì là chìm, ấy là hạng đa học đa năng, nhưng không gặp được thời vận hiển hách.

Nếu lại gặp hung tinh như Kỵ, Hình, Sát, thì tuy có thọ, song không bao giờ được toại ý vừa long. Sức khoẻ suy kém, mang bệnh ở bộ sinh dục, hay có tật ở mắt, thường mang tiếng thị phi, hay bi kiện cáo.

HÃM ĐỊA: ở Tứ mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) là người gian xảo, kém ság suốt, khắc nghiệt, đa nghi, ăn nói hồ đồ, khoác lác, không thịch giao thiệp, đời lắm vất vả, đa bệnh hay mắc tiếng thị phi kiện cáo, khong thọ. Nhưng cự hãm ở Thìn, Tuất đối với tuổi Quí Tân thành sáng sủa, được hưởng giàu sang và tránh mọi tai ương. Nhưng đối với tuổi Canh, Đinh thì lại tăng bội phần xấu xa; đời thật thảm khốc đến cùng độ

Cự hãm ở Sửu, Mùi đối với tuổi Ất, Bính, Tân lại thành đẹp học giỏi, hiển đạt. Cự hãm đối với các tuổi khác mà gặp được nhiều cát tinh cũng là hạng có văn tai. Khá giả. Nếu lại gặp Tuế, Lộc hội thì đi buôn phát đạt. Nếu gặp phải Sát tinh, Kỵ, Hình thì chung thân cùng khốn, tai nạn khủng khiếp

Chú ý: Cự dù Miếu, Vượng, Đắc địa hay Hãmm địa mà gặp phải Hóa Kỵ đồng cung tất phải tai nạn về sông nước hay xe cộ.

Nữ mệnh: Cự đắc địa là người đức độ, vượng phu ích tử, có tài xốc vác. Nếu gặp càng nhiều cát tinh càng quí.

Gặp Cự hãm địa là người có tương lai, ai trông thấy cung mến, nhưng là hạng dâm dật, honag đàng, gian tham, ăn nói sàm sở, chua ngoa. Đời tình ái thường dang dở, yểu tử.

SAO THIÊN TƯỚNG

(Nam Tinh Đẩu – Dương Thủy – Chủ Quan Lộc phúc Thiện)

THIÊN TƯỚNG miếu: Dần Thân Vượng thì Tí Ngọ, Tuất, Thìn cung Đắc địa: Ty, Hợi, Sửu, Mùi vị Hãm thì Mão, Dậu khá tường phân.

THIÊN TƯỚNG, Dường Thủy kể đi Miếu địa tướng mạo uy nghi thanh nhàn Tinh thời chẳng chịu nói càn Lòng thời nhiệm nhặt moi đàng ung dung Thìn Tuất Tướng ngộ Thiên Không Cát tinh gia hội, uy trong quyền ngoài Miếu cung tài cán hơn người Hãm cung thờ phụng sửa nơi làm thầy Tướng: Miếu án ngữ thân nay khó toàn: Hoặc bị súng đạn đạo gươm, Tứ chi đầu mặt tật thương đó mà. Cung QUAN: Tướng đóng xem qua, Nếu gặp Tuần Triệt khó mà rang danh, Thìn Tuất Tướng đóng cũng xinh ấy là quí hiền đua tranh với người Tị Ngọ : Liêm Tướng cùng ngồi Giáp Kình dương ắt ngực tai đợi ngay Nữ lưu Tướng Địa rất hay Hiền phu, quí tử tháng ngày thảnh thơi Tướng Hồng số gái yên vui, Chồng sang kết nguyện phúc thôi dồi dào Nếu gặp Khúc, Cái, Mộc, Đào Vẫ là phúc trọng, tính âu đa tình.

Cước giải: Tướng đóng Mệnh ở cung Miếu, Vượng, Đắc địa thì người có thân hình nở nang, cao vừa tầm, da trắng, dáng mặt uy nghi, tính đôn hâu, rất thông minh, thích ăn ngon mặt đẹp, được hưởng vinh hoa phúc thọ. Nếu gặp nhiều cát tinh thì thật là toàn mỹ. Nếu Vương, địa mà gặp Kình, Đà thì lại chuyên về kỹ nghệ hay là kinh doanh, và chắc chắn là phát đạt. Trong trường hợp gặp nhiều Hung tinh khác đóng thì ắt kém về sự tốt đẹp, nhưng cũng được giàu có và an vui, không có gì đáng lo ngai. Song nếu gặp Tuần Triệt thì công danh trắc trở, tiền bac eo hẹp, hay gặp ách như

dao súng, và chắc không được thọ. Nếu gặp Thiên Hình đồng cung thì đầu, mặt tay chân bị thương tích.

NỮ MỆNH :Có Tướng Miếu, Vượng, Đắc địa là người có tài đảm đang, hay ghen. Nếu cát tinh cùng hội thì thật là hoàn mỹ, ấy là số vượng phu ích tử. Nếu gặp Tuần Triệt thì cô đơn, khốn khó. Vì được giàu có thì không thọ.

Thiên Tướng Hãm địa cũng là gái có tài, nhưng trọn đời buồn khổ về chồng con. Nếu hãm mà gặp hung tinh nữa thì là hạng lăn loàn, khắc chồng, hại con, khó hưởng thọ.

SAO THIÊN LƯƠNG

(Nam tinh – Am thổ đái mộc – Chủ Phụ Mẫu, Phúc thọ)

THIÊN LƯƠNG miếu: Ngọ, Tuất, Thìn Vượng thì Tí, Mão, lại Dần, Thân Đắc địa nơi Mùi, Sửu cung Hãm nơi Ty Hợi, Dậu phòng khá hay

THIÊN LƯƠNG thuộc Thổ nam tinh Lòng lành, cẩn thận, cao thanh ai tay; Xương Khúc Tả Hữu rất hay, Cũng là vinh hiển cũng tay binh quyền Hãm cung ngộ Sát ưu phiền: Nam đa lận đận, nữ duyên nhớ nhàng Ngo cung: Lương mệnh ai đang, Tuổi Đinh, tuổi Kỷ giàu sang ai bì. Lương đắc địa đồng vì Xương, Khúc Hoặc Thái Dương, Hóa Lộc hiển vinh Mão cung Lương Nhật cung sinh Mặt tươi vuông vức, đời đành quan sang Từ cung Tí tiếp liền đến Ngọ, Có Thiên Lương hội chiếu Nguyệt, Linh, ấy người tài cán tinh anh, Hẳn nhiên hưởng tron phúc lành khá phân. Đồng, Lương hội Dậu, Thân một khối Trọn đời người tránh mọi tai ương: Nếu có Cơ, Nguyệt hợp Phường Thông minh ấy kẻ giàu sang thêm màu. Lương: Ty, Hơi thế âu hãm địa Nam phiêu bồng, nữ ấy dâm bôn. Lương Phùng Hao, Sát: Ty cung, Át là khó tránh khỏi vòng đau thương Cung Ty, Hợi đứng cùng Thiên mã Chí đổi thay ấy gã phiêu linh. Còn như Nữ mệnh cho rành Cách này thấy rõ dâm tình hạ lưu.

Cước giải: Mệnh có Thiên Lương thì thân hình don, da trắng, thanh tú, tính khoan hòa, được hưởng thọ.

Lương Miếu, Vượng, Đắc địa mà gặp phải Xương Khúc, Khôi việt, Tả Hữu, Tam Hóa chắc chắn là phú quí và uy quyền. Nếu gặp cả Thái tuế là hạn văn tài: Nếu gặp Hình, Diêu, Quang qui là bậc lương y. nhưng nếu gặp phải Tuần, Triệt thì lao khó trọn đời, dễ gặp tai ương, nên tuổi thọ chiết giảm.

HÃM ĐỊA: ở Tỵ, Hợi, Dậu là kém thông minh rất nhiều: lại thích phóng đãng, phiêu lưu, thay đổi chí hướng luôn, suốt đời phải bôn ba lao toái. Nếu gặp phải hung tinh, nhất là Linh, Hỏa tất trong người phải mang tật. Nếu không thì chết yểu một cách thê thảm ở cung Tỵ hãm mà Lương gặp song Hao, thì dễ bị đao thương.

MỮ MỆNH: Gặp Lương Miếu, Vượng, Đắc địa là người hiền hòa. Nếu gặp được cát tinh hội thì là bậc hiền phụ, vượng phu ích tử, thì trọn đời sung sướng. Nhưng dù đắc địa mà gặp Tuần, Triệt án ngữ thì muộn tình duyên hay là lẽ: nếu không tất phải sơm trở nên góa bụa

Nếu ở Hãm địa thì là gái phóng đãng, ưa việc bướng ong, suốt đời lận đận về chồng con. Nếu hãm địa mà gặp hung tinh nữa là hạng hà tiện dâm dật, khắc chồng, hại con. Nếu không sống cuộc đời cô đơn thì cũng yểu chiết.

SAO THẤT SÁT

(Nam tinh – Dương Kim Đái Hỏa – chủ uy vũ, sát phạt)

THẤT SÁT miếu: Dần, Thân, Tí, Ngọ

Vượng thì Ty Hợi, Địa: Sửu Mùi

Hãm về Mão Dậu ấy ngôi,

Cùng là Thìn, Tuất là người bạo hung.

THẤT SÁT mắt lớn đoi đèn Việc làm muôn chóng một phen cho rồi, Tính thời hay động hay thôi, Lại thêm hung bạo nhử lôi chặng là Hen đến rồi lại bỏ qua, Bạo hổ băng hà nào có sợ ai. Dần, Thân, Tí, Ngọ hữu tai, Khôi Việt, Tả Hữu triều lai càng màu. Quyền Lộc Xương Khúc sang giàu, Lai có Tử phủ công hầu đến tay. Thìn, Tuất, Mão, Dậu khốn thay Làng đầy gian ác mệnh này yểu thương Thất Sát, Hình, Ky, Đà, Dương Chẳng mặt thì mắt có thương mới là.. Cung Ty: Sát ấy là đẹp quá. Nếu chẳng may Tuyệt, Hỏa cùng ngồi, Áy phường tàn nhẫn đó thôi, Áy phường khát máu tanh hôi sát gì.

Liêm: Mùi Sửu cùng vì Thất Sát, Tuy cang kiên nhưng chắc chết đường: Nhưng mà Kỷ, Ất sinh nhân Anh hùng trí dung mười phần khá khen. Sát: Mão, Dậu, Tuất, Thìn hãm địa Biết lắm nghề nhưng chả tinh thông. Sát kình ở tại Ngọ cung Tai ương thảm khốc chờ trong cuộc đời Nhưng Giáp, Kỷ là người cái thế, Bậc anh hùng địa vi thênh thênh Còn Sát miếu địa gặp Hình ấy là võ nghiệp nổi danh tướng tài Sát Tí Ngo duyên hài hiền phu, Gặp Kiếp Diêu lại ở độc thân. Nhan Hồi yêu chiết khá phân, Mệnh phùng Tuyet địa, Sát cùng Đà, Dương Sát Kình, Hỏa về phương hãm địa Số nghèo nàn, đồ tể ra chỉ Thêm Đà, Linh thật đáng chê, Lưng gà tật ách, mọi bề tai ương Kìa Nữ mệnh : Đinh, Tân 2 tuổi Sát, Phá, Tham lai hội Văn Xương ấy là goá bụa đáng thương

Nếu không cũng chịu dở dang duyên tình.

Cước giải: Mệnh có Thất Sát thì người vừa tầm, da ngâm ngâm đen, mắt to và hơi lồi, tính ương ngạnh, nóng nảy, làm gì cũng muốn cho chóng xong. Sắt Miếu, Vượng, và Đặc địa là người dũng mãnh, có mưu cơi, được nhiều người tin phục, giàu sang, thọ, nhưng thường lúc thăng trầm. Người tuổi Giáp, Canh, Đinh, Kỷ gặp sát thì tài quan toàn mỹ. Sát gặp được cát tinh hội hay gặp được Kình dương đắc địa cũng có uy quyền lớn. Chẳng may gặp phải hung tinh thì là tính khí tàn nhẫn, có nhiều tật bệnh, hay gặp tại nan.

HÃM ĐỊA: Ở Mão, Dậu và Thìn Tuất là hạng hung bạo, hay khoát lấy thường làm nghề đồ tể, thợ rèn. Nếu giàu thì yểu. Trừ tuổi Ất, Tân lại khá giả. Sát hãm mà gặp Hình đồng cung ắt phải tù tội, hoặc bị giết, bị tai nạn đao thương

NỮ MỆNH: Sát Miếu, Vượng, Đắc địa là người gan góc, bạo dạn, hay ghen được hưởng giàu sang, song nếu lập gia đình sớm thế nào cũng có sinh ly tử biệt. Nếu gặp được cát tinh tất phú quí tôt đô.

Sát hãm địa là hạng đàn bà lòng lan dạ thú, khắc chồng, hại con đa mang tật bệnh, thường gặp tai ương. Nếu gặp phải hung tinh nữa thì thật là chung thân cùng khốn và chắc chắn là yều tử.

Nên xem kỷ phú ở trên và suy nghiệm cho tinh tường.

SAO PHÁ QUÂN

(Bắc tinh – Am thủy – Chủ : phu thê, hao tán)

PHÁ QUÂN miếu Tí Ngọ cung

Vượng thời Mùi Sửu, Địa Thìn Tuất Bình nơi Tỵ Hợi, Hãm Dần Thân Cùng là Mão Dậu đối cung đó mà

Phá Quân âm thủy kể ra Lưng dầy, mình thấp lai là mi thưa: Tính cương chẳng có ai ưa: Ra lòng bạc ác chẳng vừa được lâu Thìn Tuất hiểm độc mưu sâu, Bỏ chưng tổ nghiệp mới hầu nen thân Vượng địa Tí Ngộ hai cung; Tả Hữu; Tam Hóa 3 phương chiếu về. *Áy người hiển đạt dạnh ghi,* Gặp Kình đắc địa lại tay siêu phàn. Phá; Tham gặp Tử vi lang Hội cùng Liêm, Sát; quan sang sẵn dành Tứ Mộ: Phá gặp Lộc; Hình Uy quyền chắc hằn rạng danh đó mà Thìn; Tuất: Phá gặp Tuần, Khoa, Tuổi sanh Quí; Mâu thật là hiển vinh. Phá, Hỏa, Việt đóng Dần, Thân Giỏi về kỹ nghệ, tinh tường xưởng cơ Phá, Kình Tả Hữu chớ ngờ Ở cung Mão, Dậu ắt là loạn quân Phá, Hỏa, Hao ấy kề gần, Khó tránh tai nan dành phần trước sau Phá, Tham, Lộc, Mã giao nhau Nam thì lãng đãng, nữ mầu đa dâm Phá cùng Linh, Hỏa giao lâm Bôn ba lao toái, lo phần ấm no Phá, Liêm, Tang, Đẩu cùng lò Từ cao ngã xuống đợi giờ hoạ tang Phá, Hao, Linh; Nhẫn (Kình dương) cung Quan, Gặp Tham hãm đi, tính đàng ăn xin Phá Quân Nữ mệnh khá cem

Đắc địa, Cát Diệu hòa hiền hiển vang

Chỉ làm kế thiếp khỏi đàng sinh ly

Hãm cung ác độc dâm loàn,

Cước giải: Mệnh có Phá Quân thì thân hình đảy đà, vừa tầm (Nếu ở Đắc địa và hãm địa thì thân hình hơi thấp), mắt hơi lộ; hầu lộ lông mày thưa,

Phá ở Miếu vượng và Đắc địa là con người thông minh; cương nghị; tự đắc có thủ đoạn; can đảm; thích hoạt động; ham săn bắn; tính hay ưa nịnh hót. Số được giàu sang nhưng đời hay gặp bước thăng trầm, tiền bac cũng danh tưu tán bất thường. Người tuổi Đinh và tuổi Kỷ, tuổi Tí đắc

cách, hưởng được phú quí song toàn; còn tuổi Bính, tuổi Mậu tuổi Dần, tuổi Thân cũng được hưởng phú quí nhưng hay mắc tại ương.

Nếu được cả cát tinh hội như Tam Hóa, Tả Hữu, Xương Khúc, Tướng Ấn hay là gặp hung tinh đắc địa như Kình Đà, Không Kiếp thì thật là công danh thẳng bước; uy quyền hiển hách. Nhưng nếu phá được Miếu, Vượng Đắc địa mà gặp các sao xấu hãm địa hay Đại Tiểu Hao, Bạch hổ, Hóa Kỵ, Thiên Hình thì công danh trắc trở, bôn tẩu đó đây, dễ vượng tù tội, tuổi thọ chiệtd giảm,

PHÁ HÃM ĐỊA: là người ương ngạnh, hung tợn nham hiểm, bất nhân, có óc kinh doanh, thường chuyên về kỹ nghệ máy móc, buôn bán hay mắc tai ách, chiết yểu.

Phá hãm địa tại Mão Dậu mà người tuổi Ất tuổi Tân và Tuổi Tí thì trở nên khá giả,

Phá hãm địa tại Dần, Thân mà người tuổi Fiáp tuổi Canh tuổi Đinh tuổi Kỷ cũng khá.

Phá hãm địa tại Ty Hơi mà người tuổi Mậu cũng tránh khỏi được tại ương.

Phá hãm địa mà lại gặp Kình Đà Không, Kiếp đắc địa cũng trở nên giàu sang, nhưng không khỏi tai ách, nhưng nếu hãm mà gặp Lúc Bại, Tử Sát ở cung hãm thì đa mang tật ách, yểu tử, chết một cách thảm thương.

NỮ MỆNH: Phúa được Miếu, Vượng, Đắc địa là người đảm đương bạo dạn, can trường nhưng hay ghen tuôn, tuy cũng dự được phần giàu sang, song phải muộn lập gia đình, hoặc làm lẽ thì mới tránh khỏi khóc chồng.

Nếu hãm địa thì là hạng đàn bà ác độc dâm dật, khó thọ hay gặp tai ách.

A> NHÓM CÁT TINH (TRUNG TINH VÀ BÀNG TINH)

SAO THIÊN KHÔI

(Nam tinh – Dương Hỏa Đái Kim)

SAO THIÊN VIỆT

(Nam tinh – Am Hỏa Đái Môc)

Hai sao Khôi Việt Chủ: Khoa giáp quyền tước

KHÔI VIỆT hội ở Mệnh là biểu thị con trưởng, rể: không phải thì sau này cũng chiếm trưởng. Khi Khôi Việt gặp các Văn Tinh như Tả Hữu, Xương Khúc, Hóa Khoa, Thái Tuế, Tấu Thưu là hạng văn tài lỗi lạc: Nếu gặp chính tinh Tử, Phủ thìlà bậc văn võ kiêm toàn, có óc lãnh tụ, có óc tổ chức.

Có Khôi Việt, Xương khúc, Lộc tồn hội mà không gặp cát tinh hay Ky, Hình nên hưởng phú quí và sống lâu. Nhưng nếu gặp sát tinh thì trong người có nhiều tật bệnh khó chữa.

Nếu riêng Thiên khôi ở Mệnh mà thêm cát tinh thì cũng rất quí hiển, nhất là gặp Tử vi tại cung Ngo.

Khôi Việt mà giáp mệnh cũng là bậc thông minh, sớm thành đạt, được người người kính trongị, hay gặp quí nhân.

Khôi Việt, Xương Khúc gặp Không Kiếp thì trở nên vô dụng, nếu gặp Hóa Kỵ thì giảm thọ.

Khôi hay Việt mà gặp Hóa, Linh, Hình thì lắm tai ương, dễ bị sét đánh hay điện giật.

Khôi Việt gặp Phúc (Thiên quang, Thiên phúc) gọi là bộ Tứ quí.

NỮ MỆNH: Gặp Khôi việt cùng cát tinh hợp là bậc hiền phụ, rất vượng phu ích tử, trọn đời giàu sang.

Nếu gặp Tuần Triệt hay hung tinh hãm thì phải lao tâm, mắc nhiều tai ương tuổi thọ chiết giảm.

BỌ SAO XƯƠNG KHÚC SAO VĂN XƯƠNG (Bắc đẩu tinh – Dương Kim đái thổ) SAO VĂN KHÚC

(Nam đẩu tinh – Dương Thuỷ đái Hỏa)

Hai sao chủ : Văn chương, Mỹ thuật, Khoa giáp

Văn xương: : miếu địa : Ty, Dậu, Sửu – Đắc địa: Thân Tí Thân.

Lợi địa: Hợi Dậu - Hãm địa: Dần, Ngọ, Tuất

Văn khúc : miếu : Ty, Sửu, Dâu – Vương: Hơi, Mão, Mùi

Đắc địa: Thân Tí Thìn – Binh: Dần

Hãm địa: Ngọ Tuất

Xương Khúc đóng mệnh thường có nốt ruòi kín, mắt sáng, tai thính, có văn tài và năng khiếu về âm nhạc. Xương Khúc miếu vượng địa họp với cát tinh như Tử Phủ Khôi Việt Tả Hữu Tam Hóa thì sơm đỗ đạt hiển vinh. Nếu gặp Đồng Lương đắc địa thì có nhiều tài khéo. Nhưng nếu gặp phải Tuần Triệt hay hung tinh ám thì công danh trắc trở, hay gặp tai họa.

Khúc đắc địa gặp Vũ đồng cung là tay văn võ có uy quyền, nhất là người tuổi Giáp thì uy danh lừng lẫy.

Khúc đắc địa lại gặp Tham Hóa đồng cung hay là hội chiếu tất có quan chức và giàu sang.

Văn Xương miếu địa gặp Tả Phụ thì chức chưởng rất lớn.

Xương Khúc hãm địa nên làm nghề thủ công khéo. Nếu đã hãm mà gặp nhiều sát tinh tức trong người có nhiều vết seom tinh nông nổi, làm việc hay lầm lẫn, dễ vướng tù tội.

Xương khúc ở mệnh dù hãm địa hay đắc đại nhưng nếu gặp Thái Tuế, Tấu thư, Long Trì, Phượng Các hội họp là người nói khéo hát hay, thích thi ca vũ nhạc kịch.

Nữ mệnh: Gặp Xương Khúc đắc địa là gái nhan sắc và đa tình nếu gặp được cát tinh hội thì sung sướng và phú quí.

Nhưng nếu Xương Khúc hãm đại thì mặt cung tươi xinh nhưng tính rất dâm đãng, thường đau khổ về tinh duyên. Nếu gặp sát tinh hội họp thì là hạng tì tiện, khắc chồng hại con, thường là gái giang hồ.

Xương Khúc dù đắc địa hay hãm địa mà có Thiên Diêu hội là người hay mê về đồng bóng.

Cước giải: Xương Khúc giáp mệnh nếu không phú thì cũng

Xương Khúc đóng Mệnh tại Sửu Mùi; hạn đến năm Mão Dậu hoạnh phát công danh.

Xương Khúc ở Mệnh tại Tỵ Hợi cũng được giàu sang.

Xương Khúc và cát tinh đóng cung Phúc đức đắc địa thì quí giá hưởng phúc lâu dài.

Xương Khúc đóng ở cung có Thân cư tại đó mà ngộ Thiên Lương ở cung nô nên yểu tử như Nhan Hồi (32 tuổi)

Xương Khúc đóng ở cung hãm địa mà hạn gặp cung Thìn Tuất của những người sinh năm Kỷ, năm Tân và năm Nhâm ắt là tư tử ở sông nước.

Xương Khúc miếu, vượng địa mà gặp Lộc Tồn là hạng có kỳ tài,

Xương Khúc cư Dần hay Mão mà gặp Phá Quân, Kình Dương Kiếp Sát thì phá tan sự nghiệp.

Xương Khúc đóng ở Sửu Mùi hội với Hồng, Tham, Lộc tồn mà gặp tuổi Dương nữ thì rất vượng phu ích tử.

Cung mệnh có Thái Dương đắc địa mà giáp Xương giáp Khúc thì tuyệt đẹp. Nếu có cả Khôi Việt thì đỗ đạt rất sớm, danh vang lừng như Giả Nghị đời nhà Hán. Nếu có cả Tả Hữu họp nữa là người có tài kiêm văn võ.

BỘ SAO TẢ PHỤ – HỮU BẬT

TẢ PHÙ: Bắc đẩu tinh – Dương Thổ đái Kim

HỮU BẬT: Bắc đẩu tinh - Dương Thủy đái Thổ

Đắc cách: Thìn Tuất Sửu Mùi.

Mệnh có Tả Phụ hay Hữu Bật là người nhân hậu thích giúp đỡ người khốn cùng có nhiều mưu trí.

Tả Hữ mà gặp được Tử Phủ và cá cát tinh là người quí tưởng, phúc lộc vạn toàn.

Tả Hữu mà gặp Cơ Nguyệt ĐồngLương, Long Phượng tất là nghề lương y.

Mẹnh có Tả Hữu dù gặp cát tinh hay hung tinh cũng là người sớm ly tông và tự tay lập nghiệp lấy.

Tả Hữu đóng đồng cung ở Sửu Mùi lại có Khoa Quyền Lộc hội biểu hiểu sự mặc áo gấm tía, tức phú quí song toàn.

Tả Hữu gặp Khôi Việt chủ sống lâu.

Hữu Bật gặp được Thiên Tướng cũng được hưởng phúc; Nhưng nếu ở cung Mão thì không được toại ý

Tả Hữu giáp mệnh được nhiều người kính phục, có tiếng tăm. Nhất là mệnh có Tử Vi đóng thì rất oai quyền.

Tả Hữu gặp Liêm Trinh, Kình Dương thì dễ bị tù tội, chẳng mấy khi được toại ý vừa lòng. Nếu gặp Cự, Phá hãm địa hay sát tinh hội họp tất phải mang tàn tật. Hạn gặp thì nhân ly tài tán.

Nữ mệnh: nếu có Tả Hữu ở mệnh mà gặp được chính tinh đắc địa hoặc cát tinh hội là hạng người siêng năng hiền hoà, giàu có, vượng phu ích tử.

Tả Hữu mà gặp chính tinh hãm địa hay các hung tinh là hạng đàn bà bất chính, sát hại chồng con, dù có hưởng được giàu sang cung không bền.

SAO LỘC TỒN

Bắc đẩu - Dương thổ đái thủy.

Chủ: Quyền tước, tài lộc, Phúc thọ;

Trừ được tính dâm đãng của Đào Hồng

Lộc Tồn ở cung Tài hay cung Điền trạch là người có của ngầm nếu đóng ở Mệnh thì phải được Khoa, Quyền hay cát tinh khác hội thì mới đẹp, nếu không vẫn có tiền dư ăn đủ tiêu, song lắm lúc bôn ba lao toái. Nếu gặp các sao xấu, thì là hạn biển lận, sơm phải lìa gia đình, khắc một trong hai song thân.

Lộc tồn đóng ở Tí, Ngọ mà gặp cung Thiên di hay Thân, Mệnh là người có tài lợi.

Lộc tồn ở Mão có Mệnh ở đó, mà cung Tuất lại có Hóa lộct hì số làm lớn, có công danh.

Lộc tồn tại hợi có Mệnh ở đó, mà cung Tuất lại có Hoá lộc thì tài quan song mỹ, không kể đến việc giáp Kình, Đà là xấu được.

Lộc tồn đóng mệnh lại gặp Hóa lộc, mà không có sát tinh chiếu, lại có các sao tốt cùng chiếu thì là hạng lãnh tụ, chuyên quyền độc đoán như bà Lã Hậu vậy.

Lộc tồn ở Mệnh hay Hóa lộc ở Mệnh mà cung lưỡng hợp cũng gặp Hoá lộc hay Lộc tồn đổi ngược lại là hạng giàu sang, gọi là cách Uyên ương lộc hội, hay là Minh lộc, ám lộc, ở cung Dần là tuyệt hảo.

Lộc tồn ở Mệnh có Thiên mã chiếu, hay thiên mã ở Mệnh có Lộc tồn chính chiếu thì làm dễ ra tiền mà đựoc mọi người quí mến. Trong trường hợp này mà gặp phải Không, Kiếp, Tuế hội nữa thì lao đao về sinh kế, vất vả về công danh, lại hay gặp tai ương.

Lộc tại Mệnh mà chính chiếu có Phá quân thì tiền tài thiếu thốn, sinh kế lẫn quẫn.

NỮ MỆNH: Nếu Lộc tồn đóng cách tốt như trên thì là hạng đoan chính giàu sang trọn đời. Trái lại nếu gặp cách xấu như trên thì là người bất chính, tham lam, dâm đảng suốt đời đa lỵu, buồn khổ về chồng con.

SAO THIÊN MÃ

Thuộc Hỏa – Đắc đia Ty, Dần.

Thiên mã chủ sự tháo vát, nhanh nhẹn, thay cũ đổi mới, gây ảnh hưởng nhiều đến công danh, tài lộc.

Mã đóng tại mệnh gọi là Dịch mã chỉ người có tài năng mẫn tiệp. Nếu gặp Lộc tồn thì gọi là Lộc, Mã giao trì thì tài lưọi hanh thông. Gặp Lộc đồng cung gọi là chiết tiền tức là dùng rọiđánh ngựa, chủ sự việc thành tựu chóng vánh. Gặp Linh hay Hỏa đồng cung tức Chiến mã, chủ binh quyền rực rỡ. Gặp Khốc, Khách hợp gọi là Tuấn mã, chủ thành trên đường chiến trận hay công việc.

Ở cung Dần, Thân mà gặp được Tử, Phủ gọi là Phù dư mã, tức là ngựa kéo xe vua, chỉ tài cán, uy quyền hiển hách.

Nếu gặp Thiên hình gọi là Phù thi mã, tức ngựa mang xác chết, sẽ gặp tai hoạ nếu gặp cả Thiên khốc nữa thì phát võ công. Nếu gặp Đà đồng cung hay xung chiếu gọi là Chiến túc mã, tức ngựa què. Sẽ gặp lắm trắc trở, tai ách. Nếu gặp Tuyệt đồng cung tức cùng đồ mã, mọi việc bế tắc hết. Nếu gặp Tuần Triệt thì gọi Tử mã, ngựa chết không còn hoạt động được gì cả, nên thay chổ ở thì đỡ được phần nào.

Mã gặp Nhật, Nguyệt đắc địa tức là Thư hùng mã, mọi sự hạnh thông. Mã đứng trước cung Mệnh, sau cung Mệnh có Hoa cái gọi là cách Tiền Mã Hậu Cái, tức số người yên vui sung sướng.

Mã đóng ở cung Phối mà không gặp Đà la là số người được phong tặng, hưởng đựơc sung sướng. Mã ở Thân, Hợi bao giờ cũng kém hơn Mã ở Dần, Tỵ, vì đó là ngựa phải đi trong sương mù.

BÔ SAO TỬ HÓA

HOÁ LÔC : Mộc đái Thổ – Đắc đia: Tí, Ngo, Mão, Dậu.

HÓA QUYỀN: Thổ – Đắc địa: Thìn, Tuất, Sửu, Mùi HÓA KHOA: Kim – Đắc địa: Dần, Thân, Ty, Hợi HÓA KY: Thủy – Miếu địa: Hợi, Tí, Dần, Mão; Vương đia: Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

HÓA LỘC: Hóa Lộc tại mệnh là người có nhiều râu, tính thẳng, sành ăn, tài lộc vinh vượng. Lộc đóng ở cung Phúc, Tài, Điền là thần giữ của. Nhưng Lộc mà nằm ở cung Tứ mộ thì giảm thiểu quá nửa phần phú quí, song nếu gặp được Tham, Vũ ở đó thì lại hóa ra rực rỡ.

Lộc đóng ở Dần; Mão là người giàu mà tiền bạc bền vũng.

Lộc ở Tí Ngọ là hạng văn chương quán thế. Số Khổng Tử an ở Tí có Thiên lương thủ mệnh, tam phương có Hóa lộc và Lộc tồn chiếu về.

Lộc tại mệnh mà lưỡng hợp có Lộc tồn, hay ngược lại là người có tài kiểm văn võ, được thụ hưởng giàu sang.

Lộc tại Tí, Ngọ có mệnh mà gặp được Tử vi, Vũ khúc hội chiếu là bậc phú quí, nhất là đàn ông tuổi Đinh, tuổi Kỷ thì toàn mỹ.

Lộc tại mệnh mà gặp Lương miếu địa đồng cung là bậc giàu có, hay đem của cải giúp người khốn khó, Nếu ở cung Dần, Thân mà gặp Cơ, Lương đồng cung lại có Lộc tồn chiếu là số triệu phú.

Mệnh vô chính diệu gặp tam không (Tuần, Triệt, Thiên, Địakhông) mà lại gặp Lộc, và Tồn thì tất được giàu sang, song không bền.

Lộc Quyền hợp ở mệnh rất quí, song nếu gặp nhiều sao mờ ám hay sát tinh chiếu thì chỉ có hư bề ngoài thôi.

HÓA QUYỀN: Tính chất hùng mạnh, oai vệ, thích quyền hành. Gặp sao tốt tăng tốt đẹp lên; gặp sao xấu làm cho xấu thêm, đâm ra kiêu căng tự đắc.

Quyền gặp được Tử, Phủ tất tạo được uy quyền hiển hách.

Quyền gặp được Cự, Vũ là người xuất tướng nhập tướng, được nhiều người kính sợ.

Quyền gặp Thiên khốc đồng cung, nhất ở cung Tí, Ngọ thì uy danh lừng lẫy, sung sướng vẹn toàn.

Quyền Lộc hội chắc chắn được phú quí.

Quyền gặp Sát tinh thì tính hay liều lĩnh. Nên làm việc gì cũng thường thất bại, gặp lắm buồn phiền về con cái.

Quyền gặp Tuần, Triệt, công danh trắc trở; thành ít, bại nhiều.

HÓA KHOA: Tính chất chủ về công danh, thi cử; giải trừ mọi tai ương, bệnh tật. Bởi đó thi cử gặp Khoa dễ đậu, ốm đau gặp Khoa chóng khỏi, tai nạn gặp Khoa dễ thoát.

Khoa gặp được Sát, Phá, Tham, Liêm hay các sát tinh có thể giải trừ tai nạn.

Khoa gặp đựơc Xương, Khúc, Khôi, Việt kết thành bộ văn tinh, công danh tất hiển đạt. Ghặp Quyền, Lộc thành bộ Quí tinh, tất tài danh hùng vượng. Chu Bột xưa kia có Khoa thủ mệnh, được Lộc chiếu, đến vận có cát tinh hội nên được phong làm tướng.

Cung Mệnh cso Khoa mà nhị hợp có Quyền, Lộc cũng là số vinh hiền. Nếu được cả Tam Hóa (Khoa, Quyền, Lộc) triều thì thật là số phú quí song toàn, song nếu gặp cả Kỵ, Kình nữa thì danh vọng, tiền tài tụ tán thất thường.

Nếu Khoa lại bị nhiều hung tinh, hay sát tinh xâm phạm thì công danh chẳng thành đạt, tiền của cũng khó khăn.

Mệnh được Khoa, Lộc giáp thì quí, chắc chắn có danh giá.

Cung Hợi, Tí có Hóa Kỵ mà gặp Khoa đồng cung hay xung chiếu thì người cẩn trọng từ lời nói đến việc làm, lắm kẻ kính trong.

Cung Tí có Ky thủ gặp Khoa, Lương họi chiếu cùng cát tinh là hạng người đức độ, được nhiều kẻ quí mến và ngưỡng mộ.

Hạn gặp Khoa thì đau yếu cũng khỏ, tai ách cũng qua.

Hạn gặp Khoa hội Xương, Khúc, Khôi, Việt thăng quan, đi thi sẽ đổ cao.

HÓA KY: Tính chất thâm trầm, độc ác, ghen ghét, tranh cạnh. Kỵ ở Miếu địa là Hợi, Tí, Dần, Mão ở đắc địa là Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì đỡ lo bệnh tật, tai hoạ. Nhưng người tuổi Dương thì Kỵ ở cung Dương mà tuổi âm thì Kỵ ở cung âm mơi tốt.

Sao Hóa Kỵ thương đi với cát tinh hóa cát, mà đi với hung tinh lại hóa hung. Nếu đóng ở cung Tài, Điền lai là sao giữ vững tiền của.

Ky ở đắc địa Tứ mộ mà gặp Nhật hay Nguyệt thì vô cùng rực rỡ, chẳng khác nào mây năm sắc chầu quanh mặt trời, mặt trăng, biến Nhật, Nguyệt không còn hãm nữa.

Ky đóng ở cung Ty, Hợi mà gặp Liêm, Tham đồng cung thì chế được tính chất hung hãn của Liêm Tham, tiêu trừ được tai ách, ngục tù.

Ky mà gặp Thiên lương, Văn khúc hội thì mọi việc bế tắc, gây thành tai họa. Nếu gặp Cự môn đồng cung thì gây ra ốm đau tai nạn. Gặp Thái tuế, Đà la đồng cung thì gây tiếng thị phi, kiện cáo. Gặp Đà, Diêu lại rất mờ ám, nên dù có Nhật, Nguyệt hội vẫn mất đi sự sáng sủa rất nhiều.

Ky gặp văn tinh như Xương Khúc, Khôi việt là người đa học nhưng ít thành đạt công danh.

Ky gặp sát tinh đắc địa nên hoạnh phát, nhưng cũng hoạnh phá. Nhưng nếu sát tinh hãm địa thì cơ cức vô cùng, tai họa lên miên.

Ky gặp Phá quân, Thái tuế thì gây ẩu đả, nếu Ky gặp Kình lại đánh nhau có thương tích.

Ky gặp Đà, Kình thì hoặc đau ốm, kiện tụng.

Ky gặp Đà Hổ dễ bi tai nan xe cô, dao búa.

Ky gặp Hình, Kiếp dễ bị mổ hay thương tật.

Ky gặp Không, Kiếp dễ mất việc làm, gặp điều chẳng may.

Ky gặp Hồng, Đào thì tơ duyên lắm rắc rối. Đàn bà gặp hạn này khó thủ toàn trinh tiết.

Khi xem bộ sao Tứ Hóa trên khá chú trọng về cung đóng, vì nếu gặp phải nhaư cung Giải ách thì có tốt cũng chẳng ra gì, trái lại nếu đóng ở cung Quan, Tài, Mệnh, v.v.... thì rất tốt. Vậy chỗ Miếu, Vượng hay Đắc địa không quan trọng bằng cung đóng và sự hội hợp với chính tinh hoặc hung tinh đắc địa.

BỘ SAO LONG PHƯỢNG

Long trì: thuộc Thủy

Phượng cát: thuộc Mộc đái Thổ

Đắc địa: Sửu, Mùi

Hai sao chủ: Hỉ sự: Cưới hỏi, cong danh, Tài lộc.

Long, Phượng gặp Tả Hữu, Khúc xương, Khôi việt, Tấu thư hội gọi là cách "hiền thần" qui tựu; làm việc gì cũng hanh thông. Có Long Phượng đóng ở Điền trạch, Tài, Mệnh chủ nhà cửa nguy nga.

Long, Phương gặp Diêu, Hỷ như cá gặp nước, ắt có sự vui đến, công việc cũng hoạch đạt.

Long, Phượng gặp Phí liêm như rồng thêm cánh, sự may nắm đến mau chóng. Gặp Thai phu được thăng chức. Gặp Mã, Sinh, Vượng có con.

Riêng Long trì mà gặp Mộc dục, dễ gặp nận sông nước. Nếu là đàn bà gặp nạn nay đáng lo khi sinh đẻ, dễ băng.

Long trì mà gặp Không: Kiếp dễ chết đuối

Phương các gặp Không, Kiếp hay bị người oán trách

Long, Phương, Cái, hổ hội goi là Tứ linh, hoanh phát công danh.

BỘ ÂN QUANG – THIỀN QUÍ

An quang: thuộc Mộc – Thiên quí: thuộc thủy

Chủ: Thông minh, vui vẻ, trọng ân nghĩa; có tính cứu khổn, phò nguy, giải trừ bệnh tật, tai ương, chế được tính hao nguyệt của Đào, Hồng; Gặp sát tinh vô hại.

Quang Quí đóng Sửu, Mùi là đắc cách, chủ về đại khoa, nếu Mệnh, hay cung Quan gặp được ở hai cung ấy, hoặc xung chiếu cũng quí. Phú có câu:

Quí, An: Mùi, Sửu hạn cầu

Đường mây gặp bước cao sâu cửu trùng.

Bởi vậy thi cử nếu hạn gựp được Ấn, Quí, dễ dàng đổ đạt, mà gặp lúc đau ốm cũng chóng khỏi.

Quang, Quí gặp được Thai phụ, Phong cáo gọi là Tứ vinh càng dễ hiển đạt.

Quang, Quí gặp Tả, Hữu, Thanh long, Khôi, Việt, Hoa cái, Hồng loan là thương cánh, thế nào cũng có chức chương lớn. Phú có câu:

Quí, An, Thanh, Việt, Cái, Hồng

Trai cận Cửu trùng, gái tắc cung phi.

BÔ TAM THAI – BẤT TOA

Tam thai: Thuộc thủy - Bát toạ: Thuộc Mộc

Hai sao chủ: Sự khôn ngoan, ưa sự an nhàn, ăn ở phúc hâu; đem lại sự may măn, nhà cửa cao sang. Nếu gặp Tả, Hữu thì là kẻ ra vào uy nghi, kẻ hầu hạ giúp đở bốn bên.

Hạn đến gặp Thai, Tọa cùng cát tinh hội, thì nhà cửa càng mở mang rộng rãi khang trang, đồ đạc sang sửa tốt đẹp.

BỘ THAI PHỤ - PHONG CÁO

Thai phụ: Kim đái thổ – Phong cao: Thổ đái Thủy

Tinh chất : ưa hình thức bề ngoài, hiều danh, tự đắc. Chủ về bằng sắc; đem lại lợi cho việc thi cử. Nó là loại văn tinh, nên gặp các văn tinh khác gia tăng tốt đẹp. Nhưng đong cung Giải ách thì vô dụng.

BỘ ĐÀO HOA – HÔNG LOAN – THIÊN HỈ

Đào hoa: Mộc – Hồng loan: Thủy đái Kim – Thiên hỉ: Thủy

Chủ: Vui vẻ, đa tình, giúp sự hoan hỉ ở tuổi trẻ; nhưng về già lại hay mang những buồn thương đến.

Đào, Hồng gây ảnh hưởng đến việc cưới xin, và đời sống căn gối. Cả ảnh hưởng đến thi cử, công danh, đem đến lắm sự vui mừng.

Đào, Hồng đóng ở Mệnh không đẹp, vì amy mắn nào cũng chóng gặp lại chóng qua. Chỉ xung chiếu về Mệnh, Thân mới đẹp.

Đào, Hồng cư Quan lộc là số giàu sang.

Đào, Hồng hội Tử, Phủ, Nhật, Nguyệt làm cho tăng cái rực rở lên.

Đào, Hồng, Hỉ gọi là "Tam minh" giảm được tính dâm tà, nếu gặp được Nhật, Nguyệt nhưng vẫn là khách đa tình.

Đào, Hồng đóng ở Mệnh, Thân, thường là hai đời chồng, vợ; nếu không cũng dở dang lắm bận ái ân. Trong trường hợp này nếu gặp phải sát tinh hội thì không tho (như Không, Kiếp, Đà, Kình)

Đào, Hồng gặp Địa kiếp dễ bị đắm thuyền,

Đào, Hồng gặp văn tinh tất đỗ sớm.

Đào, hồng đóng Thiên di là số ly tông lập nghiệp

Đào, Hồng gặp cơ Cự, Tả Hữu, Tuế thì sức khoẻ kem, mệnh như ngọ đèn trước gió.

Hồng loan hay Đào hoa gặp Không, Kiếp, Bệnh phù thì mắc bệnh phong tình.

Hồng loan đến hạn gặp Tả Hữu, Long, Phượng, Thiên diêu thì hoạnh phát danh tài, thêm hỉ sự.

Hồng loan gặp Thanhlong thì tai nạn bất ngờ

Hồng loan gặp nhiều sao mờ ám thì e ngại sức khoẻ của mẹ, vợ hay con gái.

Hạn gặp Đào, Hồng, Hỉ, Diệu thì có vương vấn tình.

NỮ MỆNH: Đà, Hồng toạ nữ mệnh đa oan trái, nhiều người mê, tình ái dở dang, Nếu gặp cả Diêu, Đà, Kỵ là gái dâm loàn, không sao toàn danh tiết. Nếu Đào, Hồng mà gặp Phục, Binh Tướng quân, sao Thai hội tất phải bị hãm hiếp và chửa hoang. Trong trường hợp này nếu Quang Quí có thể chế ngự được phần lớn. Nếu gặp được Tử vi, Thiên Phủ hay Thiên hình thì trở nên đoan thục.

Hồng đóng cung Phúc gọi là nga mi tác án, đem lại sự rực rở.

Hồng, Đào, Tấu, Vú, Hỉ hội ở nữ mệnh là hạng con hát.

Hồng, Đào, Tấu vũ lại là làm thợ may khéo.

Đào, hồng đóng nữ mệnh mà cung Phụ mẫu có tang môn, mà hạn khi đên cung Mệnh chắc phải goá chồng hay bỏ chồng.

Đến hạn gặp Đào, hồng, Hỉ dễ mê trai.

SAO HOA CÁI: Thuộc Kim

Chủ: uy nghi đẹp đẽ bề ngoài, lợi ích công danh. Cái tượng trưng cho cái lộng

Cái gặp Háo Quyền, Tả, Hữu sẽ rạng rở, được mọi quyền hành và mọi sự hỗ trợ.

Cái gặp Long, Phượng, Hổ gọi là bộ "Tứ linh" có lợi công danh chức tước, uy quyền.

Cái gặp được Tấu thư đồng cung là hạng người thanh cao.

Cái gặp Xương, Khúc, Khôi, Việt, Khoa, Quyền thì phát về võ quan.

Cái đóng Mệnh hay cung Thiên di thì ra ngoài được mọi người yêu quí.

Cái gặp Mộc dục, Thiên diêu thì tở nên dâm đảng.

Cái gặp Kình, Đà, Không, Kiếp, Pha, Tham thì phá tán sạch của cải bố mẹ để lại.

BỘ THIÊN QUAN - THIÊN PHÚC

Thiên quan quí nhân: Hỏa – Thiên phúc quí nhân: Thổ.

Mệnh có Quan, Phúc đóng là hạng người từ tâm, mộ về tôn giáo, tín ngưỡng. Gia tăng tuổi tho.

Hạn mà gặp được Quan, Phúc có thể cứu khốn, phò nguy, giải trừ được bệnh tật, tai họa. Nếu gặp nhiều cát tinh, Quan, Phúc sẽ đem lại rực rở thêm công việc mà êm đẹp mọi đường.

SAO THANH LONG

Chủ về sự vui vẻ, cưới hỏi, công danh, sinh nở; có thể giải trừ các tai nạn thông thường.

Thanh long cư ở Tứ mộ, nhất là cung Thìn, mà gặp Kỵ đồng cung tức là rồng xanh ẩn giữa đám mây ngũ sắc, tất đem đến uy quyền cung với sự may mắn,

Thanh long ở Mệnh là người mà không có sát tinh là hang người có tài biến hoá công việc.

Thanh long gặp Lưu hà đồng cung ví như rồng lộn trên sông, có lưọi cho việc thi cử, công danh.

Thanh long gặp Bạch hổ ở Dần, Tuất mà có Địa kiếp dễ chết về ác thú hay tai nạn bất ngờ.

Thanh long gặp Lức sĩ thì được thêm uy quyền.

Mệnh có Thanh long mà gặp phải Đà, Ky, Không, Kiếp, Khốc, Hư thì là hạng người hèn nhát.

THIÊN GIẢI: Hỏi ĐAI HẢI: Thổ

Chủ : Sự cứu nguy, giải trừ tai nạn, bệnh tật, gia tăng phúc thọ

Cung Điền và cung Tài có Thiên; Địa giải không được giàu có lớn.

SAO GIẢI THẦN thuộc mộc

Chủ: giải trừ những tai nan nhỏ.

Đại, Tiểu hạn có nhiều cát tinh hộ mà gặp Giải thần giảm thiểu sự hưng vượng ít nhiều; nhưng nếu gặp các sát tinh đóng thì cũng có thể vài phân hung. Trong trường hợp này nếu gặp được cả Thiên, Nguyệt, Thiên quan, Thiên phúc thì lại trừ đựơc hung tinh rất mạnh.

BỘ THIÊN ĐỨC - NGUYỆT ĐỨC: Thuộc Hỏa

Thuộc loại phúc tinh,, tính chất đoan trang, phúc hậu; giải trừ được bệnh tật nhỏ, tai nạn thường. Có thể chế ngự được tính hoa nguyệt của Đào, Hồng. Phối cung có Nguyệt đức, Đào hao lấy vợ đẹp, hoặc chồng sang.

BỘ LONG ĐỨC – PHÚC ĐỨC

Long đức : Thủy ; Phúc đức : Thổ

Hai sao nay gặp cát tinh tăng thêm sự tốt; trái lại gặp hung tinh tăng thêm sự xấu.

Tự nó có thể chế bơt tai ách nhỏ. Nếu hội với Thiên đức, Nguyệt đức thành bộ "Tứ đức" ngăn cản được tính dâm đãng của Đào Hồng.

THIÊN THO: Thuộc Thổ

Tính chất nhân hậu, gia tăng phúc thọ.

Đóng ở cung Mệnh, Phúc, Giải thì tốt, giúp thêm tuổi thọ

THIÊN TÀI : Thuộc Thổ

Gặp sao mờ ám xấu xa thì cản bớt sự xấu.

Trái lại gặp sao sáng sủa tốt đẹp thì cũng cản mất bớt sự tôt đẹp đi.

Thiên tài gặp Nhật, Nguyet sáng sủa thì che mất ánh sáng của Nhật, Nguyệt đi. Trái lại nếu gặp Nhật hay Nguyệt. Chú ý rằng Thiên tài phải ở đồng cung với Nhật hay Nguyệt.

Thiên tài gặp Nhật, Nguyệt cùng đống Sửu, Mùi thì làm cho Nhật, Nguyệt trở nên rực rở.

THIÊN THO: Thuộc Thổ

Tính chất hoà nhã, nhân hậu, gia tăng thêm phúc thọ.

THIÊN KHỔ: Thuộc thổ

Chủ về tiền bạc. Đóng ở cung Tài, Điền và Mệnh thì là hạng người giữ của. Người sinh năm Giáp, Kỷ gặp Thiên Khổ ăt phải có của phong lưu.

THIÊN TRÙ: Thuộc Thổ

Đóng ở Mệnh là người thích ăn thịt. Gặp cát tinh gia tăng tài lộc nhất là gặp Lộc tồn thì vượng.

QUỐC ẤN: Thuộc Thổ

Chủ việc thi cử công danh, bảo vệ quyền tước, chức vi

Đo cìmg với Tướng quân và Thiên hình có uy quyền, được nhiều người kính nể. Nếu gặp phải Tuần, Triệt tức ấn tín bi sức mẻ, công danh sẽ không được bền vững.

ĐƯỜNG PHÙ: Thuộc Mộc

Tính chất uy nghi, đem lại lợi cho việc cần công danh. Giúp cho việc mua tậu nhà, đất mong chóng dễ dàng.

Gặp Tướng quân, Tấu thư, Long, Phượng, Quan phù thì là hạng làm thầy tu hay thầy cúng có danh. Đường phù đóng Điền trạch thường được nhà cửa khang trang.

Nếu gặp Bạch Hổ đồng cung dễ bị bắt bớ vào khám.

BÔ SAO TRÀNG SINH

1>TRÀNG SINH: (thuộc Thủy) Đem lại lợi íchđể gia tăng phúc thọ, sự bền vững.

Đóng ở cung Mệnh, Phúc thì tốt, tăng thêm thọ lộc. Nhưng nếu ở cung Hợi thì tối hãm, nếu có gặp nhiều cát tinh đắc cách thì gọi là tuyệt xứ phùng sinh vậy. Nếu tại Hợi mà gặp Thiên mã thì chủ sự thăng trầm vô độ công việc trắc trở, công danh lạn đận.

Đóng tại Dần, Thân, Tỵ, mà gặp Mã đồng cung thì mọi việc thành tựu đẽ dàng, hay gặp sự may măn.

Đóng ở cung Giải ách mà lại gặp thêm sao xấu nữa thì đau lau khỏ.

2>MỘC DỤC (thuộc thủy) Tính chất ưa chải chuốt, làm dáng, thích thay đổi, dâm dật, hay nhầm lẫn.

Gặp Đào Hồng, Diêu, Cái đam mê sắc dục có thể thành tai họa hay tật bệnh.

Gặp Lòng trì dễ mang họa về sông nước.

Mộc dục ở Mệnh mà gặp sao xấu thì chỉ làm nghề thợ bạc, thợ rèn có tài.

Mộc dục đống ở Mệnh mà vô chính diệu thì học hành dở, dù có cố học thật nhiều cũng không hiển danh được.

3>QUAN ĐỚI: (Thuộc Kim) Tính chất ham mê công danh, chức vị quyền hành.

Gặp sát tinh, bại tinh chẳng káhc nào sợi giây thắt cổ, sẽ bế tắc hết, gây bao rắt tối phiền luy có thể đưa đến tự tử (tuỳ theo cát sát tinh mà đoán)

Gặp Thái tuế, Không, Kiếp thì chỉ đi làm lính hầu.

4> LÂM QUAN (Thuộc Kim) Tính chất nói năng kiêu kỳ, ưa kheo khoang, thích lấy điệu bộ.

Gặp được cát sát tinh thì phát đạt, vui vẻ.

Gặp các sao mờ ám chủ sự ngăn trở, rắc rối mọi công việc.

5> ĐẾ VƯỢNG: (Thuộc Kìm) Tính chất uy nghi, gia tăng phúc thọ, giải trừ tai ách bệnh tật, đem lợi đến cho tài Lộc, công danh. Cung Mệnh có Đế vượng gặp Tử vi gọi là lưỡng đế, là hạng người có tài lãnh đạo.

6>SUY (Thuộc Thủy) Tính chất yếu đuối, chỉ sự suy kem, đồi bại. Kỵ nhất là đóng ở cung Phúc đức, họ mạc sa sút, ly tán.

7>BỆNH(Thuộc Hỏa) Chỉ sự đau yếu, buồn bã, hay nhầm lẫn. Đóng ở cung Giải ách chủ sự đau ốm thường xuyên. Nếu gặp cả Bệnh Phùc nữa càng thêm lắm bệnh.

8>TỬ (Thuộc Thủy) Tính chất thâm trầm, kín đáo, hay sầu cảm chủ sự tang thương, buồn thảm. Nhưng sao Tử đóng cung Điền, Tài thì hay, chỉ hạng người tần tiện, chịu dành của chô dấu. Nếu đóng ở cung Phúc mà gặp thêm Sát tinh, trong họ phải có người chết trận hoặc chết đường.

9>MỘ (Thuộc Thổ) Tính chất đần độn, ngu si. Chủ sự nhầm lẫn sự chô cất. Mộ đóng ở Tứ mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) gặp Hóa quyền mà cung phúc ở đó là nhà đại phúc đức, bốn đời vinh hiển.

10>TUYỆT (Thuộc Thổ) Chủ sự bại hoại, tiêu tán, đem lại sự bế tắc. Nhưng nếu gặp Mệnh đóng tai cung Hợi mà Tuyết gặp được Hỏa tinh thì là hạng người tiên ngang.

11>THAI (Thuộc Thổ) Tính chất mê muội, lầm lạc, đam mê. Chủ sự sinh đẻ, giao hợp, thù thai. Thai đóng cung Tử mà gặp quí tính tất sinh nhiều con, gặp Sát tinh lại đẻ nhiều nuôi ít, hay đẻ non, đẻ khó. Thai mà gặp Mộc dục hội về Mệnh là người học nhiều mà khó thành tài. Thai gặp Tuần, Triệt ở Mệnh hay cung Giải thì đẻ ra khó nuôi, hay đau yếu quắt quẹo.

Thai đóng Mệnh mà gặp Khôi, Việt, Hồng loan là bậc văn chương.

Thai gặp Kình, Đà, Linh, Hỏa lại biến thành đần độn ngu dốt.

Ở cung thê, Thai gặp Đào, Diêu thì dễ bị vợ cắm sừng.

Đại, Tiểu hạn mà Thai gặp được Thanh long, Thiên hỉ thì sanh con quí tử.

12>DƯΘNG (Thuộc Thổ) Tính chất châm chỉ, cẩn thận. Chủ sự nuôi nấng, phò trì. Nếu đóng Tử vi có con nuôi. Đóng ở Mệnh mà có cát tinh hội thì ra ngoài nhiều người quí mến; làm nghề chăn nuôi rất phát đạt.

Nếu Dưỡng đóng tại cung có Thân cư ở đó thì đông con.

Nếu đóng tại cung Phúc hay cung Mênh thì nhiều người mến muốn nhân làm con nuôi.

Nếu đóng ở cung Giải ách mà gặp nhiều sao mờ ám hôi họp thì hay đau yếu.

Nếu đóng ở cung huynh đệ thì hay có anh em nuôi.

BỘ SAO BÁC SỸ (gồm 12 sao có sao hung, sao kiết)

1>BÁC SỸ: (Thuộc Thủy tính chất vui vẻ thanh nhàn. Đống ở mệnh, biểu dương sự ung dung no ám, giữ của không bền.)

Đóng ở cung phúc đức mà gặp phải Kiếp Không Cô Quả thì kẻ sống cô đơn, trầm lặng, họ hàng ít ỏi, không thích giao du

2>LỰC SỸ:(Thuộc Hỏa) Tính chất khoẻ mạnh, lanh lẹ, thích ăn uống. Chủ về uy lực binh quyền. Nếu gặp Kình Dương cùng ở mệnh là hạng người dũng mãnh.

Lực sỹ hội với cát tinh tăng thêm cái đẹp ; nếu hội Hung tinh thì lại tăng thêm cái xấu.

3>THANH LONG: (Thuộc Thủy) xem ở phần trên.

4 – 5>ĐẠI HAO và TIỂU HAO:(thuộc Hỏa) Xem ở bộ Lục Bại thuộc về Sát tinh ở trang sau.
 6>TƯỚNG QUÂN: (Thuộc Mộc) Tính chát can trường, hiên ngang, kiêu căn thích lãnh đạo và cầm đầu, đem lợi ích cho công dân.

Chủ về binh quyền gặp Thiên Tướng đồng cung đắc địa gọi là lưỡng tướng, tát có uy quyền hiển hách. Gặp được Thiền Hình Quốc Ấn Thiên Mã Thiên Khốc, Phục binh là người tài kiêm văn võ.

Nếu gặp phải Tuần Triệt thì chẳng khác tướng cụt đầu, tổn hại công danh, dễ gặp tai nạn xe cô hay đao kiếm.

Đàn bà mà cung mệnh có Tướng Quân tọa thủ là hạng hay ghen tuông, lấn át chồng.

7>TẤU THƯ: (thuộc Kim) Tính chất vui vẻ khôn khéo, ưa nói vừa lòng người. Chủ về lợi ích công việc vă chương. Nếu gặp Bach Hổ đồng cung thì là người có văn tài ăn nói đanh thép. Ở nữ mệnh nếu gặp Hồng loan thì ăn nói rất có duyên dễ làm người đắm mê.

8>PHÍ LIÊM: (thuộc Hỏa) Tính chất vui vẻ nhanh nhẹn, nhưng không đem lại lợi ích cho sự sinh nở. Nếu gặp Cát tinh thì tăng thêm đẹp; gựp Hung tinh lại tăng thêm xấu.

Phi Liêm gặp được Bạch Hổ tức là cọ mọc cánh mọi việc sẽ hanh thông. Néu gặp Long Phượng tức là rồng lên cao đem lại thắng lợi.

Nếu gặp Thiên Việt Hỏa tinh Linh tinh và Thiên bình thì dẽ gặp tai họa đâm chém bắn giết.

Phi Liêm ở cung Tử Tức thì giảm số con sinh đẻ.

Phi Liêm ở cung huynh đê cũng giảm thiểu số anh em.

9>HY THẦN: (thuộc Hỏa) Tính chất vui tươi, chủ đem lại sự may mắn cho sự cưới hỏi. Nếu Hỷ Thần gặp Phượng Các tức là Phượng múa, tất có lợi cho việc thi cử công danh, sinh nở

10>BỆNH PHÙ: (Thuộc Thổ đái Mộc) chủ đau yếu buồn rầu bệnh tật

nếu đóng ở Mệnh thì người suy nhược, da xanh xao.

Nếu gặp Thiên Hình Hóa Ky ở cung Giải ách thì dễ mắc bệnh phong tinh.

Nếu gặp Đào Hồng Diêu đóng ở Mệnh hay ở Giải ách thì ốm đau vì chơi bời dâm dục.

11>PHỤC BINH: (thuộc Hỏa) Nếu gặp nhiều sao tốt thì có tính phò trợ; nếug gặp những sao xấu thì biến tính gian tà. Chủ đến việc có liên quan đến quân sự.

Nếu hội hợp cùng Thiên hình Tướng Quân thì rất có lợi về quân sự, đem lại uy quyền.

12>QUAN PHÙ: (thuộc Hỏa) Tính chát a tòng. Nếu gặp sao tốt phò tá cho tốt thêm; gặp sao xáu thì làm cho xấu thêm, gây ra rắc rối phiền nhiễu ngăn trở mọi việc.

BỘ THÁI TUẾ (Gồm 12 sao có tốt, có xấu)

1>THÁI TUÉ: (thuộc Hỏa) Tính chất lạnh lùng, khinh người, hay xét đoán, giỏi lý luần.

Nếu gặp nhiều sao tốt đẹp hội họp thì nói năng đanh thép hùng hồn, đem lại uy quyền phú quí.

Hội cùng Xương Khúc Khôi Việt, Thái Tuế sẽ làm lợi cho việc thi cử, cầu công danh.

Hội cùng Xương, Khúc, Khôi, Quyền văn chương đanh thép.

Nếu hội cùng Hóa Ky, Đà la thì mọi việc trắc trở, bất lợi cho công danh, dễ gây ra tai tiếng thị phi hay kiện cáo tranh giành, tang thương, bệnh tật.

Cung Mệnh có Thái tuế mà gặp Hoa cái thì ăn nói kiêu kỳ.

2 – 3> THIẾU DƯƠNG (Thuộc Hỏa) THIẾU ÂM(Thuộc Thủy) Biểu hiệu mặt trời mặt trăng thứ hai. Tính chất thông minh, hòa nhã, nhân hậu, giải trừ được các bệnh tật tai họa nhỏ.

Thiếu dương gặp được Thái dương đắc địa tăng sự sáng sủa, mọi việc hưng vượng. Thiếu âm gặp được Thái âm đắc đại lại tăng thêm uy lực mọi sự hanh thông.

Thiếu dương hay Thiếu âm gặp được Hóa khoa đồng cung, hoặc xung chiếu, càng gia tăng phúc thọ, có thể cứu gải những tai ách, hoặc bệnh tật.

4 − 5>TĂNG MÔN (thuộc Mộc) BẠCH HỔ (Thuộc Kim): Chủ tang thương xem hỷ tính chất ở bộ lục bài trang sau.

6>QUAN PHÙ (Thuộc Hỏa) Tính chất lý luận, phò trợ.

Gặp cát tinh thì hổ trơ thêm đẹp đẻ.

Gặp hung tinh, sát tinh tăng cường sự xấu xa, chủ sự kiện tụng, tai tiếng.

Quan phù hợp với Xương, Khúc, Tuế đem lại lợi ích cho công việc có liên quan đến pháp luật.

Quan phù hội với Liêm, Tang, Hổ gây nên tổn hại quyền thế, công danh, tai nạn, thì phi, tù tôi, kiên tung.

Quan phù hội với Tuế, Ky, Đà la trắc trở mọi việc, đưa đên công môn.

7 – 8> TỬ PHÙ – TRỰC PHÙ (Thuộc Hỏa) Tính chất tối tăm, buồn thảm. Chủ sự chết chóc, tang thương tạo nên rắc rói công việc.

9>TUẾ PHÁ (Thuộc Hỏa) Tính chất ngang ngạnh, phá tán.

Cung Mệnh hay Thân có Tuế phá tọa thủ thủ thì đau ốm, hư răng.

10 − 11> LONG ĐỨC(Thuộc Thủy) PHÚC ĐỨC (Thuộc Thổ) Tính chất nhân hậu, đoan chính, giải trừ nạn nhỏ, ốm đau. Nếu hội cùng Thiên, Nguyệt đức kết thành bộ Tứ đức, chế ngự được tinh hoa nguyệt dâm bôn của Đào, Hồng.

12>ĐIẾU KHÁCH (Thuộc Hỏa) Tính chất khoe khoang, khinh người, nói năng ba hoa. Chủ về tai ách, ốm đau.

Gặp Thiên mã, Thiên khốc mọi sư hanh thông, chẳng khác nào ngưa hay đã có người cỡi giọr.

Gặp Tang môn, Thiên hinh hay Tuế hây ra những tai nạn như xe cộ, té ngã, ốm đau bất thình lình.

SAO VĂN TINH (Thuộc Hỏa)

Chủ về văn học, bằng sắc, đem lợi lại cho việc thi cẻ, công danh. Hạn gặp Văn tinh mà có Hóa Khoa thì thi tất đổ, công danh hưng vượng.

SAO THẦN KHÔNG (thuộc Hỏa) và TRIỆT LỘ KHÔNG VONG (thuộc Kim)

Tuần Không chủ về dương, bao giờ cũng đóng ở giữa 2 cung âm dương, gây ảnh cho 8 cung chiếu về, có sự tác động mạnh đến cung dương hơn cung âm. Tác động nó thường trấn áp. Ví dụ như gặp sao tốt thì giảm lực của sự tốt mà gặp sao xấu lại cũng giảm lực của sự xấu đi, ảnh hưởng nó ở cung dương mạnh hơn cung âm. Vì vậy Tuần đi về Dương phương mới đẹp, đắc địa ở cung Mão Dần

Triệt lộ không vong thì chủ về âm, đóng giữa hai cung âm dương, cũng hây ảnh hưởng cho 8 cung chiếu về, cung chủ về sự trấn áp, nên gặp bộ sao tốt thì giảm lực tốt, mà gặp bộ sao xấu cũng giảm lực xấu, tác động mạnh ở cung Am hơn cung Dương. Đắc địa ở Thân, Dậu, gọi là Triệt đáo Kim cung, sẽ giúp cho sao của hai cung này vàng đẹp, chứ không gây ảnh hưởng trấn áp. Tuy nhiên còn tuỳ tính tinh của hai cung ấy có gặp hãm không mới quyết đoán được.

Người ngoài 32 tuổi chịu ảnh hưởng đến Tuần, Triệt rất yếu. Bấy giờ phải tìm Tuần, Triệt lưu niên xem về đâu, để tìm ảnh hưởng của nó đối với năm mình xem sô. Tìm Tuần, Triệt lưu niên y như tìm Tuần, Triệt để an số; chỉ có khác là lấy năm xem số ấy coi như năm sinh, mà tìm xem ấy thuộc Canh nào (Giáp hay Bính niên. . .) mà an Triệt lưu niên.

Đoạn tìm xem năm xem số thuộc về con Giáp nào mà an Tuần lưu niên. Bây giờ Tuần, Triệt sẽ có ảnh hưởng nơi lưu niên đó. Sở di phải tìm lưu niên là vì Tuần, Triệt cứ nửa chu kỳ của 64 năm thì thay đổi hướng đi theo âm dương, ngũ hành.

Tuần đóng Mão, Dần thì đem lại hoạnh phát, tì tử Tí Ngọ thuộc Dương Phương, mà Dần, Mão là nơi khí dương tưu lai thanh khiết nhất.

Triệt đóng ở Thân, Dậu đấc cách là vì lúc bấy giờ khi âm đã khở sự làm chủ mà khí dương hoàn toàn lui, nên ở đó sẽ đem lại hưng vượng, Âm phương khởi từ cung Mùi đến cung Hợi.

Tuần, Triệt đóng tại Ngọ, Mùi, tức là giữa cung Dương và Âm phương giao hòa, ảnh hưởng có khác tạo nên sự rộng rải, khoa hòa, gây cho người nhân hạu và các chính tinh cũng chịu ảnh hưởng êm đềm.

Tuần, Triệt đồng cung ở các cung khác (trừ Ngọ, Mùi ra) thì thuở bé chịu lao đao, nhưng tính tình hoan phí.

Tuần, Triệt mà gặp Phà quân hãm địa đóng ở Mệnh thì là kẻ phải chết đường, nhưng Phá đắc địa thì chẳng sao.

Đại, Tiểu hạn cùng gặp nhau một nơi mà có Tuần, Triệt đóng lại gặp Tử vi thì gọi là Đế ngộ Không vong tất đi đến mạng vong. Trừ phi sự gặp gở này ở ngay cung Ngọ. Hoặc Tử vi chỉ gặp Tuần mà không có Triệt thì vận hạn có suy vi, nhưng tinh mệnh không hề gì. Phú có câu:

Dỡ thay Đại, Tiểu trùng phùn,

Đế tinh (tức Tử vi) thụ hãm khong vong đó mà.

ấy là vận mệnh khó qua,

Lại Tham, Sát, Phá: Trúc la thoát nào.

Để tướng tam hợp chiếu về.

Hoạ may không chết bởi sao cát phù.

(Bài phú này có liên quan sự đoán sinh, tử sẽ được giải thích rõ cùng các chính tinh khác ở phần đoán số sau).

B> NHÓM SÁT TINH

I>BỘ TỬ SÁT : KÌNH, ĐÀ, LINH, HỎA.

1> KÌNH DƯƠNG (Cũng gọi là Dương Nhận)

Bắc đẩu tinh – Am kim đái Hỏa

Đắc địa: Thìn, Tuất, Sửu, Mùi. Hãm: Tí, Ngọ, Mão, Dậu.

Mệnh, nếu Kình dương độc thủ thì người cao, lộ hầu, mặt dài, mắt lồi.

Kình đóng ở cung đắc địa là hạng người tính khí cương cường, dũng mãnh, quả quyết, nhiều cơ mưu, thích mạo hiểm nhưng hay tự đắc, kiêu căng, nên dễ gây lắm kẻ thù ngầm.

Kình ở các cung khác thì tính tình hung bạo,l liều lĩnh, bướng bỉnh, gian trá. Ở Tí, Ngọ, Mão, Dậu không yểu cũng tàn tật.

Người tuổi Giáp, tuổi Mậu mà Mệnh đóng tại Dần, Thân lại gặp Kình dương thì phá tán tổ nghiếp, cơ thể mang tật thương. Đối với các tuổi khác thì có đở phần. Nưng trong trường hợp này gặp được cát tinh hội lai là người khéo léo về tổ chức công kỷ nghệ.

Kình ở Mệnh mà gặp Nhật, Nguyệt đồng cung thì trai khắc vợ, gái khắc chồng.

Kình chiếu mệnh hay tại Mệnh mà gặp cự, Liêm, Kỵ đồng cung tát có tật trong người, trong trường hợp Liêm, Cự, Kỵ hãm địa thì tật đa mang tật huyền, hay tù tội. Mà tuổi càng về già càng khốn đốn, sơ nhất là người tuổi Tuất, tuổi Thìn.

Kình đắc địa lại gặp Tử, hay Phù đồng cung là hạng đại kính thương Kình hãm địa mà gặp hung tinh ám nữa thì thật không tránh được tai họa tai nạn đường sá, hay sa trường. Nếu gặp được Tuần, Triệt thì cứu giải cho một phần.

NỮ MỆNH: gặp Kình dương đóng Mệnh tại Thìn, Tuất Sửu, Mùi là hạng giàu, rất vượng phu ích tử. Tính nết đoan trung, thẳng thắng cương nghị trong mọi việc làm ăn.

Nếu nữ mệnh mà gặp Kình hãm địa thì hạ tiện, hại chồng khắc con, nếu không có Tuần, Triệt hay cát tinh khác cứu giải.

Phu giải:Đối với Nam hay Nữ, mà cung Mệnh an tại Ngọ mà lại gặp Khoa, Quyền, Lộc, Tả hữu, lại chính tinh đắc địa thì tất nhiên phát võ nghiếp, trấn ngự biên cương, nhất là đàn ông tuổi Bính, Tuất thì đẹp vô cùng. Còn các tuổi khác thì hưng vượng không được bền lâu. Trái lại néu Kình tại Ngọ mà lại sát tinh thì pahỉ chết yểu một cách thảm thương, nếu không cũng chịu tàn phế.

Mệnh tại Ngọ mà gặp Thái âm, Thiên đồng ở đó, lại thêm gia họi Long, Phượng, Giai thần thì thật nhiều chiến công, uy quyền hiển hách, giàu sang trọn đời. Nếu Mệnh đóng tai cung Tí mà gặp cách trên cũng đẹp nhưng không bằng được ở Ngọ.

Mệnh an tại Tứ mộ có Kình, Hỏa đồng cung nên là kẻ có oai quyền, danh tiếng; nếu gặp cả Tham, Vũ tất là hạng cái thế anh hùng, oai vệ khiến người người khiếp sợ. Gặp Hổ là hạng đa mưu.

Kình, Đà, Linh, Hỏa hội ở Mệnh mà gặp nhiều sao sáng sủa tất hưng vượng tài Lộc, trái lại nếu gặp lắm sao mờ ám thì trọn đời tai ách, chết về thương tật. Cùng cách trên mà đóng ở cung Thân là tất kẻ gù lưng.

Kình, đà đóng Mệnh mà gặp Kiếp sát tất không được thọ.

Mệnh có Lộc Tồn tạo, tất giáp Kình, Đà, nếu ở Mệnh mà không có cát tinh hội thì là kẻ lang thang kiếm ăn bằng lới nói. Nếu giáp Kình, Đà mà mệnh lại có Hoá Kỵ thì thật túng thiếu, chỉ sớm ly hương sinh kế mới đủ cơm áo.

Cung Mệnh có Kình, gặp Thiên hư, Thái Tuế, Điều khách đồng cung thì trọn đời chịu tang tóc, trai khóc vơ, gái khóc chồng, xa lìa cha me

Kình dương, Lực sĩ đồng cung là người to lớn khoẻ mạnh, có tài binh sự, nhưng không được thọ hưởng chức tước tặng phong.

2>ĐÀ LA: Am Kim đái Hỏa – Bắc đẩu tinh

Đắc địa: Thìn, Tuất, Sửu, Mùi – Hãm ở Dần, Thân, Tỵ, Hợi

Mệnh có Đà la độc thủ thì người hơi gầy, cao, da ngâm, lông tọc tốt, răng xấu.

Đà đắc địa ở tứ mộ là hạng người can đảm uy dũng, nhưng thâm trầm, lắm thủ đoạn nhiều mưu mô.

Đà la đóng ở hãm, ở tứ sinh nếu gặp hung tinh hay sát tinh thì không yểu tất tàn tật.

Nếu Đà hãm đại lại gặp Linh, Hỏa, Không, Kiếp, Kỵ, Hình thì chung thân cùng khốn, đau yếu tật nguyề, tù tội, tai ương khủng khiếp.

Đà mà gặp Diêu, Cái, Tuế thì nói ngọng (đóng ở Mệnh)

Đà, Kình, Thất sát hội gây tai họa khủng khiếp, nếu lại gặp được Tử Tướng, Lộc tồn có thể giải được.

Hạn mà Đà gặp Thái tuế cùng sát tinh như Tang, Hổ, Kỵ, Kiếp sát thì có tang, nếu không thì cũng bi tố tung, thi phi mang tiếng nhơ nhuốc.

Đà mà gặp Thiên hình hãm ở Tiểu hạn thì sanh ra kiện cáo, hay đánh nhau thương tích. Nếu gặp Hỏa, Linh thì dễ bị thương hay đau ốm. Nếu gặp Thái tuế, Long trì thì phòng rắn rít cắn.

Đà gặp Thiên mã là hạng khôn ngoan nhưng biến trá.

3>HOA TINH: Nam đầu tinh – Âm Hỏa

Miế địa: Dần, Ngọ, Tuất – Đắc địa: Ty, Dậu, Sửu

Lợi địa: Hợi, Mão, Mùi – Hãm địa: Thân, Tí, Thìn.

Mệnh có Hỏa tính độc thủ thì người thô, tóc hoe vàng, chân tay có tì; tính nóng nảy ương bướng.

Hỏa, Linh đắc địa đóng ở Mệnh là hạng có chí khí. Sức khoẻ Daimetin bền, ít khi mắc tai nạn. Ngừời sinh năm Dần, Mão, Tỵ, Ngọ mà gặp Hỏa Kinh đắc địa là hợp cách, nếu lại có cát tinh hội nữa thì quí lắm. Người sinh ra ở hướng Đông, Nam mà gặp Hỏa, Linh đắc địa tất hưởng giàu sang. Nếu sinh ở Tây, Bắc thì sự giàu sang chẳng được bền.

Nếu Hỏa, Linh thủ mệnh ở vào cung hãm là hạng nham hiểm, gian tà hay liều lĩnh, mắc bệnh méu huyết, thần kinh, sức khoẻ chóng sa sút, dễ vướng vào vòng sa đoạ nghiện ngập.

Nếu Hỏa, Linh đóng mệnh tắiT mộ mà gặp được Tham, Vũ Việt là kẻ có tai văn võ, xuất tương, nhập tướng. Danh tiếng chóng lẫy lừng. Nhưng nếu lại gặp cả Kiếp sát tất phải bị đao thương.

Hỏa tinh gặp sao Tuyết ở cung Hợi, có Tham lang, Thiên hình đóng đó danh tiếng nổ khắp nơi.

Hỏa tinh gặp Khoa, Quyền là người giỏi về văn võ.

Hỏa, Linh gặp Thiên việt, Thiên hình thì bị sét đánh.

Hỏa, Linh gặp Mộc dục thì bị bỏng nước sôi.

Hỏa, Linh gặp Liêm, Phá, Hình ở Mão, Dậu mà không có Tuần, Triệt thì bị sét đánh, hay điện giật.

Hỏa gặp Tuế, Hình hãm tất bị ngã gảy chân tay.

Hỏa đóng ở cung Điền, gặp tang môn mà khong có cát sao thuộc Thủy chế ngự thì dễ bị cháy nhà. Nếu đóng ở cung Tài thì tán tài.

Hỏa, Linh giáp Mênh xấu, gây nên nhiều trắc trở, dễ bị thù oán, hao tài.

NỮ MỆNH: Hỏa, Linh đắc địa thủ mệnh, ứng hợp với phương hướng nơi sinh, ứng hợp với ngũ hành của Mệnh thì là hạng con nhà khuê các, nhưng tính tình ngang ngạnh, nóng nảy có gan dạ trọn đời hưởng giàu sang.

Nếu gặp Hỏa Linh hãm địa thì chỉ là hạng khao khát dâm tà, khắc chồng hại con.

CHÚ Ý: Những chỗ nói về nữ mệnh chỉ cốt vạch ra sự khác biệt đại cương về cuộc đời, về tính tình; còn các vận hạn thì cũng như cách luận đoán ở trên.

4>LINH TINH: Nam đẩu tinh - Thuộc Kim đái Hỏa

Miếu: Dân, Tuất - Thìn, Ty, Mùi

Hãm: Ty, Hợi, Dậu, Sửu

Linh, Hỏa thường có tính chất gần như nhau, nên khi xem Linh tinh nhớ xem sao ấy đã đi đôi với Hỏa tinh ở trên.

Linh tinh đóng Mênh là hạng người hà tiện, so đo trong việc chi tiêu. Linh đóng cung Tử tức khó nuôi con, làm giảm sư sinh đẻ. Linh đắc đia đóng cung Tìa thì tiền của bền vững.

Linh đắc địa gặp Tham lang đắc địa thì công danh hiển đạt về võ công.

Linh gặp được Tử, Phủ, Tả, Hữu, Xương, Khúc nếu khong giàu cũng là hàng quí hiển.

Linh gặp mã, mà hội Kình, Đà tất chân tay phải có tật.

Linh mà gặp Không, Kiếp hãm, lại gặp Tuần, Triệt là hạng người hạ tiện, nghèo khó tai ương.

Linh gặp Thất sát cung hãm tất khó sống lâu

Linh hãm gặp Phá quân hãm thì phá tan cửa nhà sạch.

Linh gặp Vú khúc, Xương khúc ở Thìn cung tất chết đuối hay tù tội

Linh hay Hỏa gặp Thiên việt ở cung hãm chỉ phải phòng sét đánh hay điện giật

II>BÔ LUC BAI: SONG HAO – TANG HỔ – KHỐC HƯ

1> ĐAI HAO – TIỂU HAO: Thuôc Hỏa

Đắc địa: Mão, Dậu, Dần, Thân. Hãm: Tí, Ngọ, Ty, Hợi.

Mệnh có song Hao đóng thì người nhỏ nhắn. Bộ tiêu hóa hay đau yếu. Tính khôn ngoan, chân chất, không kiên chí, thích ăn ngon mặc đẹp, đam mê cờ bạc, chơi bời, vung phí tiền bạc.

Song Hao đắc địa ở Mão, Dậu, tốt hởn Dần, Thân nếu gặp Mệnh ở đó là hạng thông minh, tuy ham chơi, nhưng lúc học cũng say mê không kém, vì bản chất muốn tìm hiểu sâu rộng, nhất là tuổi Dần, Thân rát hợp với Song Hao. Tuy thiếu thời thích ngao du bốn bể để tìm học hỏi, hưởng thụ song về sau sẽ hưởng được giàu sang, quí hiển.

Hao gặp sao Tuyệt đồng cung là hạng khôn ngoan, nhưng hơi man trá.

Mệnh vô chính diệu gặp Song Hao, Tuyệt là người ăn tiêu tần tiện, keo kiệt, có lắm tham vọng trong đời, nhưng khó đạt được theo ý muốn.

Hao đóng Mão, Dậu gọi là cách chúng thủy triều đông, thế tất tiền vào như nước, nhưng cũng ra như nước, nếu gặp được sao Thiên cơ, Cự môn đóng đó thì đắc cách vô cùng, trái lại nếu gặp Hóa lôc thì trở nên kém hẳn

Song Hao gặp phải sát tinh tất hay mắc tai nạn về dao súng.

Song Hao gặp Hảo hay Linh tất mắc nghiện, nhất là nghiện á phiến.

Đại hay Tiểu hạn mà gặp Song Hao tất phải thay đổi công việc hay thay chổ ở. Đau ốm gặp hạn Song Hao chóng khỏi.

Song Hao gặp Phá quân trở nên túng thiếu.

Song Hao gặp sao Tuyệt thì phá sản.

Song Hao gặp Mộc dục, Hóa Kỵ thì phải mổ. Nếu gặp Hình, Kiếp sát tất mất trộm hay bị thương.

Đại hạn gặp Song Hao, Không, Kiếp, Suy, Phù, phá toái, sao Tử, Hóa Kỵ, mà Tiểu hạn lại gặp Hình, Phi liêm, Quan phủ sao Bệnh, sao Mộ, Phục binh, Bạch hổ tất phải chết ở lao tù.

2>TANG MÔN – BẠCH HỔ

a>TANG MÔN thuộc Mộc - Đắc địa: Dần, Thân, Mão, Dậu.

Chủ về tang tóc, tai ương, Tang Môn và Bach hổ cũng như Song Hao bao giờ cũng đóng ở hai cung chiếu nhau, bởi đó đã gặp Tang môn tức nhiên phải gặp Bạch hổ. Nên hai sao ấy được luận chung như sau:

b>BẠCH HỔ (thuộc Kim) – Đắc địa: Dần, Thân, Mão, Dậu.

Mệnh có Tang Hổ là người can trường, hơi bướng bỉnh. Sinh ra đã phải chịu tang tóc, hay mắc bênh máu huyết, xương cốt, tim phổi; không nuôi được súc vật.

Nếu Tang, Hổ đắc địa là bậc thao lược, thích làm chính trị, lý luận giỏi, xét đoán tinh, làm luật sư hay Toà án giỏi.

Tang Hổ dù đắc địa hay hãm địa mà hội với nhiều sát tinh là hạng người bạo ngược, thường gặp cảnh cùng khốn, tai ương, khắc vợ, khắc chồng dễ vướng vào lao lý.

Mệnh có Hổ đắc địa đồng cung, sanh ban đêm rất hiển đạt.

Nếu gặp Kinh hay Hình xung chiếu là hạng có chí khí lớn.

Hổ gặp Tấu thư là cọp đội hòm sắc, tất hiển đại văn tài.

Hổ gặp Phi liêm là cop mọc cánh, nhẹ bược công danh.

Hổ gặp Tham lang, nhất là ở cung Dần, Tuất dễ bị nạn xe hay ác thú cắn.

Hổ gặp Thất sát bị đao thương hay tù tội (nếu gia thêm sát tinh, và đến hạn xấu

Hổ gặp Thiên khốc, Thiên diêu bị thú dữ gây tai nạn

Hổ gặp Hình, Kiếp thì bị nạn té ngã hay xe cộ.

Tang Hổ đóng cung Điền, Tài dễ bị hỏa hoạn, nhưng nếu Điền, Tài đóng ở cung Tuất thì rất bền vững, nhà cửa đẹp.

Tang môn gặp Điếu khách, Thiên hình gây nên tai nạn xe cộ hay đại tang. Tang gặp Hỏa, Linh, Mã dễ mắc bệnh lao, phải bỏng, nếu có Tuần, Triệt thì e cháy nhà.

Tang Hổ gặp Khôc mà lưỡng hạn xấu e có tang, hay tán tài.

Tang gặp Điếu khác, Thái tuế dễ bị ngã từ cao xuống hay bị kiện tụng.

NỮ MỆNH: Có Tang, Hổ tọa thủ thì vẻ mặt trong buồn tẻ, nhân duyên thường bị trắc trở, nếu không muộn lập gia đình thì khó tránh phải mấy độ buồn thương, đau khổ vì con; khó sinh.

Hạn mà gặp Tang, Hổ, Ky và sao Thai thì dễ băng huyết khi đẻ.

3>THIÊN KHỐC – THIÊN HƯ: Thuộc Thủy.

Miếu địa: Tí, Ngọ – Lợi: Mão, Dậu, Sửu, Mùi.

Tính chất Khốc, Hư buồn tẻ, hay suy lự hoang mang, gây nên tật bệnh, mắt có quầng, thận đau.

Khốc, Hư đóng ở Mệnh ở Miếu địa Tí, Ngọ thì lời nói đanh thép có oai, nhiều người nghe theo, mang trong lòng chí lơn, quyết hành động hơn người, thích hoạt động không ngừng, nhiều nghị lực phấn đáu. Dưới 30 tuổi thường nghèo túng, hay gặp bước thăng trầm. Từ 30 tuổi giở ra thì trở nên phong lưu, khá giả. Nếu lại gặp Thất sát hay phá quân đồng cung tất có uy danh quyền tước; lời nói làm cho người người kính phục.

Khốc, Hư hội Thiên hình, Thiên mã là võ cách; có tiếng tăm.

Khốc, Hư gặp được Lộc tồn hay Hoá lộc thì từ 30 tuổi trở ra lên là giàu. Nếu gặp Khoa, Quyền lại phát công danh.

Khốc Hư ở Dần, Thân gặp Đàla là người có tài cả văn võ.

Khốc, Hư hãm ở Thìn, Tuất thì hay vương tai nạn, giảm tuổi thọ, cuộc đời khóc nhiều hơn cười.

Khốc, Hư gặp Thiên cơ đồng cung hay xung chiếu thường mắc phải bệnh lao.

Mệnh có Thiên hư tọa thủ nên răng hư. Nếu Hư đắc địa mà gặp Lộc đồng cung là người có tài, nổi danh.

Hư hãm địa là hạng bất chính, ăn nói sai ngoa.

SAO THIÊN HÌNH: Thuộc Hỏa Đắc địa: DẦN, THÂN, MÃO, DẬU.

Tính chất: dũng mãnh, sát phạt, có oai thế. Hình là lưỡi kiếm.

Chủ về quân cơ, mổ xẻ, đâm chém

Mệnh đóng ở Dần gặp Thiên Hình là cách Cọp ngậm kiếm tất người tài ba trong việc điều binh khiển tướng, phát võ công. Ngoài ra đóng ở Thân, Mão, Dậu cũng là đắc cách, biểu dương người chí khí anh hùng.

Hình gặp Tướng quân, Quốc ấn và Phục binh làm thành bộ sao uy dũng, tức có tài kiêm nhiệm văn võ.

Hình gặp Lộc, Diêu có tài dùng về mổ xẻ.

Hình đắc cách mà gặp Tuần, Triệt chẳng khác nào thanh kiếm báu sử dụng không ra gì.

Hình hãm mà gặp sát tinh gây tai họa khủng khiếp

Hình hãm gặp Thiên khốc tức mang tật trong người.

SAO THIÊN KHÔNG: Thuộc Hỏa

Tính chất gian hùng phá tán, quỉ quyệt

Mệnh mà có Thiên không hội với Đào hoa là hạng đa mưu, nhưng xảo trá. Trái lại nếu gặp Hồng loan thì là hạng chỉ tìm nơi vắng vẻ ở ẩn hay đi tu

Mệnh có Thiên tướng đấc địa mà gặp Thiên không là kẻ có uy quyền thống lãnh đến ngàn dặm, phát về võ tướng.

Hạn mà đau ốm nhưng nếu gặp được Thiên không thì chóng khỏi nhưng nếu có cả Tuần, Triệt đóng thì Thiên không trở nên vô dụng . . .

SAO ĐỊA KHÔNG – ĐỊA KIẾP: Thuộc Hỏa

Đắc địa: Ty, Hợi, Dần, Thân

Mệnh có Địa kiếp hay Địa không độc thủ là người ăn nói thô bạo, thân hinh thô kệch

Kiếp, Không, đắc địa ở Dần, Thân, cần gặp quí tinh mới hiển đạt; tuy nhiên không bên, nhiều độ thăng trầm.

Kiếp, Không đắc địa ở Tỵ, Hợi thì người trầm tĩnh, suy tư, có cơ mưu, can đảm, sớm đoạt công danh. Nhưng nên cần có Tướng, Mã, Khoa tinh hội mới phát bền, và phát càng mạnh, càng to ở vào thời loạn.

Kiếp, Không giáp mệnh là bại cuộc; nếu Mệnh không có quí cách thì là hạng bần tiện.

Kiếp, Không đắc địa mà hội Tử, Phủ đắc địa lại trở nên mờ ám xấu xa, khó tránh tai ương. Nếu lại gặp Tử, Phủ hãm thì càng nguy khốn bội phần.

Kiếp, Không *hãm địa* thì không đáng ngại lắm, nếu gặp Tử, Phủ hãm thì tia họa liên miên, tuổi thọ chiết giảm.

Mệnh có Kiếp hay Không tạo thủ dù đắc địa hay hãm địa cũng thường mắc bệnh đau phổi, bệnh hen, nếu không thì mắc bệnh ngoài da như ung nhọt, lở lói, mần ngứa liên miên.

Kiếp, Không với nhiều sát tinh, tất trai thì khắc vợ, gái thì khắc chồng. Nhưng nếu các sát tinh đắc địa thì lại cũng hưởng được phú quí một thời hạn nào tuỳ theo đại hạn xấu tốt mà xót.

Kiếp, Không hội với Hồng, Đào tất duyên nợ dang dở, phải trải qua đôi độ cưới xin, lại dễ mắc phải bệnh phong tình, tuổi thọ cũng kém.

Kiếp, Không hãm địa đóng ở Mệnh, Thân là hạng quỉ quyệt, ích kỷ, nên suốt đời chẳng vừa lòng với mình, lại thường mang bệnh trong người

Mệnh gặp Kiếp, ngộ Tham lang như người đi thuyền trên sóng, lúc nào cũng chỉ lang thang đây đó, trọn đời lao khó.

Mệnh có Kiếp, Không, Đào, Hồng, Đà, Linh tạo thủ đồng cung thì chết trẻ như Nhan Hồi (32)

Mệnh có Kiếp tao thủ gặp Phù, Khốc, Khách lai gặp Cư môn,

Thái dương nên suốt đời chịu cô đơn, sầu khổ, không ngớt lệ.

Địa kiếp độc thủ tại Mệnh là hạng người phi nhân thị kỷ.

Mệnh có Kiếp gặp Thiên cơ có Hỏa đồng cung hoặc sung chiếu tất hay bị phỏng lửa hay cháy nhà.

Kiếp, Không đóng cung Quan mà hãm khó lòng đạt được công danh.

Kiếp, Không gặp Tử, Phủ, Khôi, Việt hội thì mất của hay mặc lừa.

Kiếp, Không gặp Tả, Hữu là hang chuyên đi lừa người.

Kiếp, Không mà gặp Kiếp sát, Thái tuế, Thiên không, Phục binh, Kình dương, song Hao thì tánh mệnh bị hăm doạ, nếu đại hạn xấu tất chết.

Kiếp, Không gặp Hoả, Linh, Kỵ, Tuế, Hao, Phục thì bị cướp phá nhà, trộm của, nếu lại gặp đại hạn xấu ắt chết.

Kiếp, Không gặp Hóa quyền tất làm trắc trở công danh.

Kiếp, Không đến hạn gặp Song Hao tất phá tán tài sản.

NỮ MỆNH: Nếu Kiếp, Không đắc địa tọa thủ tại Mệnh thì cương cường, dũng cảm chẳng kém gì đàn ông, làm việc gì cũng chóng có kết quả song chẳng đặng bền

Kiếp, Không dù đắc địa hay hãm địa mà hội với Đào, Hồng thì đàn bà khó mà giữ tròn danh tiết, thật là số hồng nhan bạc mệnh vậy.

Nếu Kiếp, Không hãm địa đóng tại Mệnh thật là hạng khắc hại chồng con, trọn đời bi luy.

SAO KIẾP SÁT : Thuộc Hỏa

Kiếp sát đóng Mệnh là người nó tính hay làm điều bất chính. Nó có đặc tính giống Địa kiếp, thích sát phạt, gây tai họa. Nếu có ác tinh hội thì sát gây nên cảnh nghèo nàn, đau yếu.

Sát gặp sao tốt giảm cái tốt đi, gặp sao xấu tăng cái xấu thêm.

SAO THIÊN DIÊU: Thuộc Thủy Đắc địa: Dần, Mão, Dâu, Tuất

(Tính chất huyền ảo, nghi hoặc)

Diêu đắc địa ví như sen mọc trong bùn, tuy đam mê tửu sắc tình dục nhưng không bị nhơ nhuốc.

Diêu đắc địa gặp Tướng, Đồng, Quyền, Khoa, Lộc thì thông minh, học giỏi, làm lớn.

Diêu đắc địa ngộ Tràng sinh Đế vượng là hạng phong tao mạc khách,

Diêu đắc địa gặp Long Phượng thì hưng vượng tài lợi công danh. Nếu ở đại tiểu hạn thì có liên quan đến cưới xin sinh nở.

Diêu đóng tại mệnh thì hay bị đau răng.

Diêu ngộ Khúc Xương là người có tánh dâm dật.

Diêu ngộ Lưu hà thông minh, công việc trôi chảy.

Diêu gặp Đào Hồng thì lẳng lơ bất chính,

Diệu hãm địa mà không có cứu tinh như Thiên, Hình Tử vi là hạn dâm đãng, không thể thọ.

SAO THIÊN Y: Thuộc Thủy

Thiên Y có tính chất cứu giải bệnh tật, tinh khiết, cẩn thận.

Nếu Thiên Y đóng mệnh hội với Tả Hữu, Thiên Quang, Thiên Phúc quí nhân và Thiên hinh là hạng lương y nổi danh.

SAO CÔ THẦN – QUẢ TÚ: Thuộc Mộc đái Thổ.

Tính chất cô độc, lạnh lẽo âm thầm khó tính, hơi khắc nghiệt, không thích giao du nhiều, sống nội tâm, có những thú chơi riêng.

Đóng ở Mệnh hay ở cung Tài thì gìn giữ của bền.

Nhưng đóng ở cung Phối thì làm trắc trở sự cưới hỏi, cuộc sống ái ân vợ chồng.

SAO ĐẦU QUÂN: thuộc Hỏa (cũng gọi là Nguyệt Tướng)

Tính chất khắc nghiệt, nghiêm nghị, bảo thủ.

Nếu đóng ở cung Điền, cung Tài thì giữ của bền.

Nếu đóng ở cung Quan Lộc mà gặp được cát tinh như là Tử Phủ thì hưởng phú quí.

Đẩu Quân mà gặp Lộc Tồn thì biến thành cái đấu đong thóc sẽ có tài sản.

Nếu đóng ở cung Tử tức là số hiếm con, nên phú có câu:

"Đẩu Quân ở Tử tức cung

Đến già khó được tay bồng con thơ"

Bởi đó cung Tử kỵ sao Đẩu Quân cũng như sao Linh Hỏa vậy, nhưng Đẩu Quân chỉ sự hiếm sinh đẻ còn Linh Hỏa thì chỉ sư khó nuôi con.

Nếu Đẩu Quân mà gặp ác tinh tại mệnh là hạng gian giảo quỉ quyệt.

SAO PHÁ TOÁI: Thuộc Hỏa đái Kim

Tính chất táo bạo, hay phá ngang làm hao tán, gây trở ngại mọi việc

Mệnh có Phá Toái mà gặp được Lưu Hà là hãng dũng mãnh mề võ nghiệp, có uy quyền. Nếu không có Lưu Hà thì lại chủ sự tán tài.

Phá Toái đóng ở cung Giải ách thì ít ốm đau.

Phá Toái gặp Khoa Quyền thì làm sao nên danh phận.

Phá Toái gặp Kình Đà, Phá Quân, Hóa Kỵ tại cung mệnh hay cung Giải ách thì là người có tật. Nếu gặp Thiên Diêu, Vũ Khúc thì nói ngọng Song nếu có Diêu, Vũ mà lại hội Thiên Việt, Hóa Kỵ tất phải bị câm.

Nếu gặp phải Hỏa, Linh, Hình thì chết về ác tật.

SAO LƯU HÀ: Thuộc Thủy

Tính chất thâm trầm, độc ác, gian hiểm, ưa sát phạt giết chóc.

Cung Mệnh có Lưu Hà đóng thì đàn ông sẽ chết ở đường sá; đàn bà thì dễ chết khi lâm bồn. Nếu không có quí tinh với cát tinh hội mà lại gặp những hạng sát tinh như: Song Hao, Kiếp sát, Thiên hình Thất sát hãm địa. Nếu Lưu Hà mà gặp Cự Ky thì dễ bị nạn sông nước.

Nhưng Lưu Hà gặp được Thanh Long lại là rồng gặp nước, sẽ hanh thông mọi việc.

SAO LƯU TÙ: Thuộc Hỏa

Tính chất giam hãm, gò bó âu sầu, nên đóng ở cung nào làm hại cung đó, trừ phi đóng cung Nô lại chủ về cô độc, không thích ngao du chơi bời.

Đại Tiều hạn gặp Lưu Tù mà lại có hung tinh hội tất mắc vòng lao lý.

SAO THIÊN THƯƠNG: (Thuộc Thổ)

SAO THIÊN SỬ: (Thuộc Thủy)

Tính chất buồn thảm, ngăn trở mọi việi, gây bệnh tật và tai ương.

Thiên Thương giao hội Kiếp, Không, Thiên sử mà đại hạn xấu thì tác họa một cách kinh khủng. Chính Nhan Hồi chết yểu vì cách này.

Thiên Thương mà gặp Tang Môn đem lại sự biến đổi hay tang tóc.

Thiên sử gặp Tang Môn và Thiên Cơ thì bị ngã hay bị người ta đánh.

SAO THIÊN LA – ĐIA VÕNG

La đóng ở cung Thìn, Võng đóng ỏ cung Tuất nên cũng gọi hai cung ấy là hai cung La Võng tức là lưới của trời đất vây tỏa. Nếu đại tiểu hạn gặp La Võng mà gặp Sát tinh sẽ đem lại sự bắt bớ giam cầm hay phá sản hoặc chết, nhất là Thái Tuế lưu niên mà gặp hai cung ấy rất ái ngại.

PHẦN THỨ BA

CÁCH LUẬN SỐ MỆNH

Trước khi đi vào luận đoán số mệnh, chúng ta cần pahỉ thuộc kỷ tính tinh, âm dương; đất đứng, nơi sinh, sự tương quan giữa các sao. Sau đó xét kỹ từng cung để tìm rõ bài giải thì quyết chắc khó đoán sai được. Nếu công việc học hỏi không thận trọng thì chớ vội đoán bừa sẽ đưa đến sự sai lạc; có hại rất lớn với kẻ dễ tin, vì sẽ gây một ấn tượng lầm lạc trong tâm trí họ. Bởi thế thà là ta biết rõ cái gì thì nói, cái chưa rõ hãy ngừng.

Sau đây xin kễ rõ các tiết mục giúp vào việc luận đoán:

- 1. Cũ soát lai giờ sinh
- 2. Nhận rõ cách cuộc lập thành ơ 12 cung
- 3. Xem về mệnh ở vào sinh; Vượng, Bại, Tuyệt địa
- 4. Luận về Mệnh và Thân: Mùi; Giờ sinh.
- 5. Luân về cách ở Mênh, Thân
- 6. Luận về SAO, CUNG, MỆNH, có hợp phương hướng, âm dương và nơi sinh không (đô thị, thôn dã, sơn cước)
 - 7. Đoán rõ 12 cung từ Mệnh đến Phụ mẫu
 - 8. Lưu Tuần, Triệt Phi cửu tinh Lưu Nhật, Nguyệt
 - 9. Lưu đoán Đại; Tiểu hạn hay dỡ
 - 10. Thái tuế lưu niên từng tiểu hạn.

- 11. Liên hệ giữa Mệnh, Thân và hạn
- 12. Liên hệ giữa tuổi, Cung, Sao và Hạn
- 13. Anh hưởng sao nhập hạn.
- 14. Luận đoán về hạn chết.

CỦ SOÁT GIỜ SINH

1. **Giờ kim xà:** Nếu người sinh ra nhằm giở Kim xà thì chết yểu, nếu xem kỷ cung Phúc có nhiều yếu tố cứu vãng thì cũng qua được nhưng phải ngoài 12 tuổi mới chắc là thoát được nạn Kim xà thiết tỏa.

Muốn tìm giờ Kim xà thì theo bài thi sau đây:

Đương tòng Tuất thượng khởi Tí niên,

Thuận số hành niên, Nguyệt nghịch suy.

Nhật hựu thuận hề, Thời nghịch chuyển

Tiểu nhi thọ yểu khả tiên tri

Cước: Bắt từ cung Tuất gọi là Tí tính thuận đến *năm sinh*, Từ đó lại kể là *tháng Giêng* tính nghịch lại đến *tháng sinh*. Từ đó lại kể là *Mùng một* tính thuận lại *ngày sinh* Tự chỗ ngày sinh lại tính nghịch lại đến giờ sinh; nếu gặp ở trong 4 cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì gọi là gặp giờ KIM XÀ THIẾT HỎA. Nếu con trai vào cung Thìn hay Tuất là Ky. Con Gái vào cung Sửu hay Mùi là ky. Tất khó nuôi.

2>Giờ Quan sát: Nếu gựp giờ Quan sát thì trẻ hay ốm yếu luông. Giờ Quan sát được tìm như sau:

Tháng giêng để giờ Tỵ

Tháng 2	Ш	Ngọ
Tháng 3	Ш	Mùi
Tháng 4	Ш	Thân
Tháng 5	Ш	Dậu
Tháng 6	Ш	Tuất
Tháng 7	Ш	Hợi
Tháng 8	Ш	Tí
Tháng 9	Ш	Sửu
Tháng 10	Ш	Dần
Tháng 11	Ш	Mão
Tháng 12	Ш	Thìn

3>**Giờ Tướng quân:** Để gặp giờ Tướng quân, trẻ hay khó Daimetin; thường lên kinh, nhưng không có gì nguy đên tính mang.

Cách tìm giữo Tướng quân như sau:

Mùa Xuân để vào giờ Thìn Tuất, Dậu

 Mùa Hạ
 ||
 Tí, Mão, Mùi

 Mùa Thu
 ||
 Dần, Ngọ, Sửu

 Mùa Đông
 ||
 Thân, Ty, Hơi

4> **Giờ Diêm Vương:** Đẻ gặp giờ Diêm Vương thì trẻ hay giật mình, nhất là về ban đêm, có khi nổi kinh hoài, trơn mắt lên; nhưng vẫ nuôi được yên ổn.

Cách tìm giờ Diêm vương như sau:

Mùa Xuân sinh nhầm vào giờ Sửu Mùi

 Mùa Hạ
 ||
 Thìn, Tuất

 Mùa Thu
 ||
 Tí, Ngọ

 Mùa Đông
 ||
 Mão, Dậu.

5>Giờ Dạ đề: Sinh vào giờ Dạ đề thì trẻ hay khóc đem mà ngày thì ngủ yên lắm.

Cách tìm giờ Dạ đề như sau:

Mùa Xuân sinh vào giờ Ngọ

Mùa Hạ II Dậu Mùa Thu II Tí Mùa Đông II Mão

II> CÁCH CUÔC LẬP THÀNH Ở 12 CUNG

A> QUÝ CÁCH:

- 1. Tử, Phủ đồng cung cáh (đóng ở Mệnh hay Thân)
- 2. Phủ, Tướng triều viên cách (tất cả đóng ở Mệnh)
- 3. Tham, Vũ đồng hành cách (đóng ở Sửu, Mùi có Mệnh)
- 4. Sát, Phá, Liêm, Tham cách
- 5. Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương cách
- 6. Cơ, Cự, Đồng, Lương cách.
- 7. Tử, Phủ, Vũ, Tướng cách.
- 8. Nhật, Nguyệt đồng cung cách
- 9. Cự, Nhật đồng cung cách (ở Dần tốt hơn ở Thân)
- 10. Cự, Cơ đồng cung cách (ở Mão, Dậu)
- 11. Tả, Hữu đồng cung cách
- 12. Tam Hoá hên châu cách (tức Khao, Quyền, Lộc đi liền 3 cung đến cung Mệnh có 1 hóa)
- 13. Văn Quế, Văn hoa cách (Tức Xương, Khúc đồng cung, ở Sửu, Mùi thì thượng cách.)
- 14. Liêm trinh văn võ cách (tức Vũ khúc nhập miếu hợp Xương khúc thì văn võ toàn tài)
- 15. Vũ khúc văn võ cách (tức Vũ khúc nhập miếu hợp Xương Khúc)
- 16. Thiên ất quí nhân cách (Khôi, việt chiếu mệnh)
- 17. Quí tinh giáp Mệnh cách (tức Mệnh có Thiên phủ ở Mùi Sửu mà giáp Nhật, Nguyệt hoặc ở bất cứ cung nào mà giáp Tả, Hữu, Xương Khúc, Khoa Quyền, Khôi việt, Long Phượng, được một trong cách ấy đều tốt.
- 18. Nguyệt, Đồng, Cơ, Cư cách.
- 19. Phá, Liêm, Mão, Dậu cách (Phá, đóng Mệnh ở Mão, Dậu mới hợp cách tốt, ở các cung khác thì không lợi)
- 20. Lộc, Mã giao tri cách (ở Mệnh, Tài, Quan, Thiên di đề tốt)
- 21. Nhật, Nguyệt tinh minh cách (Nhật ở Thìn, Tỵ, Nguyệt ở Dậu, Tuất, mà Mệnh đóng ở Nguyệt hay Nhật đều tốt)
- 22. Nhật lệ trung thiên cách (Nhật cư Ngọ có Mệnh)
- 23. Nhật chiếu lôi môn cách (Nhật ở Mão có Mệnh)
- 24. Nguyệt lãng thiên môn cách (Nguyệt ở Hợi có Mệnh)
- 25. Song Lộc cách (cùng đóng ở Mệnh đẹp hơn chiếu về)

- 26. Lộc hội Khoa Quyền cách (Tức Tam Hóa triều)
- 27. Tiền, cái hậu Mã cách (Tức cung trước cung Mệnh có Hoa cái, sau cung mệnh có Thiên mã là cách người cao quí sang trọng đi ngựa có lộng che)
- 28. Nhật, Nguyệt chiếu bích cách (Tức ở Sửu chiếu lên Mùi có Mệnh, hoặc ở Mùi chiếu xuống Sửu có Mệnh)
- 29. Vũ, Lộc giáp Mã cách (Cung Mệnh có Mã giúp lại có Vũ khúc và Hóa lộc hay Lộc tồn)
- 30. Kim dư phù giá cách (Tử vi tại mệnh hay Quan lộc mà giáp Tả Hữu, Thiếu dương, Thiếu âm là xe vàng vua đi)
- 31. Phụ, Bật củng đế cách (Cung Mệnh hay Quan có Tử vi mà Tả phụ, Hữu bật hợp chiếu)
- 32. Quần Thần khách hội cách (Tử vi gặp toàn cát tinh hội)
- 33. Vũ khúc thủ viên (ở cung Mão gặp cát tinh hội với Vũ khúc mới giàu sang. Ở các cung khác tầm thường)
- 34. Thất sát triều đầu cách (ở Dần, Thân có Mệnh)
- 35. Thất sát ngưỡng đầu cách (tức Thất sát cứ Ngọ)
- 36. Tham, Hỏa tương hội Tứ mộ cách (Mệnh hay Quan đóng ở Tứ mộ có Tham, Hỏa hội phát võ hay kinh thương)
- 37. Phá quân Tí, Ngọ cách (Hoạnh phát; nhưng cũng hoạnh phá)
- 38. Tả, Hữu, Tứ mộ cách.
- 39. Nguyệt sinh thwong hải cách (Tức Nguyệt tại Tí) cách này ucngx gọi Mẹnh châu xuất hải.
- 40. Lộc mã bội án (Mệnh hay cung Quan có Thiên tướng miếu địa, lại có Lộc, Mã giáp cung)
- 41. Liêm, kinh giáp ấn (Tức Mệnh hay Quan có Quốc ấn đóng mà cung giáp đại phát võ coong)
- 42. Kình dương nhậtp miếu (Tức Kình đóng ở Tứ Mộ gặp tuổi Tứ mộ)
- 43. Tài Ấn giáp lộc (Cung Mệnh có Lộc, lại giáp cung có Vũ, Tướng)
- 44. Tứ linh triều mệnh (Mệnh có chính tinh miếu vượng địa, gặp Cái Hổ, Phượng, Long hội phát công danh)
- 45. Tọa quí, hướng quí (Mệnh có Khôi đóng, gặp Việt chiếu, hoặc có Việt gặp Khôi chiếu)
- 46. Văn tinh ám củng (Mệnh gặp Khôi Việt, Xương Khúc, Tuế hội và lưỡng hợp có Hóa Quyền, Khoa, Lộc)
- 47. Minh lộc, Am lộc (cũng gọi là Uyên ương lộc hội, tức cung Mệnh có Lộc, cung nhị hợp có Tồn, hoặc ngược lai)
- 48. Hổ hàm kiếm cách (Thiên hinh đang ở Dần có mệnh tại đó)
- 49. Chúng thuỷ triều đang cách (Mệnh tại Mão, Dậu có song Hao)
- 50. Lộc mã giao trì cách (Lộc mã đòng cung có mệnh)
- 51. Cơ Lương Thìn, Tuất.

B. BẦN TIỆN CÁCH

- 1. Sinh bất phùng thời (Liêm đóng mệnh tại Dần, Thân gựp Tuần, Triệt án ngữ)
- 2. Thất sinh cô bần (Phá Cóng Mệnh tại Dần, Thân gặp sát tinh)
- 3. Quân Tử tại đã (Mệnh bị sát tinh, hung tinh hội)
- 4. Lộc phùng lương sát (Lộc tồn hay Hóa lộc ở Mệnh gặp Không Kiếp đồng cung.)

- 5. Mã lạc không vong (Mã tại Mệnh gặp Tuần, Triệt án ngữ)
- 6. Tài dữ tù cừu (Vũ hay Liêm hãm tại Mệnh lại gặp sát tinh)
- 7. Nhật, Nguyệt tàn hung (Nhật Nguyệt hãm tại Mệnh mà không có cứu tinh, hoặc hãm mà gặp sát tinh)
- 8. Lưỡng trùng Hoa cái (Y như cách Lộc phùng lưỡng sát)
- 9. Không, Kiếp sát hội (Mệnh gặp Không, Kiếp hãm hội Sát tinh)

III. SINH, VƯỢNG BẠI, TUYỆT ĐỊA

Việc tìm hiểu sinh địa, Vượng địa, hay Bại địa, Tuyệt đại đối với một lá số rất cần. Vì có nhiều số tốt mà gặp Bại hay Tuyệt địa thì cuộc đời chìm nổi vô thường. Vậy muốn biết rõ: hiểu bại thế nào xem bản thì sẽ rõ:

HÀNH	SINH ĐỊA	VƯỢNG	BẠI ĐỊA	TUYỆT ĐỊA
MỆNH		ÐĮA		
	Mệnh an ở:	Mệnh an ở:	Mệnh an ở:	Mệnh an ở:
KIM	TŸ	DẬU	NGỌ	DÂN
MỘC	HĢI	MÃO	TÍ	THÂN
НÓА	DÂN	NGỌ	MÃO	HĢI
THỦY – THỔ	THÂN	TÍ	DẬU	TŸ

Gặp Bại địa và Tuyệt địa cần được cứu giải băng Tam hóa hội hay cần có Chính Diệu ở đó sanh được bản mệnh theo Ngũ hành, thì gọi là Tuyệt xứ Phùng sinh. Nếu không thì cuộc đời thăng trầm đáng ngai.

IV. LUÂN VỀ MÊNH, THÂN

Mệnh và năm sinh an vào mỗi cung có ảnh hưởng cho sự hưng suy thành bại. Bởi đó khi an xong lá số, ta cần xét rõ các lẽ sau đây:

- 1. Đàn ông sinh năm Ngọ, Mùi mà mệnh an tại cung Tí Sửu thì trọn đời gặp nhưng việc bất toai ý.
- 2. Mệnh Thân đồng cung ở Tứ Mộ lại Vô Chính Diệu mà không Tuần Triệt thiếu trung tinh hội thì chắc cùng khổ và yểu. Tại Tí Ngọ Vô Chính Diệu nếu có Hóa Lộc toạ thì giàu nhưng giảm thọ. Trái lại nếu không Hóa Lộc thì nghèo mà thọ.

- 3. Mệnh Tuần, Thân Triệt thì ở Mệnh hay Thân rất cần có Cơ Nguyệt Đồng Lương sáng sủa thì đời mứoi được xứng ý toại lòng, đến già an nhàn.
- 4. Mệnh Triệt, Thân Tuần thì Mệnh Thân rất cần Vô Chính Diệu thì mứoi toại ý.
- 5. Mệnh Không, Thân Kiếp là người không ngoan sắc sảo nhưng trong đời vui ít buồn nhiều, mưu sự thành bại thất thường. Ở đây nếu Mệnh vô chính Diệu lại có Đại Tiểu Hao hội là người tuy ít học nhưng cũng đạt được công danh, sự nghiệp hiển đạt.

Trong trường hợp này nếu Mệnh hay Thân có Thiên Đồng, Thiên Lương hay Phá Quân thì không thể sống lâu được.

6. Đàn bà mà Mệnh an ở Tứ Mộ thì khôn ngoan.

Mệnh an ở Dậu ra ngoài nhiều người mến vi.

Mệnh an ở Tí Ngọ trọn đời nhàn.

THÂN CỬ TAI CUNG:

- 1. **Thiên Di:** Có cát tinh hội thì lập nghiệp phương xa thịnh vượng. Nếu có Tuần Triệt án ngữ thì chết xa nhà
- 2. **Thê thiếp hay Phu quân:** Có Nguyệt tọa thủ tất sợ vợ, nhờ vợ. Có Triệt Tuần trắc về hôn nhân.
- 3. **Tài bạch:** Tử vi tọa, hay Cơ Nguyệt Đồng Lương hoặc Sát Phá Liêm Tham sáng sủa với cát tinh: Có danh giá hoặc tiền tài.

Nếu Đại Tiểu Hao Quyền Lộc Kiếp Hỏa hội thì buôn bán trở nên giàu có. Nếu lại có thêm Phục, Kình họi thì không nên buôn bông vải và đề phòng hỏa hoạn.

Nếu Lưu, Kiếp họi thì làm nghề đánh cá hay buôn bán nơi sông nước khó tránh khỏi thuỷ nan.

4. **Quan Lộc:** Có Tuần Triệt, Kiếp Hỏa, Kỵ hội đàn ông muộn công danh. Nếu có Cát tinh hội cũng phải ngoài 40 tuổi mới nhẹ bước thanh văn.

Nếu đàn bà Tuần Triệt hội sát tinh thì khó giữ toàn trinh tiết, có Tang Hổ hội tất phải góa bụa; bởi vậy phải muộn chồng hay làm lẽ mới yên.

5. **Phúc đức:** Nếu sáng sủa thì hưởng phúc sống lâu, mờ ám thì giảm thọ, tai ương.

NHẠN ĐỊNH VỀ MÙA SINH VÀ GIỜ SINH

Muốn biết mùa sinh giờ sinh thuận hay nghịch để xem độ số được tăng hay giảm bớt. Vây theo sự kê khai dưới đây sẽ rõ:

1.Thuân mùa sinh:

Mệnh Mộc sinh mùa xuân – Mệnh Hỏa sinh mùa hạ
Mệnh Kim sinh mùa thu – Mệnh Thủy sinh mùa đông
gọi là Mệnh Vượng
Mệnh Hỏa sinh mùa xuân – Mệnh Thổ sinh mùa hạ
Mệnh Thủy sinh mùa thu – Mệnh Mộc sinh mùa đông
gọi là Mệnh Tướng
được cách Mệnh Vượng hay Mệnh Tướng là thuận mùa sinh

2. Thuận giờ sinh:

Sinh mùa xuân vào giờ Dậu, Thìn, Tỵ Sinh mùa Hạ vào giờ Mão, Mùi, Hợi Sinh mùa Thu vào giờ Ngọ, Thân, Dần Sinh mùa Đông vào giờ Sửu, Tuất, Tí Được thuận giờ sinh độ số gia tăng.

3. Giờ sinh thuận lý hay nghịch lý

Sinh vào giờ Dương mà an mệnh tại cung Dương là thuận lý. Trái lại là Nghịch lý. Sinh vào giờ thuộc Âm mà Mệnh an tại cung âm là thuận lý. Trái lại là nghịch lý. Thuận lý thì độ số gia tăng, mà nghịch lý thì bi kém bớt.

4. Năm sinh và giờ sinh

Tuổi Dần, Ngọ, Ty, Dậu mà sinh giờ Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì tối độc.

Tuổi Dần, Hợi, Tý mà sinh giờ Ngọ, Thân, Dậu, Hợi thì khắc cha phải đến 16 tuổi mới khỏi sự âu lo về sự mồ côi cha.

Tuổi Thìn, Tỵ, Sửu, Mùi sinh giờ Tí, Ngọ, Mão, Tỵ, Hợi, Thân, Dậu khắc mẹ, tất nhiên Mẹ chết trước.

V. LUẬN CÁC CÁCH Ở MỆNH THÂN

1. Phi thường cách: Mệnh Tử, Phủ, Vũ, Tướng nhập miếu họ cát tinh (như Tả Hữu, Khôi, Việt, Tam Hóa, Xương Khúc, Long Phượng, Hồng Đào.

Thân thí Sát, Phá, Liêm, Tham nhập miếu, vượng địa, họi cáttinh (như Tả Hữu, Khôi Việt, Xương Khúc, Long Phượng, Hồng Đào, Khoa Quyền. Lộc, Kình, Không, Kiếp, Hình Hổ) phát đến Vương, Tể.

2. **Thượng cách:** có những cách sau đây đóng Mệnh Thân:

Tử, Phủ, Vũ, Tưóng, Cơ nguyệt, Đồng, Lương, Sát, Phá, Liêm, Tham.

Cự, Nhật, Nhật, Nguyet đồng cung. Tất cả những cách này cần được nhập miếu hay vượng địa, đắc địa hội Tả, Hữu, Xương Khúc, Khôi Việt, Long Phượng, Hồng Đào, Tam Hóa, phát đến Tam công.

Lưỡng Tướng nhập miếu, vượng địa, đắc địa hội Thiên mã, Thiên phúc, Văn xương, đồng cung là cách bạch ốc phát công danh.

Tử, Phủ, Vũ, Tướng đóng Mệnh hội cát tinh. Có Tử vi, Hóa khoa, Tả Hữu, Thai toạ, Thanh Long, Lộc tồn đóng cung Quan Lộc, là bậc cự thương.

Mệnh vô chính diệu đấc tam không (Tuần, Triệt, Thiên, Địa không hội cát tinh, có Nhật, Nguyệt chiếu phát công khanh)

3. **Trung cách:** tức Mệnh, Cục tương khắc, âm dương nghịc lý Chinh diệu cùng cung tương phản, hay lạc hãm, taheo cách dưới đây:

Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương hội Tả Hữu, Quang Quí, Thiên quan, Thiên phúc, thì làm thầy thuốc giỏi.

Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương hội Tả Hữu, Khôi Viêt, Khoa, Quyền, Xương Khúc, Tấu thư thì giỏi về dạy học, viết văn.

Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương hội Tả Hữu, Xương Khúc làm nghề ấn loát công nghệ hay thương gia khá.

Tử, phủ, Vũ, Tướng, hội Long, Phượng, Tả, Hữu, Hình, Diêu thì làm thợ rất tinh vi, nhất là chạm trổ, điêu khắc.

Thiên cơ hội Hông, Đào, Diêu, Tấu là hạng Super Ca nhạc nổi tiếng

Thiên cơ hội Vũ, Hồng, Tấu làm thợ thêu; may rất khéo.

Sát, Phá, Liêm, Tham hội Hồng, Đào, Tấu, Long Phượng làm thợ vẽ hay hoạ sĩ có biệt tài.

Cơ, Nguyệt Đồng Lương hội Tả Hữu, Thai Cáo, Xương Khúc tất là hàng công chức thường.

Cơ Nguyệt Đồng Lương hôi Tướng Ấn Long Phượng, Phù làm thầy cúng, đồng bóng.

Sát Phá Liêm Tham hội Nhật Nguyệt hãm và Tả Hữu, Quyền, Lộc thì làm thầy tướng hay thầy bói.

Thiên đồng hội Hình, Diêu, Hồng, Đào, Long, Phượng thì mê đồng bóng.

Thiên Tướng hội Tả Hữu, Tướng ân Quan phù đi tu cao thăng đến Hòa thương

4. Hạ cách: Có những cách chính tinh như trên, nhưng không gặp được cát tinh hội đủ bộ, mà lại gặp Hung tinh và sát tinh đóng.

Ví dụ: Sát Phá Liêm Tham hội Vũ, Kình Đà, Thiên địa Không sát, Song Hao, Hóa Kỵ. Tất cả chính tinh cùng hung tinh sát tinh nhiều ở vào nơi hãm địa

Gặp phải cách ấy thì thật suốt đời lao khổ, chịu tật nguyền, hoặc lang thang lo miếng ăn từng bữa.

Chú ý: Khi xem lá số cho một người về cuộc đời họ phải chú trọng 3 cung nay: PHÚC MỆNH QUAN và THÂN cư cung nào. Sau đó mới xem kỷ đến cung Tài, Điền và Thiên di, Giải ách để làm một tổng hợp luận đoán mới xác đáng được, về sự Thọ yểu, Giàu sang Quan tước, Thôngminh, Bần tiện. Hoang đàng, Tàng Tật, Vũ chức, Thương nhân, Kỹ nghệ, Tu hành, trôm cướp.v.v...

- a. Phúc thọ cách: Được Đồng Lương đóng Mệnh tại Dần Thân hôi phúc tinh, cát tinh, nhất là người sinh thuộc nam phương, tuổi Tỵ, Ngọ, Mùi. Hoặc Mệnh có Tư, Phủ Tướng, Vũ, hay Phá Liêm Tham. Tham miếu địa, đắc đị, hộicáttinh, không gặp hung tinh, sát tinh hãm thất là ngươi sinh phương Bắc tuổi Hợi, Tí, Sửu. Trong khi ấy cung Phúc sáng sủa, cung Giải ách không mờ ám.
- b. Thông minh cach: Mệnh thân có Phù, Tướng, Triều viên đắc địa, hội Khôi Việt, Xương Khúc, Tả Hữu, Long Phượng, Thai, Tuế mà không gặp Tuần, Triệt, Thiên Địa Không. Được thế thì thôngminh tuyệt chung. Bằng không thì Mệnh Thân có Tướng. Phá miếu, vượng địa họi văn tinh như Xương Khúc, Khôi Việt, Tả Hữu, Quang quí. Trong khi ấy cung Phúc cũng rất thông minh.
- c. Số giàu sang: Mệnh than không bị sát tinh đóng. Cung Điền Tài, lại có Nguyệt đắc địa, hay có Vũ khúc đóng ở cung Tứ mộ, hội lưỡng Lộc cũng các tài tinh.
- d. Văn chức cách: Ba cung Mệnh, Thân Quan cần có Xương Khúc, Khôi Việt, Tả Hữu, đóng và có Tam Hóa triều về, tất nhiên công danh thành đạt.

- e. Võ chức cách: Mệnh, Thân Quan có Vũ, Tướng, Sát, Phá, Liêm Tham đắc địa lại hội Khôi Việt, Tả Hữu, Thai Tọa, Khoa Quyền, Lộc, Bính, Hình, Tướng, Ấn.
- f. Kính thương cách: Người mà Mệnh có cự Nhật hay Tử Phủ đắc địa là hạng thẳng thắng, không có mưu tính quanh co, tất không thể làm thương mại được. Trong trường hợp nếu Mệnh hay Thân có Tử, Phủ đắc địa mà gặp Kình dương đồng cung thì lại trở nên một thương gia giỏi. Hoặclf mệnh có Nguyệt, Tham, Đồng, Sát, Cơ, Lương đắc địa mà cung Tài, hay cung Thiên có tài tinh nếu Lộc, Mã, Vũ đống sáng sủa thì ắt hạng cự thương.

Hoặc là mệnh có Sát, Phá, Liêm, đắc địa gặp Tả Hữu và cát tinh đắc địa thì cũng chuyên về kinh thương. Nhưng phải về sau mới thành đạt vẻ vang.

Hoặc là Mệnh Thân, Thiên di hay Tài bạch an tai Tứ sinh (Dần, Thân, Tỵ, Hợi) có Không, Kiếp tạo thủ là người giỏi về buôn đồ quốc cấm, hàng lậu.

Người có cung Thiên di an tại Tứ mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) mà có Vũ khúc hợp Lộc hay cùng lộc thì buôn bán hoạnh phát.

g. Cách làm kỹ nghệ: Mệnh có Tham vũ đắc địa gặp Sát, Kình hội, làm kỷ nghệ tinh khéo.

Hoặc Mệnh Thânở cung Hợi Ty có Vũ, Phá đồng cung

Hoặc Mệnh Thân tai Dậu, Mão, có Liêm Phá đồng cung

Mệnh, Thân có Cơ hội Tướng, mà Tài cung an ở Tứ mộ có các Lộc hội chiếu hoặc toạ thủ, hoặc có Vũ khúc là người rất tinh về máy móc, có tài sáng tác kỷ nghệ.

Mệnh Thân đóng ở Tỵ, Hợi có Liêm, Tham mà gặp sát tinh hội là số gần xiềng xích, nên chỉ chuyên về nghề thợ sắt hay thợ ren, thợ đúc, hay làm đồ tể. Nếu sát tinh được sang sủa thì cũng tránh được nhiều khốn khổ và phát đạt.

1. Văn chương cách: Trong 3 cung Mệnh Quan và Thân có nhiều văn tinh hội như Xương Khúc, Tả Hữu, Khôi Việt thì giỏi về văn chương, thơ phú

Nếu có Tả Hữu, Long Phượng, Đào Hồng, Thai Tọa thì lmà Họa sĩ

Nếu hội Long Phượng, Xương Khúc, Hồng Đào, Tấu, Diêu thì giỏi về Ca nhạc, vũ kịch.

k. **Cách tu hành:** Mệnh Thân an tại Mão, Dậu có Tử Tham, đồng cung lại gặp Không, Kiếp, hoặc là Thiên phủ gặp tam Không.

Hoặc là Mệnh vô chính diệu mà gặp phải nhiều sát tinh hội là kẻ thích lánh mùi tục luỵ.

Nên chú ý khi xem thấy Mệnh Thân như trên thì cần củ soát lại 3 cung Phụ mẫu, Phối và Tử có phải là thật xấu xa mờ ám không thì mới hợp với cung Mệnh Thân rõ cách tu hành.

- i. Bần tiện cách: Mệnh, Thân có Sát, Phá, Liêm, Vũ hãm hội với Kình, Đà, Không Kiếp, Song Hao Hóa Kỵ, nhất là Mệnh, Thân an tại Tứ sinh mà gặp Tham Liêm hội sát tinh, trong khi ấy cung Phúc, Tài, Điền, lại mờ ám nữa.
- m. **Cách Hoang đàng:** Mệnh thân có Tham, Đào, Diêu, Hỉ, Mộc ngộ song Hao thì đam mê tửu sắc, chiêu lấy tai ương, nhất là có Kình, Kiếp, Không hội.
- n. **Cách tàn tật:** Mệnh có Kình, hay Đà tọa thủ, Thân lại gặp Linh Hỏa Không Kiếp, Kiếp sát thì mang thương tật. Trong khi ấy phải cần xét kỹ cung Phúc và cung Giải ách có nhiều cát tinh hay hung tinh, sát tinh hãm thì mới quyết đoán được.

Còn tật ách về bộ phần nào thì cần xem sao chính thủ tại đó làm biểu tượng. (Hãy xem bản kê rõ các biểu tương sao ở sau)

- o. **Cách yêu chiết:** Xem cung Phúc, Mệnh, Thân đều mờ ám cung Giải ách hội sát tinh và hung tinh, mà đại hạn trong 10 năm đầu gặp phải cách hung sát thì khó lòng sống qua được giai đoạn đại hạn ấy
- p. **Cách trộm cướp**: Cung Mệnh có Sát, Phá Liêm Tham hãm địa lại gặp sát tinh hội (tứ sắt, lúc bại) thì là hạng trộm cướp, gian tà, giết người không ghê tay.

VI. LUÂN VỀ SAO CUNG MÊNH.

- 1. Xem về cung an Mệnh: Nếu Mệnh người thuộc Dương cư sung Dương. Mệnh an cư cung âm thì đọ số gia tăng tốt thêm. Nếu nghịch lại thì độ số có bị chiết giảm ít nhiều.
- 2. Lạc hãm: Khi nào xem hành của sung khắc hành của Sao là lạc hãm nếu vừa lạc hãm lại gặp Tuần Triệt nữa thì càng thêm xấu. Trái lại nếu ở đó có một chính tinh nữa mà sanh được cung thì trở thành đẹp. Ví dụ sao Văn xương là Kim mà đóng ở cung Ngọ và Hỏa là lac hãm, song nếu gặp chính tinh là Thiên cơ thuộc mộc đóng ở đó thì hóa tốt.
- 3. Chính tinh cũng an mệnh hay hành của mệnh sinh chính tinh thì đọ số kém tốt bớt.
- 4. Cung Mệnh khắc chính tinh hay chính tinh khặc hành của Mệnh thì độ số càng kém.
- 5. Hành của cung Mệnh hay cung Thân sinh hành của sao, sao lại sinh được hành của bản mệnh thì tốt, song nếu gặp hai sao sinh khắc lại kém đi.
- 6. Mệnh có sao hãm địa mà hợp được cới hành của Mệnh cũng trở thành khá hơn. Trái lại được sao đắc địa mà không hợp với hành của Mệnh thìkém đi.
- Sao và mệnh có hớp phương hướng, nơi sinh không (đô thị, thôn dã, sơn cước) thì mới tốt được.

Vẽ cung soa nhập hạn cũng theo cách luận của ngũ hành sinh khắc y như trên để đoán.

NGŨ HÀNH SỞ THUỘC TÍNH TINH

Kim :thì Khoa, Vũ, Xương, Linh (linh tinh)

Đà la. Kiếp sát cùng Kinh dương nay

Sao Triệt lộ, Hổ, Suy, Phá toái

Hỏa tú cung Hoa csi, Lâm quan.

Trực phù, Đế vượng một đoàn,

Quan đời, Thai phụ cùng làng Tấu thư

MÔC:thì Dưỡng, Tọa (bát toạ), đường phù

An quang, Thiên hỉ; Thiên cơ, Quyền Đào.

Giải thần, Tang, Tướng (Tướng quân) ba sao,

THÚY: THÌ Cư ts, Đồng, Hư, Lưu hà.

Bác sĩ,, Tam thai cùng là.

Long trì, Long đức một nhà Thanh Long.

Mộc Duc, sao Tử, Hồng loan,

Thiên Khốc, Diêu, Ky, Phá, tham cho tường.

Sứ, Y, Thiên Quí, Thiếu âm

Văn Khúc, Hữu Bật, Tràng sinh một phường.

THỐ: Tử Phủ, Thiên Thương, Thiên thọ.

Thiên Phúc cùng sao Mộc, tả, Phù.

Địa Giải; Quốc Ấn, Thiên trù

Phương Các, Phúc đức, Bệnh phù, sao Thai

Lộc tồn, Hóa Lộc, Thiên taì,

Sao Tuyệt, Thiên Khố tiếp bài Quả, Cô (Qui tú, Cô thần)

HOA: Thái Dương cung lò Thất Sát

Khôi Việt, Sao (Song Hao) Điếu Khách, Đẩu Quân

Kiếp, Không, Hình, Mã Hỉ Thần

Hỏa Tinh, Thái tuế; Thiếu Dương, Tử Phù

Quan Phủ lại Quan Phù, Lực Sĩ

Đến Tuần Không bỗng thấy Phục Binh

Thiên Không, Thiên, Nguệt, Đức tính.

Phí Liêm, Kiếp Sát bên minh Thiên Quan

Sao Bệnh; Thiên Giải cùng làng.

Văn tinh, này đã định phương Ngũ hành.

HÀNH CỦA NAM BẮC TINH

Tử vi, Tả phụ, Lộc Tồn: Thổ

Vũ Khúc, Đà La, Dương nhận: Kim

Phá, Bật, Cự, Tham, Văn Khúc: Thủy

Hỏa thuộc Liêm Trinh, Bắc đẩu tinh

Thiên phủ, Thiên Lương: Thổ hữu tình

Thiên Đồng, Thiên Tướng: Thủy tuy thanh

Xương, Sát thuộc Kim, Thiên Cơ: Mộc

Hỏa Linh, Khôi Việt: Hỏa nam tính

CUNG CÁC SAO ĐẶC ĐỊA

Tí cung đắc địa Thái Am tinh

Sát, phá, Xương, Tham, Văn Khúc minh

Sửu Mùi: Tử, phá triều Nhật, Nguyệt

Trinh: Mùi, Lương: Sửu phúc phi Khinh

Dần cung tối hỉ Thái dương cư,

Thất Sát, Thiên đồng, Thiên lương thanh

Mão thượng, Cư, Cơ vi quí cách.

Vũ khúc thủ Mão thì phong danh.

Thìn Tuất: Cơ, Lương phi tiểu bồ

Tuất cung : Thiên Tướng tựa thiên kim

Tý Hợi: Thiên cơ, Thiên tướng quí

Ngọ cung: Tử, Phủ, Lương cần vinh

Thiên cung Am, Cự tinh, Sát: mỹ

Dậu, Tuất, Hợi thượng Thái Âm dịch.

Mão, Thìn, Ty, Ngo: Thái dương chiếu.

Tử, Phủ, Cự tú : Ty Hợi hưng

Hợi cung Thiên Phủ, Thiện lương: hỷ

Tí cung: Thiên cơ diệt trung bình

Thất Sát: Tí Ngọ phùng Tả, Hữu

Văn Khúc gia chi, cách tối thanh

Liêm tọa Thân cung phùng Phụ, Bật

Canh, Kim hóa cát phúc quang vinh

Vũ, Xương: Ty Hợidinh

Lục giáp soái biên đình

Tham lang cư Mão, Dậu

Ngộ Hỏa tá công khanh.

Dần nguyệt, lục Đinh vinh (tahngs Giên hay năm Đinh)

Cự Mão phùng Tả Hữu

Lục Ất lục biên đình (quan ở Biên di)

Cự tọa Dần, Thân vị

Phúc hỉ Giáp, Canh sinh

Dần, Thân phùng Thất sát

Tả Hữu hội Xương tinh (người khôn ngoạn)

Thìn Tuất: Tả Hữu, Xương

Tất định vị công khanh.

12 CUNG CÁC SAO LUC HÃM

Sửu Mùi : Cự, Cơ vi hạ cách

Dầm. Thân : Cơ, Nguyệt phúc tu khinh

Mão Dậu : Liêm, Phá giữ Dương nhận

Tuất Thìn: Tử Phá tối vi điên (điên đảo)

Ty: Hợi : Đồng, Lương, Tham, Trinh hãm

Ngọ cung âm cực bất kham xưng

Thân cung: Phá, Vũ vi hạ cách

Dâu phùng Cơ, Cự, Nhật vô tình

Mão, thìn, Ty, Ngọ : Thái âm tu

Tuất, Hợi: Thai dương diệu bất minh

Phá Quân: Mão, Dậu bất vi thanh

Gia Sát, Kiếp vi gian đạo

Thử hội Hình, Đà bất tất luận

Tham lang, Hoá lộc cư từ mộ

Tuy nhiên ngộ cát diệt trung bình

Mệnh trều nhược địa hựu phùng Kỳ

Không, Kiếp, Kình Dương gia Hỏa, Linh

Nhược phi yểu chiết, chủ hạ tiện

Lục súc chi mệnh bất khả bằng.

HAN HÀNH ĐẮC SỐ LÊ

Hoả hành Dần Ngọ cộng Xà hương Kim phùng song nữ Dậu, Thân phương Mộc đao hợi cung, Dân, Mão vị Thủy, Thổ, Thân, Hợi, Tí vi lương

HAN HÀNH PHẨN BỐI

Hoả hành Tuất Hợi tiện vi tai Thủy Thổ Long, Xà, Kỵ nữu ai Kim ngộ Sửu, Dần ta hữu hại Mộc hành Thân, Dậu giả vô giai

VII. PHÚ ĐOÁN CÁC CUNG CUNG MỆNH

A. NAM MÊNH

Nhũng bài phú sau đây được phối hợp tất cả các phú đoán do cổ nhân đã dịch một phần, còn một phần do soản giả dịch bổ túc vào, lấy ở các phú Tẩu được kiểm cẩn thận.

Tử, Phủ trọng hậu khác thường,

Vũ, Tham: người nhỏ là phường tham lam.

Tứ phùng Không, Kiếp kiểm gian,

Hoặc là Tứ sát trong làng gian phi

Thìn Tuất : phủ, Tướng phùng suy,

Tính hay chấp nhất đa nghi mọi bề

Tham, Liêm: Ty, Hợi đáng chê

Tính tham thấy của người mê liền vồ.

Vũ, Tham đầu nhỏ mình to

Phá, Liêm xốc xéch sức đo hơn người

Cự, Cơ ơ Dâu thâm môi;

Cơ, Lương, Vũ, Phá là người có uy

Sát phùng Thiên hỉ khá hay,

ấy là phong nhã uy nghi mọi đàng

Khúc Xương là đấng thanh nhàn

Thật thà đứng đắn là làng Đồng, Lương

Việt, Khoi là cách văn chương.

Khoi là khôi ngộ, Việt thường da đen

Mặt hoa ấy hội Khoa Quyền;

Vũ, Tham, Hóa lộc râu liền đến tai.

Đấng vàng là hội Phong, Thai.

Long trì, Phượng các ấy ai dịu dàng.

Đẹp thay Tả Hữu một phương

Khốc Hự quanh mắt thường thường tròn thâm

Tham Đào tố tóc xanh râm;

Mắt đen vũ, Kỵ chẳng nhầm một ại

Việt, Đà tiếng nói khoan Thái; Đồng, Không, Hư, Nhận lắm lời thị phi Mộc tinh làm dáng ai bì, Hay khoe mình cũng bởi vì Lâm quan Trường sinh, Lức sĩ nói ngoạn: Phủ phùng Thiên mã luận bàn thấp cao Quí, An là khách phong tao, Trên vào cũng vị dưới nào cũng yên Thanh long cơ biến để điều Tấu thư nói ngọt người theo ngay về. Hỉ thân, Hoa cái tốt ghê, Khẩu thiệt trường đoản mọi bề dám đang Kiếp, Không da ắt đên hoàn; Hỏa, Linh mặt khó sầu đâm đêm ngày. Kinh dương tai kém mình gầy, Đà la mắt lớn, chân tay thì Daimetin. Đào, Hồng mặt mũi xinh tươi Ky, Hình, Đà, Nhận là người tật thương Vũ, Diệu, Toái ngọng lẽ thường Lại thêm Việt, Ky ắt phường điếc câm, Đồng cung Diêu, Ky chẳng nhầm Số mà như thế chịu phần sức môi Tham lam hãm địa là người, Trong hai nách những mồ hôi một lò Người ngam mắt nhỏ mắt to Nhật phùng Đào, Sát tương phù Mênh viên Am, Dương lạc hãm không nên Trong ngoài Diều, Ky cho nên mắt loà Mắt to mắt nhỏ ấy là. Nhật phùng Không hãm đoán ra rõ mười. Phủ phùng Thất sát nực cười Mắt to tai nhỏ là người dị nhân Gù lưng thôi chớ phân vân. Nhật phùng Ky, Sát lại lâm Bệnh phù. Đà la hắc tử (mụt ruổi) điểm to Cư môn, Hóa ky âu lo hão huyền Tham lam Thái Tuế một miền, Trong ngoài cơ trí đảo điên khó đồng Triệt, Tuần đóng ở Mệnh cung Thiếu niên tân khổ lo toan mọi đường Cô thần, Quả tú mệnh cung Tính người cô độc không màng giao du Lộc tồn giàu có về sau

Trường sinh, Đế vượng ấy màu thiện lương Phủ phùng thất sát chí khôn. Việc làm táo bạo, những toan hơn người Giáp Long, Giáp Phung đôi nơi Tả, Hữu, Thai Tọa lâu đài thiếu niên. Kình, Đà, giáp với Mệnh viên, Hoặc là Không, Kiếp bần hàn yểu vong Tứ linh: Cái, Hổ, Phương, Long Công danh quyền thế lẩy lưng một khi, Tấu thư, Hoa cái thanh kỳ, Mộc diệu, Hoa cái ắt thì dâm bôn/ Hổ mà gặp Tấu đồng cung Cônh danh thi cử nên công dễ dàng. Hổ mà gặp Phi đồng sàn, Áy Hổ mọc cánh mọi đàng hanh thông Tử, Phủ gặp mã Dần, Thân Phù dư mã ắt thanh vân lô đồ Nhật, Nguyệt địa, Mã tương cờ Thư hùng mã ắt tài cơ sang giầu Đồng cung Tồn, Mã gặp nhau Áy là chiết tiễn, ngàn dâu thẳng đường Mã ngô Linh, Hỏa miếu cung: Chiến binh mã ấy vẩy vùng nơi nơi. Tuấn mã: Khốc, Khách hợp bài, Ngựa kia có nhạc anh hài lên yên Thiên hinh ngộ Mã chẳng nên: Phù thi mã ắt tật nguyền chân tay . . Chiết túc: Đà, Mã sun vầy Tử mã : Tuần, Triệt đêm ngày khảm kha. Mã kia sao Tuyệt một nhà, Cùng đò Mã ấy thật, là vô phương Thiên hình đóng ở Dần cung (cách Hổ ngâm kiếm) Mệnh, Thân tại đó uy hùng tướng quân Hinh, Tướng, Ấn, Binh hợp cùng. Tài kiệm văn võ vẫy vùng nơi nơi Khúc, Xương: Thương, Sứ hợp bài Phải phòng tai hoa bên ngoài bên trong Đẩu quân, Tử, Phủ thong dong O cung quan lộc trùng trùng phước lai Đẩu gặp Tồn khá tiến tài Khóc, Hư lac hãm miệt mài gian truân Hỏa tai thủy ách lắm lần Bở Liêm, Sat, Hỏa Diêu cùng Ky, Tham

Thiên, Nguyệt đức, Giải thần tàng

Cùng là Quan, phúc một làng trừ hung,

Thái dương đóng chốn thuỷ cung (Hợi và Tí)

Gặp Kình hay Ky: yểu vong hoặc mù

Hạn gặp thói cũng âu lo,

Hoặc đau đôi mất, hoặc chờ tóc tang(phần cha)

Đà la, Địa Kiếp chiếu phương

Gặp Linh tinh, nạn bất thường chẳng sai

Khốc, Hư Tí, Ngọ đồng bài

Tiền bần, hậu phú chớ sai lẽ bàn

Không, Kiếp Tỵ, Hợi đồng sàn

Công danh nhoạnh phát phải tường cơ vi

Hồng loan cư Tí khá hay

Văn tinh hội chiếu dnah ghi ấu thời

Thiên mã nhập Mệnh ấy ai

Tài năng mẫn tiệp người người ngợi Super Ca

Thiên đồng thủ mệnh ấy là

Đổi thay tính khí khó mà chiều nuông

Tràng sinh, Mã, Hỉ đồng cung

Công danh đắc lộ vẩy vùng một phương

Thiên diêu Tài, Mệnh sinh ương

Không mê cờ bạc cũng phương rượu chè

Vũ Khúc: Thân Mệnh khá hay

Nốt ruồi kín ở thân nay phải tường

Thái âm, Kình ở Ngọ cung

Mệnh viên tại đó uy hùng tướng quân

Thái dương cư Hơi Mệnh, Thân

Gặp Khoa, Quyền, Lộc mười phâm vẹn mười

Cơ mệnh miếu vượng đa tài,

Tâm tù, tính cấp là người hiến vinh

Khôi, Việt miếu địa trưởng huynh

Gia đình, xã hội hẳn dành ngôi trên

Liêm trinh lạc hãm ưu phiền

Khoa Quyên ở Ngọ ải phiên trọng thần

Mệnh vo chính diệu "Tam Không"

Nhật, Nguyệt giao chiến dư phần công khanh

Thai mênh đa học thiểu thành (Sao Thai ở mênh học giỏi mà thành không đạt được

Mộ hợp Thai, Toạ hiển danh anh tài (Sao Mộ đóng ở Tứ Mộ lại gặp Tam thai, Bát tọa)

Liên châu Tam Hóa phước lai.

Ky, Đà, Diêu kế họa tai bất thường (3sao đi liền cung lại gặp Mệnh, như Tam Hóa liên

châu)

Phong cáo, Thai phụ giao hoan

Áy người hưởng ấm thừa quang cõi trần

Xương Khúc đóng ở Mệnh Thân,

Là phường tao khách xa gần ngợi Super Ca

Địa kiếp độc thủ ác tà,

Liêm, Phá là hạng quỉ ma bất thường (đóng hãm địa)

Thiên khôc, Địa võng tai ương:

Hóa Quyền, Thiên khố lại đường minh danh

Khôi, Xương ở mệnh bậc lành,

Hỏa, Hình đóng mệnh giữ mình lửa than

Tả, Hữu đắc địa đồng sàn

Áy là được cách thanh nhân hiển vinh

Thiên quan, Thiên phúc tu hành

Tứ Sát vượng địa đã đành minh huy

Hóa ky thi rơt lăm khi

Dương phùng Kiếp sát học gì cho đương

Sát, Hình cô độc tinh ươn

Quan phủ, Thái tuế thường công môn

Bính, Hình nói chẳng hé răng

Hãm cung Phá, Tuế nó bằng sấm vang

Tham lương những thích ăn sang

Diêu Ky tửu sắc lắm đàng ngã nghiên

Đế hãm Mão, Dậu, lại thêm

Sát tinh hôi hợp cửa Thiên gởi thân

Hoặc là Thê, Tử, Phúc cung

Kiếp, Không, Sát, Ky hãm vòng địău

Mấy người phú quí không toàn

Bởi sao nhật, Nguyệt hợp đoàn sát tinh, (tức Diêu, Đà, Không, Kiếp)

Mấy người khó hiển công danh

Chỉ vì Nhật, Nguyệt đòng tranh Sửu, Mùi

Mấy người thu ấn triệt hồi

Bởi sao Không, Kiếp đứng ngồi nào yên

Phượng Long: Mão Dần hai miền

Bảng vàng cô thuở đề tên ở đâu

Quí, Ann Mùi, Sửu rất mầu (An quang, Thiên quí đóng Sửu hay Mùi)

Đường mây thẳng bước cao sâu cửa trùng

Cung Quan mùng được Đào, Hồng;

Thiên di tối ky Kiếp, Không lâm vào

Cônh danh hen tuổi tác cao,

Giáp, Liêm, giáp Sát đoán nào có sai (Giáp Liêm Trinh, Thất sát)

Giáp Bát bọa, Giáp Tam thai

Thiếu niên cũng dự cát đài nghêng ngang

Tả, Hữu, Quan, Phúc đồng san

Chính tinh đắc địa rỡ ràng lương y

Những người niên thiếu danh ghi,

Hồng Loan, Bát tọa ở vì Mệnh cung

Song Hao, Tham hội đa dâm;

Thiên đồng ngộ Quí mười phần thanh tao

Phá quận, Diêu, Mã hợp vào

Ky hạng du đãng ai nào muốn thân

Giáp Thân, Mệnh khá rõ phân,

Nhất là Tử, Phủ dự phần cao sang.

Giáp Tả Hữu, Khúc Xương, Nhật Nguyệt;

Lộc, Khoa, Quyền, Khôi Việt cùng gia

Ky, Liêm, Phá, Vũ xấu xa

Giáp cung Không Kiếp, Kình Đà sao nên

Mão đến Ty bónh đen Nguyệt hãm,

Gặp Lương càng bi thảm gian truân.

Kìa ai tiền phú hậu bần,

Bởi chưng Không Kiếp chiếu tuần vận sau,

Còn trước khổ sau giàu bởi số.

Thân Mệnh, Thân Tham, Vũ đồng hoà

Hay gì hãm địa Hóa Khoa

Gặp Không Kiếp ắt quái tà thạch tinh

Đất Tí, Ngọ, Sửu, Thân : Hóa lộc

Hội Kiếp, Không là gốc tàn suy

Phủ ở Tuất, Tử vi ở Ngọ

Mệnh công khanh áo đỏ đai vàng

Mệnh, Thiên, Tài, Lộc, (Quan lộc) bốn phương

Có Tam Hóa hội rỡ ràng tiếng văn

Cự, Cơ hợp Khúc, Xương, Tả Hữu

Ở Mão cung rạng rỡ công danh

Tân, Kỷ: nhất; thứ: Bính Điinh

Ngoài ra các tuổi dự vinh đôi phần

Linh, Dương, Tham, Tướng Tí cung

Cùnglà Tứ mộ nổi danh tướng tài

Nguyệt Dậu, Nhật Tỵ lai triều hợp

Tuổi Đinh, Tân, Bính, Ất phú viên

Nhà ai phúc lộc vẹn tuyền

Bởi sao Tử, Phủ chiếu mièn tam phương

Đất Thìn, Tuất Am, Dương (Nhật, Nguyệt đối chiếu)

Hoặc Mùi cung, Mão Hơi hợp nhau,

Cách là vượng địa minh châu,

Cung thềm thảo bước sang giàu cung thân

Tuất Hợi: Nguyệt, Mão, Thìn thì Nhật

Ngộ Việt, Khôi, Tả Hữu, Khúc Xương

Áy người tước lộc giàu sang

Chớ nên ắt sát, chớ vương Ky, Hình

Lương, Khúc đóng đồng danh Dần, Ngọ Hoặc Ngọ: Lương; Khúc tọa Tí cung Chức quan ngôi đến đài cương, Công danh rang mặt, mọi đường minh danh. Đất Tứ mộ; Hỏa, Linh, Tham, Vũ Có uy quyền, chớ ngộ Kình dương Thân cung Liềm; Tướng một đường Anh hùng vũ dũng ai dương được minh Sao Cư tú Tuất, Thìn rất ky Những chịu điều thị thị phi phi Kiếp, Không, Thái tuế suy vi; Lộc, Mã ngộ Triệt ích gì nữa mong Luc châu thuở lầu hồng phải ách, Bởi Tuế, Tang, Điếu khách cùng hòa Tham, Vũ đóng đất Võng, La (Thìn, Tuất) Gặp loài Tang, Điếu một nhà càng hung Cung, Ty, Hợi: Khúc Xương tạo thủ Trở thành ha nếu có Liêm trinh Tuất, Thìn Xương Khúc, Đà, Linh Sát gai Mệnh, Hạn gieo minh trầm vong Liêm, Sát, Ty, Kiếp, Không tương hội Mệnh an nơi Ty, hợi bềnh bồng Tử vi sao quí khá mong, Tuất Thìn gặp Phá lại giòng hư danh Xương Khuc, Phá gặp Hình, Kiếp sát Chốn Mão, Thìn, Dậu, Tuất lao đao Tam Hóa: Hóa lộc đứng đầu Vào cung Tứ mộ như mầu khói mây Sao Cự môn hãm ngay Thìn, Tuất Nhưng tuối Tân gặp Lộc cũng hay Mấy người hà tiện sưa nay, Bởi cung Tài, Phúc gặp này Kiếp Không Khoa hãm địa ở vòng Mệnh vị Nghiệp không thành, danh chí như mây Lộc ngộ Không Kiếp đồng quí Cũng là vô dụng, Hóa vi cơ hàn Tử vi thủ Mệnh an ở Ngo Không sát tính chức có tam công, Phải là Đinh, Kỷ sanh năm, Cùng là Ất, Giáp khá mong được nhờ Còn Thiên pủ Tuất cư Mệnh vi Hợp cát tinh Giáp, Kỷ sanh nhân Hoả cục vẹn vẻ mười phân

Tam công chức chưởng, dành phần chẳng ngoa

Cung Dần: Lộc; Hợi: khoa đặc cách

Ang công danh hẹn khách anh tài,

Tham lang; Hỏa tú liệt hài

Mộ cung (Tứ mộ)

Cũng kẻ quyền oai hơn đời

Cự Lương gặp Khoa nơi Thìn, Tuất

Có Mệnh viên ấy thật xinh tươi

Hỡi ai Giáp, Kỷ mấy người

Gặp sao Thiên khổ tiền rời bạc muôn

Cự Lương nếu đóng cung Mùi, Sửu

Lại gia thêm Tứ Sát long đong

Tham, Vũ đắc địa khá mong

Bính Đinh, Thổ cục ấy giòng giàu sang,

Mấy người phú quí nan toàn,

Lưỡng Hao, Hóa kỵ Tài, Quan lâm vào

Mấy người dự bậc sang giàu,

Hợi, Tí: Tướng ấn lại chầu cát tinh

Mấy người hiếu sắc hoang tình;

Vì Xương Khúc đóng bên mình Diêu Y

Mấy người đông trấn, tây trì

Phá quân, Thiên Việt hợp bầy Kình dương

Lý Quảng tài lành chẳng phong

Kình dương, Lức sĩ tương phùng Mệnh, Thân

Nhan Hồi chết giữa niên trung,

Bởi Văn xương hãm ngộ vòng Thiên thương

Át, Sửu nhân, Mệnh Dần phương

Mùi cung: hạn ngộ Xương, Thương, Dương, Đà

Việt, Linh, Hình ngộ Lương, Cơ

Hoặc là Nhật, Nguyệt ắt chờ lôi kính (bị sét đánh)

Trọng Do mãnh liệt đã đành,

Nhờ Tham, Phá đóng ở mình Thân cung

Ai đương Hạng Võ anh hùng,

Ví sao Cưu tú, Lưỡng, Đồng hợp xung

Đồng đóng Mệnh ở Thìn cung

Lương: Tí; Cư: Tuất hợp trong một miền,

Lai thêm Khoa, Lôc, Hóa Quyền

Ở cung xung chiếu là miền Thiên di

Tuế ngộ Không Kiếp vận suy

Cứu tinh Mệnh có Tử vi với thành

Han hành Vũ khúc, Tham tính

Tang, Khốc, Thái tuế lâm Thin, Tuất cung,

Khuất Nguyên xưa phải trầm vong

Tuổi Canh nay vẫn đề phòng tử sinh Xương Khúc mà gặp Liềm trinh Ở cung Ty, Hợi tân sinh khó tròn Ty, Hơi Mệnh ngô Kiếp Không Dẫu rằng đắc địa chết vòng trung niên Liêm trinh, Thất sát đồng viên, O cung Ty, Hợi chiếu miền Thiên thương Đặng Thông đói suốt năm trường Han hành phải sơ tai ương đến mình. Liêm, Xương, Đà, Vũ đồng danh; Tuối Tân, Nhâm, Kỷ ăt dành họa tai Kình dương, Ky, Hỏa một bài Hãm mà thủ mệnh thật loài ác tinh, Khúc Xương Mùi, Sửu hợp thành, Nếu không cát diệu hữu danh vô dùng Phá quân, Hình gặp Khúc Xương: Tuất, Thìn, Mão, Dậu là phường lao đao Sát, Phá, Liêm, Tang lâm vào Kình, Đà, Ky ấy tránh nào bạo hung. Linh, Hỏa; Thương, Sứ, Kiếp Không Chuyên đường tác họa trùng trùng hải kinh Ngo cung Tam Hóa hợp Kình Người sinh Bính; Mậu: biên đình nổi danh Lộc cư Nô bộc bực mình, Đóng Tây xuôi ngược mới sinh tiền tài Dương Linh toạ thủ mệnh ai; Lai gặp Bạch hổ hoa tại đạo hình Mệnh Vô chính diệu bất minh Phụ Bật gia thủ đem minh ly tông Ky, Hình, Tuất sát tương phùng Thiếu niên yểu chiết như giòng văn Uyên Han phùng Diêu, Hổ ưu phiền, Những loài ác thú chớ nên đến gần Hạn hành Cự; Ky hung thần, Phái phòng những chốn giang tân mới lành. Hồng, Đào, Không, Kiếp đồng danh, *Ay phường yểu tử đã dành một hai* Ky, Đà, Thái tuế hợp bài Cảnh đời nào được mấy người thung dung Sao An, Quí hợp Khôi cùng O vào Thân Mệnh bảng rồng đề danh Khôi Việt hội gặp Khoa tinh Chẳng phùng Không ắt nên danh dễ dàng

Tham lang, Bạch hổ một dàng, Tuất, Thìn tuổi ấy sơn lâm lánh đường Hãm cung Tang, Tuế, Cơ, Lương Áy người kém phúc, vơ con biếng chiều Tuế, Đà, Cự, Ky vận nghèo Một thân xuống thác lên đèo chẳng yên. Phù, Hình, Không Kiếp đớn hèn Kẻ thù người oán phải nên giũ mình. Khốc, Hư, Tang Mã chẳng lành. Hợi người hại của phận đành tai ương Kiếp, Không, Hình, Ky, Đà, Dương Gian nan bệnh tật mọi đường khảm kha Hỏa, Linh Long, Mộc một nhà Lánh mình lửa cháy cùng là nước sôi Dậu cung Hình, Tuế cùng ngồi Tai bay vạ gió nào người gây ra Dân, Thân: Sát, Ky trùng gia Thường chiêu ma nhực thật là gian truận Cơ Lương Mộc Mã đồng cung Phú kham địch quốc của dùng hết đâu. Ngôi cao chức trọng công hầu Ngo cung Thất sát lai chầu cát tinh Quyền cao trong trấn biên đình Tử, Đồng, Lương, Vũ miếu tính hợp cùng. An, Quí, Khôi Việt, Liêm, Hồng Trai cận cửu trùng, gái tắc cung phi Hồng, Khôi, Xương, Liêm phù trì Sân Rồng dấn bước lên ghi cữu trùng Nếu Ky gia, ở Tí cung Làm nghề thuật sĩ ung dung nuôi tình Thiên, Nguệt đức ngộ Đào tính, Trai lấy vơ đẹp, gái lành chồng sang Việt Khôi, Quyền Lộc khá bàn, Trong nhà bậc trưởng, ra đàng bậc trên Sát phùng Phù, Hổ sao nên, Dã tràng thuở trước ưu phiền ngực trung Dần, Thân, Tham ngô Văn xương Vận ông Đổng Phú, Hán Hoàng đem lưu Mệnh, Điền: Tuần, Triệt đương đầu, Tự cơ cha mẹ khó cầu khó mong Phủ, Đà, Tuế đóng Ty cung Thiềm ngôn, loạn ngữ nói rông tháng ngày Bệnh phù, Thái tuế dỡ thay

Ở cung Tứ mộ hợp bày Thiên thương Không Kiếp đóng ở Mệnh phương Triệt, Tuần án ngữ tránh đường hoạ tai Đào, Hồng, Diêu, Hỉ trong ngoài Lại gia Bính, Tướng : gái trai hoang tàng

Thân hung hạn sự muôn vàn Tiền đầu hãm hai một đoàn hung tinh Thất sát là loại đáng kinh Hãm địa ngộ phải lưu Kình sợ thay Dưỡng, Đà, Thất sát khá hay Chiếu vào Thân, Mệnh tháng ngày khổ đau Cư Tham Phá Ky gặp nhau, Bên mình họa đến dễ hầu tránh ru Tham, Liêm: Ty, Hợi ngực tù, Dần, Thân: Tham hội Xương lo tụng đình Phá phùng Mão, Dậu khá kinh, Gặp sao Nguyệt đức phúc lành lai qua Hình, Kình cư Ngọ đồng gia Sát, Kiếp lai chiếu ắt là ngực trung Mệnh, Đào, Thân lại Hồng loan Hạn gặp Tuế, Kiệp, phụng hoàng rẽ duyên. Thanh long, Thai, Hì hợp miền Vợ ắt thai nghén khá xem phúc nhà. Kình dương, Hoa cái ngộ đà Hạn hành năm ấy đậu hoa phải phòng Vũ, Cơ, Lộc, Mã, Hỉ, Hồng Hôn nhân vân ấy đèo bồng thất gia Lương, Phục, Vũ ở Toà Ngọ vị, Hạn gặp thì chức trị quản binh Dậu cung Thái tuế, Thìên hình Phải phòng vận hạn dễ sinh gông cùm Chơi bời du thủy, du sơn, Thiên di gặp Mã hợp chàng Đà la Thìn Tuất, Thất sát xem qua; Kinh, Hình hội ngô ắt là đảo điện Tiểu han Cư, Vũ, Hóa Quyền, Hoặc Mộ (sao Mộ) Tả Hữu ấy miền thăng vinh Việt, Khôi, Long Phượng Văn tinh Vào thi ắt hẳn bẻ cành quế hoa Sát gặp Tồn, Tử đoán ra, Lại sao Ky đóng ắt là tối tăm Thiên lương ngộ Hỏa chớ lầm,

Hanị người tổn vật mấy lần họa sinh
Thái dương hãm ngộ hung tinh,
Nếu không kiện tụng, thôi đành tóc tang (bố chết)
Quyền, Háo, Không Kiếp cớ màng
Kẻ trên biếm loại khỏ đàng công danh
Linh phùng Sát, Phá hạn hành;
Văn Vương xưa cũng giam mình nguc trung
Nguyệt hãm, Đà; Hổ tuế xung,
Hãi thay điềm Mẹ thoát vòng trần gian
Xét xem các lẽ luận bàn,
Mệnh, Thân, Vận hạn mọi đàng cho minh.

CHÚ Ý: Khi xem các Phú trên đây phải biết rõ mọi sao ở phần trên thì đoán mới tinh tường, Khi đoán các sao ở Mệnh, Thân cũng như ở Vận Đại, Tiểu hạn đề có cách cuộc giải như nhau.

Phụ giải: Nam mệnh có Tử vi đắc địa mà gặp nhiều sao sáng sủa thì hưởng phú quí đến cực độ và sống lâu. Nếu Tử vi mà gặp Tuần Triệt thì lúc thiếu thời lao khổ, nhưng về già cũng được sung sướng. Nếu Tử vi mà gặp Không Kiếp thì mất hiệu lức, chịu sinh kế lao đao. Tử vi mà gặp Tham Lang đồng cung thì chỉ có tu hành mới được yên thân.

Nữ mệnh gặp Tử vi đắc địa là người có đức độ, vượng phu ích tử. Nếu gặp Tuần Triệt thì tình duyên khó khăn, mà lại gặp Không Kiếp và sát tinh thì là hạng dâm dật, khắc chồng hại con, nhưng cũng được no ấm

THIÊN CƠ

Đóng ở nam mệnh mà Miếu vượng địa ở Thìn Tuất và Mão Dậu là người đa mưu túc trí, giỏi về chiến lược chiến thuật, nhất là ở Mão Dậu có song Hao thì tài kiêm văn võ; đồng thời có sát tinh hội thì thật là vẹn toàn. Nếu Thiên cơ hãm địa thì thường cuộc đời phiêu bạc, hay gặp những tai ương.

Ở NỮ MỆNH: Cơ Miếu địa, đắc địa thì có tài đảm đang, vượng phu ích tử, giàu sang sống lâu. Nếu cơ miếu địa Mão Dậu thì là hạng đàn bà dẫm đãng. Trái lại Cơ hãm địa cũng là người giỏi dang nhưng xảo trá. Nếu đã hãm mà còn gặp hung tinh nữa thì thật là kẻ sát chồng hại con, nếu no cơm ấm sáo thì cũng không thọ.

THÁI DƯƠNG

Ở NAM MỆNH: miếu vượng địa mà hội cát tinh là người thao lược có uy quyền hiển hách. Nhưng nếu đóng hãm địa ở Hợi mà gặp được Tam Hóa thì cũng rực rỡ, trái lại hãm địa mà gặp hung tinh, sát tinh thì mắt có tật, chân tay có vết, thường gặp tai ương, sống cuộc đời lang thang phiêu bat.

Ở NỮ MỆNH: Thái Dương miếu vượng địa thì người cương nghị, vượng phu ích tử, phúc thọ vẹn toàn. Nếu hãm địa là ngưồi đa sầu đa cảm nhưng cũng được no đủ, thường lấy lẽ mới tranh được mấy độ buồn thương. Nhưng nếu hãm địa mà gặp sát tinh thì chung thân cùng khốn, mắt kém, mang bệnh khí huyết, thường gặp tai ương.

VŨ KHÚC

Ở NAM MỆNH: Vũ Miếu vưọng hay đắc địa mà gặp cáttinh hội tất hiển đạt về võ nghiệp. Nếu Vũ hãm địa, mà gặp nhiều cát tinh tất chuyên về kỹ nghệ hay kinh doanh trở nên khá giả. Trái lại hãm địa mà gặp sát tinh thì cùng khổ, phải tha phương cầu thực, dễ bị tù tội.

Ở NỮ MỆNH: Vũ Khúc miếu vượng hay đắc địa là người đảm đang, hưởng giàu snag, song phải muộng lập gia đình. Nhưng nếu Vũ hãm địa tuy là người đảm đang nhưng hung bạo tham lận hay lấn át chồng con, tuổi thọ cũng chiết giảm, nếu gặp phải sát thinh thì thật cùng khốn có đơn, sát cồng hại con.

THIÊN ĐỒNG

Ở NAM MỆNH: Đồng miếu vượng đắc địa mà hội cát tinh tức phúc thọ song toàn. Nếu đồng hãm địa mà gặp nhiều sao xấu thì cuộc đời đổi thay vô độ, lao khó về sinh kế, hay mắc bệnh ở bộ tiêu hoá.

Ở NỮ MỆNH: Đồng rực rỡ (ở đắc địa0 là hạng có đức độ đảm đang, vượng phu ích tử. Nhưng đắc địa ở cung Hợi Ty lại là người đàn bà dâm đãng và haong đãng dâm dật, suốt đời vất vả nhưng cũng được no ấm. Song nếu gặp sát tinh thì cùng khổ, hay mắc bệnh ở bộ tiêu hóa hay ở tử cung.

LIÊM TRINH

Ở NAM MỆNH: miếu vượng hay đắc địa mà hội cát tinh tất có uy quyền hiển hách. Nếu Liêm hãm địa mà sát tinh hội thì suốt đời cùng khổ, thường hay bị tai nạn và tù tội, cuối cùng chết một cách thảm khôcs.

Ở NỮ MỆNH; Liêm miếu vượng hay đắc địa là người nghiêm nghị, đoan chính, thanh cao, đảm đang giàu sang, nhưng phải muộn lập gia đình mới khỏi bị dang dở. Nếu Liêm hãm địa là người dâm dật ác độc khắc chồng con, có nhiều bệnh tất. Nếu hãm mà gặp nhiều sát tinh thì dễ mắc tai nạn khủng khiếp, trọng đời cùng khốn cô đơn.

THIÊN PHÚC

Ở NAM MỆNH: nếu gặp cát tinh hội thì phúc lộc song toàn. Nhưng Phủ kỵ nhất là gặp Tuần Triệt hay là Thiên, Địa Không thì thật là cùng khổ, khó tránh được tai ương, yểu tử, nếu không thì chỉ có tu hành mở yên thân

Ở NỮ MỆNH: Thiên phủ là người mặt tươi đẹp như hoa; hội cát tinh tất giàu sang sống lâu, lợi chồng con. Nhưng nếu Phủ gặp Tuần Triệt hay Thiên, Địa Không thì suốt đời lao tâm, đau khổ vì chồng con, giảm tuổi thọ.

THÁI ÂM

Ở NAM MỆNH: Thái âm miếu vượng hay đắc địa hôi cát tinh tất hưởng phú quí tột độ. Nhưng nếu gặp phải Tuần Triệt thì thường hay có bệnh tật. Song nếu Thái Âm hãm địa mà gặp sát tinh thì nếu tay chân không có tật, tất mắt phải mờ.

Ở NỮ MỆNH: Thái Am miếu vượng hay đắc địa là người có nhan sắc, vượng phu ích tử, giàu sang; nếu gặp phải Tuần Triệt án ngữ thì phải muộn lập gia đình hay làm lẽ mới tránh được mấy độ

dở dang. Thái Âm hãm địa là hạng dâm dật, không được thọ, đời cùng khốn cô đơn, khắc chồng hại con.

THAM LANG

Ở NAM MỆNH: Miếu vượng đắc địa thì thân hình đẫy đà, tính háo thắng, thích kinh doanh, có tài tổ chức hay mưu tính việc lớn, tất được hưởng giàu sang. Tuy thuở thiếu thời hay vất vả, Tham hãm địa gặp nhiều sao mờ ám dễ bị tù tội tai ương.

Ở NỮ MỆNH: Tham miếu vượng đắc địa là hạng đảm đang, bạo tợn hay ghen tuông, được hưởng giàu sang và sống lâu. Thãm hãm địa Tí Ngọ Tỵ Hợi là hạng hiểm độc lăng loàn dâm dật. Nếu hãm mà lại gặp nhiều sát tinh thì khắc chồng hại con, thường gặp tai hoạ và giảm thiểu tuổi tho.

CƯ MÔN

Ở NAM MỆNH: Cự miếu vượng hay đắc địa có cát tinh hội tất hưởng phú quí toàn mỹ. Nếu cự hãm địa mà lại gặp sát tinh nữa thì chung thân cùng khốn cô đơn, thường bị vướng tai nạn hay tù tội và không thể thọ được.

Ở NỮ MỆNH: Cự miếu vượng đắc địa là người có đức độ, vượng phu ích tử. Nếu Cự hãm địa thì tướng diện đặc biệt, thoạt trông ai cũng mến, nhưng là hạng dâm dật hoang đàng, ăn nói điều ngoa hay ghen tuông cuộc đời vất vã, tonà gặp tai nạn. Nếu hãm mà lại gặp sát tinh hội họp thì là hạng sát chồng hại con, đa mang nhiều bệnh tật, lắm tai nạn, và không thể hưởng tuổi thọ.

THIÊN TƯỚNG

Ở NAM MỆNH: Tướng miếu vượng hay đắc địa là người thông minh dáng cách uy nghi phúc hậu, tất có uy quyền và danh tiếng. Nhưng nếu Tướng miếu vượng đắc địa mà gặp Tuần Triệt án ngữ, chẳng khác nào như Tướng hãm địa mà gặp sát tinh, cuộc đời sẽ lao đao, chỉ có tu hành mới tránh được những nỗi đao đớn và phiền luy.

Ở NỮ MỆNH: Tướng miếu vượng đắc địa là người có tài nhưng hay gen tuônng, được hưởng phúc lộc. Nếu có cát tinh hội thì thật là phú quí tột bực. Nhưng nếu miếu vượng hay đắc địa mà gặp Tuần Triệt thì chẳng khác nào Tướng hãm địa, tuy người cũng có tài nhưng suốt đời khốn khổ, chịu đau thương tàn tật và buồn khổ vì chồng con.

THIÊN LƯƠNG

Ở NAM MỆNH: Lương miếu vượng hay đắc địa là hạng thông minh nếu Lương đóng ở Thìn Tuất tất có nhiều cơ mưu, giỏi chính trị và chiến lược. Nhưng nếu Lương hãm địa là người sống không bào giờ được yên thân, luôn luôn thay đổi công việc và chí hướng. Nếu hãm địa mà gặp nhiều sát tinh thì suốt đời cùng khổ; nếu có tài lộc thì mạng lại yểu.

Ở NỮ MỆNH: Lương miếu vượng đắc địa là người sáng ý làm gì cũng chóng có kết quả, lại là bậc hiền phụ. Nhưng nếu miếu vượng đắc địa mà gặp phải Tuần Triệt thì tình duyên trắc trở; nếu sớm lập gia đình thì chắc chẳn phải là khóc chồng. Lương hãm địa là hạng đàn bà phóng đãng thích việc ong bướm, nếu gặp phải sát tinh nữa thì sát chồng hại con, sớm chịu cô đơn.

THẤT SÁT

Ở NAM MỆNH: Sát ở mệnh thì người da đen tính ương ngạnh, nhưng ở đắc địa thì rất can đảm. Nếu hội được cát tinh thì thường hiển đạt về võ nghiệp, nhất là có Hình đồng cung thì uy quyền hiển hách, tuổi thọ càng cao. Sát hãm địa thì suốt đời lang thang phiêu bạt hay bị nạn xe cộ tù đầy không thể thọ.

Ở NỮ MỆNH: Sát miếu vượng đắc địa là người mắt to, hay ghen nhưng sát phu nên phải muộn lập gia đình mới tốt. Nếu sát hãm địa là hạng đàn bà độc ác nham hiểm, hại người không gớm tay. Nếu gặp phải sát tinh hội thì cùng khố, cô đơn và chết yểu một cách rất thảm khốc.

PHÁ OUÂN

Ở NAM MỆNH: Phá Quân miếu vượng đắc địa thì hiển đạt về võ nghiệp, uy quyền hiển hách. Nhưng Phá hãm thì cô đơn cùng khốn, dẽ bị tai nạn và tù đầy.

Ở NỮ MỆNH: Phá miếu vượng đắc địa là người táo bạo, tuy được hưởng phúc lộc nhưng phải muộn lập gia đinh, nếu không tất sát phụ. Nếu Phá hãm địa thì là hạng dâm dật, độc ác, sát phu, gặp tai ương. Nếu gặp nhiều sát tinh tất phải tàn tật, sát chồng hại con, không thể hưởng tuổi thọ.

Nhứng cính tinh trên đây chỉ tóm tắt; vậy khi xem sô nếu chưa nhớ phú thì phải xem lại tính chất các sao đã giải chi tiết ở phần II mà luận đoán. Ngoài ra các hung tinh và bàng tinh hung, cát như thế nào và từng bộ tương ứng với chính tinh ra sao cũng đã giải rõ ở phần II và ở đầu phần III vè sự phối hợp các cách cuộc.

B. ĐOÁN VỀ NỮ MÊNH

Này Nữ mệnh xem tường cách cuộc, Chính tinh kia có được miên viên, Hoặc vào Vương địa khá khen; Nhược lâm hãm địa đảo điện cuộc đời. Cung Phu, Phúc đôi nơi phải rõ Mới luận bàn độ số hư nên. Tử vi đóng Mệnh bậc hiền, Vương phu ích tử lai thêm sang giàu Liêm đắc địa là mầu trinh nữ Ở Dần, Thân, Tí, Ngọ đáng mong Gặp Đồng hội ở một cung, Áy người phúc trọng đảm đương mọi phần. Nhật đắc địa từ Dần đến Ngo Tăng phong lưu néu có cát tinh Hai phương Phủ, Tướng triều minh, Giáp, Canh, Tần, Ất càng xinh, càng giàu. Cư Cơ Dần, Mão âu phú quí, Lòng dâm tư vẫn đề một bên Kề chi những cách hư hèn: Nguyệt Thìn: lương Ty, Hợi viền đó mà. Thói dâm dật xướng hòa kém phúc. Áy Văn xương, Khúc gối loan lanh lùng, Số Tham, Phá hào chồng rất kém,

Những cô đơn dâm hiểm mà kinh Sát hung kém phúc đã đành, Dần, Thân Cơ, Nguyệt đã đanh dâm bôn. Quyền, Lộc ấy hợp phường nhất xứ, Số Vượng phu ích tử ai qua, Kiếp, Không, Linh Hỏa, Kình, Đà. Liêm trinh, Cư, Vũ lại hòa Tham lang Hai phu mệnh tam phương tứ chính; Thầy những loài ác tinh kinh thương. Hình, Diêu số gái long đong Nếu không kế thất, lộn chồng mà thôi Ky, Kiếp, Kình hợp ngôi phu vị, Kìa người phương ca loan chung Đào, Diêu số ấy trong lòng chẳng trinh; Nhưng gặp được: Quí, Hình, Tử, Phủ, Dạ sắt vàng nào sợ lung lay, Bạc tình hạn gái ghê thay: Dân, Thân, Tham, Sát giữ tay nhân cung Vận hạn đến Đào, Hồng, Cái Hỷ, Lòng gái trai bất dĩ dâm bôn Đao, Tang đóng ở Mệnh cung. Lẳng lơ gái ấy phung loan dứt tình. Kìa Khôi, Tướng bên mình Tả Hữu. Lại gặp thêm Tử, Phú quá xinh Thiên lương, Thiên mã đồng hành, Yêu kiều gái ấy dấn mình bướm ong. Dương Phi đep vốn giòng Cơ, Nguyệt; Lại Khúc, Xương ba miệt triều viên, Mệnh bà Lã hậu chuyên quyền, Song Lộc ngộ mã thủ liền một cung. Đao, Long phụ, Bật phùng sau trước Hoặc Đào, Nô lỡ bước cầu ô. Khéo nghề kim chỉ thêu thùa. Hồng Đàp. Tấu Vũ ở vừa mệnh cung. Đào Tấu Hỷ Vũ Hồng họp mặt, Người xướng Super Ca tiếng nức nhà quan. Phu Bật ngô Thái âm nhàn (cung Hơi) Số làm Bà Đỡ cứu phường trẻ sinh. Nguyệt Lương hội, nữ thanh mỹ tú, Giòng quyền hào Tử Phủ đồng lâm. (ở Dần Thân Ty, Hợi vượng phu ích tử) Thái âm Mệnh ở Mão Dần, Lo đường kinh nguyệt chẳng phần thong dong

Sao Tả Hữu đồng cung gặp gỡ Mệnh Đào Hoa, trước dở sau hay. Giáp Nhật, Giáp Nguyệt ai tày, Giáp Tả, giáp Hữu vui vầy quia nhân. Nam nhi sợ nhất phần Nhật hãm, Nữ mệnh kinh Ky ám hay ta Thái âm hãm Ky trùng gia, Truân chuyên đau ốm thật là lắm phen. Cung Phu đống ở miền tứ mộ Gia Hồng Loan ấy số khóc chồng. Tử Tức Thiên Hỉ thủ trung, Nhật Nguyệt lai chiếu sinh giòng quí nhi. Số Diệu Hỉ tai bay va gió, Số Kiếp Không lắm độ gian nan. Mã Đào duyên nợ tư sinh Không cần mối lái, ái tình kết giao. Dương Đà Tuế lâm vào khẩu thiệt; Còn Đà la ngô Tuyệt loan dâm Tật cung Thai Hổ huyết băng Tấu Thư Hoa Cái mệnh phùng thanh cao. Cái ngộ Mộc gái nào đoan chính, Mã ngộ Không là tính phiêu bồng. Lộc Mã thủ, chiếu mệnh trung, Vượng phu ích tử vốn giòng đoan trang, Xương Khúc hợp ấy hàng gái đẹp Gặp Thiên cơ hóa kiếp dâm tà Xương Diệu đáng sơ thay là. ấu nhi tuổi đã bôn ba dâm loàn Phượng Long hợp là phương thuần hậu; Khốc hư tuy táo bạo hậu chung Nữ lưu cốt ở Phu cung Mệnh Thân xấu tốt đừng hòng, đừng lo Mệnh chính diệu, cung phu Tham đóng. *Ay là người phúc trọng chính thê;* Mệnh vô chính diệu đáng chê, Cung Phu Tham đóng giữ bề tiểu trinh Địa Kiếp với Hồng sanh phu vị, Cung Mệnh xinh duyên ấy trăm năm Mệnh xấu duyên đứt tơ tằm, Sinh ly sẽ định loan phòng 10 năm Cung Phu lai Đào Hồng tương ngô Vợ với chồng đều có dung nhan. Hồng Đào ngộ Ky Phụ cung

Tơ hồng đã dứt, má hồng còn vương. Thiên, Nguyệt Đức Đào Hồng cung Phối. Gái chồng sang, trai hội giai nhân. Song Lôc hội Phu Thê cung, Vợ chồng phối hợp vốn giòng giàu sang, Phu cung: Diêu, Sát Hình Dương Hội giao Linh, Hỏa gái toan giết chồng. Thiên quan, Thiên phúc thủ trung, Tôn tăng kính Phật dốc lòng thiện gia Tham, Liêm hãm mệnh gian tà, Hồng, Đào, Diêu, Hỉ ăt là dâm bôn. Trai bất nhân Pphá quân Thìn, Tuất. Gái bac tình Tham, phá nhân cung Phủ phùng Thất sát chi khôn (Sát ở Tí, Ngọ) Kiếp, Diêu hội ngộ đa vương lưới tình Đào, Diêu hội bên mình khá rõ, Không, Quí, Hình Tử Phủ ngoại dâm Vũ, Quyền nữ mệnh đồng lâm Gái khôn khiến đấng phu quân nể vì. Tài buôn bán nhiều bề giỏi dắn: Mã mệnh cung, Tồn hẳn Thiên di Ghen đâu năm chon tháng chầy, Bởi Tham vương địa đong rày mệnh cung. Thai Bính Tướng Đào Hồng tương hiệp Chẳng chửa hoang, bị hiếp bất ngờ Thất sát cung Phúc đáng lo. Nhỡ nhàng số ấy ca nô hành nghề Hình, Đào sát đáng chê cung Phối. Hoặc Tài, Điền, Tử tức long đong. Luận xem nữ mệnh cho tường Tính anh phán đoán mọi đàng chẳng sai

CUNG BÀO

Xét xem Huynh đệ cho tường
Triệt Tuần xung củng, đấu đàng ly tông
Sinh lai hãy đoán khắc xung
Hễ là Địa Kiếp Thiên Không chẳng nhiều.
Tướng quân Lộc Mã cung triều.
Anh em có kẻ thuận chiều danh công
Tướng quân Lộc Mã đồng cung
Anh em có kẻ triều trung qui quyền
Triệt Tuần Không Kiếp giao liên

Có người gian đạo để phiền luy thân

Trường sinh Đế vượng đa nhân

Thai giữ Nhật Nguyệt có lần song sinh

Tam Không ngộ Dương đinh nhinh

Nuôi con nghĩa tử giúp minh yên vui

Tử Tang Tả Hữu cùng ngôi

Có chị em gái duyên ôi chẳng lành

Tang môn ngộ Mỡi đinh ninh

Mõi người mỗi xứ gia đình quạnh hiu

Dương Thai Triệt Vượng thấu vào

Trong anh em có dị bào chẳng không

Đào hoa, Thai Hỉ trong cung,

Phá quản, Tương, Phục chiếm xung ở ngoài

Có chị em gái theo trai

Say mê đến nõi hoang thai bỏ mình

Trong thời Tướng Phổ, Phục binh,

Ngoài thì Hoa Cái liên minh Đào Hồng

Bần cung đối chiếu tinh tườn

Anh em có kẻ tư thông hẳn là

Gặp sao Hóa Kỵ khiếm hoà

Thiên Hình xung khắc trong nhà ghét nhau

Lộc Mã buôn bán nên giàu

Nhược bằng Tướng phục là màu Y công

Phá phùng Hình Ky đồng xung

Anh em bất thuận những đường trở tranh

Am dương chiếu với Hỉ tinh

Am cùng Thiên Phúc cũng sinh dị bào (Thái âm và Thiên phúc)

Tử vi Tả Hữu lâm vào

Có chị em gái say màu phấn son (làm dáng)

Bào cung Tử Phú ở Thìn

Họ hàng có kẻ tìm phương lộn chồng

Tương Thai, Đế vương hợp cùng

Dị bào có kẻ trong vòng Đệ huynh

Thìn Tuất Thất Sát một mình

Lộc Tồn Cô quả, anh em có nào

Khúc Xương, Thai Tuế cung Bào

Có người anh trưởng thấp cao tung hoành

Thiên Khôi có kẻ đàn anh

Thiên Việt ba kẻ lai dành đàn em

Tử vi răm kẻ tron miền.

Đồng Lương trai gái kết liền được ba

Thái Dương trai hợp một nhà

Am Đồng Tướng Toạ sinh ra năm chàng

Sát Liêm ngộ Cát kể tường Át là cùn được 3 chàng nên thân Khúc Xương Tả Hữu năm lân Kìa ngoài Linh Hỏa vương thần được hai Dươnng Đà xung khắc chẳng sai Khôi Việt Tam Hóa được ngôi anh hung Đẩu quân Ky Huynh đệ cùng Cát hội hoà thuận, còn hưng vẫn thù

CUNG PHỐI

Phối cung Nguyệt đức Đào tinh (hoặc có Thiên Đức) Trai lấy vợ đẹp, gái làng chồng sang Vợ chồng viễn phối tha hương Hồng Đào đối chiếu từ làng Thiên di Chính thê, thứ thiếp tè vui Tả Phù Hữu Bật Loan thì đào hoa Cao sang phú quí một nhà Phối cung có Lộc hợp hoà Phượng Long Vơ về của có muôn trùng An Quang Nguyêt Đực, Mã, Đồng Thái dương Lộc, Quyền Kia cũng một đường Tri âm của sẵn hợp phường phú gia Sao Thai mà ngộ Đào Hoa Tiền dâm hậu thú mới ra vợ chồng Phối cung Thiên Tướng Đào Hồng Hoặc là Thiên Mã, Lộc Tồn, Thanh Long Hoặc là Mã bất tứ không Hoặ là Thiên Hỉ, Đào Hồng tốt thây Lương Đồng Tử Phủ hợp bầy Chính phòng, nết sẵn thảo ngay con giòng Hoa Cái, Phượng Cát, Đào Hồng Trai toan bỏ vợ trong lòng chẳng khuây Tang môn, Hư Khốc chẳng hay Tuần Triệt viên phối họa may mới lành Phu cung Hỏa Ky một mình Tơ tình chưa dứt mối tình lai xuôi Thiệu Diệu bất chính cả đôi Liêm Trinh viễn phố ở nơi bần hàn. Tứ Không ngộ Mã chẳng bàn Có chồng còn bỏ theo làng bướm hoa Đà Tham tửu sắc la đà Tuế Đà miệng lữỡi ắt là sai ngoa Vợc hòng nay mai thuận hoà

Phục Binh, Hóa Ky chiếu toà phối cung. Cư môn, Linh Hỏa tương phung Ba lần mối lái chẳng xong môi sầu Phu: Đào Ky Kiếp Khốc Hư Hạic hồng mưu kế dẽ hầu biết bao Phá quân, Tuần Triệt lâm vào Có chẳng thì cũng 3 tao mới thành Vũ khúc, Thất sát đồng danh Ba lần hôn phối mới lành được chặng Vũ Khúc, Thiên Mã, Triệt Tuần Khắc xung bỏ vợ Khuê phòng ra đi Phối cung Không Kiếp kể chi Trai hai ba độ hoa may mới toàn Dương, Đà Ky, Nhật Nguyệt xung Chim cưu thói ấy vợ chồng chán nhau Duyên lành Phò mã ngôi cao Thái âm đắc địa đóng vào thê cung Thiên Tướng đứng đắn la thường Liêm trinh đắc địa là phường đoan trinh Tham Lương gái trưởng duyênh lành Phá quân tiên trở hậu thành mới hay Thiên Tướng, Phương Cát Long trì Càng thêm yêu dấu mỗi ngày mỗi tăng Triệt Tuần, Không Kiếp giao lâm Mối mai dang dở ba lân mới nên Lương Âm đã đẹp lại hiền Lương Cơ gái sắc ở miền thê cung Đồng Diệu đoán ắt ngoại tình Nếu cùng Tướng Phá, Phục binh lai triều Việt Khôi Quyền Tướng đáng yêu Lại gia Tử Tướng mọi chiều vinh quanh Phương Long nhan sắc dịu dàng Khúc Xương Tả Hữu ấy làng tài hoa Tham Lang thê thiếp xem qua Hôn nghi trưởng nữ mơi ra đông sàng Thiên Khôi Đế vương tinh trần Nốt ruồi điểm ở trong thân khá nhiều Linh tinh hà tiện bao nhiều Phá quân kia lạitính liều tiêu vung Vợ về của sẵn muôn trùng Đông, An, Lộc, Mã Khúc phùng Thái âm Binh Hình gặp Hỏa Ky xung Đêm ngay cư xử ra lòng bạc đen

Tang môn Thiên Khốc phận hèn Hoặc là làm lẽ, hoặ phen ly tình' Phố cung Không Kiếp trùng sinh Trải hai, ba đổ mới thành thất gia Kìa Thiên mã, ngộĐà la Chân tay có tật ắt là chẳng sai Khúc Xương Thái Tuế liệt hòi Chua ngoa miệng, lưỡi, ấy người đa ngôn Đồng Lương hội nhập Phối cung Hai vợ ắt một tổ tông đó mà Trên đầu có vết đễ mà sai đâu Tự đồng cung hôi cung Phu Một sâu goá bua, hai sâu lỡ duyên Triệt Tuần ngộ Mã ưu phiền Bỏ chồng, vợ trốn đến miền xa phương Phá quân duyên nợ ít toàn Cô, Quả, Tang, Hổ, Khốc thường tóc tang Thê cung Nguyêt, Khác trang tàng Ra tay bẻ quế đông sàng thềm cung Thê cung Xương gặp tam Không Con nhà danh giá tổ tông kết duyên

CUNG TỬ

Tử cung Quyền Lộc hiền vinh Tử cung Khôi Việt Vagn tinh đỗ đầu Tử cung Long Phượng sang giàu Khúc Xương, Thái Tuế thập hầu tặng phong Thai cùng Tả Hữu hội chung Sinh con có kẻ bên giòng tiểu tinh Hỉ thần ngộ Dưỡng đinh ninh Thái Am, thai hội con sinh bụt thần Thiên quan, Thiên Phúc quí nhân An quang cùng Tấu có thần giáng sinh Thanh Long, Đế vượng, Thai tinh Cùng là Thiên Hỉ, thai sinh một đương Thiên Đồng Nguyệt thủ chiếu phương Sinh con trai gái thuận đường lứa đôi Vũ, Xương hoặc Khúc cùng ngồi Sinh con xinh đẹp hơn người chẳng ngoa Không ngộ Linh Hỏa xấu xa Sinh con lại gặp những tà ác tinh Khốc Hư ngô Dưỡng không lành Tướng Binh xung phá hằn đành hoang thai

Thái âm cung Tử an bài Gặp sao Thai hằn Phật đai cầu con Tử cung mà có Khúc Xương Tuồng gì con gái những phường chơi ngang Đào hoa nhi nữ dâm tàng Tử Phủ nhi nữ lại làng đống lương Bóng tà vẫn kém hào con Bở chưng Linh Hỏa, Thái âm hãm nhàn Khốc Hư lại gặp Dưỡng, Thần (cô) Sinh nhiều nuôi ít muôn phần ưu tư Kình Dượng mà cặp Thiên Hư Hữu sinh vô dưỡng âu lo một đời Am dương Thai hội sinh nuôi chẳng lành Hiếm hoi Phi (liêm) hoặc Thình hình Mã, Không, Phụ Bật song sinh phải phòng Khốc Hình Kình Hổ Tử cung Đến già chẳng thấy tay bồng con thơ Kinh Đà Không Kiếp Khốc Hư Sinh con điếc lác ngẩn ngơ thêm buồn Đẩu quân cung Tử joê,s cpm Cát tinh giao hội may còn ước mong Tướng, Cơ số hiếm muôn màng Hoặc là Đà Ky ở làng Tử cung Dưỡng Đà ngộ Tuyệt phùng xung Mão Dậu Tí Ngọ uổng công sinh thanh Tử cung Thai Tướng Phục sinh Vơ chồnga ắt hẳn tư sinh thuở nào Hỏa, Linh, Dương nhân lâm vào Có sinh con cũng liệt vào tật thương Kiếp không cung Tử khá phòng Đẻ hay băn huyết, con vòng tràng hoa Hổ Tang Không Kiếp tương gia Sinh con yểu chiết đã ba, bốn lân Tử cung mà ngộ Triệt Tuân Tuy rằng trước dữ, sau phần dễ sinh Thất sát hãm, ngô Thiên Hình Sinh con những giống lưu manh hoang tàng Tam phương hãy xét rõ ràng Trai nhiều: Nam đẩu, gái đàng bắc tinh Cung Tử Dương, sao Nhật sinh Con đầu nam tử mới lành được chặng Cung Tử Am ngộ Thái âm Con đầu nhi nữ khỏi tầm yểu vong

Tử vi, Nhật, Nguyệt giao lâm
Ba trai, hai gái tốt phần gia hương
Phủ, Đồng năm rẻ yêu đương
Am Dương Tham tướng là thường độ ba
Phụ Bật ba bốn sinh ra
Liêm Lương Lộc Sát may mà một hai
Phá quân ba trẻ bất hài
Lôc Tồn gia Sát hiếm hoi vô cùng

TỬ TỰC CA

Trường sinh bát (8) tử tuần trung bán Mộc dục thất chi sinh, ngũ (5) tồn Quan đái, Lâm quan tam tử vi Đế Vượng ngũ tử, Bệnh trung nhất Tử trung hình khắc sự nam ngồn Mộ trung, Thai, Dưỡng chung sanh tử Tuyệt trung nhất (1) chi tử mục hôn (mù) Thai trung đầu nữ nhị chi nhất Dưỡng trang tam tử nhi miếu tồn

Chú ý: Số hiếm con phải xem cung Tử, tuy có chính tinh đặc cách song ngộ đa hung tinh tứ 3 phương giao chiếu:

- 1. Kình Đà gặp Thiên Không và Đẩu quân:
- 2. Hình Diêu Hư Khốc gặp Tuyệt hay Tuần Triệt
- 3. Không Kiếp Linh Hoả, Triệt Tuần
- 4. Đại Tiều hao Cô quả, Hóa Kỵ
- 5. Kiếp sát, Phá toái, Tang Hổ
- 6. Phục binh, Thai Tuế ngộ Thiên Hình

CUNG TÀI

Tài cung bỗng thấy Tang môn
An quang Thiên mã Lộc tồn đồng qui
Áy người hưởng của Cô, di
Thật là phúc trọng đức đầy thuở xưa
Khúc Xương Tả Hữu có dư
Cự môn bạch thủ cơ đồ lại nên
Vũ Tham giàu có lâu bền
Từ 30 tuổi giở lên mới toàn
Liêm trinh cư tại Dần Thân,
Cũng như Tí Ngọ: Phá Quân hoạnh tất
Cơ Lương Lộc Mã ấy ai
Thạch sùng kim ốc có sai đâu là
Tử Phủ Nhật Nguyệt phú gia

Tướng Lương đắc địa ai mà dám đương Hóa Ky yếu thủ Tài phương Cô thần Quả tú khỏi đường tốn hao Thiên hình giữ của tốt sao Linh tinh hà tiện nên giàu đáng khen Hỏa Linh miếu, phát nhiều phen Việt Khôi cũng phát giữ miền thanh cao Dưỡng Đà Tứ mô ước ao Ngư, diêm nghề ấy cũng vào bậc trung Sao Thiên Mã ngộ Lộc Tồn Hoặc Vũ Thìn, Tuất là phường phú gia Thiên Phủ Vũ Khúc một nhà Lưu truyền của cải đến ba bốn đời Sao mộ Hoá Lộc một nơi Thật là tiền của chào mời tận tay Sao mộ Long Phượng hợp bầy Của truyền tổ nghiệp đến tay đó mà Sao mô Cơ Lương cùng gia Tiền tài dễ kiếm tiêu pha tháng ngày Tham Đông miếu vượng cũng thay Khi xưa bạch thủ mà nay sang giàu An quang Hóa Lôc cùng nhau On nhờ lộc nước rang màu hiển danh Gian tà Kiếp Sát Phục binh Khúc xương Thái Tuế mưu sinh tảo tần Quan Phủ Thái tuế đa đoan Thiên cơ, Thái tuế gian nan mọi đường Đà Không nghèo khó tai ương Lưỡng Hao tài tán 4 phương thêm phần Tử (vi) Tướng (Thiên) ngại Dưỡng tài viên Làm nghề phù thủy các miền khôn ngoan Thiên Cơ lức phá lâm tàn Đà La đói rách, củi than làm ngề Kiếp Không khốn khó mọi bề Hỏa Linh biển lận đáng chê vô cùng Phá Quân nhị Hao Kiếp Không, Tấu thư Xương Khúc trùng phùng bạch gia Quan phù Thái Tuế Dương Đà Phải sanh kiện cáo ắt là mới xong Tuần Triệt trước đất cùng khong Tư cơ nan bảo Phủ Không xứ phùng

CUNG GIẢI

Ach cung Bạch hổ huyết hư

Khốc Hư, Cơ lại có de phong dâm

Dương Đà phúc thống bệnh lâm

Mã Đà đái tật, Kình làm tỳ thương

Bệnh phù, Hình, Ky phong sương

Kiếp Không cung Giải mọi đường huyết suy

Nhật Nguyệt Đà Kỵ mục tỳ

Hỏa Linh Dương nhãn tháng ngày mắt đau.

Dương Đà điếc lát thế âu

Thiên Diêu mộng hiện ắt sầu mộng tinh

Ach cung Hóa Ky cho mình

Am hư chứng ấy thường tình hiếm con

Thiên cơ Thất sát phùng xung

Bệnh đau một rất hung tàn

Bởi vì sao Bệnh hợp lòng Kiếp cơ

Liêm trinh, Vũ, Sát hung đồ (thất sát)

ấu nhi cha mẹ âu lo thuốc thầy

Cự Phá, hung tinh họp bày

Phong sang vương vấn những ngày thiếu niên

Lòng trì Mộc dục sao nên

Hoặc là Mộc Kiếp tránh miền bể sông

Thiên hình, Dương nhẫn Ngọ cung

Gặp sao thất sát ngực trung đợi chờ

Tham Liêm Ty Hợi khá lo

Lâm vào cung Giải lưu đồ tân loan

Dần Thân Không Kiếp Tham lang

Vận ưng Quản Trọng gặp đàng thứ lưu

Sát, (hay Kình) phùng Phù (Quan Phủ) Hổ ngục tù

Tham lang Hoá Ky han ưu phải phòng

Cự Ky nên tránh đò sông

Phục binh, Hình Việt mắc vòng gươm đao

Hỏa Linh, Hình Việt khác nào

Không bị sét đánh búa đao có ngày

Hỏa Linh, Mộc đục phải hay

Nước sỏi, lửa đỏ hẹn ngày học thường

Lộc tồn ám tật miên trường

Tả Hữu Xương Khúc tai ương khá phòng

Ba phương chiếu tại một phương

Thấy sao Tử Phủ, Thiên Lương cùng là

Thiên quan, Thiên phúc hợp lừa

Giải Thần, Nguyệt Đức một tòa trừ hung

Triệt Tuần đóng ở Ách cung

Bệng phùng cũng khỏi, hạn phùng cũng qua

Hạn cung Hóa Kỵ xem qua Lấy Đầu Quân độ luận hòa nhất niên (Hạn gặp Hóa Kỵ nếu có Đầu quan thì năm ấy lắm tai nạn) Cung Giải mà ngộ Khôi Hình Số người phải mắc pháp đình can thương

THIÊN DI

Thiên Di xuất ngoại anh hùng Quần thần Tử Phủ, Lương Đồng cùng gia Tướng Tồn Tả Hữu ai qua Nhật Nguyệt Quyền Lộc hợp hoà vinh xương Khoa Quyền Lương Lộc ai đương Bạn nhiều, lại gặp quí nhân yêu dùng Việt Khôi là cách ung dung Việt thường nhờ bạn, Khôi thường gặp sang Vợ chồng viễn phối tha hương Hồng Đào len lỏi vào hàng Thiên di Hỉ thần, Hoa cái yêu vi Lộc Mã hội họp nhiều khi ngoại tài Vũ Tham tài phát phương ngoài Khúc Xương Tả Hữu gặp người quí nhân Dưỡng phùng Lực sĩ Tướng quân Ra vào thường ở trong sân quí quyền Am Dương giáp hoặc triều viên Thiên di cung ấy là miền quí nhân Thiên Cơ cận quí khá phân Thiên Lương đồng vị vỹ nhân anh tài Phá quân Thất sát cõi ngoài Hãm cung thôi lại suốt đời thị phi Cự Môn Thất sát bôn trì Lao tâm, khổ trí ích gì ước mong Dương Đà Linh Hỏa tứ hung Độc cư bất tức, cát đồng khá do Vũ, Đà Kình tất âu lo Liêm trinh, Cự, Ky cũng là sát tinh Phục binh, Thái Tuế Thiên Hình Cùng người trang cạnh, tâm tinh chẳng vui Thiên Diêu Hóa Ky ra ngoài Đa chiều mạ nhục, chẳng ai yêu minh Tướng quân ngộ Triệt không lành Trận tiền kia dễ bỏ mình chôn thây Long đong đông tẩu, tây trì

Bởi vì Cơ Mã Thiên di hãm thân

Chơi bời du thảy du san
Thiên di Đào Mã hợp làng kết giao
Thiên di Không Kiếp khống sao
Hồn qui dặm liễu gặp vào người thân
Bản cung ngộ độ Đẩu quân
Cát hung cũng lấy độ tuần màtra
Thiên di Lương Nguyệt một nhà
Miếu cung ắt hẳn phú gia cho tương
Quan Phù gặp Hình, Thiên Thương
Ở Thiên di sẽ ly hương ngộ hình

CUNG NÔ

Nô cung Hoa Cái Hồng Đào Cùng là Phu Bật chiếu vào cho nên Chính thê, thứ thiếp tiền duyên Khác nào giây cát, sánh bên cõi cù Vũ Tướng Tả Hữu đồng lưu Nhất hô bách nat ai đâu dám bì Con em lúc ở lúc đi Bởi sao Nhật Nguyệt hãm vì Nô cung Đào Hoa Nô lại tương phùng Vong phu mắc tiếng bất trung ưu phiền Cung Nô mà có Hóa Quyền Cự Môn oán chủ nhiều phen Át rằng vợ lẽ cướp quyền người trên Nhưng không thể kiếm được miền ra đi Phá Quân Vũ Khúc đồng vì Những loài phản bôi yêu vì sao nên Dương Đà Ky Phá hãm bên Bạn bè tôi tớ đảo điên khó lương Lương Cơ Tả Hữu Khúc Xương Miếu cung cũng được mọi đường kết giao Tham Lang Trinh Tướng ngô vào Thiếu niên thiếu trợ, lại chiêu oán thù

CUNG QUAN

Cung Quan Thất Sát uy hùng Miếu thời chức chưởng vẫy vùng quân công Cung Quan Tham Vũ đồng tông Chiếu cung hẹn bước ruổi dong tháng ngày Nhật Nguyệt cư Quan rất hay Giàu sang số đã sẵn tay trời dành Cung Quan Dận Mão Thiên Hình

Trị dân trọng chức, chưởng binh cao quyền Thiên Quang, Thiên Tướng cát viên Hiển vinh đức trọng, tài hiền ây ai Hoả Linh Mùi Sửu an bài Chiến công đã hẹn đức tài binh nhung Cung Quan mà gặp Đào Hồng Thiếu niên đã thoả tang bồng chí trai Kình tứ mô, Mã triều lai Biên cương đi hẳn ra tài võ công Cung Quan giáp Phượng, Giáp Long Giáp Xương, giáp Khúc một đường hanh thông Tuế, Hổ, Phù hợp Khúc Xương Có tai hùng biện văn chương hơn người Phá Quân, Phá Toái một nơi Tính ưa mạo hiểm, việc thời chiến binh Giáp Liêm, giáp Sát (thất) tung hoành Tuổi già mới rạng công danh có mà Hỏa, Linh, Mã hợp một nhà Hoặc nghề cơ khí, hoặc là chở chuyên Quan Lộc Tử Mã nhất ban Khốc Hư Tí Ngọ đồng sàng hoạnh thương Mã Long Thiên hỉ thuận đường Hoặc là Lộc Mã hợp phường tốt thay Tham Lương hay Khúc hội vì Có danh chức lại quyền uy đó mà Tấu thư Bác sỹ xem qua Rộng đường văn học con nhà trâm anh Phong Cao Thiên Tướng chính tinh On nhờ lộc nước hiển vinh muôn phần Không Kiếp Thiên Tướng gian truân Khoa tính niên thiếu giữ tuần đăng khoa Cơ Lương lâm Ngo xem qua Mệnh cung vượng địa ắt là vinh xương Cung Quan hội họp cát tường Một rằng Tử Phủ ba phương Hóa triều Hai ràng Khôi Việt đáng yêu Ba rằng Tả Hữu hợp chiều Âm dương Miếu thì văn võ vẹn toàn Hãm cung cũng giữ được phần công danh Kình đà ngộ Mã đã đành Là người xuôi ngược để dành chiến công Hình Diệu, Cơ, Tấu Vũ cùng Khéo nghề thuyền thợ vững đường sinh nhai

Quan phù Tướng Tấu cùng ngồi Mệnh phùng Tả Hữu tăng ni khỏi nào Hồng Diêu Cơ Tấu Vũ Đào Khôi hài, ca xướng tiếngs vào nhà quan Khúc Xương Long Phượng phát văn Vũ, Tham, Sát, Phá Cự rằng võ công Nhật Nguyệt quan lộc bất thông Chỉ hiềm một nỗi đồng cung Sửu Mùi Những ai đái ấn triệt hồi Thiên tướng Không Kiếp đứng ngồi một bên Kẻ hen khinh dễ người trên Kiếp Hư Hao Sát ngộ Quyền bất minh Lai như Liêm Sát, Thiên Hình Hội cư Quan Lộc vận hành đao thương Nhật Xương Quan lộc cho tương Dự trong Hoàng điện thuận dường

CUNG TRACH

Luận cung Trach, xem cung Tài Hai cung phối hợp một bài đoán minh Tấu Thư Xương Khúc rành rành Vào cung Điền Trạch ắt sanh tiền tài An quang, phúc lộc trùng lai Mộ (sao) phùng sinh, Vượng lâu đài nguy nga Cự Cơ giàu cso hào hoa (tại Mão) Thiên Phủ, Vũ Khúc mấy toà nghênh ngang Hồng Loan ruộng đất giàu sang Tử Đồng, Nhật Nguyệt một đàng hanh thông Cô Thần yếu giữ Điền cung Tang Môn, An Lộc của mong tổ truyền Đồng Tham miếu vượng lâm Điền *Áy là bạch thủ lập nêu cửa nhà* Hóa Lộc giáp Mô (sao) phú gia Lương Cơ đắc địa cửa nhà xênh xoang Đào Hồng lại gặp Quí, Ân Cô đi để lại có phần phong lưu Hoa Không vường ruộng được bao Tang Môn, Linh Hỏa lâm vào hỏa tai Phá quân sao ấy tán tài Tổ truyền bán sạch, tương lai tạo thành Tang Môn Bạch Hổ tương hành Cửa nhà vừa đủ nấu mình mà thôi

CUNG PHÚC

Phúc cung có kẻ chiến chinh Tướng Binh Đế Tuyệt đóng thành ba phương Cự Môn, Lộc; Mã tương phùng *Áy đất hoanh phát vũ công đó mà* Vũ Tham Thiên phủ Hóa Khoa Cũng phát võ nghiệp, cũng đa anh hùng Phúc cung hãm, ngộ Kiếp Không Họ hàng lăm kẻ hành hung ở ngoài Đào Hồng Tang ngộ sao Thai Tôn thân có kẻ tính bài loạn phong Tấu Thư Xương Khúc tương phùng Tôn thân có kẻ thần đồng hiện ra Việt Khôi lai gặp Đào Hoa Làm nên sự nghiệp phúc nhà khá mong Cự Môn, Lộc Tướng song song ấy là phát phúc trùng trùng thịnh hưng Tử, Dương nhập miếu vượng cung Phát đến có kẻ triều trung quí quyền Tham Lang thọ Khảo kỳ viên Lại xem hung kiết ở miền nữ nhi Thái âm tương hội Tử vi Hồng Đào Hoa Cái cung phi hẹn ngày Tang Môn Cô Quả chẳng hay Quả phu có kẻ tháng ngay cô đơn Trường sinh Đế Vượng hai phương Át là trong họ thịnh đường nhân đinh Tuế, Phù tung sư tương tranh Lộc Tồn, Cô Quả độc đinh đó mà Tương Bình Tử Tuyệt phải là Có người từ trận phương xa thuở nào Thiên Hỉ, Hỉ Thần tốt sao *Ay là đất quí được màu tương sinh* Thiên quan Thiên phúc tốt lành Vượng đường quan trưởng thân vinh chẳng ngờ Khôi Khoa Xương Khúc Tấu Thư Phát đà văn học có dư anh tài Vũ Khúc vượng địa chẳng sai Phúc cung ắt hẳn hoà hài vũ ban Tang môn Linh Hỏa chớ màng Thường sinh hỏa hoạn trong hàng tộc tôn Đào Hồng Hoa Cái nhập môn Át rằng có gái đẹp khôn khác thường

Đào Thai hội hợp chờ vương
Phúc cung, có gái tìm đường gió trăng
Đà La Không Kiếp án ngăn
Đẹp gì trong họ, ắt rằng suy hao
Phúc có chánh diệu, đệ bào tiềm hưng
Nếu gặp án ngữ Triệt Tuần
Thôi còn hy vọng ước mong được gì

CUNG PHỤ MẪU

Phụ Mẫu Nhật Nguyệt xem qua Sao nào đen tối sớm xa cõi trần Nhật, Nguyệt kia gặp hãm lai mình Sửu Mùi: Tuần Triệt, nhị tinh Sinh ngày cha trước, đêm đánh me vong Trái lại Tuần Triệt không lâm Sinh ngày mẹ trước, đêm phần cha quí Nhật Nguyệt cùng hãm phải hay Sinh ngày Mẫu tại, đêm nay Thân tồn Nhật Nguyệt rưc rỡ lâm môn Đẻ ngày Mẹ biệt, đêm hồn cha ly Đồng Cơ Tử Phủ lâm vì Nhật Nguyệt sinh địa vui thay song toàn Việt Khoa Phụ Mẫu hiển vang Khúc Xương Tả Hữu mọi đàng hanh thông Thiên Cơ Hợi Tí Sửu cung Mẫu Thân, phụ tử ắt xung khắc nhiều Cơ Lương hội họp đáng yêu Lôc Tồn Không Kiếp lai điều phá gia Bật Tướng cát điều đồng hoà Mẹ cha kia vốn con nhà danh môn Hỏa Linh: hình khắc cô đơn Kình Đà cha mẹ cùng con bất đồng Cư Liêm Vũ, Sát phá Tham Mẹ cha, con cái vốn đàng ly tông Thung Huyên hưởng thụ ung dung Nhờ cung Phụ Mẫu Thiên Lương vượng hành Am Dương Tuần Triệt bất minh Mẹ hay cha đã một mình chơi tiên.

> VIII. LƯU TUẦN TRIỆT CỬU TINH – NHẬT NGUYỆT

Trước khi xác định việc đoán đại tiểu hạn, cần chú trọng một sự phối hợp thật kỹ lưỡng các sự kiện dưới đây:

1. LƯU TUẨN TRIỆT: Muốn lưu Tuần và Triệt thì phải nhớ và năm mình đang xem số ấy thuộc giáp nào để lưu tuần không theo giáp đó. Cách lưu cũng y như cách an số vậy, nhưng tuỳ theo năm

Vi dụ : người cólá số sinh vào giáp thìn thì tuần không đóng ở dần mão , mà năm mình xem số lại là năm thuộc về giáp tí, vậy tuần không lưu phải về dóng ở tuất hợi

Còn triệt lô không vong cũng lưu theo năm xem số

Ví dụ: Người có là số kỷ mùi thì triệt đóng ở thân dậu mà năm xem số lại thuộc về năm bính tuất chẳng hạn thì triệt lưu về đóng ở thìn tỵ

Việc lưu tuần, triệt rất cần thiết cho việc luận đoán, vì tuần, triệt là tượng trưng cho hai nguyên lưu chính tức là dương và âm của trời đất mà dương và âm bao giờ cũng di động theo thời gian Chỉ có tuần và triệt mới ảnh hưởng đến 8 cung trong một lá số .Tuần tượng trưng cho dương, nên bao giờ cũng tác động hay hay dở mạnh nhất ở cung âm. Bởi lẽ đó khi xem đại, tiểu hạn cần lưu tuần và triệt mới quyết đoán chính xác được.Bấy giờ tuần, triệt có ảnh hưởng mạnh hơn tuần, triệt chính cung

Ví như khi ta xem năm có thiên mã mà gặp tuần hay triệt ở chính cung mà vẫn đi xa được , hay vẫn thay đổi công việc đẹp đẻ là vì tuần triệt lưu đã không gặp thiên mã nữa; ngược lại có năm ta xem thấy thiên mã không gặp tuần, triệt ở chính cung mà đi xa hay thay đổi việc gì cũng trắc trở là vì thiên mã đã gặp được tuần triệt lưu án ngữ.

2. PHI CỬU TINH: 9Saponin sau đây khi nào đoán Tiểu hạn phải lưu nó để rõ thêm hung cát: Thái tuế, Bach hổ, Tang môn

Khốc, Hư, Đà, Mã, Lộc Tồn, Kình dương

- a. Thái tuế lưu thì lấy theo năm tiểu han. Ví dụ năm tiểu hạn la fnăm Tuất thì Thái tuế lưu tính ngay ở ucng Tuất theo Địa bàn. Tiếp đó tính đến sẽ Tang môn và Bạch hổ (Tang môn ở cung Tí, Bach hổ ở cung Ngo).
- **b.** Thiên khốc và Thiên hư lưu cũng khỏi tính tử cung Ngọ gọi là Tí đanh nghịch lại đến năm Tiểu hạn sẽ biết Khốc lưu về cung nào: và từ Ngọ gọi là Tí đánh thuận đến năm Tiểu hạn sẽ biết Hưu lưu về cung nào. Acchs lưu cũng y như cách an, chỉ khác là khi an thì tính năm sinh, còn khi lưu thì tính năm tiểu han mà mình đang xem số.

Khi lưu về năm Tiểu hạn mà gặp hai Khốc, Hư là xấu, nếu có thêm các hung tinh thì ấy là năm đầy tai ương, nước mắt.

- c. Lộc tồn: cách lưu cũng như cách an, chỉ khác là xem năm Tiểu hạn thuộc can gì thì biết Lộc tồn lưu về đóng ở cung nào. Ví dụ năm xem số là canh tuất chẳng hạn thì Lộc tồn lưu về ở cung Thân. Vậy thì Kình dương lưu đóng phía trước, tức cung Dậu; còn Đà la lưu đóng phía sau, tức cung Mùi.
- d. **Lưu Thiên mã:** Y như cách an, chỉ khác là năm Tiểu hạn thuộc năm nào thì Thiên mã lưu về cung khác. Ví dụ người tuổi Dần thì Mã đóng cung Thân, mà nă cem số là năm Tỵ thì Mã lưu lại đóng ở Hợi.
- 3. LƯU NGUYỆT VÀ NHẬT: Khi xem từng tháng tốt xấu thì 12 cung chỉ 12 tháng. Trước nhất cem từng cung thì tháng Giêng khởi từ cung Dần; tháng 2 cung Mão v.v... sau đó lưu tháng để phối hợp cho sự xem được xác đáng hơn. Muón lưu tháng phải như sau:

Lưu nguyệt hãy lấy năm Tiểu hạn, Lmà tháng Giêng ngược tháng năm sinh Đến đó lấy Tí rành ranh, Thuân về giờ đẻ, ấy cung tháng đầu.

Ví dụ: người sinh tháng 4 giờ Sửu, mà năm ta xem số là năm Tuất. Thế là ta lấy từ năm Tiểu hạn ấy tính đến tháng 4 theo chiều ngược của địa bàn. Rồi từ đó tính đến giờ Sửu theo chiều thuận của Địa bàn sẽ rõ tháng Giêng ở cung nào rồi tính thuận tiếp đến tháng mà mình muốnn đoán.

Lưu Nhật: Nếu muốn đoán về sự hay dở một ngày thì phải Lưu nhật để xem ngày ấy nằm ở cung nào mà đoán. Cách như sau:

Lưu Nhật gọi tháng Giêng mùng Một Thuận theo dòng đàn hát ba mươi Mỗi cung tính lấy một ngày. Cho tường hung dữ dở hay đó mà.

IX. LUÂN ĐOÁN ĐAI TIẾU HAN.

Trước khi đi vào chi tiết đoán Đại, Tiểu hạn chúng ta nên nhơ kỷ các cách sau đây, vì nó thuộc về phạm vi lý giải của âm dương ngũ hành, của mệnh sao có liên quan với nhau.

- 1. Dương nam, Am nữ hạn gặp được Nam đẩu tinh thì tốt.
- 2. Am nam, Dương nữ hạn gặp được Bắt đẩu tinh thì tốt.
- 3. Bắc đẩu ứng tốt xấu mạnh ở 5 năm về trước của Đại hạn;
- 4. Nam đẩu ứng tốt xấu mạnh ở 5 năm về sau của Đại hạn
- 5. Lương hạn: Đại, Tiểu mà gặp Trúc la (tức Sát, Phá, Tham) mà gia thêm Cự môn, Linh Hỏa thì xấu xa, tai biến, khong kể xiết.
- 6. Lưỡng hạn của người Giáp rất kỵ Thiên thương và Thiên sứ đóng cung zdần. Người tuổi Canh kỵ gặp Thương sứ ở cung Thân.
- 7. Lưỡng hạn trùng phùng ở cung Tí mà gặp Thương, Sứ Kình, Đà, Tuế thì có thẻ nguy đến tánh mạng.
- 8. Thương ở cung Tí, Thìn, Mão, Ngọ, Mùi; Thiên sứ ở Dần, Thân, Tỵ, Hợi mà gặp phải Thái tuế thì tai họa ghê gớm. Nếu lưỡng hạn trùng phùng mà không cso sao giải cứu thì nguy đến tính mệnh.
- 9. Người tuổi Thân mà đến lưỡng hạn gặp Thiên thương rất hại, tai họa liên miên.
- 10. Người tuổi Thin, Tuất, Sửu, Mùi mà lưỡng hạn gặp Kình, Đà, không hề gì, trái lại nếu có Tử, Phủ, Xương, Khúc thì lại là hoạnh phát.
- 11. Hạn gặp Thất sát có gia Hình, Hổ, Quan phủ ở cung hãm thì dễ mắc vòng lao lý.

ĐAI TIỂU HAN PHÁT

- 1. Tử, Phủ, Vũ, Tướng có sao Lộc, Long Phượng, Tả Hữu nhất định phát giàu có lớn.
- Nguyệt Đồng Cơ Cự có Khoa Quyền Lộc, Tướng ấn, Khôi Việt, Tả Hữu sẽ thăng quan, hoặc đại đăng khoa
- 3. Cự Nhật có song Lộc, Sinh Vượng, Tả Hữu sẽ phát mạnh về buôn bán.
- 4. Cơ Nguyệt Đồng Lương có Xương Khúc, Hồng Đào, Tam Hóa sẽ phát công danh và giàu có.
- 5. Sát Phá Liêm Tham có Tả Hữu, Quyền Lộc, Khôi Việt phát về kinh doanh.

ĐOÁN CÁCH Ở ĐAI TIỂU HAN

- 1. Đăng khoa hay Thăng chức: Hạn cần có Đào Hồng, Xương Khúc, Khôi Việt, Khoa Quyền hoặc thêm Thai Cáo, Quốc ấn.
- 2. Hôn phối: Phải xem chính cung Phối năm ấy hay Đại Tiểu hạn có:

Sát phá Liêm đào;

Vũ Diêu Lộc Mã Hỉ Đào (hay Hồng)

Tả Hữu Hồng (hay Đào) Thiên Hỉ;

Long Phượng Hỉ thần

Đào Hồng, Nhật Nguyệt (hay Diêu Hỉ)

3. Sinh con: Xưm ở Tiểu han có:

Phủ Tướng Long phượng ngộ sao Thái;

Nhật Nguyệt, Khoi Việt ngộ Hồng Đào

Thanh Long Đế vượng ngộ sao Thai

Quan Phúc, Tả Hữu, Hồng Hỉ

Thanh Long, Lòng trì, Thiên mã ngọ Sinh hay Vượng.

Quan Phúc, Tấu thư, Hỉ thần.

4. **Tình duyên: dang díu:** Nếu số người mà cung Thê có Tả Hữu Hồng Đào chiếu, mà đến Tiểu han lai gặp các dâm tinh thì thế tất phải dang díu thêm nơ tình duyên.

Nếu cung Thê có Thất sát đóng thì đến 5 thiếp cũng chẳng vừa; nếu cung Thê có Thai Toạ Sinh Vượng thì là kẻ lan man về đường tiểu thiếp.

5. **về cung duyên dang dở:** Phần nhiều những đàn ông hay đàn bà cao số là do cung Phối. Khi cung Phối có cách sau đây thì thường phải chịu nhiều cay đắng trong việc hôn nhân, và khi đến hạn gặp phải tất phải sinh ly hay tử biệt.

Cung Phối có Cô Quả ngộ Không Kiếp

Kình Đà Không Kiếp ngộ Tuần Triệt

Tang Hổ ngộ Đại Tiểu hao;

Hình Diệu, Thiên khong ngộ Hóa Kỵ;

Thất sát, Phá toái ngộ Hư Khốc;

Linh Hỏa, Kình Đà, Không Kiếp

Cự môn, ngộ Linh Hỏa

- 6. **Đại Tiểu hạn thất lọ:** Khi gặp các cách cuộc sau đây thì thất lợi cho Đại hạn hay Tiều han
 - a. Cơ Nguyệt Đồng Lương hay Cự Nhật mà gặp Kình Đà, Không Kiếp hay Phá toái, Kiếp sát thì dễ tàn tât, mất cướp
 - b. Sát phá Liêm Tham mà gặp Nhị tam Không, Linh Hỏa Kình Kỵ hay Đại tiểu Hao Hình, Sát Phục binh, Tang Hổ thì tù ngục vong gia
 - c. Tử Phủ Vũ Tướng gặp phải Tam Không, Kiếp Kỵ Hình Đà hay gặp Linh Hỏa Tang Diêu thì bị giáng chức, phá tài.
 - d. Cự Cơ, Đồng Lương mã gặp Kình Đà Không Kiếp, song Hao, Phá toái, Kỵ thì phá tài hay bi thương tât.

- e. Nguyệt Đồng Cơ Cự mà gặp Không Kiếp Đẩu quân, Tuế, Kỵ, thì bị kiện cáo hay giáng chức.
- f. Nhật Nguyệt gặp Không Kiếp Thiên diêu hay gặp Linh Hỏa, Cô Quả thì đau mắt có thể mù.
- g. Phá Liêm Tham gặp Diêu Ky, Mộc dúc dễ bị bỏng.
- h. Thiên Đồng gặp Kình Kỵ, Mộc Hỏa Không Kiếp hoặc là Cự Kỵ Tuế Đà Không Kiếp thì dễ chết đuối.
- i. Tiểu hạn gặp Tang Hỏa Linh mà nhất là đóng cung Điền trạch thì dễ bị cháy nhà, hay sản vật.
- j. Cơ Lương đóng Thìn Tuất mà Tiểu hạn đến đó gặp phải Tang Điếu, Tuế, Khôcs Hư thì bị ngã từ cao xuống.
- k. Sát Phá Liêm Tham gặp Tang Hổ Kình Đà Điếu khách hay là Tham lang gặp Hổ, Điêu, Ly Tuế ở cung Thìn Tuất thì bị xe cán hay thú cắn.
- Kinh Không Kiếp gặp Quan phù hay Tử Phù, Trực phù mà có Phục binh thì phòng có kẻ chực hãm hại.
- m. Tham Liêm đóng Tỵ, Hựo hoặc Tham vũ đóng ở Dần Thân mà gặp phải Kỵ, Đà, Không Kiếp tất mắc tù tội
- n. Sát Phá Tham hội Tang Hổ Khốc Khách, Đà, Thiên thương tất gặp lắm tai ương.
- o. Tham Liêm, Kình Đà, Hỏa Linh; Ky Kiếp Thiên Không tất bị ốm đau nặng.
- 7. Đại Tiểu hạn có tang: Khi xem thấy Đại Tiểu hạn có các cách sau đây hải phòng tang sự:
- a. Nhật Nguyệt ngộ Đà la, Thiên không, Hóa ky
- b. Phủ Tướng ngộ Cô Quả, Thiên Không, Kiếp sát
- c. Phủ Tướng ngộ Tang Hổ, Khốc Hư, song Hao
- d. Sát Phá Liêm Tham ngô song Hao, Tang Hổ hay Kình Đà, Khong Kiếp, Khốc Hư.
- e. Cô Quả, Đào Hồng, Thiên không, Hóa Ky
- f. Tử Phú Vũ Tướng ngộ Cô Quả, song Hao
- g. Nhị tam Không ngộ Tang Hổ, Điếu Tuế
- h. Hình Diêu, Kình Đà Không Kiếp, Tang Hổ có đại tang.
- i. Cơ Nguyệt Đồng Lương ngộ Đại Tiểu hạn (hay Tang Hổ) có đại tang.

Bị chú: khi thấy Đại Tiểu hạn có cách cuộc như trên mà đoán vè tang sự, phải chú ý các cách mới dùng. Ví dụ: Ở cung phụ mẫu có sẵn cách Cơ Nguyệt Đồng Lương rồi, thì năm Tiểu hạn gặp cách Hình Đà Không Kiếp Tang Hổ, mới đoán là có đại tang được, chứ trùng cách thì không thể đoán được như thế. Khi luận đoán còn phai chú trọng đến phi Cửu tinh xem có gặp cùng lúc ác tinh vào Tiểu hạn không và phải lưu Đại hạn cem có thật là cắc ám chặng, nếu lưu Đại hạn mà gặp được cung sáng sủa thì cách đoán cũng lấy đó mà chế biến. Nếu cát tinh chiếm 2/3 thì sự xấu cũng nhờ đó chế giảm, nếu ngược lai hung tinh chiếm 2/3 thì có thể quyết đoán đíc xác.

CÁCH LƯU ĐAI HAN: Muốn lưu đai han cần nhớ:

- 1. Năm xem số người ấy mấy tuổi?
- 2. Cung đai han năm ấy ở đâu?

Ví dụ: Thấy nhị cục, Dương nữ, tất đại hạn đi nghịch từ 2 tuổi đến 72 tuổi (như bản dưới đây). Năm xem số ấy là 39 tuổi; Vậy Lưu đại hạn phải khởi từ đại hạn 43 tuổi mà lưu đến 39 tuổi theo múi tên vẽ ở bản sau đây sẽ thấy 39 tuổi ấy nằm ở cung Bào:

_	ÐIỀN	QUAN	NÔ	THIÊN
35	33 —	→ 34	(72)	(62)
36	PHÚC			GIẢI (52)
37	РНЏ			TÀI (42)
	MỆNH	BÀO	РНŐ	TỬ
38	(2)	(12)	(22)	(32)

Như địa bàn trên cho ta thây muôn lưu Đại hạn về 39 thì ta phải khởi ở chỗ 32 (tức cung Tử) tính thẳng qua cung Điền (tức cuang đối lập) đấy là 33, lại đến cung Quan 34, rồi trở và lại cung Điền là 35, đến cung Phúc là 36, cung Phu 37 và cung Mệnh là 38 và 39 là cung Bào. Như thế ta lấy cung Bào gọi là cung Lưu niên Đại hạn để đoán và phối hợp với năm Tiểu hạn để phân xấu tốt như đã nói trên.

Nên chú ý đặc biệt là cung đếm ngược lại 34 tuổi trên địa bàn bao giờ cũng đếm về phí đại hạn lớn (tức phía có đại hạn 72 đấy) chứ không bao giờ được đếm về phía Đại hạn nhỏ cả. Có thể khi tiếp tục đếm mãi đến sẽ gặp ngay đại hạn 12. Chứ nếu đếm về phía đại hạn nhỏ thì sẽ sai cả.

CÁC CÁCH DÙNG CHO ĐẠI TIẾU HẠN:

- 1. khi cung Mệnh Thân sáng sủa, mà đến Đại Tiều hạn lại rực rỡ, thì được gọi đó là cách "thêm gấm thêm hoa" (Cẩm thượng thêm hoa)
- 2. khi cung Mệnh Thân hắc ám, nhưng đến được Đại Tiểu hạn rực rỡ gọi là "Rồng mây gặp hộ" (Phong vân tế hội). Nhưng nếu gặp Đại Tiểu hạn tốt vừa thì gọi là "Cây khô lại gặp mùa Xuân" (Khô mộc phùng Xuân)
- 3. lúc thiếu thời gặp Đại Tiểu hạn xấu, nên vất vả lao lung, nhưng về sau gặp toàn hạn tốt nên phát đạt hanh thông thì gọi là "áo gấm về làng" (Y cẩm hoàn hương)
- 4. tiểu hạn một năm tốt lại một năm xấu, nên gọi là cách "Bóng sao vờn ánh nước" (Thuỷ thương giá tinh)
- 5. tiểu hạn được nửa năm tốt lại nửa năm xấu, nên gọi là cách "ngày đêm tranh sáng tối" (Nhật da giao tranh)
- 6. hạn số may và rủi liên tiếp nối nhau gọi là cách "Đi tìm không gặp thầy thuốc" (Bỏ số vô Y)
- tiểu hạn có Lộc Mã Sát hội lại gặp Tam không nên chẳng làm được nên trò trống gì cả nên gọi là "Lộc Mã bị nguy" (Lộc xang Mã khốn)
- 8. hạn gặp Tứ Phái Hồng Đào, Quyền Lộc lại gặp Tam không, Địa Kiếp, Kiếp sát gọi là "Vua đi xe giả" (Quân Vương nguy giả) có thay đổi công việc mà chẳng ra gì cả

9. TUỔI VỚI HẠN KY: Tuổi gặp những năm kỵ thì nên phòng những tai ương vặt v. v. . . nếu tiểu han lai xấu nữa thì rất đáng ngai

Tuổi Tí kỵ năm Dần Thân, Tí, Ngọ

Tuổi Dần, Mão kỵ năm Ty, Hợi Mão Dâu

Tuổi Sửu, Ngọ ky năm Sửu Ngọ và ky gặp thất sát

Tuổi Tỵ kỵ năm Tỵ và hạn đến cung Tỵ

Tuổi Thìn ky năm Thìn và hạn đến cung Thìn Tuất

Tuổi Mùi ky năm Dậu và Hợi và ky gặp Kình dương

Tuổi Than ky năm Dần Ngọ và ky gặp Linh Hỏa

Tuổi Dậu kỵ năm Mão Dần và kỵ gặp Kình Đà

Tuổi Tuất kỵ năm Tỵ Thìn Tuất và kỵ gặp Kình Đà

Tuổi Hơi ky gặp năm Ty và Kình đà

10. LIÊN HÊ GIỮA ĐAI VÀ TIỂU HAN

- 1. Nếu đại hạn 10 năm tốt đẹp, rực rỡ, mà gặp Tiểu hạn xấu cũng chẳng đáng lo làm gì, vì chính cái rực rỡ của Đại hạn 10 đã giải cứu cho Tiểu hạn xấu của năm ấy một phần lớn.
- 2. Nếu đại hạn 10 năm mà xấu mà gặp được Tiểu hạn tốt cũng bị chiết giảm rất nhiều Cũng như Tiểu hạn một năm tốt mà lưu Nguyệt gặp tháng xấu cũng chẳng đáng ngại. Trái lại nếu Tiểu Hạ xấu mà lưu nguyệt được tháng tốt cũng chả đựơc lợi là mấy.

11. LIÊN HÊ GIỮA HAN VÀ NĂM TUỐI:

Khi xem Đại Hạn hay Tiểu hạn mà gặp năm tuổi (căn cứ vào vòng Thiên bàn bên trong địa bàn). Ví dụ năm 49 tuổi là năm đến cung tuổi của mình; vậy phải xem coi năm ấy có những sao gì? Nếu gặp cát tinh hội hợp hay hung tinh đắc cách thì phải hơn những năm tốt khác. Nhưng nếu gặp ác tinh thì xấu hơn những năm xấu khác.

Nhất là Đại Tiểu hạn trùng phùng thì tốt hay xấu cùng gia tăng kinh khủng. Ví dụ tuổi Mùi mà đại hạn và tiểu hạn cùng về cung Mùi ở Thiên ban.

X. XEM TIỂU HẠN THEO THÁI TUẾ LƯU NIÊN TỪNG NĂM

NĂM TÍ

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao :	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao :	xấu
QUÍ		Phát	BÍNH		
ΚΫ́	Thất sát hay Phá	phúc	MẬU	TỬ VI	Tái tài
CANH	Quân				
ÁΤ		Phát			
QUÍ	Cử Cơ	phúc			
ÐINH					
ΚΫ́	Phủ Tướng, Lương	Phát			
CANH		tài			
ÐINH	Thiên đồng	Mọi			
		sự tốt			

	Tồn, Xương, Khúc,				
Cả các	Tả Hữu, Cơ Đồng,	Phát	Cả các	Tham, Tử vi,	Tán tài
tuổi	Phá Tương, Liêm,	tài	tuổi	Lương, Kỵ, Nhật,	quan
	Vũ Phủ, Cự Sát			Kinh	tụng

NĂM SỬU

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao:	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao:	Xấu
BÍNH		Mọi sự	GIẮP	Thái Dương	Mọi việc
TÂN	Thiên Lương	hay	ẤΤ		hỏng hối lẫn
MẬU	Thiên Tướng, Am,				
BÍNH	Vũ, Phủ, Liêm,	Mọi sự	QUÍ	Cơ	
	Thiên Lương	hay			
Cả các	Tử, Tướng, Am,		ÐINH		Quan tụng
tuổi	Lương, Phủ, Tồn,	Mọi sự	CANH	Đồng, Liêm	khẩu thiệt
	Pha, Xương, Khúc,	hay			
	Tả, Hữu				
			Cả các	Đồng, Cự, Vũ,	Quan tụng
			tuổi	Tham, Nhật, Kỵ,	tán tài
				Kình	

NĂM DẦN

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Xấu
CANH			BÍN		Quant ụng
ΚΫ́	Tử, Nhật, Vũ,		Н	Liêm Tham Phá	khẩu thiệt
ÐINH	Lương, Sát	Như ý	MẬU		
Cả các	Tử Phủ, Cơ Vũ, Am Sát Đồng,	Virana tài	Cả các	Thom Dà Vy	Tán tài quan
tuổi	Tướng, Cự Lương	Vượng tài	tuổi	Tham, Đà, Kỵ	Tán tài quan
tuoi	Nhật		tuoi		tụng

NĂM MÃO

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Xấu
ẤT TÂN	Tử, Cơ, Dương Tướng, Phủ,	Vượng Tài	GIÁP BÍNH	Liêm Trinh	Tán tài

	Vũ, Đồng				
Cả các tuổi	Ám, Lương, Tử, Cơ,	Phát tài có Hỉ sự	GIÁP ÁT CANH	Thái Am	Tai hại
	Đồng, Phủ, Tham, Cư, Sát		Cả các tuổi	Trinh Phá Đà	Tán tài quan tụng khẩu thiệt

NĂM THÌN

			1 _		
Tuổi	THÁI TUẾ	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ	Xấu
	Gặp sao			Gặp sao	
GIÁP	Tử Tham Sát	Tài lộc vượng	NHÂM	Tham Vũ	Hung tai
ÐINH CANH	Cơ nhật	Tài lộc vượng	NHÂM QUÍ ẤT MẬU	Dương Liêm Au	Tai nạn
MẬU CANH QUÍ	đồng				
BÍNH				Trinh Phủ	Tang thương
TÂN	Сự		Cả các tuổi	Am Cự Phá	quan tụng
Cả các tuổi	Dương Lương Cơ Sát Tham Tả Hữu Xương Khúc	Tài lộc vượng		Ky Tướng	khẩu thiệt

NĂM TY

Tuổi	THÁI TUẾ	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ	Xấu
	Gặp sao			Gặp sao	
BINH	Tử Phủ Đồng				
MẬU	Cự Tương	Phát phúc	QUÍ	Cự Tham	Tai ương
CANH	Lương Phá		BINH		
NHÂM					
TÂN	Cơ Am	Phát tài			
BÍNH					

1	1	1
L	Z	Z

			Cả các tuổi	Am Phá Vũ	Sinh ác bịnh
GIÁP	Tham	Trung bình		Liêm Tham	tán tài quan
MẬU				Cự Tướng	tụng khẩu
	Dương Đồng			Phá Kỵ	thiệt
Cả các tuổi	Phù Lương	Vui mừng			
	Tử Tôn				

NĂM NGO

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Tốt	Tuổi	T HÁI TUẾ Gặp sao	Xấu
ÐINH KΫ́ GIÁP QUÍ	Tử Dương Vũ Đồng Lương Liêm Phá Sát	Danh tài đều tốt	BÍNH NGỌ NHÂM QUÍ	Tham Lang	án tài Quan sự
Cả các tuổi	Tử Vũ Cơ Dương Phủ Cự Liêm Phá Tướng Lương Tồn	Phát tài có sự vui	Cả các tuổi	Tham Đồng Am Kình Đà Kỵ	Tang thương Tai nạn Tán tài

NĂM MÙI

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Tốt	Tuổi	THAI TUẾ Gặp sao	Xấu
NHÂM ẤT	Tử Phủ Tướng Cơ	Khẻo mạnh	GIÁP ÁT	Dương	Nhiễm sự Buồn phiền
CANH NHÂM	Thái Am	Phát tài	ÐINH CANH	Thiên Đồng	Nhiễu sự Đổi thay
Cả các tuổi	Tử Phủ	Phát tài	NHÂM QUÍ	Vũ	Nhiễu sự Đổi thay

Liêm Cơ	Hỉ sự			
Phá Tướng		Cả các tuổi	Am Dương	Dau, kiện
			Vũ Đồng	tán tài tai
			Tham Kình	nạn
			Đà Kỵ	

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Xấu
GIÁP QUÍ CANH	Tử Liêm Phá	Phát phúc	ẤT MẬU	Сσ	Đau, kiện
GIÁP QUÍ CANH TÂN	Сử	Phát phúc	ÐINH	Сự	Rất xấu
GIÁP ÐINH CANH	Сσ	Phát phúc	NHÂM THÂN BÍNH	Liêm	Quan tụng
Cả các tuổi	Tử Phủ Liêm Dương Cự Sát Vũ Xương Tồn	Phát tài hỉ sự	GIÁP CANH QUÍ BÍNH Cả các tuổi	Đồng Tham Đồng Lương Tướng Am Phá Kỵ	Tai họa Tai họa Đau, kiện tang chế tán tài

NĂM THÂN

NĂM DẬU

Tuổi	THÁI TUẾ	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ	Xấu
	Gặp sao			Gặp sao	
MẬU ẤT TÂN BÍNH	Tử Lương Am	Phát tài	GIÁP ẤT	Am Đồng	Rất xấu
			CANH NHÂM	Vũ khúc	Rất xâu
	Tồn Tử		GIÁP	Thiên Tướng	
Cả các tuổi	Phú Xương	Phát mọi sự	CANH	Liêm Phủ	
	Khúc Tả	như ý	BÍNH TÂN	Liêm Trinh	Rất xấu
	Hữu		NHÂM	Thiên Phủ	
			Cả các tuổi	Liêm Cơ Cự	
				Kỵ Vũ Kình	Tán tài kiên
				Đà	tụng

NĂM TUẤT

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	xấu
NHÂM GIÁP			QUÍ	Tham Lang	
ÐINH KÝ	Tử vi	Phát tài	CANH	Thiên Đồng	
ÐINH KÝ	Åm vũ		MẬU	Thiên cơ	Xấu lắm
GIÁP CANH	Vũ Khúc	Vui vė	ÐINH	Cự Môn	
GIÁP ÁT ÐINH		Mọi sự vui	GIÁP	Thái Dương	
KÝ					Xấu

TÂN QUÍ	Cự Môn		BÍNH	Liêm Trinh	
ÐINH KÝ		Mọi sự vui	NHÂM	Vũ Khúc	
GIÁP ÐINH KÝ	Đồng Liêm Phá Sát				
Cả các tuổi	Cơ Âm Lương Phủ Vũ Sát Tham Đồng Tả Hữu	Hưng vượng	Cả các Tuổi	Cự Dương Tả Tướng Phá Kỵ	Đau ốm Quan phi Tán tài

NĂM HỢI

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Xấu
NHÂM QUÍ MẬU	Tử Đông Cự Lương	tốt	BÍNH QUÍ NHÂM	Liêm Trinh	
NHÂM	Thiên Cơ		NHÂM BÍNH	Vũ Khúc	
ÐINH KÝ BÍNH MẬU	Thiên Tướng	Rất tốt	GIÁP	Thái Dương	

MÂU KÝ	Am	Thăng chức Phát tài	Cả các	Liêm Phá	Hao tài
Cả các Tuổi	Đồng Am Tư Lương Xương Phủ Khúc Tồn	Hỉ sự Mọi việc	Tuổi	Sát	Quan phi, Đau ốm

XI. LIÊN HỆ GIỮA MỆNH THÂN VÀ HẠN

MỆNH THÂN Có sao	HẠN Gặp sao:	ĐOÁN
	1. cùng nhóm ấy sáng sủa	Được xứng ý toại lòng
Tử Phủ Cự Nhật Cơ Nguyệt Đồng Lương sáng sủa	2. Sát Phá Liêm Tham Sát tinh hay bại Tinh sáng sủa	Trong cái may có cải rủi, khá phát nhưng dễ gặp tai ương trừ tuổi Kỷ. Nếu sao mờ ám thì khó tránh khỏi tai ương
	3. Gặp Vũ Tướng sáng sủa	Hoạnh phát danh tai. Nếu gặp sao mờ ám có kem đi
Sát Phá	1. Cùng nhóm đó đều sáng sủa	Mọi sự hanh thông danh tài hưng vượng

Liêm Tham Sát tinh hay Bại tinh Sáng sủa	2. Tử Phủ Cự Nhât Cơ Nguyệt Đồng Lương sáng sủa	Khá giả nhưng chưa được toại nguyện. Nếu gặp sao mờ ám thì mọi việc bế tắc, thành ít bại nhiều
Tử Phủ Vũ Tướng	La, Tử, Tuyệt, Cự, Đồng Với nhiều sát tinh khác	Có thể bỏ mình nơi trận mác như Quan Vân Trường
Vũ Tướng (sáng sủa)	Tử Phủ,Cự, Nhật, Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương, Phá, Liêm Tham (sát) tinh, bại tinh sáng sủa	Tài quan song mỹ. Nếu các sao hạn mờ ám cũng không dáng lo

MỆNH THÂN	HẠN	ĐOÁN
Có sao:	Gặp sao:	
	1. Sát Phá Liêm Tham dù	
	sáng sủa hay mờ ám	Mưu sự trước khó dễ sau
VÔ CHÍNH DIỆU		Tất cả mọi việc đều bế tắc,
Cước chú: Cần gặp Sát Phá	2. Vô Chính Diệu	nhưng cũng nhập hạn gặp
Liêm Tham (bại tinh)sáng		Tuần Triệt thì danh tài hưng
sủa nhập hạn hơn là Tử Phủ		vượng.
Cự Nhật Cơ Nguyệt Đồng		Tính mạng khó an toàn như
Lương sáng sủa	3. Phá Sát Tham hội Đào	Gia Cát Võ Hầu đời Tam
	Hồng Suy Tuyệt	Quốc
Cự hay Kỵ tọa thủ	Tuế Đà phù hợp	Mắc kiện tụng thị phi
Nguyệt hội Hồng		Bị cảm dỗ trước sắc dục khó
Kình Diêu Kỵ	Xương Vũ	ngăn được
Thất Sát	Kình hay Đà	Gặp tai nạn khủng khiếp
Thất Sát hay Hình		
Linh tọa thủ	Bạch Hổ	Dễ mắc tù tội
	1. Đại Tiểu Hao	Sa sút của cải, tung thiếu
Tham Lang	2. Hóa Lộc	Tiền tài phong túc
	1. Tuần Triệt dù có	Bị trắc trở lúc đâu
	Sao tốt hội	

Không hay Kiếp	2. Hạn lại đến cung Mệnh	Sự nghiệp đỗ vỡ Tính mạng khó toàn
Đại Tiểu Hao	1. Gặp Lộc	Phát tài, ăn tiêu dư dật
Không đắc địa	2. Sát tinh hội họp	Túng thiếu
Hỏa hay Linh	Kiếp Không Thương Sứ	Tai họa khủng khiếp
Lộc	Đại Tiểu Hạn hãm	Nghèo tùng khốn khổ
Khôi Việt	Hạn đến Mệnh Thân	Hoạnh phát và cận quí
Tướng Quân hội Cái Đào		Trằn trọc vì nhu cầu sinh lý
Khúc Mộc	Cơ, Diêu	suốt đêm
Thân có Sát	Võng Hình Khôi	Bị ám sát như Trương Dục
Phá Liêm Tham	Kỵ Đà phục binh	Đức

Tuổi	Mệnh an tại cung Hoặc có sao:	Hạn gặp sao:	ĐOÁN
GIÁP Kử	Tử Phủ Vũ Tướng	Hồng Xương Tuế Kình	Tài lộc hanh thông tăng tiên
KΫ́	Cơ Nguyệt Đồng Lương	Sát Phá Liêm Tham Tả Hữu	Công danh sớm đạt
ẤT – TÂN	Cơ Nguyệt Đồng Lương Hư Kình Tuế Khách	Hạn lại gặp nhóm ây	Hoạnh đạt võ nghiệp
MẬU CANH	Mệnh tại Thìn Tuất có Vũ Khúc hay Tham Lang toạ là người có tài mà kém đức. Nếu gặp cả Không Kiếp là đê tiện	Hạn gặp Kình Đà	Không toàn tính mệnh
TÂN ĐINH	Mệnh tại Dần Thân có Phá Quân hội Hoá Việt giỏi máy móc	Mã tuyệt và Sát tinh thâm nhập	Khó tránh được qua gẫy chân tay
	Mệnh an tại Tí có Tử vi	Hạn đến Thìn Tuất gặp Sát tinh	Khó tránh được tù tội

	Mệnh rất mờ ám xấu xa	Cung nhập hạn lại là cung mệnh	Không đáng lo ngại trừ trường hợp có
	Aau Aa	cung mçim	Không Kiếp
	Sửu Mùi có Tử Phá	Đến cung Thổ có Tả	Tài quan song mỹ
	toạ đồng cung	Hữu	
Tất cả	Mệnh ở Ngọ có Tử	Cự Sát Đà Linh tất	
Mọi tuổi	vi Tam Hóa Hình	bị uất mà chết như	Chết vì uất hận
	Ấn Xương Khôi Bật	Chu Du	
	Hồng rất đẹp		
	Mệnh ở Dần Thân		Đề phòng bệnh tim
	có Cự Nhật đồng	Kiếp Sát Hình Địa	phổi. Nếu có Mã
	cung	Kiếp Kỵ	nữa tất bị thương tích
			chân tay

Tuổi	Mệnh an tại cung	Hạn gặp sao	ĐOÁN
	Hoặc có Sao:		
	Mệnh ở Ngọ có	Hình Tang Hổ Khốc	Phát đạt khá giả
	Nhật tọa		
			Khó nuôi con, có
	Thân ở Dần có Cơ	Liêm Hổ Linh Riêu	mang ắt truỵ thai. Bị
	Nguyệt Đồng cung	Tham Kiếp Hình	ngục tù. Chỉ Khoa
		_	Phượng mới giải
			được
	Mệnh ở Hợi có Thái	Khúc Xương Quyền	
	А́т	K <u>y</u>	Rất khá giả
	Mệnh ở Mão có		Tuy người vũ dũng
	Thiên Tướng nội	Phá Kiếp Đà Kình	nhưng gặp hạn này
	sinh Vượng Hồng		sẽ mang luỵ vì nữ
	Đào Tả Hữu Quyền		sắc như Lữ Bồ
	Xương		
	Mệnh Tí Ngọ có		
	Liêm Tướng đồng	La Võng Tham Linh	Bí chết chém thê
	cung	Đà	thảm như Hàn Tín
ẤT KỶ	Mệnh tại Sửu Mùi		
ÂM	có Liêm Sát đông	Khoa, Sinh	Hoạnh phát công
NAM	cùng là bậc trí dũng		danh tài lộc
	Mệnh an tại Tỵ Hợi		
BÍNH	có Tướng Binh, Ấn	Phá Quyền Lộc hội	Hoạnh phát danh tài
NHÂM	là người có uy quyền		
	hiển đạt		

XIII. ẢNH HƯỞNG SAO NHẬP HẠN

TỬ VI

- 1. Nhập hạn tai Ty Hợi Mão Dậu suy giảm tốt đựp hạn có tai họa cũng khó mà giải được.
- 2. Đại Tiểu Hạn trùng phùng gặp Tuần Triệt tính mạng đáng lo ngại
- 3. Có Khôi Việt thêm danh giá, tranh chấp với ai cũng thắng lợi.
- 4. Gặp Tam Không Kiếp Ky: ốm đau mất của
- 5. Kình Đà Kiếp Ky: đau ốm, bị lừa
- 6. Phủ Tướng Tả Hữu Tam Hóa: hoạnh phát danh tài

THIÊN CƠ

- 1. Sáng sảu hoạch phát. Gặp lộc cùng phát
- 2. Mờ ám bị phiền toái thị phi. Nếu Kình Đà Cự hội khó tránh tai họa. Nếu đại hạn mờ ám tất phải chết.
- 3. Hội Nguyệt Đồng Lương Tả Hữu, sát tinh gặp thời làm quyền gian.
- 4. Lương Tuế Tang: ngã từ cao xuống, trong nhà có tang
- 5. Cự Hỏa Kình Thương Sứ hội: đau ốm hao tài, có tang hay tai nạn.
- 6. Thượng Sứ: đau ốm khẩu thiệt
- 7. Tang Khóc: có đại tang hay ngã đau
- 8. Khốc Hỏa Kình: trong nhà có sự tranh chấp
- 9. Khốc Hư: bệnh phổi
- 10. Quả Tú: túng thiếu. Nếu mệnh có Háo sẽ bị chết đói
- 11. Tỵ, Hợi Sửu Mùi gặp Hỏa Linh bị tai nạn khủng khiếp, bị lừa, bị hãm hại
- 12. Ty Hợi gặp Hình thì không thoát được tù
- 13. Gặp Tham Sát Phá:P đau yếu, bị oán trách
- 14. Phá đồng cung gặp Kiếp KÌnh bị kiện tụng dễ tù tội
- 15. Gặp Kình Đà hay gặp rủi ro, đầy lo lắng
- 16. Gặp Hình Ky Kình Đà dễ đạo thương

THIÊN PHỦ

- 1. Gặp Tam Không: phá sản
- Không có Tam Không là kho tài lộc. Nếu gặp được Tam Hóa nữa thì chắc chắc tài quan tuyệt mỹ

THÁI ÂM

- 1. Sáng sủa tài lộc phong túc, thường tậu được nhà, có nhiều hỷ sự trong gia đình.
- 2. Mờ ám: hao tán, hay đau bụng hay đau mắt sức khoẻ của mẹ hay vợ suy kém.
- 3. Trong trường hợp mờ ám mà gặp Đà Tuế Hổ phải đoán là mẹ chết
- 4. Long trì, Sát thì bị đau bụng (tiết hoá)
- 5. Đà Kỵ đau mắt nặng, mất của
- 6. Hỏa Linh bị đau yếu, kiện cáo
- 7. Hình: mắt dễ bị thương, và chạm kim khí

THAM LANG

 Sáng sủa tốt đẹp hanh thông. Nếu ở Tứ Mộ hợp với tuổi Tứ Mộ càng hiển hách phát đạt. Nếu gặp thêm Linh Hỏa càng thêm rực rỡ muôn phần.

THÁI DƯƠNG

- 1. Sáng sủa: phát danh tài
- 2. Mờ ám: đau yếu hao tán. Sức khoẻ của Cha hay Chồng kém. Nếu gặp Tang Kỵ Đà phải e cha hay chồng chết.
- 3. Gặp Long Trì: đau mắt
- 4. Thanh Long, Long Trì: trong nhà có người tai nạn sông nước. Hạn ở cung nào thì tai nạn ở phương đó.
- 5. Riêu Đà Ky: đau mắt nặng
- 6. Hỏa Linh Kình Đà: mọi việc trắc trở, sức khoẻ của cha chồng kém. Hao tán.

VŨ KHÚC

- 1. Sáng sủa tốt đẹp, tài lộc hưng vượng
- 2. Gặp Tả Hữu Xương Khúc: tài quan song mỹ
- 3. Gặp thêm Quyền sẽ trọng trấn biên thuỳ
- 4. Mờ ám thì hao tán tiền tài, giáng quan chức.

THIÊN ĐỒNG

Sáng sủa hay mờ ám đều thay đổi chổ ở hoặc công việc làm

Sáng sủa: Hưng vượng, trong nhà có việc vui

Mờ am: mọi việc trước hanh thông, xau bế tắc, hao tán bị bãi quan chức.

Gặp Linh, Kình toại ý việc cầu hôn

Kỵ: đau bụng

LIÊM TRINH

- 1. Sáng sủa gặp được sao tốt, danh tại toại mỹ.
- 2. Ở Tỵ Hợi giao dịch với người lạ bất lợi, sinh hiềm thù tù tội
- 3. Mờ ám: chơi bời đến mang họa. Nếu có công danh dễ bị trất giáng.
- 4. Gặp Vũ Lộc Mã có danh tài
- 5. Gặp Hồng Đào thanh gia thất
- 6. Gặp Lương Ky bị gỗ đá gây thương tích
- 7. Gặp Diêu Kỵ tai nạn về sông nước, khẩu thiệt kiện tụng
- 8. Gặp Không Kiếp mọi sự bế tắc, hao tài.
- 9. Gặp Hổ mà nhập cung Dần Tuất dễ bị ác thú hay xa cán

CỰ MÔN

- 1. Sáng sủa là Quyền tinh, mưu sự tất thành, được nhiều người nghe
- 2. Nhập hạn tại Hợi gặp Lộc không nên mưu sự lớn như "Kiếm xạ Đẩu Ngưu"

- 3. Mờ ám: mắc thị phi, tán tài, có tang
- 4. Nếu gặp sao Tử, Mộc dễ bị tai na xe cộ. Nếu gốc Đại hạn xấu sẽ bị chết
- 5. Gặp Ky tai nạn sông nược, thị phi
- 6. Gặp Tang Môn dễ có tang, đau ốm
- 7. Gặp Tang Môn, Hỏa Linh: có tang, tán tài; nếu không nhà bị cháy

THIÊN TƯỚNG

- 1. Sáng sủa: mưu sự dễ thành, hoạnh phát bất ngờ
- 2. Mờ ám cũng nhập hạn dễ mắc kiện cáo ốm đau. Nếu gốc Đại hạn xấu thì tính mạng dễ lâm nguy
- 3. Gặp Không Kiếp: bị tiểu nhân lừa lọc nhưng không đáng ngại
- 4. Gặp Khôi Hình: tai nạn về đao thương ở đầu mặt, nếu không cũng mắc bệnh bộ phận ấy, công danh thường trắc trở.
- 5. Tuần Triệt án ngữ: tiểu nhân mưu hại, phòng tai nạn xe cộ đao thương
- 6. Nếu nhập hạn ở cung Thiên Di mà gặp Tuần Triệt dễ bị giáng chức quan tước ra trận khó toàn tính mạng

THIÊN LƯƠNG:

- 1. Sáng sủa: hưng vượng gặp vệc mừng, đau ốm chóng khỏi, tai nạn gặp quí nhân
- 2. Mờ ám: hao tán sức khoẻ và tiền tài, nếu gặp Lương nhập hạn ở Tí Hợi chắc chắn đi xa hay thay đổi công việc.

THẤT SÁT

- 1. Sáng sủa: danh tài hưng vượng. Nếu Sát nhập hạn ở Dần Thân thật là tài quan song mỹ, mưu sự thành nhanh chóng
- 2. Mờ ám: Gặp nhiều chuyện buồn; nếu cả sát tinh như Kình Đà thì khó tránh được tai nạn xe cộ hay đao thương
- 3. Sát nhập hạn tai Thìn Tuất mà Đại hạn xấu phải quyết đinh là chết
- 4. Gặp Liêm Tham Phượng: dễ bị oán trách. Gặp Phá Hình dễ bị tù tội
- 5. Gặp Phá Hao Mộc Kỵ sẽ mắc ung thư hay mụn nhọt phải mổ sẽ
- 6. Gặp Kinh Phục Không Háo Hỏa, Linh Kỵ Kiếp mà gốc Đại hạn mờ ám nhất định phải chết
- 7. Gặp Ky mang tiếng nhục nhã
- 8. Đau ốm phòng có tang

PHÁ QUÂN

- 1. Sáng sủa mà gặp được thêm Xương Khúc Khôi Việt tài quan song mỹ, phú quí cực độ
- 2. Mờ ám: đau ốm kiện tụng, mất chức, vợ con không yên ổn. Nếu có sát tinh mà gốc Đại hạn mờ ám thì tính mệnh dễ lâm nguy. Đàn bà Phá mờ ám không tránh được bệnh khí huyết
- 3. Gặp Liêm Hỏa hao tán, tù tội
- 4. Gặp Sát Linh thì tù tội

- 5. Gặp Hình bị đã thương
- 6. Gặp Hình Linh Hỏa Việt ị sét đánh hay đao thương súng đạn
- 7. Gặp Phượng Các bị trách oán
- 8. Gặp Thái Túê mắc kiện tụng
- 9. Gặp Quả Tú dễ bị tai nạn dọc đường
- 10. Phục Tướng Diệu Thai: đàn ông rắc rối về tơ duyên, đàn bà mắc lừa về tình ái.

XIV. LUÂN ĐOÁN VỀ HAN CHẾT:

Khi các bạn đã biết cách xem và rõ mọi cách xung phá, tính tinh hung cát; sự tương quan giữa năm hạn với tuổi như phần III trên đây đã vạch ra, thì tất nhiên bạn có điều kiện tìm xem:

- 1. Trong các Đại hạn của lá số, Đại hạn nào xung khắc với tuổi nhất, và có những hung tinh hãm hại nhiều nhất để cân nhắc thật kỹ Đại hạn ấy rồi mới tìm Tiểu hạn.
- 2. Tiểu hạn nào bị mờ ám nhất trong vòng Đại hạn nói trên tất nhiên năm ấy khó thoát được sự ra đi vĩnh viễn
- 3. Khi rõ Tiểu hạn phải lưu Nguyệt để xem tháng hạn và lưu Nhật để xem ngay hạn. Khi lưu nên chú trọng sao nào ngày tháng nào khắc với tuổi của người có lá số nhất thì việc đoán mới mong xác thực được.

Sau đây; tôi xin trình bày thêm phú đoán chết để tham vào cách suy đoán:

Lại xem sinh tử toàn viên,

Vận cung Thái tuế lưu niên cung nào.

Sát, Dương (Kình) Thương; Phục; Không Háo:

Hỏa, Linh, Ky, Kiếp chiếm vào hạn trung

Đở thay Đại, Tiểu (Đại hạn và Tiểu Hạn) trùng phùng

Để tinh thụ ám không vong đó mà

Ky là vận hạn khó qua;

Lại tham, Sát, Phá: Trúc la thoát nào (Hạn Truc la)

Đế tướng Tam hợp chiếu vào

Hoạ may không chết bở sao cát phù.

CHÚ Ý: Khi biết Đại hạn chết, muốn tìm Tiểu hạn phải căn cứ ở Thiên bàn (vòng bên trong) tính tuổi. Ví dụ tuổi Mùi thì căn cứ ở năm Mùi của Thiên bàn là 1 tiếp đến là 13, 25, 37, 49, 61 v. v. Khi đến giáp nào gặp tuổi ở Đại hạn xấu thì tính tiếp từ đó từng năm lẽ đến cung nào mà gặp phải KÌNH ĐÀ CỰ KY, KIẾP SÁT, THIÊN KHÔNG thì phải chú ý lưu niên Thái tuế và xem kỹ đến các chính tinh, Tả Hữu, Hồng, Đào. Vì Tả Hữu Hồng, Đào về già rất xấu. Cứ thế luận xem thật cẩn thận ắt không sai. Sau đó lưu Nhật và lưu Nguyệt cũng đến cung xấu ấy khắc rõ thời gian chết.

PHẦN THỨ IV **SỐ TỬ VI MẪU**

ĐIỀN	QUAN	NÔ	THIÊN
ĐỒNG	VŨ – PHỦ	DƯƠNG – ÂM	THAM – MÃ

Đ. Нао	Th.	Bệnh phù	Khúc	Ky	Việt	Phi	Liêm
А́т		Q. phù	Tả	Tử phù	D. phù	xương	
Linh	L. N vă		Long	Th. Thương		Tuế phá	Th. Phụ
tinh			Khoa		Hỷ Thân	Th. Hư	Hữu
Cô thân					Th. Quan		Phượng
Th. Trù					Ng. Đức		G. Thần
				76)	66	Th. Thọ
		N	1ộ	Τử	ľ	Bệnh T	h. Khổ
						TRI	ÊΤ
	ıyệt						
PH	IÚC	SỬU	ΤÝ	HĢI	TUẤT	GL	ΑI
PI	ΗÁ					CO –	CỰ
Ph. Binh	Ph. Cáo		Số LÃ TI	HÁI HẬU		Đ. Không	T. Thu
T. môn	Quyền		Năm Giáp I	Dần tháng 3		Th. Sứ	Long
Th. Khốc	Th. Tài	DÂN	ngay 7 –	Giờ Dần	DẬU	đức	
			Dương nữ –	Thủy mệnh		Lưu hà	Th. Phúc
T	hai	Но сис			56		
		C	ách: Liêm	tham đồng đ	ộ	Suy	
Pl	ΗŲ	T	ử phủ vũ tướ	ng chiếu. Hộ	di	TÀI	
Kình	Th.		_	. Xương Khú		Tử vi	Tướng
Dương		Tả		ướng Ấn. Lo	ong	B. hổ	Q.ấn
Th. Không	g Đào		Phượng	Cái Hổ			T. Quân
Q/ phủ							H. cái
Diêu Y		THÌN	ΤŸ	NGO	MÙI	40	
						Ð	ế
	'ðng				-/		9
	ÈNH	B	ÀO	PHO		TÜ	
LIÊM	TRINH	Đà	Khôi	TH. S	SÁT	LƯƠ	NG
Th. Tuế	Tồn	Đ. Kiếp	Â. Quang	Điếu	T. Thai	T. Hao	phúc
Đ. Quân	B. Toạ	Trực phù	Th. Qui		Th. Long	đức	
	L. Tồn	Q. Tú	Lực Sĩ			Th. Hình	Th. Đức
	C. Sỹ		Hồng			Hoả	
	Th. Giải		Địa giải			Kiếp sát	
	6		.6	26			
	Sinh	M	[ộc	ÐĆ	βI	36	
	TUÂN					Lâm	

NHÂN XÉT LÁ SỐ THÁI HẬU

- 1. Liêm Tham đồng đọ nam đa lãng đãng, nữ đa dâm;
- 2. Liêm đắc địa có Tử vi chiếu hội Xương Khúc, trong phú có câu Liêm mà gặp được Tử vi Ở cung miếu vượng quyền uy đó mà . . .

Liêm đắc địa Khúc Xương cùng

Là người văn võ anh hùng lược thao.

- 3. Song lộc ngộ mã : Mệnh bà Lã Hậu chuyên quyền: Song lộc ngộ mã chiếu miền chính cung.
- 4. Tứ linh triểu Thâm Mệnh, có Tả Hữu:

Tứ linh Cái Hổ Phượng Long

Công danh quyền thế vẫy vùng một khi

5. Sinh năm Giáp gặp Thiên khố (ở cung Thân) phú có câu:

Hỏ ai Giáp Kỷ mấy người

Gặp sao Thiên khố tiền rời bạn muôn

- 6. Xét về ngũ hành thì cung sao và mệnh cục rất tương ứng
- 7. Cung mệnh Liêm Tham đồng đọ nam đa lãng đãng, nữ đa dâm chưa kể cung Nô của đàn bà mà có Đào Hồng ngộ Mộc dục, Diêu Hỉ cung Phu lại gặp:

Thất sát vũ khúc đồng danh

Bao lần hôn phố mới thanh được chăng.

NÔ	THIÊN	GIÅI	TÀI	
Vũ khúc Phá quân	Thái dương	Thiên phủ	Thiên cơ Thái	
Đại hao Thiên quí	Phục binh Hóa lộc	Quan phủ	âm	
Thiên thương	Thiên khôi	Đà la Phúc đức	H. Kỵ Lộc Tồn	
Hoá quyền	Bạch hổ thai phụ	Thiên đức	Điệu khách	
Long đức	Lưu tù	Thiên hình Quả	Thiên mã	
Hồng loan	Thiên phúc	tú	Thiên khốc Bác sỹ	
Địa giải	Thiên giải	Thiên sứ	Đẩu quân	
56	66	TRIỆT	Lưu hà	
Lâm	Vượng			
		Suy	Bệnh	
QUAN	HỌI TÍ	SỬU DẦN	ΤỬ	
Thiên đồng			Tử vi Tham	
Bệnh phù		0	lang	
Tuế phá Văn khúc	Số KHĆ	ŇNG TỬ	Trực phù	
Hóa khoa	Năm Canh T	uất Tháng11	An quang	
Thiên hư Quốc ấn	Ngày 1	– giờ Tý	Kình dương	
Thiên khố		– Kim mệnh	Lực sỹ	
46	TUẤT Hỏ	a cục MÃO		
Đời	Cách: Lương Đ	ồng Cơ Nguyệt		
	Hội Song lộc M	Iã Khốc Khách	Tử	

ÐIỀN	Tướng Ấn. C	ách uy quyền	PHốI
Tử phù Hỷ thân			Cự môn
Linh tinh Dào hoa	DẬU	THÌN	Thái tuế
Nguyệt đức			Văn xương
36			Thanh long
Mộc			Hoa cái
			Thiên tài
	THÂN	MÙI NGỌ	Thiên thọ
TUÂN	ΤŸ		Mộ
PHÚC	PHŲ	MỆNH	BÀO
Phí liêm Thiên việt	Liêm trinh - Thất	(THÂN)	Thiên tướng
Quan phù	sát	Thiên lương	Tiểu ha Thiếu dương
Phong cáo	Đường phù	Tang môn Hữu bật	Địa kiếp Thiên hỷ
Thiên trù Tả	Tấu thư	Bát toạ	Địa không
phụ	Hỏa tinh Thiếu	Phượng cát	Thiên quan
Tam thai	âm	Giải thần	Thiên không
Long trì	Phá toái	Tướng quân	Lưu niên văn tinh
			Thiên y
			Cô thần
		6	Kiếp sát
26		Thai	Tuyệt
Sinh	16		
	Dưỡng		

PHÂN TÁCH SỐ KHỔNG TỬ: Lương vương ở Tí gặp Thái dương, lương lộc, vinh hiển tột bực, tính chất thanh cao đạo hanh, trung nghĩa cương cường:

Phú: Lương đắc địa đồng vì xương khuc

Hoặc Thái dương, Hóa lộc hiển vinh

Từ cung Tí tiếp liền đến Ngọ

Có Thiên lương hội chiếu Nguyệt tinh

Áy người tai cán tinh anh . . .

Bởi đó sự thông minh hơn người là nhờ ở Nhật Nguyệt, mặc dầu Nhật có Triệt, nhưng Triệt ở Ngọ là nơi âm dương giao thoa tạo thành sự phóng khoáng, khoan hoà, nhân hậu, và chính tinh dù tốt hay xấu cũng không chịu ảnh hưởng nhiều. Hơn nữa Thái dương ở đây lại gặp Thái âm hội Bát tọa tất là bậc quí nhân. Mà Nguyệt lại gặp Cơ (Cơ nguyệt ở Thân đắc địa nên văn chương quán thế)

Xét thấy cung thiên di có tam hoá liên châu. Thái dương gặp Lộc (Lộc Tí, Ngọ) tất văn chương lỗi lác mà ra ngoài được người người kính trọng

Đến cung Quan lộc có Xương khúc, Tướng ấn, Lộc mã chỉ làm về nghề văn hóa, không đấc hoạn lộ được, nhất là Cự đồng ở đó, nên Khổng Tử không thể chọn con đường làm quan bền bỉ

Vân hạn: Khổng Tử sinh năm Tuất mà tiểu hạn đến cung Thìn tối kỵ, đại hạn đến cung Nô năm 61 tuổi gặp Thiên Lương Song Hao, Liêm trinh Hỏa tinh, Thiên không Kiếp sát, Kình dương, Phá toái. Mà tiểu hạn lại gặp lưỡng Tuế, Kỵ, Tang Hư Khốc Điếu; không nguy đến tính mạng là vì đại hạn có Tử vi, Hóa quyền, vì vậy mới bị tuyệt lương ở nước trần.

Đến năm 73 tuổi, tiểu hạn cũng về cung Thìn với các hung tinh ám hại đó đóng ở La Võng mà Thái Tuế ở đó rất độc, đại hạn lại bị gặp phải lương Tang môn Bạch hổ ngộ Thiên trù, Hư khốc lưu niên, mà về già lại gặp cả Tả Hữu đi với hung tinh, đúng là hai kể âm công đưa đi về cõi chết.

BÀO	MỆNh	PHU	PHÚC	
Đà Mã	THIÊN CO	TỬ – XÁ	Địa không L. đức	
Điếu khách	Hỏa L. tồn	Kình Xương	Phục binh Ng. Đức	
Ph.Cáo	H. khoa	Quan phù Khúc	Th. Diêu	
Cô Lực sỹ	B. sỹ	Bạch hổ Long	Th. Y	
Phá toái	Phúc đức	Đẩu quân Thượng	Kiếp sát	
Th. Trù	2	Hoa cái		
12	Đới	Mộc	Sinh	
Lâm		,		
PHốI	MÙI THÂN	DẬU TUẤT	ÐIỀN	
DƯƠNG			THIÊN PHỦ	
B. Toạ			Đ. Hao Việt	
Trực phù Th. Long	Số HẠ	NG VÕ	Tuế phá Th. Phụ	
Th. Hình	Năm Đinh N	Ião Thang 8	Th. Hư Th. Tài	
Lưu hà	Ngày12 –	Giờ Mão	Th. Khố	
22	NGO Am nam –	•	Văn tinh	
Vượng	Thủy	Dưỡng		
ΤỬ		guyệt Đồng	QUAN	
VŨ – SÁT	Lương – Ta	m Hóa triều	THÁI – ÂM	
Th. Tuế B.	TY Lưỡng họ	•	Bệnh phù T. Thai	
Tọa	Xương khú	c – Tứ Linh	Tử phù H. Lộc	
Tiểu hao Th. Thọ				
L. tù Th.				
Giải				
Th. Khốc	~ -			
32	THÌN MÃO	DÂN SỬU	Thai	
Suy				
TRIỆT	? -	^	2	
TÀI	GIÁI	THIÊN (THÂN)	NÔ	
ĐỒNG - LƯƠNG	TƯỚNG	CỰ MÔN	LIÊM THAM	
Đ. Kiếp H. Quyền	Tg. Môn Tấu thư	H. ky Th. Am	Q. phủ Khôi	
Th. Không Q. ấn	Linh	Phi liêm Hồng	Th. Thương Tả	
Tướng quân	Quả	Đào The Diffe	Đường phù	
Th. Dương	Th. Sứ	Th. Đức	Hỉ thần	
Th.quan			Th. Phúc	
Địa giải Bânh	T.3	Mâ	Tuvs≙t	
Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt	

NHÂN XÉT SỐ HẠNG VÕ: Mệnh Hỏa đóng cung hỏa, Thiên cơ miếu địa đa tài, hội Thiên lương giỏi về vũ lược. Ở đó Hỏa tinh miếu địa lại gặp Khoa quyền võ nghệ tinh thông. Đáng tiếc là Lộc tồn thủ mệnh không bền, lại gặp cả Không Kiếp nên hãm hại công danh.

Đại hạn 32 đến cung Mão gặp hạn Trúc La gia Liêm Vũ, Thái Tuế Kình, Hổ, Song hao, là cách sấm sét. Đến tiểu hạn đến chung Thân gặp Cự Kỵ Kiếp, Không phục binh Thiên hình. Đại tiểu như thế nên bức tử ở Ô giang.

"Hạn hành Cự Kỵ hung thần

Phải phòng những chốn giang tân mới lành"

Phú nói về Hạng Võ:

Ai đương Hạng Võ anh hùng

Vì sao Cơ Cự Lương Đồng hợp xung

Cơ miếu địa ở Ngọ cung

Lương Đồng Cự Nguyệt hợp trong 1 miền

Lại thêm Khoa lộc, hóa quyền

Ba cung xung chiếu triền viên một bề.

]	PHốI	BÀO		MỆNH		РНŲ	
Đà	B. tọa]	PHÁ	THIÊN CƠ		TỬ PHỦ	
Điếu	A. quang	Ky	L. tồn	Kình	H. cái	Th. Không	Việt
	Th. Mã	L. hà	Khúc	Hỏa	Th. Khố	Phục	binh
	Lực sỹ	Tr. Phù	B. sỹ	Th. Tuế		Xương	
			Th. Thọ	Q. phù		Kiếp sát	Th.phụ
						Th. Trù	Hồng
						Cô thần	
	25		15		5	Diệu	Th. Dương
	Lâm	Đới		Mộc		Y	
						TRIỆT	
	ΤỬ	HĢI	ΤÍ	SỬU	DẦN	PHÚC	
	VŨ					THÁI ÂM	
Hình	H. lộc		NĂM KỶ MÙ			Địa không	T. thai
Quả tú	Ph.		NGÀY 23 -			Tang	Th. Quí
Cáo			ÂM NAM –		Н	Ð.	Hao
	Th. Long		THỔ CỤC			Th.quang	
	Phúc đức	TUẤT Cách: Cơ Cự Đồng Lương					
	Th. Đức	MÃO					
	35	Hội Tả Hữu Lo		Long Phượn	ng	Dư	ỡng
	Vượng						

TÀI	Lươ	ng chính cl	hiếu. Hợp giá	ip	ÐI	ÊN
ĐỒNG		Xương Khứ	íc. Tứ Linh		TH	AM
B. hổ Hữu	DẬU tri	ều Thân m	iệnh. Bạch hớ	š THÌN	B. phù	H. Quyền
Tiểu hao	Kỳ cách	Thủ tài. T	hiên Khố thủ	mệnh		Th. Am
Phượng		(người sin	h năm Kỷ)			
Th. Giải						
Giải thần					Tł	nai
45						
Suy	THÂN	MÙI	NGỌ	ΤÝ		
GIÅI	THI	ÊN	NĈ)	QUAN (Thân)	
TH. SÁT	LƯƠ	NG	LIÊM T	ƯỚNG	CỰ N	MÔN
Đẩu quân Q. ấn	Địa kiếp	Khoa	Linh	Khôi	Q. phù	Tå
Thiên sứ	Tuế phá	T.	Phi liêm	Đào	Th. Khốc	Long
Th. Tướng	thư		Th. Thương			Hỷ thần
Th. Tài	Thiên hư			Ng. Đức		Ð. Phù
Long đức	Phá toái		Tử phù			
Thiên phúc						
Địa giải						
55			75			
Bệnh 65		;	Μά)	Tu	yệt
·	Tử				,	
		(TUÂN)				
		(10111)				

NHÂN XÉT LÁ SỐ KỶ MÙI

Cuộc đời: Sinh trưởng phú quí. Vì có Tả hữu Long phượng Đại hạn đến 21 tuổi, ở tiểu hạn gặp cung La võng có Hình, Kỵ, Sát phá tham ở cung Tuất ngộ Thái tuế lưu niên bì tù đày những có nhiều Cát tinh giải nên tai ương chóng qua.

Thích biện luận, hoạt động vì túê kình hội. Trung hậu vì Cơ Lương có Hóa Khoa. Đại hạn 15 – 25 mất cơ nghiệp vì Lộc Tồn bị Hóa Ky chiếu, cát xứ phùng hung. Đại hạn 45 – 55 mới chịu ngồi yên. Thích làm văn chương vì giáp Khúc Xương, tuy công danh lận đận vì Kình đắc cách mà ngộ Cơ hãm địa. Tài có mà thời vận không gặp được. Đại hạn 55 trở ra vinh hiển an nhàn.

TA	ÀΙ	_	'Ů	PHố	Ī	BÀO	
TH.	CO	TỬ VI				PHÁ	
Tiểu hao	V. khúc	Thái tuế	Th. Khôi	Th. Không	Th.	Tang	L. tồn
Th. Hình	A.quang		Th. Long	Phụ		L. hà	Th. Mã
Phá toái	Bát toạ		Th. Phúc	Đà la	Lực sỹ	Cô thân	Bác sỹ
Trực phù			Th. Khố	Tl	h. Dương		
	Thiên thọ						
4	2	3	32			1	2
Lâ	ìm	Ð	ới	22		Si	nh

		Môc	
		(TRIỆT)	
GIÅI	TY THÌN	MÃO DẦN	MỆNH
SÁT			Kình V.xương
Linh Phượng			Diêu Hồng
Đ.khách Quốc ấn			loan
Th. Sứ			Y Tam thai
Tướng quân			Quan phù Th. Quí
Quả tú Th. Giải	NGO	SỬU	Th. Am
Giải thân			Văn tinh
52			
Vượng	NĂM CANH –	NGO –Tháng 9	2
		- Giờ Sửu	Dưỡng
THIÊN	Dương nữ –		РНŲ
Dương lương	• •	h vô chính diệu"	PHŮ LIÊM
H. lộc		Khúc, Quang quí	
Ph. Cáo	_	ồng – Đào – Hỷ Tấu.	
T. thư	ΤÍ	0	Phục binh Hoa cái
Đào hoa	Giáp lộc	_	Địa không
Th. Hỉ	Tiên cái hậ	ìu mã cách	Q. phù Long trì
Phúc đức			
Thiên đức			
Thiên tài			
Địa giải			
62	THÂN DÂU	TUẤT HƠI	Thai TUÂN
Suy	•		
NÔ	QUAN	ÐIỀN	PHÚC TH. ÂM
VŨ TƯỚNG B. hổ Quyền	CỰ ĐỒNG	THAM	TH. ÂM
	Khoa Hỉ thần	Hỏa Tả phụ Đ.kiếp	Ky Th. Quan D.hao Ng. Đức
Th. Thương Th. Việt	Long đức	Th. Khốc	Kiếp sát
Phi liêm Hữu bật	Đ. Phù	Th. Hư	Đẩu quân
Th. Trù	D. 1 IIU	Tuế phá	Tử phủ
111, 110		Bệnh phù	1 a pila
Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt

NHẬN XÉT SỐ CANH NGỌ

Cuộc đời: Lúc ấu nhi sung sướng vì có Thai tọa. Nhưng sang đại hạn $12-32\,$ phải có đại tang, đến đại hạn $32-42\,$ cũng thế.

NỮ MỆNH: mà có Xương Khúc gặp Đào Diêu tất thích văn thi Super Ca hát lãng mạng, đa tình, nhưng may gặp được Thiên hinh, Thiên quí nên trở thành đứng đắn: Phú:

Thói dâm dật xướng hòa kém phúc

Áy văn Xương văn Khúc ai khen...
Kìa người phượng chạ loan chung
Đào Diêu số ấy trong lòng chẳng trinh
Nhưng gặp được Quí, Hình, Tử phủ
Dạ sắt vàng nào sợ lung lay

Ở đay lại có cả Hồng Đào Hỉ gọi là tam minh nên giữ được đoan chính tuy phải làm kế thất. Nhưng cung "Phối thì Nguyệt đức Đào tinh. Trai lấy vợ đẹp gái lành chồng sang. Số ung dung về sau vì tiền mã hậu cái. (đi ngựa vó lọng che) nhưng đáng tiếc vì sinh phùng bại địa phát không bền. Mong ở cung Phối hơn.

THIÊN		(GIÅI		ÀI	. 1	ΓŮ	
THAM LIÊM		CỰ MÔN TH. TƯỚNG		ĐỒNG LƯƠNG				
T.hao	H. lộc	Điếu	Khúc	Q.tú	Th. Việt	Thái tuế		
K. sát	Ph. Đức	Th. Sứ		Đ.phù	An quang		v. xương	
Th. Trù	Th. Đức		Tướng quân	Trực phù	Th. Quí	Th. Hinh		
6	56		Địa giải		Hồng		Thai phụ	
					Tấu thư	Linh tinh		
				Thiên quan		Phi liêm		
					Thiên tài	В	ệnh	
		7	/ượng •		Thiên giải			
-	âm		TUẦN		uy	TRIỆT		
	Ô	MÃO		THÌN TY		PHốI		
	ÂM	NGO			VU SÁT			
B. hổ	Ph. Cáo					Th. Khg	H. Khoa	
Hỏa Thanh Long						Đ.không	Đào	
Th. Thương				Phá toái	Hỷ thần			
Hoa cái		*			,	Lưu hà	Th. Phúc	
	56		DẦN năm Giáp thân – tháng 12 MÙI				Th. Dương	
Đ	Đới		Ngày 25 – Giờ Dần				Γử	
_	V (thân)	Dương nam – thủy mệnh –				BÀO		
TH.	PHŮ	Hỏa cục			TH. DƯƠNG			
	H. bật	SỬI Mệnh vô chính diệu hội Tả			Ky	Q.ấn		
	T. thai	THÂN			Tang			
	Lực sỹ		Hữu Quang Quí Thai tọa Hơp				Khốc	
Long đức		Lộc cũng lộc cách			B. phù			
	Thiên khố							
	-6							
Mộc						N	Λ̂ộ	
		TÍ	HĢI	TUẤT	DẬU			
ÐIỀN			PHÚC	PI	ΗŲ	MÍ	ÈNH	
Tuế phá	Lộc Tồn	T	Ử PHÁ	TH.	. CƠ	Đ. Hao	Tả phụ	

Th. Hư	Phượng	Đà la	H. Quyền	Phục binh	Long	Cô thần	B.toạ
	Th. Mã	Địa kiếp	Th. Khôi	Q. phù		Đẩu quân	
	B. sỹ	Q.phù	Ng. Đức	Th. Diêu			Th. Đương
	Giải thần	Tử phù	Th. Hỷ	Th. Y			Th. Thọ
	36	26		16		6	
	Sinh	Dương		Thai		Tu	yệt

NHẤN XÉT SỐ GIÁP THÂN

Nhận xét thấy cuộc đời mồ côi mẹ từ bé, xem cung Phụ mẫu thấy âm dương phản bối ngộ Linh Hỏa hình phục, Hổ, những Thái dương hãm gặp được Hóa Ky. Mệnh có Song hao mà gặp tuổi Dần, Thân rất hợp nên thông minh. Thiếu thời thích ngao du 4 bể tìm học hỏi, muốn tìm hiều sâu rộng. Tuy hãm chơi song lúc học thì say mê không kém. Ở đây Hao lại gặp được Tuyệt là hạng khôn ngoạn nhưng hơi tính suy lợi hại không thật lòng. Có nhiều tham vọng nhưng khó toại nguyện.

Có An Quí đóng Mùi đắc cách "Quí, An Mùi Sửu hạng cầu

Đường mây gặp bước cao sâu cửu trùng"

Năm 20 tuổi đã đỗ toàn cử nhân luật. Bởi Mệnh vô chính diệu nên lúc nhỏ lao đao, không sống cuộc đời bình lặng được, song về sau sẽ hưởng được quí hiển, nhất là sinh Giáp mà gặp được Thiên khố.

"hỏi ai Giáp, Kỷ mấy người Gặp sao Thiên Khố tiền rời bạc muôn"

Nhưng cung Phối xấu vì Vũ Sát khó mong mãn ý toại lòng.

ΤỬ		PH		BÀ	0	MỆNH (thân)	
ĐỒNG		PHŮ – VŨ		DƯƠNG – ÂM		THAM	
Địa kiếp	Long	L. hà	Lộc	Kình	Đ. Giải	Ph.binh	H.quyền
Đ. Không		tồn		Tuế phá		Th.trù	Th.việt
	Tam thai	Tử phù	H. lộc	Lưu hà			Ph. Cáo
Đà la	Lực sỹ		Đ.hoa	Đẩu quân			Th. Giải
Th. Khốc			Ng. Đức	Q.phù			Long đức
Q. phù			$B.s\tilde{y}$				
34				14		4	
Sinh		2	4	Thai		Tuyệt	
		Dư	ỡng			RIỆT	
			TUẦN				

TÀI	HOI	ΤÍ	SỬU	DÂN	DI	TTT	
PHÁ	ПОІ	11	300	DAN		HŲ - CƯ	
Linh Hữu					B.hổ	- CÓ	
V.xương	Niŏr	n V v Citu	- Thang Giêr	v or	Phượng		
	Nai	•	- Thang Olei - Giờ Ngọ	ıg	D.hao	Dtoo	
An quang	â -	~ .	- Gio Ngọ HỎA MÊNH		Th. Hình	B.toạ	
Th. Long	TUẤT	IVI INAIVI —	•		In, Hinn	Th	
Th. Am	MÃO		K	IM CỤC	TT?.	Th.quan	
44		04.14	1'^ 41 /	1	Hỏa	Tài thọ	
Mộc		-	liêm tham cá			Giải thân	
			ng ấn thai các		Văn tinh		
?	~ .		nập miếu các	h	Mộ		
GIÅI		Thất Sát cư	PHÚC				
Tang		0 0	ng Liêm Khôi phù trì TỬ – TƯỚNG				
Tiêu hao	DÂU Sân rồng dấn bược tên ghi THÌN				Ky	Khúc	
Th.sứ		Cửu	Quả tú	Tả phụ			
					B.phù	Th.	
					Quí		
54	^					Ph.đức	
Đới	THÂN	MÙI	NGO	ΤŸ		Th.đức	
			T			<u>Ľ</u>	
THIÊN	NĈ		QUAN		ÐIÊN		
LIÊM	Th.diêu	H.cái	SÁ	T	LƯC	ÖNG	
Cô Hồng	Tuế	T.thư	Phi liêm	Th.khôi	Điếu	Hóa khoa	
Th.không	Phá toái		Trực phù	Th.phụ	Đường phì	ì	
Th. Tương	Th. Thương					Th. Mã	
Kiếp sát Q.ấn						Hỉ thần	
Th. Dương							
Th.phúc							
Th.khố							
66	74						
Lâm	Vượ	ng	Su	y	Bệ	h	

NHÂN XÉT SỐ KỶ SỬU

Chú ý: Người sinh năm Giáp, Kỷ mà gặp Tham đóng Mệnh ở cung Miếu Vượng đắc địa thì rất thích hợp, sẽ được hưởng phú quí, nhưng phải ngoài 30 tuổi.

Tính chất ít thích ngồi yên, lúc nào cũng thích hoạt động nơi đông người. Số này hợp với kinh doanh kỹ nghệ hoặc quân binh hơn là văn học.

Cung Bào có Nhật Nguyệt gặp Hỉ thần có anh em dị bào (nhất là có cả Thai Vượng) phú : Am dương chiếu với Hỉ tinh

Am cùng Thiên phúc cũng sinh dị bào.

BÀO	MỆNH	PHŲ	PHÚC	
LƯƠNG	SÁT	Đà la V.xương	LIÊM	
		Q.phù V.khúc	Địa khg Lộc Tồn	
Đại hao Ph.cáo	Ph. Binh An quang	Tử phù Th. Hỷ	Tuế phá Th. Quí	
Cô thần Th.âm	Q. phù Th. Khôi	Ng.đức	Th. Diêu Ph.cáo	
	Long	Th.khố	Th.y Giải thân	
	Th.phúc		Th. Hư Th. Mã	
	1		L. hà B.sĩ	
		A	Th. Tài	
	3	13	23	
Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt	
		TUẦN TRIỆT		
PHốI	MÃO	THÌN TY	ÐIÊN	
TỬ – TƯỚNG	NGO		Kình Thai phụ	
Hỏa Q.ấn			Phá toái Lực sĩ	
Khốc			Long đức	
Hình				
Tang				
B.phù				
Suy		Canh Dần – tháng 8 33		
	MÙI		Thai	
ΤỬ		nột – Giờ Mão	QUAN	
CỰ CƠ		Mộc Mệnh –	PHÁ	
Th.không Hữu	_	ceic		
B. toa	SỬU Mệnh : Sát Pl	•	B. hổ Th. Long	
Đào		ân: Tử phủ Vũ	Ng.tướng H. cái	
Hỉ thần		yền Lộc, quang		
Th. Dương	Quí Tướng ấn	Long Phượng.		
Th. Giải			43	
Vượng			Dưỡng	
	TÍ HƠI	TUẤT DẬU		
TÀI	GIẢI	THIÊN (Thân)	NÔ	
THAM	DƯƠNG – ÂM	PHỦ VỦ	ĐỒNG	
	Ky H. Lộc		T. hao H. Khoa	
Địa kiếp Th. Việt	Quả tú Tấu thư	Điế H.	Th. Thương Tả	
Th. Tuế Th. Thọ	Th. Sứ Hồng	quyền	Kiếp sát	
Phi liêm Địa giải	Đường phù	Linh Tướng	Thiên quan	
Th. Trù	Trực phù		Phúc đức	
			Th. Đức	
			Văn tinh	
	73		53	

Lâm	Đời	63	Sinh
		Mộc	

NHÂN XÉT SỐ CANH DẦN

Chú y: Mệnh dương đóng cung Dương. Thất sát miếu địa ở Ngọ tất có tài can. Gặp Thiên phủ chính chiếu; theo phú ta thấy:

Phủ phùng Thất sát chí khôn

Việc làm mẹnh bạo những toan hơn người

Tuy nhiên ở đây Sát gặp Quyền nên hay liều lĩnh dễ thất bại trong đời, mà lại bị Tuần Triệt đương đầu tất trắc trở sự nghiệp công danh. Phải ngoài 33 tuổi mới thấy hanh thông vì Thân cư Thiên di được đắc cách. tất có công danh và hiển đạt.

	ÅI		ÀI		ĽŮ	PH	
	ÖNG .		ΗÁ		CO	TỬ l	
Tang	H. quyền	Đại hao	H.khoa	Th.hình	Long	Ky	V.xuong
Cô	Th. Mã	Th.trù	V.khúc	Th. Binh	Phượng	Đà	Th. Phụ
Phá toái	Q.ấn		Th.khôi	Đẩu	An quang	Kiếp sát	Ng.đức
B.phù	Th.phúc		Th.âm	Q.phù	Th.quí	Q.phů	
	Th. Thọ		Th.hí		H.cái	Tử phù	
	Địa giải		Th.giải		G.thần		
	Văn tinh						
	nh	T	'ử	N	Λô	Tu	yệt
	<u>IỆT</u>			^	^	,	
	IÊN ~	HĢI	TUẤT	DẬU	THÂN	BÀ	
	Ũ					Â	_
Th.không	Ph.cáo					Địa không	
	Hỉ thần					Th. Hư	Th.quan
	Th.khố					Tuế phá	B.sĩ
	Th.duong	TÍ N	ăm Tân Mã	o – Tháng1	.1 MÙI		
6	3		Ngày 13 -	- Giờ Dần			
Sı	ıy	Am	$n\tilde{u} - M\hat{o}c$ n	nệnh – Mộc	cuc	Th	ıai
N		Các	e h : Tham ví	ĭ đồng hành	n hội	MỆ	NH
ĐÔ	NG]	Khôi Việt. C	Siáp song lộ	c	TH	AM
Th. Tuế		SỬU I	Phúc cung : (Có Hồng Đã	ào NGỌ	Kình	Lực sĩ
Th.khốc			Là cách Nga	a mi tác áng	g		Long
Phi liêm							Đức
Lưu hà							
5	3					3	3
Vươ	ợng	DÂN	MÃO	THÌN	ΤŸ	Dướ	dng
QUAN	(Thân)	ÐI	ÊN	PH	ΙÚC	PF	ΙŲ
SÁT		LƯC	ÖNG	LIÊM –	TƯỚNG	C	Ų '
Đường phù	ı Tå	Điếu T	ướng quân	T. hao	Hữu	B. hổ	H.lộc
Trực phù	Tam thai	Địa kiếp	Th. Tài	Linh	B. tọa	Hoả	Th. Long

Th.việt	Quả tú	Hồng	Diêu
Tấu thư		Đào	Y
		Th. Đức	
		Ph. Đức	
43		23	13
Lâm	Đới	Mộc	Sanh

NHÂN XÉT SỐ TÂN MÃO

Chú ý: Am dương ở cung mệnh và Cục đều hợp. Tham miếu địa, đặc biệtn nhất hung tinh đắc cách là Kình dương đóng tứ mộ là hạng vượng phu ích tử, đoan trang thẳng thắn trong mọi việc, đắc cách nhất là Mệnh giáp Song lộc. Thân cư Quan Lộc có Xương Khúc Khôi Việt về sau thích văn chương và có đại khoa.

Nhưng cần xem cung Phu tuy có Tử Phủ Đào, Nguyệt Đức Song gặp Hóa Kỵ, Đà, Kiếp Sát ắt có lúc buồn đau, phiền toái.

PHŲ		PH	ÚC		ĐIỀN	QUAN(QUAN (Thân)	
LIÊM, T	THAM	C	Ų ,	-	ΓƯỚNG	ĐỒNG, LƯƠNG		
Ky	Th. Việt	Phi liêm	H.quyền	Tang	Tấu thư			
Th.tuế	Phượng	Th.không	Đào	Hình		Cô	Q.ấn	
Đường phù	T.thai	Linh	Th.quan	Hỏa			Tướng	
	Hỉ thần		Th.duong	Địa kiế	ξp		Th.âm	
	Th. Phúc		Th. Giải					
	Giải thần		•	T .				
	Địa giải			TUẦN				
Lâr	n	Ð	ới		Mộc	Sin	h	
MỆN	NH	MÃO	THÌN	ΤŊ	Y NGO	NÔ)	
ÂM	1					SÁT,	VŨ	
Quả	H.khoa					T.hao	Long	
Bệnh phù	A.quang					Quan phù	B. toạ	
Trực phù	Th.hỉ		Năm Quí T <u>y</u>	– Thán	g 11	Phá toái	Th.tài	
	Th.khố	DÂN	Ngày m	ùng bối	n – Giờ Thân			
5 MÙI			-		75			
Vượ	ng		Am nam –	Thủ mệ	nh	Dưỡi	ng	

BÀO			Thổ	cục		THI	ÊN
PH	Ů		Cơ Nguyệt Đồng Lương			DƯƠNG	
Ð.hao	Th.khôi	SỬU	Tồn Khoa	Tướng ấn	THÂN	Tử phù	Hồng
Ð.không	văn tinh		Quang quí – G	liáp Khôi Việt	ţ	Th. Trù	Th.quí
Điếu							Ph.cáo
Đẩu quân							Th. Long
							Ng.đức
15						65	5
Su	y			_		Thai	
		ΤÍ	HĢI	TUẤT	DẬU		
PHÓ	δι		$\mathbf{T}\mathbf{\mathring{U}}$	TÀI		GIÅI	
Phục binh	Tả	T	Ử, PHÁ	TH- C	Q	Đà	Mã
Kiếp sát	Xương	Kình	H.lộc		Lộc tồn	Tuế phá	Lức sĩ
Lưu hà	Th.phụ	Hổ	H.cái		Hữu	Thiên diêu	
	Ph.đức	Khốc	Th. Thọ		Khúc	Thiên hư	
	Th.đức	Q.phù			B.sĩ	Th.y	
			A	I	ong đức		
25		35 45			55	5	
Bện	ıh		Tử	Mộ		Tuy	⁄ệt
			TRIỆT '				

Cước chú; Mệnh có Nguyệt hãm địa, nhưng được lợi là âm nam mà lại hội được Khoa lộc, Xương Khúc, Hồng Hỉ, Sinh vượng, giáp Khôi Việt nên sẽ thành đạt khoa danh. Tuy tánh ưa nhàn tản và thích ngao du

Về sau có công danh vì Thân cư Quan có Tả Hữu Ấn Tướng Xương Khúc Khoa Tồn đắc cách. đại hạn 35 tuổi hoạnh phát.

QUAN(Th	ıân)	NĈ)	T	HIÊN	GI	ÅI
LIÊM, TH	AM	CĻ	j	JT	JÓNG	ĐỒNG, LƯƠNG	
		Ð.Hao	V.khúc	B.phù	Hoa cái	Th.không	quyền
Phục	Tả	Th.thương		Th.tuế		Cô	Hồng
Điếu	Mã		Văn tinh	Hỏa		Đẩu	Th.việt
	B.toạ	Trực phù				Kiếp sát	V.xương
		Th.trù				Đ.phù	Hỉ thần
							Th.duong
							Th.tài
							Th. Phúc
86		76			66		Địa giải
Tuyệt		Μά)		Tử	6	6
TUẦN	=					Bệ	nh

	ĐIỀN	HĢI	ΤÍ	SỬU	DÂN	T	ÀI
	ÂM					VŨ	SÁT
Ky	Ph.cáo						
Kình	Thiên quang					Phi liêm	Tam thai
Quả	Ph.đức		Năm Ất Mù	i – Tháng i	2	Tang	Hữu
Q.phù	Ph.đức	TUẤT	Ngày	Mùng 5 -	- Giờ Dần	Địa không	Th.giải
		MÃO				4	-6
	Thai		Am nam –	Kim mệnh			uy
]	PHÚC		Hỏa	cục		T	Ů
	PHŮ	Т	'ử vi, Sát Ph	á Liêm Tha	am	DƯC	ÖNG
B.hổ	Lộc tồn		ách hội Kho	a Mã, Tả H	_		
	Phượng	DẬU	Thai Tọa	hợp Lộc.	THÌN		
	Th.quí		Hoa cái cư '	Γhiên di Sá	.t	Th.hình	Tấu thứ
	$B.s\tilde{y}$	Pha	á liêm tham	phùng vũ k	khúc	Lưu hà	Th.âm
	G.thần					3	6
-	Dưỡng					Vư	ợng
		THÂN	MÙI	NGO	TŸ		-/
	PHŲ	•	ENH		ÀΟ		IốI
		ŕ	PHÁ	(CO	Q.phú	Long
Đà la	Th. Hỷ	Địa kiếp	H.khoa	T.hao	H.lộc	Th.khốc	An
Th.diêu		Tuế phá	Th.long	Tử phù	Th.khôi	quang	
Th.y	Long đức	Phá toái	Th.khố	Linh	Đào		Quốc ấn
		Th. Hư			Th.thọ	Т	ừớng quân
					Ng.đức		
			6		16		
	Sinh	M	ιộc	E	Oới		6
						Lá	ìm

Cước chú: Tử vi của tuổi Ất Mùi, Trong phú có câu:

Mệnh thân: Tử Phá ở cung

Sửu, Mùi, Thìn, Tuất bất trung bất nghì.

Nhưng nếu là tuổi Sửu, Mùi, Thìn, Tuất thì phản cách vi giai, là người chí hiếu, Nhưng Tử vi đây mất lực vì Kiếp Không nên không tăng cho cách cuộc Thân Mệnh đẹp hơn được.

Tương lai là kẻ cơ chỉ, giỏi về kỹ nghệ kinh thương khí cụ, và có địa vị khá giả. Đại hạn 26 tuổi có Tứ liêm ngộ Lộc, bắt đầu hưng vượng về công danh, tài lộc

GIÅI		TÀI	Т	ΓỬ	PHốI		
C	CO		TỬ VI		Hồng	PE	ΙÁ
Kiếp sát	Lộc Tồn	Kình	V. khúc	Q.tú	Th. Long	Th. Tuế	H. khoa
	H. quyền	Điếu	T. thai	L. hà		Linh	V.xương
	Th. Quan		Lực sĩ	Tr.phù		Tiểu hao	B.toa
	B.sĩ		Th.tài				Th.phụ

	Ph.đức		Th.giải				Văn tinh
	Th.đức		\mathcal{E}				
	Ð.giải						
Bện	_	,	Γử	Mộ		Tuy	/êt
TUẦN T							•
	•						
THIÍ	ÊN	MÃO		THÌN	TY	BÀ	0
SÁ		NGO				Th. Không	
Hoả	Ph. Cáo						Th. Việt
Hổ	H. cái					Địa không	Đào
Đà	Th. Khố					Phá toái	Tg.quân
							Ng.đức
							Th.duong
63		DÂN	Năm B	ính Thân – T	Tháng 11		
Suy	y	MÙI				Thai	
NĈ)		Ngày17 -	- Giờ Dần		MỆNH	
DƯƠNG I	LƯƠNG		Dương nam	– Hỏa mệnh		PHŮ,∃	LIÊM
Phục binh	Th.quí	2.		cục	•	К <u>у</u>	Tấu
	Long đức	SỬU	Tử phủ V	_	THÂN	Tang	Th. Thọ
			_	iệt Thiế âm,		Khốc	
			Thiếu	dương		Đg.phù	
						3	
Vượ	ng					Dướ	ng
		TÍ	пdі	TUẤT	DÂH		
OTIANI	TD1 ^ \		HỢI IỀN		DẬU	DI	TT T
QUAN(' VŨ TƯ			IEN ĐỒNG	PHÚ THA		PH Âl	-
D.hao	ONG Tả	Đ. Kiếp	H.	Ng. Tướng	M Hữu	Phi liêm	vı Th.khôi
Tuế phá	na Mã	Lộc	11.	Tig. Tuong	Phượng	Cô thân	An quang
Th. Hư	Phượng	B.phù	Q. ấn		Hỉ thần	Th. Diêu	Th.âm
111, 114	G. thần	Tử phù	Th, Hỉ		Th.phúc	Th.y	111,4111
43		i u piiu	111, 111	23	rn.pnuc	1 in.y	3
Lâr			33	Mộc	2	Sir	
Lai	11		Oới	14101	-		111
				1		l	

Cước chú:Tử vi của tuổi Bính Thân

Cách đẹp, những Thiên phủ ngộ Tuần Triệt, không có nhiều trung tinh hội, tuy được lưỡng giáp tốt. Nhất là tuổi này sinh vào giờ Kim xà. Cuộc sống lận đận công danh, dễ vào vòng lao lý, dù học khá có khiếu văn chương.

Cung Phối, xấu, cuộc đời đơn độc, buồn thương, bất mã.

Bù lại Thiên mã ở Quan lộc, Hoa cái ở Thiên di ra ngoài được quí mến. Đại hạn33 bộc phát và nhiều thay đổi tốt.

Đặc biệt Cung, Mệnh Sao, đều vượng theo lý giải âm dương thế là cuộc đời tốt đẹp, và phá được giờ **Kim xà.**

QUAN (Thân)	NÔ	THIÊN	GIẢI	
CQ	ΤỬ	Phục Th. Việt	PHÁ	
Ky L.tồn	Kình V.khúc	Ph.đức	Đ.hao V.xương	
Linh Tå	Hổ	Th.đức	Điếu Mã	
Lưu hà Hồng	Q.phù		Khốc Th.phụ	
An quang	Th.trù	64	Địa giải	
Lg.đức	;		Văn tinh	
B.sí	Í		54	
Sinh	Dưỡng	Thai	Tuyệt	
TUẦN			,	
ÐIỆN	DẬU THÂN	MÙI NGỌ	TÀI	
SÁT			Ð.không H.khoa	
Đà Ph.các		uất – Tháng 2	Trực phù Hữu	
Tuế phá	= -	– Giờ Dần	B. phù Th.qúi	
Th. Hư		– Mộc mệnh	Th.giải	
Mộc		n cục TY	44	
		Đồng hội Khôi	Mộ 22	
PHÚC		ru Quang quí,	ŢŮ	
Dương – Lương	_	, Khoa Lộc.	PHỦ LIÊM	
Tử phù Đào		gg hợp Lộc THÌN		
Th. Long		Phượng Thân:	Th.tuế H.cái	
T.tha	_	Am hội tam hóa,	Th.hình Hỉ thần	
Th.quar		Quang Quí	Đ.phù	
Th.phúc	_	lui hướng quí cách		
Ng.đức				
Th.tho		× ~	34	
Đới	TÍ SỬU	DẦN MÃO	Tử	
PHŲ	MÊNH 	BÀO	PHÔI	
VŨ TƯỚNG	CỰ ĐÔNG	THAM	ÂM	
T.hao Long	1 *	_	Không H.quyền	
Th. Diêu	Phá toái T.quân	H.lộc	Hỏa B. tọa	
Y	Q.ấn		Cô Th. Hỉ	
Q.phů	Th.khố		*	
	4	G.thần	1	
T ^	Vượng	1.4	Phi liêm 24	
Lâm	TRIỆT		Bệnh	
		Suy		

Cước chú: Mệnh Thân đều có đa trung tinh hội, Song Cự Đồng hãm địa: Ở đây Đồng boá hiệu một tật bệnh ở mắt hay nội thương. Cứ ở đây hãm đối với nữ mệnh tất có tướng lạ, ai trông cũng ưa, nhưng là người chua ngoa, đời tình ái dang dở, tính lẳng lơ. Tuy xét về âm dương thì cung mệnh cục được đắc cách nên cuộc đời cũng thừa thãi; lúc trung niên đa bất mãn hoài, nhưng đại hạn 24 có tiền của, ngoài 36 được ung dung

TỬ	PHốI	BÀO	MÊNH (Thân)
DƯƠNG	PHÁ	CQ	TỬ, PHỦ
Đà Mã	L. Hà L. tồn	Kình H. cái	Phục binh Th. Việt
Đẩu quân Lực	Th. Phụ	Hổ Th. Tài	Kiếp sát Th. Khố
Sĩ	Long đức	Khốc Th. Thọ	Thiên trù Th.đức
Th. Hư	B.sỹ	Diêu	Ph.đức
Tuế phá		P.phù	
	24	14	4
34	Dưỡng	Thai	Tuyệt
Sinh			TRIỆT
TUÂN			
TÀI	MÃO THÌN	TY NGỌ	PHŲ
VŨ			ÂM
Ky H. Lộc			Đ.hao
Tử phù Hữu			Th.quan
Khúc	_		Hỏa Văn tinh
Hồng		Hợi – Thang 7 MÙI	Điếu
Ng.đức		S – Giờ Tí	Phá toái
44	•	mệnh – Kim cục	
Mộc	*	ĭ Tướng cách hôi	
		, Quang quí	Mộ
GĮÅI	_	hồng, Hóa lộc.THÂN	PHÚC
ĐỒNG		uan Thiên Khố	THAM
T.hao Long	Thủ	mệnh	Linh H. quyền
Th. Hình			Quả Tả
Q.phù			B.phù Xương
		^	Tr. Phù Th.hí
54	TÍ HỢI	TUÂT DẬU	Τử
Đới		1	
THIÊN	NÔ	QUAN	ÐIỀN
SÁT	LƯƠNG	LIÊM, TƯỚNG	Cự
Cô Ph.cáo	Tang H. khoa	Th. Không Đ. Hoa	Th. tuế
Q.ấn	-	Phi liêm Th. Khôi	Phượng
Tướng quân		An quang	Địa kiếp Hỉ thần
Th.quí		Th.duong	Địa không
Thiên giải			Giải thần

Thiếu âm			Q.phù
Thiên phúc			
64	74		
Lâm	Vượng	Suy	
			Bịnh

Cước chú: Tử vi của tuổi Kỷ Hợi: Mệnh Mộc an cung Thân là tuyệt địa, tuy ở đây được cách Tử Phủ Khôi Việt v.v. . . nên gọi là cách tuyệt xứ phùng sinh cứu giải cho tuyệt địa, song cuộc đới tất không tránh được sự thăng trầm nhanh chóng.

Hơn nữa số này lại có Đào cư Quan, gặp Khôi Việt tất học giỏi và có tiền: Phú :Đào hoa cư Quan rất hay

Giàu sang số đã sẵn tay trời dành

Lại được Thiên Khố thủ mệnh; người sinh năm Kỷ là đắc cách:

Hỏi ai giáp Kỷ mấy người

Gặp sao Thiên Khố tiền rời bạc muôn

Tiểu hạn những năm 25. 26, 37, 39, 51 đáng lo biến cố

TÀI		TỬ		PHốI		BÀO	
THAM, LIÊM		СŲ	TƯỚNG		ĐỒNG, LƯƠNG		
T.hao	H. lộc	Tang	Phượng		Γh. việt	Phi liêm	Tả
Cô	Th.		Hữu		Hữu	Q.phù	Long
dương			Th.quí		Th.quí	Địa kiếp	An quang
Th. không	Th. hỷ		Tướng quân	Thié	n quan		Th. thọ
Th. diêu	Văn tinh				Th. âm		
Y					12		
Kiếp sát						Lâm	
Th. trù		Mộc		Đới		TRIỆT	
Sinh							
GIÅI		HĢI	ΤÍ	SỬU	DẦN	MỆNH	
ÂM					SÁT, VŨ		
Th. tuế	T. Thai					Đẩu	H. Khoa
Th.sứ	H. cái					Tử phù	Đào
	Th. long	_	Năm Giáp Thìn – Tháng 5		L. Hà	Hỉ thần	
		TUẤT	Ngày mùng chín – Giờ Dậu			Thiên phúc	
		MÃO					Ng.đức
74		Dương nam – Hỏa mệnh			4		
Dưỡng			Kim cục		Vượng		

THIÊN (Thân)		Sát Phá Liêm Tham cách hội			РНЏ		
PHI	Ĵ	Та	Tam Hóa, Xương Khúc, lưỡng		DƯƠNG		
Kình	Th.phụ	DẬU			THÌN	Ky	B. toạ
Trực phù	Lực sĩ					Hư	Q.ấn
						Tuế phá	Thiên khố
64					B.phù		
Tha					14		
TUÂ	N					Suy	
		THÂN	MÙI	NGO			
NÔ		QI	QUAN ĐIỀN		PHÚC		
Điếu	Lộc tồn	ΤỬ	, PHÁ	CQ		Ð.hao	Long
Th. thương		Đà	H. Quyền	Phục	Th. tài	đức	
	Th. Mã	Hình	Th. Khôi	Hổ	Th. giải	Hỏa	Hồng
Địa không	B. sỹ	Linh	V.	L.tù			Địa giải
		Xương					Ph.cáo
		Quả	V. Khúc				
54		Q.phù	Ph.đức		34		
Tuyệt		44	Th.đức		Tử		24
		N	φÑ			Bệnh	

Cước chú: Tử vi của tuổi Giáp Thìn. Mệnh cục tương khắc nhưng cục hợp với cung và chính tinh thành ra đắc cách. ở đây có lưỡng Đế hội tam hóa chủ về uy quyền lãnh đạo. Vũ Khúc hợp Văn Khúc tính chất anh hùng nhất là tuổi Giáp

Dẫu có Đà Kình Linh Kiếp nhưng gặp Tử vi hóa giải cả.

Phú : Tham Liêm Vũ Phá chiếu vào

Mệnh viên có Đế dồi dao lắm thay . . .

Vũ Khúc Vẫn Khúc rất hay

Ở nơi đắc địa là tay anh hùng

Thi cử tất dễ đạt, văn chương lỗi lạc, âm nhạc tinh thông, ở đây Tam hóa đẹp vô cùng : Lộc ở tài; Quyền ở Quan, Khoa ở mệnh. Một là số đẹp ít thây. Vì gặp ác tinh được giải, gặp cát tinh đắc cách

Đại hạn đế 34 tuổi và 44 tuổi mới thật rực rỡ

PHẦN V

PHẦN PHỤ LỤC PHÚ CHỮ HÁN MA THỊ CÁCH CHÚ

1. Mệnh hảo bất như vận hảo Thân hung bất nhược hạn hung

2. Hung tinh đắc địa phát giả như lôi

Cát tinh đắc địa tầm thường sự nghiệp

3. Khốc Hư Tí Ngọ đồng cung, tiền bần hậu phú

Kiếp Không Ty Hợi đồng vị, hoạch phát công danh

4. Hồng Loan cư Tí, thiếu niên định chiếm Khôi Nguyên

Đào hoa cư Quan, tảo tuế đắc quân hành chánh

5. Thiên Mã nhập Mênh, mẫn tiệp đa năng

Thiên Cơ tại viên, xảo tài xuất chúng.

6. Thiên Diêu cư Tài Bạch, họa đỗ sinh ương

Mã Hổ, Trường Sinh: công danh đắc lộ

7. Thân cư Vũ Khúc, hắc tử trung tàng

Mệnh ngộ Mã Lương túng du vô yếm

8. Hoa Cái Thiên Di xuất ngoại cận quí

Mộc Duc thủ mệnh chỉ hiếu dã dong

9. Mệnh phùng Thiên Cơ miếu vượng đa năng

Thân cư Thái Tuế giữ nhân quả hợp

10.Khoa Quyền nhập Mệnh tuy nhàn (cung) lạc diệc hữu hiển danh

Khôi Việt nhập Thân ư gia quốc tất vi nhân trưởng

11. Xương Khúc giáp Quan, Đinh tắc cao Khoa

Long Phượng giáp Quan, Thân cư cẩm thất

12.Mộ trung Thai Tọa, văn mưu, vũ lược kiêm ưu

Ngọ thượng Khoa Quyền tướng ngộ, biên cương nhậm trọng.

12. Tuần Triệt đương đầu, thiếu niên tân khổ

Tam Khoong độc thủ, phú quí nan toàn.

14. Nhi diệu quang huy, công danh tảo đat

Cư Môn thê thiếp, đa bất mã hoài

15. Hóa Ky Điền, Tài phản vi giai luân

Thai lâm Mệnh vi, đa học thiểu thành

16. Tật ách kiệm Đà Nhận, mục tật đa sầu

Nô bộc kiệm Pha Quân, đa chiêu oán đối

17. Tử Phủ bất khả cư hãm đia

Nhật Nguyệt bất khả chiếu nhàn cung

18. Diệu, Đà, Ky kế giao, họa vô đơn chí

Khoa Quyên Lôc trùng phùng, phúc tất trùng lai

19. Tuần Triệt cư Phụ Mẫu, xuất ngoại khả thành danh

Tham Lang tại Thê Thiếp, giá thú nghi cần trưởng nữ.

20 Phong Cáo Thai, Tọa, hưởng ấm thừa quang

Tả Hữu đồng cung, Thân vô hoanh lư

21. Nhật Nguyêt cư Quan Lộc, phú quí van danh (rất giàu)

Xương Khúc nhập Mệnh Thân, tài danh quán thế.

22. Đia kiếp độc thủ, thi kỷ phi nhân

Tham Lang độc cư, đa hư thiểu thật

23. Thiên Hình, Thất Sát, cương táo nhi cố (nóng nẩy)

Liêm trinh, Phá Quân, hiểm phòng vô hạn

24. Lôc Mã Thiên Di, sinh tài hữu lực

Cự Cơ Điền Trạch, phú hữu lâu dài.

25. Thiên Khốc, Hóa Quyền minh danh vũ thế

Thiên Phủ, Vũ Khúc, tích ngọc đồi kim

26. Thiên Mã yếu thủ ư Điền Tài

Thiên tướng hỷ cư ư Thê vị

27. Hỏa Linh hãm ử Tư Tức, đáo lão vô nhi khốc

Thiên Không liệt ư Mệnh viên, chung than phong hoa ách (tài nạn vì gió trăng)

28. Sinh lai bần tiện, Kiếp Không lâm tài phúc chi hương

Xuất thế vinh hoa, Nhật Nguyệt chiếu hư không chi địa

29. Tức Sát an tàng ư vượng địa

Lưỡng Hao tối ky ư tài cung

30. Cô Thần, Quả tú yếu thủ ư Điền Tài

Bạch Hổ, Tang Môn bất nghi ư Điền Trạch

31. Thất Sát cư Quan đắc địa. Uy áp vạn nhân

Tham Linh thủ Mệnh miếu viên, tướng bướng chí qui

32. Tử Phủ đồng cùng, tối vi phúc hậu, thiết hiền nội trở Triệt Tuần.

Nhật Nguyệt phản bối, hà vọng thanh quang, tối hỷ ngoại triều Khôi Việt

33. Lương Cơ xảo biến đa tài, ngộ Xương Khúc nhi đa tài mẫ tiệp

Tham lang nải lãng đãng chi tính (tính lười biếng) ngộ Khoa

Quyền nhi học nghiệp tinh thông

43. Thiên Đồng ngộ Kiếp Không bất cát

Cự Môn phùng Đà Ky tối hung

35. Song ngư (Tí Hợi) Thiên Tướng, Phá Quân, thanh cao minh mẫn.

Tứ mộ Liêm Trinh, Thất Sát, phú quí phong lua.

36. Xương Khúc đa học; phùng Tuế Dương (Kình)thiên tác tung sự (làm nghề thầy kiện, quan

toà)

Khôi Việt đa văn, ngộ Đà Kỵ thiên di, dật sỹ

37. Tả phu phùng cát tinh bất vi yểu chiết

Hữu bật phùng Quả Tú tất đã trường sinh

38. Thiên Mã ngộ Trường sinh, chung thân bôn tẩu

Thanh Long cư Phúc Đức, nhân đinh chúng đa

39. Long Trì khoa đệ, yểm Nhật Nguyệt nhi tử trệ kham ưu

(Long trì gặp Nhật Nguyệt hãm, thi cử khó thành)

Phượng cát quan giai, tựu Khốc Hư nhi ba thiên hữu hoạn (gặp nhiều hoạn nạn)

40. Kiếp Không Ty Hợi lưỡng nghi

Hình Diệu Mão Dâu tối cát.

41. Mệnh cư Đào. Hỷ hướng Tử, Dương (Thái) phú quí khả kỳ

Thân hữu Hồng Đào, kiệm Thai Tọa nhi công danh khả tất.

42. Mệnh trung Hồng ngộ Kiếp không, mạc đàn phú quí (nghèo hết của)

Thân nội Tuế phùng Đà Ky, mạc đạo phồng ba (người thô tục, ngu độn)

43. Phá Quân xung phá Văn tinh, tam cánh bảo vân song nhi hận (suốt đời ôm hận tri âm)

Hóa Khoa trợ vinh Văn diện (văn tinh) nhất giáp đệ mai bản chi vinh.

44. Thái Tuế phùng Thất Sát, trí dúng hữu dư

Thiên Mã ngộ Tam Thai, anh hùng vô đối.

45. Sửu Mùi An quí tương phùng, tam sinh hữu hạnh

Tí Ngọ Khốc Hư tịnh thủ, nhất thế xưng hùng

46. Giáp Thai, giáp Tọa, danh phận tảo vinh

Giáp Sát, giáp Liêm, công danh vãng đạt

47. Phụ Bất pùng Thiên Tướng, Địch thị lương y

Đào Hồng ngộ Thiên Cơ, Doãn vi xảo họa

48. Lương tại Ty tất dật du (chơi bời)

Diêu tại Hợi vi minh mẫn

49. Tử vi Thìn Tuất ngộ Phá Quân, bất lương chi thử

Kiếp Không Phục binh phùng Dương Nhận, lộ thượng kiếp đổ (tụi côn đồ)

50. Tuần Triệt bất khả ngộ Lộc Tồn, tư cơ phá hoại

Dương Nhậm bất nghi Nhật, Nguyệt, bệnh tật triền miên.

51. Hình Hỏa Ky phần(gặp) Thiên Mã

Sát Phá hung trợ Kình Dương (càng hung)

52. Tử vi vư Dậu, toàn vô uy lực chi công

Thất Sát tại Thân, hưởng đắc an toàn chi phúc.

53. Lương Vũ củng chiếu ư Sửu vị, kim bạch mãn tương sương (giàu có)

Đồng Tham miếu vượng ư Ngọ cung, điền trạch thu thiên hạ

54. Phá Liêm ngộ Hỏa, tử nghiệp vô nghi (chết vì nghề)

Tham Ky trùng Diêu, thủng tai nan miễn.

55. Bần tiện mạc ngôn Thìn Tuất, tra Dương (Thái) thu ảnh cánh phú vinh (Thái Dương cư Thìn, Tuất: vinh)

Cát diệu đồng tại Hợi Dần, vãng nhật tuyến hoa đa trắc lạc (Hợi Dần có Thái Dương gặp cát tinh về già được hưởn phong hoa tuyết nguyệt)

56. Nhất Dương sinh ư Tí, nhất Âm sinh ư Ngọ

Nhật Nguyệt trùng chiếu lưỡng tương nghi (tốt)

57. Vật khai ư Dần, Vũ thành ư Thân,

Tử Phủ đồng cung ư đắc đia

Thuỷ cung Thìn Tuất, mộc cục sát hương (có sao thuộc Thủy ở Thìn Tuất, mộc cục gặp thì chết)

58. Thiên Cơ cư Sửu, Kinh văn: Hài đắc thuỷ diện cánh nạn tài bồ

Văn Xương cư Ngọ, ký viết: "Khốn, đắc thủy diệu chung thành đại khí"

59. Thất Sát: Tí Ngo, Dần Thân tho khảo

Thiên Hình: Dần Thân Mão Dậu anh hùng.

60. Dương Nhận hãm tu bi thiết; miếu vượng tu nhi hào kiệt dương danh

Cơ Lương lâm, thả thiện đàm binh, Tuất cung ty nhi văn chương quán thế.

61. Phá tại Khảm Ly (Tí Ngọ) tam chiếu, tam công quyền đắc trọng

Dương cư Đoài chấn (Mão Dầu) lục mậu, lục giáp, phúc nan toàn

- 62. Dương Nhận Hỏa Tinh uy quyền xuất chúng Đồng hành Tham Vũ uy áp biên di (Thị Thìn Tuất)
- 63. Âm Dương hội Xương Khúc xuất thế vinh hoa Phụ Bật ngộ Tài cung, y chu tước tử (số Tể Tướng)
- 64. Phi mãn Kim ô, tuy gia sát nhi chi phú Thanh kỳ ngoạ thố, tuy lạc hãm nhi bất bần
- 65. Nhật Nguyệt giáp Tài bất phú tắc qui Không Kiếp giáp Mệnh, nhi yểu tắc bần.
- 66. Tam Không hội Văn Xương ư Thê cung, thiềm cung chiết quế Tử vi hội Vũ Khúc ư Tử tức, quí nhi thực hoè
- 67. Thiên Mã thiên trình ngộ Tràng Sinh hưởng phúc Thanh Long vạn phái thừa Mộc Dục đĩ thanh quang
- 68. Thiên phủ lâm Giải ách nhi vô bệnh Địa Kiếp lâm Phúc Đức nhi hữu tại
- 69. Quyền Lộc trùng phùng Chư Bột vận lai nhập tướng Khôi Việt đối chiếu, Giả Nghị niên thiếu đăng khoa
- 70. Bạch hổ lâm Mệnh, Trương Công chi cô hồn thích thích (hồ rượu thất nhiều) Thanh Long phiếm hải, Thái Công chi triều đầu hàn han (Thanh Long cư Tí như Thái Công vui gặp được Văn Xương)
- 71. Quí (Khôi Việt) ngộ quí hướng (cung Quan) phùng chi quí thịnh (quan rất bền) Tài cư Tài vị (Tài là phủ, Vũ) ngộ giả phú gia
- 72. Tang Môn thậm khổ ư Thiên la, thung huyên lãnh đạm Quan phù đa kinh ư Địa võng, trất cốc (gông cùm) bi sầu
- 73. Thanh Long, Quan đới: hiện ngang lang miếu Mã đầu đái kiếm trấn ngự biên cương
- 74. Chính hỏa (Hỏa tinh) phần Thiên Mã bất nghi viễn hành" Thốn kim (cung Dậu)ám Kình dương phản hiềm tao khổn,
- 75. Hoạt Lộc trùng phùng Phu Tử văn chương quán thế; Song Lộc lưỡng ngộ, Thái Công vũ lược siêu quần.
- 76. Vũ Khúc lâm Cô thần, Hàn tướng quốc tần tần tái quỷ;Văn xương phùng Quả tú, Trương đế sư bộ bộ tầm tiên
- 77. Kình dương ngộ Lực sỹ, Lý Quảng bất phong; Bạch hổ kiến Tướng quân, Đào Tiềm kiêu ấn
- 78. Kình, Đà tương giáp Mệnh, phá điền trạch ư phu quân;Hỏa, Linh, Phá ư Thân, bại điền tài chi tổ nghiệp79. Phá quân tính khốc bất nhân, vật an Thân MệnhVăn xương tinh thanh thả khiết; ích phu lợi tử
- 80. Hình dũ Dương, Đà hưởng phúc ư ngũ tuần chi hậu; Kình cầu Mã, Khúc ư tứ thập nhi tiền.
- 81. Yến anh phùng Ngọc nữ, giai do Cơ ngộ Kình dương; Tề nữ kiến Kim Phu, giai do Phá phùng Thiên mã
- 82. Vương Bột đầu hà, Phá quân hãm Thiên dương ư Thủy địa;

Vương lương ải ngục, Liêm trinh hãm Địa kiếp ư Hỏa cung

83. Bát toạ hướng Thái dương thị tụng ư cung cấm;

Thất sát triều đẩu cách (Tí, Ngọ, Dần, Thân) nhập tướng ư phủ môn;

84. Văn khúc hí Nguyệt ư Hợi cung, quốc sắc thiên hương nhân sở uý (cung Thê ở Hợi có Khúc, Nguyệt vợ khuê các)

Văn xương triều Nhật ư Ngọ, vị phong trần địa bộ thế nan mân (Xương, Nhật đóng Mệnh tại ngọ lịch duyệt ít ai bì)

85. Hóa Khoa tố vi kỳ, vật hướng Thiên hương nhi ám hối;

Hóa lộc hoàn vi hảo, nhược cư Mộ địa dĩ tăng bi

86. Thiên đồng bạch thủ thành gia;

Địa Kiếp đan tâm tất ám

87. Dương, Đà, Hỏa, Linh vị chi tứ sát, đơn phùng Cơ tú nhi hữu duyên;

Hổ, Tang, Điếu, Binh vi chi tứ hung, hanh ngô Đồng tinh nhi hóa cát.

88. Lãng Lý Đoà hoa gia Địa kiếp, tam canh khai chưởng ư giai nhân (5 canh sa luỵ vì sắc đẹp)

Vân đầu Hóa ky ngộ Thiên không, sổ tuế hư tư ư hiền phụ (nghi ngờ vợ nhiều năm)

89. Văn Khúc, Vũ khúc đồng mệnh, Lý Tinh toại tướng tướng chi vinh Lưu Xương, Văn khúc đồng cung. Phong Đồ liệt tướng duy chi thị

90. Lộc cư Nô Bộc túng hữu quan giả bôn trì

Đẩu cư Thê cung, tuy hữu phú nhi cương ngạnh

91. Đan quế, Đan tri (Nhật Nguyệt) chiếu ư Điền trạch, phúc tỷ Thạch súng (đắc địa) Văn quế, văn hoa (Xương Khúc) đối ư Phu thê thọ như Bành Tổ (cung Phối có Xương Khúc ở Sửu Mùi chiếu, sống lâu)

92. Thiên Lương bảo tư tài dĩ dư nhân(đem tiền ra làm việc phúc)

Thất sát thủ, tha tài vi kỷ vật (lấy tiền người làm của mình)

93. Vũ khúc Tả ư Tử cung, bất tất

Cô Thần nhi hữu hại (cung Tử có Vũ mà không hiếm con thì tất có hại)

Đà La lâm Phu vị, bất tú quả tú diệc tăng bi (đà ở Phu, nếu không ở một mình thì cũng buồn rầu)

94. Khải uý hàm chi Bạch hổ (Hổ ở cung Dậu có uy quyền)

Kham nghi hý Thủy (Tí) chi Thanh Long

95. Đào Hoa ngộ Phi Liêm, Nguyễn Tịch Tấn triều nhi tuý khách (Nguyễn Tịch triều Tấn say sưa)

Đại Hao lâm Quan Phủ, Lưu Nghi tôn thất chi hu hồ (giòng Tôn tộc cũng bị hình phạt.)

96. Nhật Lạc Mùi cung, vi nhân tiền cần, hậu lãng (trước siêng sau lười nhác)

Nguyệt tàng Dần vị, tác sự hữu thủy vô chung

97. Nhật Nguyệt thủ bất như chiếu mênh

Khoa Quyền củng bất như lâm viên

98. Hữu Bật hội Phu cung, vi nhân hữu tiền tính chi phận

Đẩu quân lâm phu vị, vi nhân tắc cù mộc chi cô (vợ cả bị cô đơn)

99. Tả Hữu Nhật Nguyệt lâm Tử tức, khánh trập ư chung tư (vui nhưng lòng vẫn nghĩ) Xương Khúc Tả Hữu hội ư Thê cung, diễn trân ư lâu chỉ (nhiều con đẹp đẽ) 100. Hữu Bật đơn lâm ư Mệnh cung, ly hương sở nghiệp

Tả, Phu trùng lai ư Mênh vi, tiên tổ hữu quang.

CÁCH CUỘC LUẬN

1. Mệnh hảo Thân đáo lão vinh sương

Mệnh suy, Thân suy chung thân khất điếu

2. Mệnh hảo bất như vân hảo

Thân hung bất nhược hạn hung

3. Điếu khách dự phòng tiểu cố (hình phạt nhỏ)

Cự Môn định chủ thị phi

4. Tấu thư thủ mệnh thị đa khẩu thiệt chi nhân

Quan Phủ thủ viên ty thử phòng nhân chi phản

5. Đào hoa thủ mệnh quả thê (ít ở với vơ)

Hồng Loan cư Thê tiểu khắc

6. Nữ tử Hồng Loan thủ mệnh chủ nhị phu

Nam tử Hoa cái cư thân, xuất ngoại đa ái

7. Thái Tuế phùng Thất sát ư mệnh viên hung trung, gia diệu toán (xem thân Cát diệu)

Trường sinh hội Thiên Lương ư Phúc địa, thân thường hữu kỳ tài

8. Khoa Quyền ngộ Khôi Việt dị thành công

Xương Khúc hữu Am Dương nhi đắc lực.

9. Không Kiếp hà hiềm ư Ty Hợi (tốt)

Tuế Đà thiết ky ư Dần Thân(xấu)

10. Khoa Quyền Lộc Mã tu phòng Không Kiếp ám xung

Cơ Nguyêt Đồng Lương tối ky Hỏa Linh xâm phá.

11. Đà Kiếp trùng lâm hanh ngô Thiên Giải nhi khả cứu

Phá Quân hãm địa ư Mão Dậu băn Nguyệt Đức hóa từ nhân (người nhân từ)

12. Quí nhân (Quan, Phúc)bất nhập qui hương nan giải hung tinh chi hoạch nhiễu

Tử vi đáo thủ nhàn cung, hựu vọng khô miên khả cứu (cư Nô, Giải mà đắc địa thì khả cứu)

13. Đào Hoa ngộ Thiên Mã ư Thiên di du sơn du thủy

Hóa Ky ngộ Phục Binh ư thê thiếp, hốt oán, hốt thân

14. Tham Lang đồng Xương Khúc ư Sửu Mùi đích hữu đầu hà chi hoan (chết đuối)

Quan Phủ hội Dương Đà ư hãm địa, tất nhiên loạn thuyết chi nhân (cung Ty)

15. Văn Khúc hãm ư Thiên Thương, Nhan Hồi yểu chết

Khôi Việt lưu tật ách, Giáng Quán vô văn (dốt)

16. Thất Sát đơn thủ mênh viên vô khả cứu

Trùng lâu chi hạn (Sát ở Thiên La, Địa Võng mà đại tiểu hạn trùng phùng đó rất nguy)

Văn khúc ky đồng Hóa Ky, han ngô nan phòng yểu tử chi ưu.

17. Thiên Lương cư miếu vương độ Thái Tuế, Bệnh phù nhi khả giới (gặp Tuế phù rất xấu)

Thiên đồng Ngo vi hỷ Dương nhận uy trấn biên ải.

18. Không Kiếp tai Phúc lương, thân tộc xuất giao tiểu loại (chết phương xa)

Ky Hao (đại) chi ngộ Cự Môn tất hoại tổ tông chi nghiệp

19. Giáp Quí giáp Lộc thiếu nhân chi

Giáp Quyền giáp Khoa thế sở nghi

20. Giáp Nhật giáp Nguyệt thuỳ năng ngộ

Giáp Xương giáp Khúc chủ quí bề

21. Giáp Không giáp Kiếp chủ bần tiện

Giáp Kình giáp Đà vi khất điếu

22. Liêm Trinh, Thất Sát phản vi tichs phú chi nhân

Thiên Lương Thái Am khước tác phiều bồng chi khách

23. Liêm Trinh hãm địa chủ hạ tiện chi cô hàn

Thái Am hãm địa chủ nhất thân chi khoái lạc

24. Xuất thế vinh hoa Quyền Lộc thủ Tài, Quan chi vị

Sinh lai bần tiện Kiếp Không lâm Tài, Phúc chi hương

25. Văn Xương, Văn Khúc vi nhân đa học đa năng

Tả phù Hữu bật bản tính khắc khoan khắc hâu

26. Thiên Phủ, Thiên Tướng nãi vi y lộc chi thần

Tử, Sỹ vi Quan định chủ hanh thông chi triệu

27. thất Sát triều đẩu (Tí Ngọ Dần Thân) tước lộc vinh xương

Tử Phủ đồng cung chung thân phúc hậu (tuổi Giáp cực quí)

28. Tử vi cư Ngọ vô Sát thấu vị chi công Khanh

Thiên phủ lâm Tuất hữu tinh. Phù yểu Kim y tử.

29. Khoa minh lộc ám vị liệt tam thai

Nhật Nguyệt đồng lâm quan cư hầu bá.

30. Cự Cơ, đồng cung, công khanh chi vị (đắc địa ở Mão Dâu)

Tham Linh tinh thủ (ở Tứ mộ và Tí) tướng tướng chi danh

31. Tả phu Văn Xương hội cát tinh, tôn cư bát toa

Tham Lang Hỏa tinh cư miếu vượng, danh chấn chư bang (ở Tứ Mộ – Mão là thứ, tránh gặp Kình Đà Không Kiếp)

32. Tử Phủ Nhật Nguyệt cư vương đia, đoan đinh công hầu khí.

Nhật Nguyệt Khoa Lộc Sửu cung, trung đinh thi phương bá công

33. Thất Sát Phá Quân nghi xuất ngoại

Cơ Nguyệt Đồng Lương tác lai nhân

34. Dần Mệnh phùng Phủ Tướng (ở Ngọ Tuất) vị đương nhất phẩm chi vinh

Mộ (tứ mộ)phùng Tả Hữu tôn cư bát tọa chi quí

35. Khoa Lộc tuần phùng, Chu Bột hậu nhiên nhạp tướng (Tam hóa chiếu hay trước cung Mệnh 3 cung ví như Mệnh ở Hợi mà ở Dần gặp Tam Hóa liền)

36. Kình Dương Hỏa tinh uy quyền xuất chúng (ở Tứ mộ)

Đồng hành Tham Vũ uy yểm biên di,

37. Trọng Do mãnh liệt, Liêm trinh nhập miếu ngộ Tướng Quân.

Tử Vũ tài năng, Cự tú Đồng Lương xung thả hợp (ông Tử Vũ)

38. Dần Thân tối hỷ Đồng Lương hội

Thìn Tuất ứng hiềm hãm Cự môn

39. Lộc đảo, Mã đảo ky Thái Tuế (lưu niên) chi hợp Kiếp Không.

Vận suy, hạn suy, hỉ Tử vi chi giải hung ác

40. Hạn chí Thiên La, Địa Võng Khuất Nguyên nịch thủy nhi vong (có Tham Vũ, Tang Điếu, Hổ Kiếp Không, Tứ Sát)

Vận ngộ Địa Kiếp Thiên Không, Nguyễn Tịch hữu bần cùng chi khổ.

41. Sinh phùng Thiên Không do như bán thiên chiết sĩ,

Mệnh trung ngộ Kiếp Không như lãng lý hành thuyền

42. Thiên Lương ngộ Mã, Nữ Mệnh tiện nhi thả dâm

Xương Khúc giáp Nhật, nam mệnh quí nhi thả hiển

43. Đế cư Mão Dậu đa vi thoát tục chi nhân (phải gặp sát tinh, nếu cát Hóa, Khôi Việt Tả Hữu lại quí cách)

Trinh cư Mão Dậu định thi công tứ lại bôn (người làm quan lớn phải có cát tinh)

44. Tả Phr đồng cung (Thìn Tuất) tôn cư vạn thừa

Liêm Trinh Thất Sát lưu đãng thiên nhai.

45. Linh Xương Đà Vũ, hạn chi đầu hà (mệnh ở Thìn Tuất, người sinh Tân Nhâm Kỷ mà hạn đến Thìn Tuất không có cát tinh thì chết nước, chết đường)

Cự Hỏa KÌnh dương chung thân ải tử.

46. Tí Ngọ Phá Quân gia quan tiến lộc

Xương Tham cư mệnh, phấn cốt toái thi

(Mệnh an ở Ty Hơi hay 2 sao ấy cư Quan, chết tan tành thân thể)

47. Triều đẩu, ngưỡng đầu, tước lộc vinh vượng (Sát ở Tí Ngọ Dần Thân là Triều; 3 phương chiếu về là Ngưỡng đầu)

Văn Quế Văn Hoa cửu trùng quí hiển

(Mệnh an ở Sửu Mùi gặp Tam Hóa)

48. Am Dương hội Xương Khúc xuất thế vinh hoa

Phụ Bật ngộ Tài Quan y phi tước tử

49. Cự Lương tương hội, Liêm Trinh tinh họp Lộc; uyên ương nhất thế vinh

Vũ Khúc nhàn cung đa thủ nghệ, Tham Lang hãm địa tác đồ nhân.

50. Tham Vũ mộ trung, tam thân triều phát phúc (nếu gặp Hóa Ky thì yểu)

Hoá Lộc hoàn vi hoả, lưu hướng mộ trung tàng

(Tham Vũ Lộc thì giàu, nhưng ở tứ Mộ Không phát đựơc)

51. Thiên Đồng Tuất cung vi phản bối, Đinh nhân hóa cát chủ đại quí (nếu có Lưỡng Lộc)

Cự Môn Thìn Tuất vì hãm địa, Tân nhân hóa cát lộc tranh vinh (nếu có Lương Lộc chiếu)

52. Luận Mệnh tất suy tinh thiện ác

Cự, Phá, Kình dương tinh tất cương (hãm)

Phủ Tướng Đồng Lương tinh tất hiếu, Sát (nhất) Kiếp Không Tham tinh bất thường

53. Xương Khúc Lộc Cơ thanh tú xảo

Am Dương Tả Hữu tối tù tường

54. Tham Lang Liêm Trinh Phá Quân áo

Thất Sát Kình Dương Đà La hung

55. Cự Môn Ky tinh giai bất cát, Vân, Thân Mệnh ky tương phùng

Hoả tinh, Linh tinh chuyên tác họa Kiếp Không Thương sứ hoạ trùng phùng.

NỮ MỆNH LUẬN

- 1. Phu quân ký biệt nhàn cung, thân mệnh nan ngân hảo địa
- 2. Giáp Nhật, giáp Nguyệt cận đắc quí nhân

Giáp Tả giáp Hữu, tảo hài lịch khách

3. Nam tử tối hiềm Nhật hãm

Nữ nhi thiết kỵ Hắc vân (Hoá kỵ)

- 4. Sở ai giả, Hồng Loan tứ mộ, liệt phu quân chi vị (số khóc chồng, Sở hỷ giả Thiên hỉ, Nhị Mịnh (Nhật Nguyệt địa) phù tử tức chi cung
- 5. Long Trì Phương các ôn lương

Thiên Khốc, Thiên Hư táo bạo

6. Thiên Diêu, Thiên hỉ da chiêu quái dị chi tai

Địa Kiếp, Địa Không thân mạo gian chi phi hanh

- 7. Thai Hoa, (hoa cái) phùng Kiếp gián đoạn Tử cung (cách xa mới có con) Nhật Nguyệt Tử cung nhất bào song sản
- 8. Đào Hoa phùng Thiêm Mã tùng khách có đôi

Thái Tuế ngộ Dương Đà đa chiêu khẩu thiệt

9. Ach địa hiểm Thai phùng Bạch Hổ (dễ băng huyết)

Mệnh cung ky Nguyệt ngộ Đà la (loạn dâm)

10. Hao cái Tấu thư thanh cao tủng chúng,

Long trì Phượng các thu đắc quí nhân.

11. Mộc dục Hoa cái thủ mệnh hoang dâm

Mã ngộ Không vong chung thân bôn tẩu,

12. Tham Tang ngộ Phu quân, Mệnh hữu chính (diệu) tắc đích, vô chính tắc thiếp

Hồng Loan phùng Địa Kiếp ư Phu quân, Mệnh hảo chi bách

13. Xương Khúc giáp, chiếu ngộ cát hữu duyên

Xương khúc thủ hưu phùng Cơ dâm loan

14. Vương phu ích tử do Lôc Mã giao trì,

Xuất phát nhập Duy (Dần, Thân, Ty, Hơi) Tử phủ đồng vi.

15. Tử Tức Thái âm tuy hãm hà tồn:

Thái âm ký hãm địch vô, phùng Tham tắc hữu nhi yểu chiết, ngộ Thiên Đồng tắc đa chúng tử 16.Nữ mệnh phùng Hóa Lộc vô hung tinh tài lộc phong dinh,

Nữ mệnh phùng Xương Diêu, nhất sinh dâm đãng

17. Tử vi cư Huynh đệ diệc hữu trưởng huynh,

Ngô Hóa Lôc hiện vi Trưởng.

Thiên Phá cư Tài Bạch, diệc thi da lộc (tiên) ngộ Thiên Hình tất nhi hao tổn.

18. Liêm Trinh tranh bạch năng tương thủ (đắc địa)

Cánh hữu Thiên Đồng, lý diệc nhiều,

19. Phủ Tướng chi tinh, nữ mênh triền, dương tử quí giữ phu hiền

Đoan chính Tử vi, Thái Dương tinh, tảo ngộ hiền phu tinh khả bằng

20. Thái Dương Dần đáo Ngo ngộ cát, chung thi phúc,

Tả phu, Thiên Khôi vì phúc tho, Hữu Bật Thiên Tướng phúc tương lâm.

21. Lộc Tồn hạu trọng đa y thực,

Phủ tướng triều viên mệnh tất vinh

Tử Phủ Tỵ Hợi tương Hổ phù, Tả Hữu phù trì phúc tất sinh 22. Cự Môn Thiên Cơ vi phá đãng Thiên lương, Nguyệt Diệu hãm tắc bần

(Ty Hợi có Lương hoặc Dần Thìn có Nguyệt)

23. Phá quân nhất diệu tinh nan minh;

Tham Lang nội lang đa dâm dật

24. Vũ Khúc chi Tử vi quả tú,

Thất Sát trầm ngâm phúc bất vinh

25. Thập thiên Hóa Lộc tối vinh xương

Nữ mệnh phùng chi dai cát tường

Canh đắc Lộc Tồn tương tấu hợp

Vượng phu ích tử thụ ân quang

26. Hỏa Linh Dương Đà Cặp Cự Môn

Thiên Không, Địa Kiếp hựu tương lâm

Tham Lang Thất Sát Liêm trinh tú

Vũ Khúc gia làm khắc hại sâm

27. Tam phương tử chính hiềm phùng sát

Cách tai phù cung hoạ hoạn thân

Nhược trực bản cung vô chính diệu

Tất chủ sinh ly Khắc hại chân.

